



Thời Khắc

Michael Cunningham

—PULITZER 1999—



BACHMET®

vh

Nhà xuất bản
Văn học

Thời khắc

Michael Cunningham

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

[Mở đầu](#)

[Bà Dalloway](#)

[Bà Woolf](#)

[Bà Brown](#)

[Lời cảm ơn](#)

[Ghi chú về các nguồn tham khảo](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

[\[11\]](#)

[\[12\]](#)

[\[13\]](#)

[\[14\]](#)

[\[15\]](#)

[\[16\]](#)

[\[17\]](#)

[\[18\]](#)

[\[19\]](#)

[\[20\]](#)

[\[21\]](#)

[22]

[23]

[24]

[25]

[26]

[27]

[28]

[29]

[30]

[31]

[32]

[33]

[34]

[35]

[36]

Giới thiệu

Thời khắc (The hours) là cuốn tiểu thuyết đoạt giải Pulitzer của nhà văn Michael Cunningham từng được chuyển thể thành phim và là bộ phim xuất sắc nhất của năm 2002 với các giải thưởng: Oscar - 2002 dành cho nữ diễn viên chính; Quả Cầu Vàng - 2002 dành cho Phim tâm lý xuất sắc nhất, Nữ diễn viên chính trong phim bị xuất sắc nhất... lần đầu tiên được xuất bản tại Việt Nam. Tác phẩm liên kết số phận của ba người phụ nữ ở ba thời đại khác nhau.

Mảng chuyện thứ nhất diễn ra năm 1929, ở thị trấn Richmond nước Anh, Virginia Woolf - một nữ nhà văn người Anh đang cố gắng bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết Mrs Dalloway. Mảng thứ 2 là năm 1951, ở California, Laura Brown - một người vợ hiền đang chuẩn bị chiếc bánh cho sinh nhật chồng. Trong khi chuẩn bị, tâm trí cô không khỏi bị phân tán bởi những điều cô đọc trong cuốn truyện *Mrs Dalloway*.

Mảng cuối cùng là thời hiện đại ngày nay ở New York. Clarissa Vaughan - một phụ nữ tuổi ngũ tuần chuẩn bị bữa tiệc mừng cho giải thưởng người bạn - nhà thơ Richard - nhận được. Bà phân vân tình cảm mình dành cho Richard và người bạn gái đang chung sống cùng là Sally Lester.

Mỗi người phụ nữ đã phải trải qua những khổ đau, suy sụp và có cả những giây phút hạnh phúc để nhận rõ giá trị từng khoảnh khắc trong cuộc đời họ.

Tác giả



Tác giả: Michael Cunningham, một tiểu thuyết gia đương đại khá nổi tiếng tại nước Mỹ cũng như trên toàn thế giới, ở đâu ông cũng được tôn vinh như là một trong những nhà văn có tài năng kiệt xuất nhất trong số những người cùng thế hệ. Tác phẩm “The hours” của ông đã vẽ nên một bức tranh rất sáng tạo về cuộc đời cũng như về công việc của Virginia Woolf, một nữ nhà văn người Anh và để kể ra một câu chuyện về một nhóm các nhân vật đương thời đã phải vật lộn với sự khẳng định đầy xung đột về tình yêu, sự kế thừa, sự hy vọng và cả nỗi thất vọng. Những lời kể về những ngày cuối cùng của nữ nhà văn V.Woolf trước ngày bà tự tìm đến cái chết trong giai đoạn đầu tiên của cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai là khúc đối âm với những câu chuyện giả tưởng về Samuel, một nhà thơ Mỹ nổi tiếng, người đã có một cuộc đời bất hạnh bị phủ bóng dưới tài năng của chính ông với ký ức về một người mẹ đầy tai tiếng, và người bạn đời chung thủy của ông ấy, Clarissa, người đã cố gắng đến phi thường để giành lại một cuộc đời thỏa mãn và cân bằng giữa tiếng gọi của tình bạn, tình yêu và gia đình.

Trong tác phẩm này, với lối hành văn sâu lắng, khúc triết và sự sáng tạo tuyệt vời, M. Cunningham đưa người đọc vượt qua tất cả sự chia cách của thời gian và không gian để đi đến những tình tiết chung nhất, đi đến cách lý giải logic nhất về chuỗi suy nghĩ của từng nhân vật. Không quá xa đà vào lối mô tả tình cảm ủy mị đơn thuần, không quá lạm dụng sự phê phán để

làm nổi bật lên tính cách của từng nhân vật, M.Cunningham đã để cho những nhân vật của mình tự trò truyện và tranh luận với độc giả. Cách chơi chữ rất điêu luyện và cách sử dụng ngôn từ gần như hoàn hảo đã dẫn dắt người đọc đi từ đầu đến cuối câu chuyện mà không hề phát hiện ra rằng ta đã bỏ quên khái niệm về không gian và thời gian.

Điều kỳ diệu nhất trong cuốn sách này chính là thể hiện cá tính của từng nhân vật được kết hợp nhuần nhuyễn với những tình tiết liên quan đến những ngữ cảnh rất bình dị nhưng sâu sắc. Mỗi cuộc đời, mỗi con người trong tác phẩm này đều gắn chặt với cách suy luận, cách thể hiện những suy luận đó trên thực tại và hơn tất cả là chúng cùng hòa nhịp với nhau để tạo nên những tình huống đầy kịch tính nhưng cũng rất bình dị.

Mục lục

Mở đầu

Bà Dalloway

Bà Woolf

Bà Brown

Bà Dalloway

Bà Woolf

Bà Brown

Bà Woolf

Bà Dalloway

Bà Brown

Bà Dalloway

Bà Brown

Bà Woolf

Bà Dalloway

Bà Woolf

Bà Dalloway

Bà Brown

Bà Dalloway

Bà Brown

Bà Woolf

Bà Brown

Bà Dalloway

Lời cảm ơn

Ghi chú về các nguồn tham khảo

Mở đầu

Bà hối hả rời khỏi nhà, mặc trên mình chiếc áo khoác quá dày và nặng so với thời tiết ngày hôm ấy. Giờ là năm 1941. Một cuộc chiến tranh nữa lại bắt đầu. Bà để lại một mẫu giấy ghi lời nhắn cho Leonard và một lời nhắn nữa cho Vanessa. Bà quả quyết đi về phía con sông, hoàn toàn chắc chắn về điều mình sẽ làm, nhưng ngay cả lúc này bà gần như mất hết tập trung khi thấy mấy đụn cát, nhà thờ và một đàn cừu, tựa như những chấm sáng trắng pha một chút sắc vàng rất nhẹ của lưu huỳnh, đang bình thản gặm cỏ dưới bầu trời đang dần tối sầm lại. Bà dừng lại, đưa mắt nhìn đàn cừu và bầu trời, rồi tiếp tục bước đi. Có những giọng nói vang lên rì rầm sau lưng; tiếng động cơ máy bay ném bom ầm ì trên bầu trời, cho dù bà không thể nhìn thấy chúng khi ngược mắt lên tìm kiếm. Bà đi qua trước mặt một trong những người làm công ở trang trại (có phải tên anh ta là John không nhỉ?), đó là một người đàn ông vạm vỡ có cái đầu nhỏ nhắn, anh ta mặc một chiếc áo vest màu khoai tây, đang bận bịu dọn sạch đường rãnh chạy qua rặng liễu gai. Anh ta ngược lên nhìn bà, gật đầu chào, rồi lại cúi xuống mặt nước màu nâu. Khi đi ngang qua anh ta trên đường ra sông, bà chợt nghĩ anh ta mới thật may mắn làm sao khi được ở đó dọn dẹp một cái rãnh nước chạy qua rặng liễu gai. Còn bản thân bà đã thất bại thảm hại. Bà chẳng phải là nhà văn, mà chỉ đơn thuần là một kẻ lập dị có chút năng khiếu. Vài mảng nhỏ của bầu trời phản chiếu sáng lấp lánh trên những vũng nước nhỏ còn đọng lại sau cơn mưa tối qua. Đôi giày của bà hơi lún xuống nền đất mềm. Bà đã thất bại và những giọng nói giờ đã quay trở lại, lờ mờ thành âm thanh không rõ tiếng ở ngay đây, ngoài tầm nhìn và sau lưng bà, nhưng chỉ cần bà quay lại là chúng đã lảng đi nơi khác. Những giọng nói quay trở lại và cơn nhức đầu đang tới gần, cũng chắc chắn như cơn mưa trên bầu trời, cơn đau đầu sẽ nghiền nát bà và thay thế bà bằng chính nó. Cơn đau đầu đang cận kề và dường như (có phải chính bà đã gọi chúng tới hay không

nhỉ?) những chiếc máy bay ném bom lại xuất hiện trên bầu trời. Bà tới bờ đê, leo lên đê rồi xuống sông. Có một người câu cá ở phía thượng nguồn, tít tận xa, liệu ông ta có thấy bà không? Bà bắt đầu tìm một tảng đá. Rồi bắt tay vào việc một cách hối hả nhưng tuần tự, như thể đang thực hiện theo một công thức nấu ăn nghiêm ngặt nếu muốn thành công. Bà chọn lấy một tảng đá có kích thước và hình dạng tựa như cái thủ lợn. Thậm chí cả khi cầm nó lên và nhét vào một trong những túi áo khoác (chiếc áo cổ lông cọ lên cổ bà ngựa ngựa), bà vẫn cảm thấy vẻ lạnh lẽo nhột nhột của tảng đá cũng như màu sắc của nó, một màu nâu sữa xen lẫn những chấm màu lục. Bà đứng sát mép nước, nơi mặt nước ôm sát bờ, đổ đầy nước trong vắt vào những cái hõm nhỏ trên mặt bùn khiến chúng hoàn toàn khác biệt so với dòng sông vàng nâu lổm đổm, trông như một con đường trải rộng đều đặn từ bờ bên này qua bờ bên kia. Bà bước lên trước. Không cởi giày ra. Nước sông khá lạnh, nhưng cũng không tới mức không chịu nổi. Bà nghĩ tới Leonard. Bà nghĩ tới hai bàn tay và bộ râu của ông, những đường hằn sâu quanh miệng ông. Bà nghĩ tới Vanessa, tới lũ trẻ, tới Vita và Ethel: Quá nhiều thứ để nghĩ. Tất cả họ cũng thất bại, phải vậy không? Đột nhiên bà cảm thấy thương họ tột độ. Bà nghĩ tới việc quay lại, vứt bỏ tảng đá ra khỏi túi áo, quay về nhà. Có lẽ bà vẫn kịp quay về để hủy những mảnh giấy ghi lời nhắn. Bà có thể tiếp tục sống, có thể thực hiện điều tử tế cuối cùng đó. Nước ngập tới đầu gối, bà quyết định không làm vậy. Những giọng nói đang ở đây, cơn nhức đầu đang tới và nếu bà quay về để Leonard và Vanessa chăm sóc, họ sẽ không đời nào để bà bỏ đi lần nữa, hay là có nhỉ? Bà khẳng khẳng tin họ sẽ để bà đi. Bà lúng túng lội ra (đáy sông thật bẩn thỉu) cho tới khi nước ngập tới tận hông. Bà ngược mắt nhìn lên thượng nguồn, về phía người câu cá, người đó mặc một chiếc áo khoác đỏ và không hề trông thấy bà. Mặt sông vàng ệch (ngả về vàng nhiều hơn nâu khi nhìn thật gần từ chỗ bà đứng lúc này), âm u phản chiếu bầu trời. Vậy đây chính là khoảnh khắc cuối cùng, một người đàn ông mặc áo khoác đỏ đang câu cá và một bầu trời âm u đầy mây phản chiếu trên mặt nước mờ đục. Gần như vô thức (với bà có vẻ là vô thức), bà bước lên, hay vấp chân nhao người ra phía trước và tảng đá kéo bà xuống. Tuy vậy, trong khoảnh khắc, dường như chẳng có gì xảy ra, dường như lại thất bại một lần nữa, bà có thể để

dàng bơi trở lại để thoát khỏi làn nước lạnh cóng, nhưng rồi dòng chảy ập tới quanh bà, mang bà đi với lực kéo bất ngờ, mạnh mẽ như thể một người đàn ông vạm vỡ vừa nổi lên từ đáy nước, nắm lấy hai chân bà, ghì chặt chúng vào ngực anh ta. Cảm giác thật sống động.

Hơn một giờ sau, người chồng từ ngoài vườn quay về. “Bà đi ra ngoài ạ”, người hầu gái vừa nói vừa giữ chiếc vỏ gối cũ sờn, làm tung ra một đám mưa bụi li ti. “Bà nói sẽ quay về ngay.”

Leonard lên cầu thang, đi vào phòng khách để nghe bản tin. Ông thấy một chiếc phong bì màu xanh gửi cho mình để trên bàn. Bên trong có một lá thư.

Anh yêu quý!

Em cảm thấy chắc chắn mình sắp bị điên trở lại. Em cảm thấy chúng ta không thể vượt qua quãng thời gian khủng khiếp trước kia thêm một lần nữa. Và lần này em sẽ không thể bình phục. Em bắt đầu nghe thấy những giọng nói và không thể tập trung được. Vậy nên em sắp làm một điều tốt nhất có thể. Anh đã dành cho em hạnh phúc lớn lao nhất. Về mọi mặt, anh là tất cả những gì em trông đợi. Em nghĩ hai chúng ta có thể hạnh phúc hơn nữa cho tới khi căn bệnh quái ác này xuất hiện. Em không thể tranh đấu với nó lâu hơn nữa, em biết em đã làm hỏng cuộc đời anh và nếu không có em, anh có thể làm việc. Và anh sẽ làm được, em biết vậy. Anh thấy đấy, em thậm chí không thể viết cho đúng được nữa. Điều em muốn nói là em nợ anh cuộc đời em. Anh đã luôn kiên nhẫn với em, luôn tốt bụng đến mức không thể tin được. Em muốn nói điều đó - mọi người đều biết thế. Nếu ai đó có thể cứu được em, người đó chỉ có thể là anh. Mọi thứ đã bỏ em đi, ngoại trừ niềm tin chắc chắn vào lòng tốt của anh. Em không thể hủy hoại cuộc đời anh thêm nữa. Em không nghĩ có ai đó hạnh phúc hơn chúng ta.

V.

Leonard lao bổ ra khỏi phòng, chạy xuống cầu thang. Ông nói với cô hầu

gái, “Có chuyện gì đó đã xảy ra với vợ tôi. Tôi nghĩ có thể bà ấy đang tìm cách tự tử. Vợ tôi đã đi theo hướng nào? Cô có thấy bà ấy ra khỏi nhà không?”.

Cô hầu gái hoảng hốt bật khóc. Leonard lao ra ngoài, chạy tới bờ sông, lao qua nhà thờ và đàn cừ, qua rặng liễu gai. Tới bờ sông, ông không thấy ai ngoài một người đàn ông mặc áo khoác đỏ đang câu cá.

Dòng chảy nhanh chóng mang bà đi. Trông bà như đang bay, một thân hình kỳ dị, hai cánh tay dang rộng, tóc xõa ra, đuôi chiếc áo khoác lông thú căng phồng lên trôi theo sau. Bà nặng nề trôi qua những tia sáng nâu lác đác tách rời nhau. Bà không trôi đi quá xa. Đôi chân (những chiếc giày đã tuột mất) thỉnh thoảng lại chạm xuống đáy sông và mỗi lần như thế lại làm vẩn lên một đám bùn đục ngầu đầy bóng đen của gân lá cây, tất cả cùng ngưng lại lơ lửng trong làn nước sau khi bà đã trôi qua từ lâu. Những cọng rong xanh đen vương trên tóc bà, trên chiếc áo khoác lông thú và có lúc mắt bà bị che kín bởi một đám rong dày nhưng cuối cùng nó cũng tuột ra và nổi bồng bênh trong nước, không ngừng cuộn lại rồi duỗi thẳng ra.

Cuối cùng bà dừng lại dưới một trong những chiếc trụ của cây cầu ở Southeast. Dòng chảy thúc ép làm bà lo lắng, nhưng bà vẫn bám vững dưới chân chiếc trụ hình vuông to bè, quay lưng ra dòng sông, khuôn mặt bà áp vào mặt đá. Bà thu mình lại ở đó, một cánh tay gập vào trước ngực, cánh tay còn lại lập lờ bên hông. Phía trên bà một quãng là mặt nước gợn sóng lăn tăn đầy ánh sáng. Trên đó, bầu trời được phản chiếu dập dềnh, đầy mây trắng, xen vào là những chiếc bóng đen sẫm của các tòa tháp. Những chiếc xe con và xe tải đang rầm rập lăn bánh qua cầu. Một cậu bé, mới chỉ chừng ba tuổi, theo mẹ đi qua cầu, dừng lại ở chỗ đường ray, cúi xuống và nhét cái que cậu đã mang theo vào khe hở giữa các thanh gỗ lát đường ray để nó rơi xuống nước. Bà mẹ giục cậu đi tiếp nhưng cậu bé vẫn khăng khăng đòi dừng lại một lát nhìn theo cái que trong lúc dòng nước cuốn nó đi.

Họ ở đây, vào một ngày đầu Thế chiến thứ hai: cậu bé và bà mẹ trên cầu, cái que nổi lênh bênh trên mặt nước và thi thể của Virginia dưới đáy sông,

như thế bà đang mơ về mặt nước, cái que, cậu bé và mẹ cậu, cây cầu và những tòa tháp. Một chiếc xe tải sơn màu ô liu đi qua, chở những người lính mặc quân phục, họ vẫy tay chào cậu bé. Cậu bé vẫy tay chào lại. Cậu đòi mẹ bế lên để có thể nhìn những người lính rõ hơn, để họ có thể nhìn thấy cậu rõ hơn. Tất cả truyền xuống cây cầu, vọng lại qua những tấm gỗ và tảng đá rồi truyền đến thi thể Virginia. Khuôn mặt bà, nằm nghiêng áp vào trụ cầu, hấp thu tất cả: chiếc xe tải và những người lính, người mẹ và đứa con trai.

Bà Dalloway

Vẫn còn phải mua hoa nữa. Clarissa vội làm ra vẻ bức bối (cho dù bà rất thích làm những việc vặt vãnh như thế) để Sally lau dọn nhà tắm và vội vã lao ra khỏi nhà, hứa sẽ quay lại sau nửa giờ nữa.

Thành phố New York. Cuối thế kỷ XX.

Cánh cửa trước mở ra một buổi sáng tháng Sáu tuyệt đẹp và Clarissa, trong trang phục gọn gàng tinh tươm, dừng lại trước ngưỡng cửa như lúc bà dừng trước bể bơi và ngắm nhìn làn nước màu ngọc lam liếm lên những viên gạch men cùng tấm lưới ánh sáng đang dập dềnh trong làn nước xanh thẳm. Như thể đang đứng bên thành bể bơi, trong khoảnh khắc, bà trì hoãn lao xuống nước, cảm nhận sự va đập thật rõ ràng khi cả thân hình chìm xuống và làn nước lạnh giá bủa vây xung quanh. New York, với sự ồn ào náo nhiệt và những khu nhà đổ nát mang một sắc nâu lạnh lùng cùng sự suy tàn bất tận rất hiếm khi tạo ra những sáng mùa hè thế này; một cuộc sống mới mẻ tràn ngập khắp nơi và sống động tới mức gần như hài hước, giống như một nhân vật trong bộ phim hoạt hình phải chịu đựng vô số cực hình khủng khiếp liên tiếp để rồi thoát ra không có lấy một vết trầy xước, sẵn sàng trải qua nhiều thử thách ghê gớm hơn nữa. Tháng Sáu này, một lần nữa, hàng cây chạy dọc đường West Tenth đã mọc ra những tán lá nhỏ nõn nà nhờ những bãi phân chó và gói giấy bỏ đi quanh gốc của chúng. Một lần nữa, bồn hoa trên bậu cửa sổ nhà bà lão hàng xóm, vẫn đây ắp những cây phong lữ bằng nhựa màu đỏ nhạt được cắm xuống đất, lại chồi lên một cây bồ công anh nhỏ bé và yếu ớt.

Thật xúc động biết bao, thật choáng váng biết chừng nào, khi được sống trong một sáng tháng Sáu, thuận lợi, được ưu ái đến mức hồ thẹn, vì chỉ phải làm một việc rất đơn giản. Bà, Clarissa Vaughan, là một con người quá

đổi bình thường (ở tuổi này, sao phải cố chối bỏ điều đó làm gì?), chỉ phải mua vài bông hoa và tổ chức một bữa tiệc. Clarissa bước xuống bậc thang đầu tiên ngoài cửa, một âm thanh lạo xạo phát ra khi chiếc giày của bà tiếp xúc với mặt đá tráng mica màu đỏ nâu. Bà mới chỉ năm mươi hai tuổi và sức khỏe tốt tới mức lạ thường. Bà vẫn thấy khỏe khoắn y như ngày xưa khi ở Wellfleet, khi bà mới chỉ là một thiếu nữ mười tám tuổi, bước qua cánh cửa kính để đắm mình vào một ngày rất giống hôm nay, tươi mát, trong trẻo, tràn ngập sức sống. Những con chuồn chuồn bay lượn vòng vèo quanh những cây hương bồ. Mùi nhựa thông lẫn với mùi cỏ thơm tràn ngập trong không khí. Richard bước đến sau lưng bà, đặt một bàn tay lên vai bà, rồi nói: “A, xin chào bà Dalloway”. Cái tên “bà Dalloway” là một ý tưởng của Richard - một ý tưởng bốn cột bỗng dựng nảy ra vào một tối say mềm trong căn phòng tập thể khi ông cả quyết rằng Vaughan không phải là họ phù hợp với bà. Ông còn nói, đáng ra cha mẹ nên đặt tên bà theo một hình tượng vĩ đại trong văn học, trong khi bà ủng hộ những cái tên như Isabel Archer hay Anna Karenina thì Richard vẫn khẳng định cho rằng “bà Dalloway” là lựa chọn hiển nhiên duy nhất. Có thể kể đến cái tên sẵn có của bà, một dấu hiệu rõ ràng đến mức không thể bỏ qua và quan trọng hơn nữa, nó còn là câu hỏi lớn hơn về số phận. Số phận không ràng buộc Clarissa vào một cuộc hôn nhân bất hạnh hay đẩy bà ngã xuống dưới những bánh xe của một đoàn tàu. Số phận mang đến cho bà sự quyến rũ và giàu sang. Vậy bà chỉ có thể là “bà Dalloway” và sẽ luôn là như thế. “Chẳng phải trời rất đẹp sao?”, bà Dalloway đã nói với Richard như vậy vào buổi sáng hôm đó. Người đàn ông trả lời, “Cái đẹp là một ả điếm, anh thích tiền hơn”. Ông vốn thích sự hài hước. Là người đàn bà duy nhất và trẻ tuổi nhất, bà cảm thấy mình có quyền đa sầu đa cảm một chút. Nếu lúc ấy là cuối tháng Sáu, hẳn bà và Richard đã trở thành một đôi tình nhân. Có lẽ cũng đã một tháng kể từ khi Richard rời bỏ Louis (Louis - cậu trai lực điền, hiện thân sống động của những đam mê nhục dục phản chiếu qua đôi mắt lười nhác) và lao đến với bà.

“Thế ư, em lại thích cái đẹp”, bà đã đáp lại như thế. Bà nhắc bàn tay ông khỏi vai mình, cắn vào đầu ngón tay trỏ, hơi mạnh một chút. Lúc đó, bà

mới mười tám tuổi và có một cái tên mới. Bà có thể làm mọi thứ mình thích.

Đôi giày của Clarissa phát ra những âm thanh khe khẽ như khi người ta đánh giấy ráp trong lúc bước xuống cầu thang để đi mua hoa. Tại sao bà không cảm thấy ử rữ về sự xuất hiện đồng thời thật trẻ con của vận may (“một tiếng nói thống thiết, đượm tính tiên tri của nền văn học Mỹ”) và sự suy tàn (“không hề có lấy một tế bào T[1], chúng tôi không phát hiện ra bất kì tế bào nào như thế cả.”) của Richard? Có điều gì bất ổn với bà vậy? Bà yêu Richard, lúc nào cũng nghĩ tới ông, nhưng có lẽ bà còn yêu ngày hôm nay hơn. Bà yêu con đường West Tenth trong một buổi sáng mùa hè bình dị. Bà cảm thấy mình giống như một quả phụ lãng lơ với mái tóc vừa được nhuộm dưới tấm voan đen, chăm chú ngắm nhìn những người đàn ông khác bên linh cữu chồng mình. Trong ba người bọn họ - Louis, Richard và Clarissa - Clarissa luôn là người có trái tim sắt đá nhất, cũng là người ưa thích sự lãng mạn nhất. Bà phải chịu đựng những lời trêu chọc trong hơn ba mươi năm; từ lâu đã quyết định chấp nhận và hài lòng với những đáp trả đầy khiêu khích và vô kỷ luật của mình, những phản ứng, mà như Richard nhận xét, có xu hướng vừa tàn nhẫn vừa tha thiết như một đứa trẻ tính tình đặc biệt khó chịu và tinh khôn quá sớm. Bà biết một thi sĩ như Richard chắc hẳn sẽ lạnh lùng trải qua buổi sáng như thế này để rồi biên tập lại, loại bỏ đi những nét xấu xí ngẫu nhiên song hành với nét đẹp vô hình, tìm kiếm sự thật về kinh tế và lịch sử ẩn chứa đằng sau những ngôi nhà cũ kỹ bằng gạch, khối kiến trúc phức tạp bằng đá mang dáng vẻ khổ hạnh của nhà thờ Tân giáo và người đàn ông trung niên gầy gò đang đi dạo cùng con chó săn giống Jack Russell (những con chó nhỏ chân vòng kiềng hiếu chiến này bỗng nhiên trở nên đầy rẫy trên đại lộ số Năm), trong khi Clarissa chỉ đơn thuần ngắm nhìn những ngôi nhà, nhà thờ, người đàn ông và con chó mà chẳng cần đến lý do nào hết. Thật trẻ con, bà biết thế. Thiếu vắng sự sắc sảo. Nếu phải thể hiện một cách công khai (vào lúc này, ở tuổi của bà), tình yêu này sẽ đẩy bà tới vương quốc của những kẻ ngớ ngẩn dễ bị lừa bịp, của những người Cơ đốc giáo cùng cây đàn guitar hay các bà vợ chấp nhận trở nên vô hại để được nuôi sống. Dầu vậy, đối với bà, tình yêu hỗn tạp này lại

hoàn toàn nghiêm túc, như thể mọi thứ trên thế giới đều ẩn chứa một mục đích lớn lao và bí hiểm, mọi thứ trên thế giới đều có một tên gọi bí mật, một cái tên không thể chuyển tải được bằng ngôn ngữ mà đơn giản là những gì ta nhìn thấy và cảm nhận được. Sự mê hoặc vĩnh cửu và kiên quyết này chính là điều mà bà luôn nghĩ tới như tâm hồn (một từ thật ủy mị khiến người ta phải lúng túng, nhưng còn biết gọi nó là gì khác đây?) vẫn tồn tại sau khi thân xác chết đi. Clarissa chưa bao giờ thổ lộ với bất cứ ai về những suy nghĩ này. Bà không hàn huyên hay tâm sự với ai. Bà chỉ reo lên trước hiển hiện rõ ràng của cái đẹp và ngay cả khi quay về với thái độ kiềm chế chín chắn của một người trưởng thành. Cái đẹp là một ả điếm, đôi lúc bà vẫn nói. Tôi thích tiền hơn.

Tối nay, bà sẽ tổ chức một bữa tiệc. Bà sẽ khiến cho những căn phòng tràn ngập thức ăn và hoa, mời đến đây những vị khách hóm hỉnh và có thể lực. Bà sẽ trông chừng Richard, đảm bảo ông không quá sức và sau đó sẽ thắp tùng ông vào thành phố nhận giải thưởng.

Bà vươn thẳng hai vai trong lúc đứng ở góc giao giữa đường số Tám và đại lộ số Năm để đợi đèn tín hiệu. Bà đứng đó, nghĩ đến Willie Bass, người bà từng bắt gặp trên đường vào một vài buổi sáng cũng ngay gần chỗ này. Một vẻ đẹp cổ điển, phong cách hippy kiểu cũ, mái tóc vẫn dài và có màu xám đầy thách thức, trong trang phục quần jeans và một chiếc áo sơ mi vải bông dành cho nam giới, một đôi giày bệt kiểu thổ dân (Ấn Độ hay Trung Mỹ nhỉ?) dưới chân. Bà vẫn có sức hấp dẫn nhất định; chút quyến rũ của một phù thủy tốt bụng theo phong cách bohemian [2]; thế nhưng vào buổi sáng hôm nay bà vẫn mang bộ dạng thật thảm hại, thẳng đờ trong chiếc sơ mi quá cỡ và đôi giày bệt kỳ cục để cố chống lại sức hút của trọng lực, như một con voi ma mút cái đã ngập trong vũng hắc ín tới đầu gối, đang dừng lại nghỉ lấy hơi giữa hai làn vũng vầy, hiên ngang và kiêu hãnh, gần như thờ ơ lãnh đạm, làm bộ đang ngắm nhìn thảm cỏ non mềm mại chờ đợi phía bờ bên kia, trong khi bắt đầu hiểu rõ nó sẽ vẫn ở lại đây, bị mắc kẹt một mình, lúc màn đêm buông xuống, khi đám chó rừng rời hang ổ. Bà kiên nhẫn đợi đèn chuyển xanh. Hai mươi lăm năm trước chắc bà phải là một tuyệt thế

giai nhân, đám đàn ông hẳn sẽ hạnh phúc khi được chết trong vòng tay bà. Willie Bass tự hào về khả năng đoán ra chuyện đời bằng cách nhìn vào mặt người khác, để hiểu rằng những khuôn mặt già nua cũng từng có thời tươi trẻ. Đèn chuyển màu và ông ta dần bước đi tiếp.

Clarissa băng qua đường số Tám. Bà rất thích chiếc ti vi hồng bị vứt ở lề đường bên cạnh một chiếc giày da trắng đang nằm trơ trọi. Bà yêu chiếc xe chất đầy bông cải xanh, đào và xoài của người bán rau quả, mỗi loại có một tấm bảng niêm yết giá bán kèm theo một loạt dấu chấm câu đủ loại: “1.49 đô la!”, “3 quả MỘT đô la!!!”, “50 cent MỖI QUẢ!!!”. Phía trước, dưới cổng vòm Arch^[3], một bà lão trong bộ váy sẫm màu được cắt may rất khéo dường như đang hát, đứng chính giữa hai bức tượng George Washington trong vai trò chiến binh và chính trị gia, khuôn mặt của cả hai bức tượng đều đã bị thời tiết bào mòn. Chính dòng chảy cuồn cuộn và xô bồ của thành phố này đã cuốn ta đi cùng với sự bí hiểm và nhịp sống không ngừng nghỉ của nó. Người ta biết rõ câu chuyện về Manhattan khi nó còn là một vùng đất hoang vu chỉ có giá bằng những chuỗi hạt nhưng người ta không thể không tin nơi đây từng là một thành phố; nếu đào sâu xuống bên dưới, người ta sẽ tìm thấy di tích của một thành phố khác, cổ xưa hơn, rồi thêm một thành phố, rồi một thành phố nữa. Dưới nền xi măng và những bãi cỏ của công viên (lúc này bà đang đi ngang qua công viên, nơi bà lão đang ngả đầu ra sau và hát) là năm xương tàn của những con người được chôn cất tại một nghĩa địa vô danh, một trăm năm trước đã được lát đá lên trên để tạo nên quảng trường Washington. Clarissa bước qua những người đã khuất trong khi xung quanh có vài gã đang khe khẽ chào mời ma túy (không phải với bà) và ba cô gái da đen lao vút qua trên những đôi giày trượt patanh; bà lão vẫn hát chẳng theo giai điệu nào, *iiiiiii*. Clarissa khoan khoái hân hoan vì vận may của mình, vì đôi giày bà đang đi (được bán hạ giá tại Barney's, nhưng dấu sao vẫn đáng để tự hào); nơi đây, nói cho cùng là một khu vực dơ dáy bẩn thỉu của công viên, vẫn rõ mồn một thậm chí cả dưới lớp thảm cỏ và hoa; ngay kia là những kẻ bán ma túy (liệu chúng có giết bạn không đây?) và những kẻ mất trí, những kẻ bị choáng váng, chưa bao giờ biết đến thành công, những người mà vận may, nếu lúc nào đó họ

từng sở hữu, đã cạn sạch. Dầu vậy, bà vẫn yêu thế giới này vì sự dữ dội và trường tồn của nó; bà biết những người khác cũng yêu nó, dù nghèo hay giàu, dầu không ai nói ra lý do cụ thể. Nếu không như vậy, tại sao chúng ta lại nhọc công tranh đấu để tiếp tục sống, cho dù phải thỏa hiệp đến đâu hay bị tổn thương đến mức nào đi nữa? Thậm chí nếu lâm vào tình trạng thảm hại hơn cả Richard; thậm chí nếu chúng ta chỉ còn da bọc xương, lở loét đầy người, đại tiện bê bết ngay ra giường; ngay cả lúc đó, chúng ta vẫn khao khát sống. Điều đó chắc chắn phải có liên quan tới tất cả những thứ này, bà thầm nghĩ. Tiếng bánh xe nghiền ken két trên nền bê tông; tiếng nước cuộn xoáy va đập vào nhau; những màn nước sáng lấp lánh phun ra từ đài phun nước trong khi đám thanh niên cởi trần ném qua ném lại một chiếc đĩa bay nhựa và những người bán đồ ăn dạo (tới từ Peru hay Guatemala) đang đẩy những chiếc xe kéo màu bạc bốc hơi nghi ngút, đậm mùi thịt nướng lẫn gia vị cay xè; những ông lão bà lão ngồi trên các băng ghế đang cố xoay người đón lấy ánh mặt trời, trò chuyện khe khẽ, thi thoảng lại lắc đầu; tiếng còi xe kêu inh ỏi và tiếng guitar (của một nhóm nhạc công rời rạc ở đằng kia, gồm ba cậu con trai và một cô gái, có thể nào bọn họ đang chơi *Eight Miles High*[4]?); những chiếc lá lấp lánh trên cây; một chú chó đốm đang đuổi theo những con bồ câu, bài hát *Always love you* phát ra từ chiếc radio nào đó trong khi bà lão mặc bộ váy sẫm màu đứng dưới cổng vòm tiếp tục hát *iiii*.

Bà băng qua quảng trường, hứng phải một tia nước bắn ra từ đài phun nước và bắt gặp Walter Hardy, cơ bắp vạm vỡ với quần soóc và áo ba lỗ trắng đang sải từng bước dài thoải mái, khỏe khoắn về phía quảng trường Washington. “Này, Clare”, Walter gọi hồ hởi và cả hai người có một khoảnh khắc lúng túng không biết nên hôn nhau như thế nào. Walter nhắm môi tới môi Clarissa, còn bà quay miệng tránh đi theo bản năng, thay vào đó đưa má ra đón lấy. Thế rồi bà bừng tỉnh, quay lại chậm mất nửa giây, vậy là môi Walter chỉ chạm vào khóe miệng bà. Mình cứng nhắc quá, Clarissa nghĩ, chẳng khác gì một bà già. Mình ngây ngất trước vẻ đẹp của thế giới, song lại miễn cưỡng, phản xạ theo bản năng, khi hôn môi một người bạn. Ba mươi năm trước, Richard từng nói với bà rằng đằng sau lớp vỏ bọc của một

cô nàng ngổ ngáo là một bà vợ ngoan ngoãn và đến giờ lại hiện diện trước chính mình với một tâm hồn cần cỗi, quá cố hủ, là nguyên nhân của bao đau khổ. Chẳng trách con gái lại luôn bực bội với bà.

“Rất vui được gặp chị”, Walter nói. Clarissa biết rằng - thực ra bà có thể thấy rõ - Walter vào khoảnh khắc này, đang lướt qua trong đầu một chuỗi những phép đo đạc rắc rối về tầm quan trọng của cá nhân bà. Phải, bà thuộc mẫu phụ nữ trong sách vở, chủ đề của một cuốn tiểu thuyết rất được trông đợi của một nhà văn gần như đã trở thành huyền thoại, song cuốn sách lại thất bại, đúng không nào? Nó chỉ được điếm qua một cách sơ sài, rồi lặng lẽ chìm ngấm không một tiếng vang. Vậy là, Walter quyết định, bà giống như một bà hoàng đã bị phế truất, thú vị đấy, song không có gì đặc biệt. Bà thấy ông ta đi tới kết luận của mình. Bà mỉm cười.

“Anh làm gì ở New York vào một ngày thứ Bảy vậy?” Bà hỏi.

“Evan và tôi ở lại thành phố cuối tuần này”, ông nói, “Cậu ấy thấy thích một loại cocktail mới ở đây và muốn đi nhảy tối nay”.

“Như thế chẳng phải hơi quá sao?”

“Tôi sẽ để mắt đến cậu ấy. Tôi sẽ không để cậu ấy đi quá đà. Evan chỉ đơn giản là muốn được hòa mình vào thế giới thôi.”

“Anh có nghĩ anh ấy muốn tới chỗ chúng tôi tối nay không? Tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc nhỏ cho Richard, để mừng giải thưởng Carrouthers ấy mà.”

“Ồ! Tuyệt quá.”

“Anh cũng biết việc này, đúng không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Đó không phải là một giải thưởng thường niên. Không cần những tiêu chí như Nobel hay các giải thưởng khác. Người ta chỉ được nhận giải thưởng này khi đạt được sự nghiệp có tầm quan trọng không thể phủ nhận được.”

“Hay quá.”

“Phải”, bà nói. Một lát sau, bà nói thêm: “Người gần đây nhất được nhận giải là Ashbery. Và trước ông ta là Merrill, Rich và Merwin”.

Khuôn mặt rộng và ngây ngô của Walter thoáng tối đi. Clarissa tự hỏi: Phải chăng ông ta đang băn khoăn về những cái tên? Hay ông ta đang ghen tỵ? Chẳng lẽ ông ta nghĩ mình có thể là ứng viên cho một vinh dự như thế?

“Tôi xin lỗi đã không báo cho anh biết về bữa tiệc sớm hơn”, bà nói, “Chỉ là tôi không hề nghĩ anh lại có mặt ngay gần đây. Anh và Evan chưa bao giờ ở lại thành phố vào dịp cuối tuần”.

Walter nói tất nhiên sẽ tới và sẽ dẫn theo cả Evan nếu anh ta thấy hứng thú, mặc dù Evan, có thể sẽ không tới vì còn để dành sức cho sàn nhảy. Richard sẽ phát điên khi biết Walter được mời và Sally chắc chắn sẽ về hòa với ông. Clarissa có thể hiểu được điều này. Chẳng có mấy thứ trên đời ít lộ liễu hơn thái độ khinh miệt mà người ta dành cho Walter Hardy, người quyết định bước qua tuổi bốn mươi sáu cùng những chiếc mũ lưỡi trai của cầu thủ bóng chày và bộ đồ hiệu Nikes, đã kiếm được hàng đồng tiền nhờ viết những cuốn tiểu thuyết lâm ly về tình yêu và tiêu sạch bách chúng cùng những anh chàng trẻ trung có cơ bắp hoàn hảo; có thể thức thâu đêm để nhảy nhót, vui vẻ và không biết mệt mỏi như một con chó béc giê Đức nhặt được cái que mà chủ quăng đi. Có thể tìm thấy những người như Walter ở khắp nơi trong khu Chelsea[5] và Village[6], những người, ở tuổi ba mươi hay bốn mươi hoặc hơn nữa, khẳng khẳng rằng mình luôn vui vẻ hoạt bát, đầy tự tin và có một cơ thể cường tráng, rằng họ không phải là những đứa trẻ kỳ lạ, chẳng bao giờ bị chế nhạo hay khinh miệt. Richard lý luận rằng những gã đồng tính trẻ trung đó gây ra tổn hại hơn nhiều so với những kẻ chuyên quyến rũ các cậu bé và đúng là Walter không mang theo chút mĩa mai hay hoài nghi nào của những người trưởng thành, chẳng có gì là sâu sắc trước danh tiếng, thời trang hay những nhà hàng thời thượng. Phải, đó chính là điều mà Clarissa đánh giá cao. Chẳng phải chúng ta yêu quý những đứa

trẻ một phần cũng vì chúng sống bên ngoài thế giới của sự mỉa mai và hoài nghi đó sao? Chẳng lẽ lại tôi tệ đến thế khi người ta muốn có nhiều hơn tuổi trẻ và khoái lạc? Bên cạnh đó, Walter không hề đòi bại, không hẳn chính xác là đòi bại. Ông ta viết những cuốn sách hay nhất mình có thể viết - những cuốn sách đầy ắp lãng mạn và sự hy sinh, lòng can đảm trước nghịch cảnh - và tất nhiên chúng đem đến sự an ủi thực sự cho một số người. Tên của ông xuất hiện liên tục trên các lời mời gây quỹ và cả các lá thư phản đối, bản thân ông viết những bài giới thiệu đầy ắp lời khen dành cho các cây bút trẻ. Ông chăm sóc Evan một cách chu đáo, tận tâm. Ngày nay, Clarissa tin rằng phải đánh giá người khác trước hết qua lòng tốt và khả năng tận tâm vì người khác của họ. Có những lúc trí tuệ và sự hiểu biết làm người ta phát chán; bất cứ ai cũng có một chút biểu hiện gì đó của thiên tài. Bà không chịu từ bỏ việc thưởng thức sự nông cạn không chút xấu hổ của Walter Hardy, dù điều đó có làm Sally phát điên hay khiến Richard băn khoăn lớn tiếng liệu có phải chính bà, Clarissa, cũng là một người đàn bà ít nhiều phù phiếm và điên rồ hay không.

“Tốt lắm”, Clarissa nói, “Anh biết chúng tôi sống ở đâu rồi, đúng không nào? Năm giờ nhé”.

“Năm giờ.”

“Cần phải tổ chức sớm. Lễ trao giải diễn ra lúc tám giờ, vậy nên chúng ta sẽ ăn trước thay vì sau buổi lễ. Richard không thể thức khuya được.”

“Phải rồi. Năm giờ. Hẹn gặp lại chị tại bữa tiệc.” Walter bắt tay Clarissa và nghênh ngang đi theo nhịp hai bước, quả là một màn trình diễn thể hiện sinh lực dồi dào. Mời Walter tới dự bữa tiệc của Richard có thể là một trò đùa tai quái, nhưng Walter, nói cho cùng, là một người đầy sức sống cũng giống như Clarissa trong buổi sáng tháng Sáu này và ông sẽ cảm thấy mất mặt vô cùng nếu phát hiện ra (dường như ông ta luôn tìm ra mọi thứ) Clarissa đã nói với ông ngày tổ chức bữa tiệc và cố ý không dả động gì đến nó trước đó. Gió thổi làm lá cây đưa qua đưa lại, để lộ mặt dưới bóng hơn, có màu xanh sẫm hơn và Clarissa thầm ước rằng, đột ngột đến mức đáng

ngạc nhiên, Richard ở đây bên cạnh bà - không phải Richard lúc này mà là Richard của mười năm về trước, nhà diễn giả không biết sợ hãi, không biết dè dặt, thích châm chọc người khác. Bà muốn anh chàng Richard tranh luận với mình về Walter. Trước khi Richard bắt đầu suy sụp, Clarissa luôn tranh luận với ông. Richard thực sự băn khoăn với những câu hỏi về tốt - xấu và chưa bao giờ, kể cả sau hai mươi năm, hoàn toàn từ bỏ quan niệm về việc quyết định sống chung với Sally của Clarissa đại diện cho những biểu hiện bình thường của sự sa đọa, hay chí ít cũng là sự mềm yếu từ phía bà (dù Richard chẳng bao giờ thừa nhận điều này) cho phép kết tội tất cả phụ nữ nói chung, từ khi ông sớm đi tới kết luận những phẩm chất và nhược điểm của Clarissa không chỉ đại diện cho riêng bản thân bà mà còn cho toàn bộ giới nữ. Richard vẫn luôn là người bạn đồng hành nghiêm khắc và kiên cường nhất của Clarissa, là người bạn thân thiết nhất của bà, nếu Richard vẫn là chính mình, chưa bị bệnh tật động đến thì hẳn lúc này hai người có thể ở bên nhau tranh luận về Walter Hardy, về cuộc hành trình tìm kiếm tuổi trẻ vĩnh cửu, về cách mà những người đàn ông đồng tính bắt chước những cậu nhóc đã từng hành hạ họ ở trường trung học. Anh chàng Richard trước đây có thể nói liên nửa giờ đồng hồ hay lâu hơn nữa những diễn giải khác nhau về bản sao vớ vẩn bức họa *Thần Vệ nữ* của Botticelli được một thanh niên da đen vẽ bằng phấn trên nền bê tông và nếu trông thấy chiếc túi nilon đang bay dập dờn trên nền trời trắng, phập phồng như một con sứa, ông sẽ tiếp tục nói về các hóa chất và những lợi nhuận vô tận thu được. Ông nói về việc bằng cách nào chiếc túi đó (nó đã từng đựng đầy khoai tây chiên và chuối đã chín nẫu, đã bị một bà mẹ nghèo khó đầy lo toan bất cẩn vứt bỏ khi rời khỏi một cửa hàng giữa đàn con đang cãi nhau âm ỉ) sẽ bay xuống sông Hudson, nổi bồng bênh trên mặt sông rồi trôi ra tận đại dương, một con rùa biển, sinh vật có thể sống đến một trăm tuổi, tưởng nhầm nó là một con sứa, ăn chiếc túi và chết. Với Richard, theo cách nào đó thì hoàn toàn có thể, chuyển thẳng từ chủ đề đó sang Sally, rồi hỏi thăm tình hình sức khỏe và hạnh phúc của bà với thái độ đầy châm chọc. Ông có thói quen hỏi thăm về Sally sau một tràng đá kích, như thể Sally là một bến đỗ an toàn nhưng hoàn toàn vô vị và nhạt nhẽo, như thể chính bản thân Sally (người đàn bà khôn ngoan, bị hành hạ nhưng biết vươn lên) cũng vô hại và tầm

thường giống một ngôi nhà hay một chiếc xe hơi tốt nằm trên một con phố vắng. Richard sẽ không bao giờ thừa nhận hay thay đổi thái độ khó chịu đối với bà, không bao giờ; ông sẽ không bao giờ vứt bỏ việc kết án mang tính cá nhân rằng Clarissa đã trở thành một bà vợ trên danh nghĩa và không bao giờ bận tâm đến sự thật là bà và Sally không hề có ý định che giấu tình yêu của họ vì bất kỳ ai, hay việc Sally là một phụ nữ thông minh, tận tâm, một nhà sản xuất chương trình truyền hình, lạy Chúa - bà ấy còn phải làm việc chăm chỉ, phải có trách nhiệm với xã hội, bị trả lương rẻ mạt đến thế nào nữa? Bất chấp những cuốn sách rõ ràng là chẳng mang lại lợi ích gì mà Clarissa kiên quyết xuất bản, vẫn giúp bà trang trải chi phí. Bất chấp những chính kiến và những gì bà đã làm cho những người mắc bệnh AIDS.

Clarissa băng qua đường Houston và nghĩ có thể sẽ mua một món quà nhỏ nhỏ cho Evan, để chúc mừng sức khỏe có dấu hiệu tích cực của cậu ta. Không phải là hoa, nếu những bông hoa là sai lầm khó thấy đối với những người đã khuất thì chúng thực sự vô cùng tai hại với những người đang đau ốm. Cái gì mới được chứ? Các cửa hàng ở khu SoHo đầy ắp trang phục dạ hội, đồ trang sức và nội thất kiểu Biedermeier [7]; chẳng có gì có thể mua để tặng cho một thanh niên thông minh, độc đoán, có thể hoặc không thể, với sự trợ giúp của hàng đồng thuốc đủ loại, sống nốt quãng đời còn lại của anh ta. Một người như thế thì muốn gì nhỉ? Clarissa đi qua một cửa hàng và chợt nghĩ tới việc mua một chiếc váy cho Julia, bà đứng ngăn người nhìn chiếc váy nhỏ nhắn màu đen có đai đeo theo phong cách Anna Magnani [8], nhưng Julia không bao giờ mặc váy, con bé khăng khăng giữ lấy cái quyền quyết định tuổi trẻ của mình, khoảng thời gian ngăn ngui khi người ta có thể thoải mái mặc bất cứ thứ gì mình muốn, mặc sức tung tẩy trong áo lót nam và giày ống bằng có dây buộc thô kệch (Tại sao nó lại tâm sự cùng bà ít đến thế? Chuyện gì đã xảy ra với chiếc nhẫn Clarissa cho nó vào ngày sinh nhật lần thứ mười tám?) À, hiệu sách nhỏ đáng yêu trên đường Spring kia rồi. Có khi Evan thích một cuốn sách. Được trưng bày trong khung cửa là một cuốn sách của Clarissa (và chỉ một cuốn duy nhất!), cuốn sách bằng tiếng Anh (thật tội lỗi, bà đã phải rất vất vả để in ra được

mười nghìn bản và còn tồi tệ hơn nữa, trông có vẻ như họ sẽ cực kỳ may mắn nếu bán được năm cuốn), cùng với cuốn truyền thuyết về gia tộc Nam Mỹ mà bà đã thua một nhà xuất bản lớn hơn, cuốn sách rõ ràng đã thất bại trong việc sinh lời, vì những lý do kỳ dị nào đó, được người ta tôn trọng nhưng lại không được yêu thích. Ngoài ra còn có cuốn tiểu sử mới của Robert Mapplethorpe, tập thơ của Louise Glück, nhưng dường như chẳng có gì thú vị cả. Cả hai vừa quá chung chung lại vừa quá cụ thể. Tặng cho anh ta cuốn sách về chính cuộc đời anh ta, nó sẽ giúp định vị, chỉ dẫn và đem đến cho anh ta những đổi thay sao? Không thể là những câu chuyện ngồi lê đôi mách về nhân vật nổi tiếng, phải không nào? Cũng không thể mang tới câu chuyện cay đắng về một tiểu thuyết gia người Anh hay số phận của bảy chị em gái ở Chile, cho dù chúng có được viết tuyệt đến thế nào đi chăng nữa và triển vọng Evan sẽ có nhã ý đọc qua những bài thơ cũng giống như anh ta học vẽ trên đồ sứ.

Vậy là dường như không có nguồn an ủi khả dĩ nào từ thế giới vật chất và Clarissa e rằng nghệ thuật, thậm chí những thành tựu vĩ đại nhất của nó (kể cả ba tập thơ của Richard cũng như cuốn tiểu thuyết duy nhất không thể đọc nổi của ông) cũng thuộc về thế giới vật chất. Đứng trước cửa hiệu sách, một ký ức xa xăm chợt ghé thăm bà, một cành cây đập vào khung cửa sổ, từ đâu đó (dưới nhà thì phải?), tiếng nhạc khẽ vang lên, đó là giai điệu rên rỉ trầm lắng của một ban nhạc Jazz phát ra từ cái máy hát. Đó không phải là ký ức đầu tiên của bà (dường như đó là ký ức về một con ốc sên bò bên rìa đường), cũng không phải là ký ức thứ hai (về đôi xăng đan bằng rơm của mẹ bà, mà cũng có thể thứ tự xuất hiện của hai ký ức này là ngược lại), nhưng hồi ức này, khẩn thiết, sâu sắc hơn bất kỳ điều gì bà còn nhớ, đem đến cảm giác được an ủi gần như siêu nhiên. Clarissa có thể đã ở trong một ngôi nhà tại Wisconsin, hẳn là thế; một trong vô số những ngôi nhà mà bố mẹ bà đã thuê trong các dịp hè (hiếm khi họ ở lại một ngôi nhà đến hai lần - mỗi nơi rốt cuộc đều có một khiếm khuyết nào đó để mẹ bà thêm vào câu chuyện tự thuật không bao giờ dừng của mình, *Chuyến du lịch đắm nước mắt của gia đình nhà Vaughan tới Wisconsin*). Clarissa lúc đó mới ba hay bốn tuổi, trong một ngôi nhà mà sau này bà không bao giờ có dịp quay trở

lại, bà không còn giữ được ký ức nào về nó ngoài chi tiết này, nó nổi bật hẳn lên, còn rõ ràng hơn một số chuyện mới chỉ xảy ra ngày hôm qua: một cành cây đập vào khung cửa sổ khi tiếng còi bắt đầu vang lên; như thế cái cây đó, bị cơn gió làm cho dao động, bằng cách nào đó đã tạo ra âm nhạc. Dường như vào đúng khoảnh khắc đó, bà bắt đầu cảm nhận được sự hiện diện của mình trên thế gian này; bắt đầu thấu hiểu những lời hứa lớn lao hơn hạnh phúc của con người, cho dù nó chứa cả hạnh phúc cũng như mọi cảm xúc khác. Đối với bà, cành cây và điệu nhạc còn quan trọng hơn tất cả những cuốn sách có mặt trên khung cửa hiệu sách kia. Bà muốn cho Evan và cho chính mình một cuốn sách có thể truyền tải tất cả những gì mà mảnh ký ức đặc biệt đó đem đến. Bà đứng đó, nhìn những cuốn sách và vào hình ảnh phản chiếu của mình trên mặt kính (bà vẫn còn rất ổn, trông khá ưa nhìn thay vì xinh đẹp - đến khi nào thì những nếp nhăn cùng đôi môi nứt nẻ xuất hiện trên khuôn mặt bà đây?), rồi bà tiếp tục bước, thầm tiếc rẻ chiếc váy ngắn màu đen không mua cho con gái vì Julia đang trở thành một tín đồ của một nhà lý luận kỳ dị và khăng khăng gắn bó với áo phông và giày dã chiến. Mi ngưỡng mộ Mary Krull, không có lựa chọn nào khác, sống như cô ta đang sống dù đang ở bờ vực của đói nghèo, để rồi vào tù ra tội vì vô số lý do khác nhau và thuyết trình một cách say sưa tại Đại học New York về tầm mắt nạn thảm hại vẫn được biết tới dưới tên gọi giới tính. Mi muốn như cô ta, mi nỗ lực để làm điều đó, nhưng rất cuộc, về mặt trí tuệ và đạo đức, cô ta vẫn hơn mi, trong màn thể hiện không có giới hạn về sự công bằng vừa chớm hiện. Mi biết cô ta giấu cợt mi vì sự thoải mái mà mi cảm thấy cũng như những suy nghĩ kỳ cục (cô ta coi chúng là kỳ cục) của mi về quan hệ đồng giới nữ. Mi dần chờ nên chán ngán với việc bị đối xử như kẻ thù chỉ vì mi không còn trẻ nữa; vì cách ăn mặc của mi chẳng có gì nổi bật. Mi muốn gào vào mặt Mary Krull rằng điều đó cũng chẳng tạo ra nhiều khác biệt đến thế; mi muốn cô ta hãy thử vào bên trong đầu mi vài ngày và cảm nhận những nỗi lo buồn, nỗi sợ hãi không tên. Mi tin - mi biết - rằng mi và Mary Krull cùng bị hành hạ bởi một căn bệnh vô phương cứu chữa, cảm giác khó chịu trong tâm hồn và chỉ cần thêm một lần bấm số điện thoại nữa thôi thì hai người rất có thể đã là bạn, nhưng sự đời đã an bài như thế, cô ta xộc tới cướp đi con gái mi, còn mi ngồi trong căn hộ tiện nghi của

mình căm ghét cô ta cũng dữ dội như bất cứ ông bố nào theo phe Cộng hòa. Cha của Clarissa, một người đàn ông lịch lãm tới độ nhạt nhẽo, rất thích ngắm nhìn phụ nữ mặc váy ngắn màu đen. Cha bà dần kiệt sức; ông buông xuôi từ bỏ lập trường của mình theo cách ông thường từ bỏ việc tranh luận, chỉ đơn giản vì đồng ý sẽ dễ dàng hơn. Ở phía trước, tại MacDougal, một nhóm làm phim đang quay một bộ phim giữa đống hỗn độn những toa xe moóc và xe tải chở thiết bị, cùng những dải đèn màu trắng. Và đây là thế giới đời thường, bộ phim đang được quay, một cậu nhóc người Puerto Rico đang quay mở mái hiên của cửa hàng bằng một chiếc cần màu trắng bạc. Đây là thế giới, mi sống trong đó và cảm thấy biết ơn vì điều đó. Hay cố tỏ ra biết ơn.

Bà đẩy cánh cửa tiệm bán hoa, vốn thường hơi bị kẹt, rồi bước vào, một phụ nữ cao lớn có đôi vai rộng đang đứng giữa những bó hồng và lan dạ hương, những chậu hoa thủy tiên đã bám rêu xanh, những giò lan đang rung rinh khoe sắc. Barbara, người đã làm việc trong tiệm này nhiều năm qua, lên tiếng chào bà. Sau một chút ngập ngừng, bà chìa má ra để đón lấy một cái hôn.

“Xin chào”, Clarissa nói. Môi bà khẽ chạm lên làn da Barbara và khoảnh khắc đó thật hoàn hảo, tới một cách đột ngột, không hề lường trước. Bà đứng trong tiệm bán hoa nhỏ, thứ ánh sáng lơ mơ với bầu không khí êm dịu khoan khoái khiến nó giống như một ngôi đèn trang trọng với bạt ngàn những hoa, những cụm hoa khô treo ngược từ trên trần xuống, còn những dải ruy băng thì tạo thành từng vệt nổi bật trên nền tường ở cuối phòng. Cành cây đó đang đập vào khung cửa kính và cả một cành cây khác nữa phủ đầy lá màu đỏ, dù lúc ấy bà đã lớn hơn, lên năm hay lên sáu, đang trong phòng ngủ của mình và giờ đây bà có thể nhớ lại những hình ảnh ấy một cách kính cẩn, thậm chí ngay từ lúc đó, hình ảnh cành cây đã xuất hiện trước, chính nó đã tạo nên tiếng nhạc dưới cầu thang; bà nhớ là mình đã yêu cành cây mùa thu đó biết bao, vì nó nhắc bà nhớ tới cành cây trước đã đập vào khung cửa sổ nhà bà và giờ bà không thể nhớ ra điều gì khác cụ thể về nó. Còn giờ bà đang ở đây, trong tiệm bán hoa, nơi những bông anh túc

chập chờn khoe sắc trắng và màu vàng của hoa mơ trên những cuống dài đầy lông tơ. Mẹ bà, người luôn mang trong xách tay một hộp kẹo bạc hà của Pháp, từng bấu môi và gọi Clarissa là điên rồ, một con bé điên rồ, với giọng điệu ngưỡng mộ một cách tâng bốc.

“Chị vẫn khỏe chứ?” Barbara hỏi.

“Ổn cả, vẫn ổn cả”, bà nói. “Chúng tôi chuẩn bị tổ chức một bữa tiệc nhỏ vào tối nay, dành cho một người bạn vừa giành được giải thưởng văn học tiếng tăm.”

“Giải Pulitzer phải không?”

“Không. Là giải thưởng Carrouthers cơ.”

Barbara thể hiện thái độ bối rối mà Clarissa hiểu đó là một nụ cười. Barbara trạc bốn mươi tuổi, một phụ nữ trắng trẻo, tròn trịa, dự định tới New York để hát opera. Trên khuôn mặt cô có nét gì đó - quai hàm vuông vắn hay đôi mắt lạnh lùng thiếu biểu cảm - nhắc cho bà nhớ con người về cơ bản trông vẫn không có gì khác biệt so với một trăm năm trước đây.

“Vào lúc này chúng tôi hơi khan hàng”, cô nói. “Trong tuần này đã có chừng năm mươi đám cưới.”

“Tôi không cần nhiều lắm đâu”, Clarissa nói. “Chỉ vài bó loại này hay loại khác thôi.” Clarissa cảm thấy có lỗi một cách không thể diễn tả nổi về việc không trở thành một người bạn tốt hơn với Barbara, cho dù hai người chỉ biết nhau qua quan hệ giữa khách hàng và người bán hàng. Clarissa luôn mua hoa ở tiệm của Barbara và một năm trước, bà từng gửi cho cô một tấm thiệp khi nghe tin cô đang lo lắng về nguy cơ bị ung thư vú. Sự nghiệp của Barbara không được suôn sẻ như dự kiến; không biết cô ấy đã xoay xở thế nào để sống với đồng lương tính theo giờ của mình (nhiều khả năng là một căn chung cư chật chội với bồn tắm kê sát bếp nấu) và cô cũng đã thoát khỏi căn bệnh ung thư. Trong khoảnh khắc, Mary Krull lại hiện ra, vật vờ

ám ảnh bên trên những bông hoa ly và hoa hồng, sẵn sàng làm bộ kinh hoàng trước những gì Clarissa sắp bỏ tiền ra mua.

“Chúng tôi có một ít tú cầu rất đẹp”, Barbara nói.

“Để xem nào.” Clarissa đi vào trong kho lạnh, chọn trong số những bông hoa mà Barbara lấy từ thùng chứa ra và ôm lấy trên hai cánh tay. Nếu vào thế kỷ XIX, có lẽ bà đã là một người vợ nông thôn, dịu dàng, nhạt nhòa, bất mãn, đang đứng giữa một khu vườn. Clarissa chọn hoa mẫu đơn, hoa ly đốm sao và hoa hồng màu kem, nhưng không muốn lấy tú cầu (tội lỗi, tội lỗi làm sao, có vẻ như mi sẽ không bao giờ đủ trưởng thành để vượt qua điều đó) và đang cân nhắc xem có nên lấy thêm hoa diên vĩ hay không (liệu những bông diên vĩ này có hơi... lỗi thời không nhỉ?) thì tiếng đổ vỡ ầm ầm vọng vào từ ngoài đường.

“Có chuyện gì vậy không biết nữa?” Barbara lên tiếng. Cô và Clarissa cùng đi tới bên khung cửa sổ.

“Tôi nghĩ đó là đám người của đoàn làm phim.”

“Có lẽ vậy. Bọn họ đã quay phim ngoài đó suốt buổi sáng.”

“Cô có biết đó là phim gì không?”

“Không”, cô nói và quay người rời đi với dáng bộ ít nhiều cứng nhắc của người có tuổi, hai cánh tay ôm đầy hoa, hết như bóng ma của cô vào một trăm năm trước, đã từng quay lưng lại với tiếng roi ngựa quất vun vút và tiếng kêu lộc cộc của một cỗ xe ngựa lao ngang qua, chở đầy những người đi chơi dã ngoại ăn mặc chần chừ tới từ một thành phố xa xôi. Clarissa nán lại, đưa mắt nhìn về phía đám xe tải và xe moóc. Đột nhiên, cánh cửa của một toa xe moóc bật mở, một cái đầu ló ra. Đó là một phụ nữ, ở cách đó khá xa, chỉ có thể trông thấy được theo góc nhìn nghiêng, giống như hình đầu người được dập trên một đồng xu và trong khi Clarissa không thể nhận ra ngay cô ta (Meryl Streep[9] chăng? Hay Vanessa Redgrave[10]?), bà

không chút nghi ngờ rằng người phụ nữ đó là một ngôi sao điện ảnh. Bà biết được điều đó qua dáng vẻ tự tin đầy quyền uy, cũng như qua thái độ sẵn đón vồ vập của một anh chàng trong đám phụ trách đạo cụ khi nói với bà ta (những lời nói mà Clarissa hoàn toàn không nghe thấy) về nguyên nhân gây ra tiếng động. Người phụ nữ nhanh chóng tụt đầu vào trong, cánh cửa toa moóc cũng đóng lại, nhưng người phụ nữ bỏ lại phía sau thái độ nghiêm khắc không lẫn vào đâu được, như thể một thiên thần vừa chạm một bàn chân đi xăng đan xuống mặt đất để hỏi xem có gì rắc rối không, để rồi sau khi được báo mọi sự đều ổn thỏa, bèn lập tức quay trở lại vị trí của mình trên chín tầng mây mang theo thái độ nghiêm nghị sau vài lời nhắc nhở để đám con trẻ trên trái đất đừng quên bọn họ chỉ nhận được mức độ tin tưởng tối thiểu trong việc tự xoay xở thực hiện chức trách của mình và bất cứ hành động bất cần tiếp theo nào cũng sẽ không được bỏ qua.

Bà Woolf

Bà Dalloway nói gì đó (điều gì nhỉ?) và tự chọn lấy những bông hoa.

Ngoại ô London. Năm 1923.

Virginia bừng tỉnh. Đây chắc chắn là một cách khác để bắt đầu; Clarissa bận rộn chạy đi mua hoa vào một ngày tháng Sáu, thay vì những người lính đi đều bước tới đặt vòng hoa tại Whitehall. Nhưng liệu đây có phải là khởi đầu hợp lý không? Liệu có quá bình thường không? Virginia im lặng nằm trên giường và rồi thiếp đi nhanh chóng. Đột nhiên, dường như bà không nằm trên giường mà là ở giữa một công viên; một công viên ngập tràn màu xanh - đây là hình ảnh lý tưởng của một công viên, vừa gần gũi như ở nhà vừa đầy ấp bí ẩn, đúng như ẩn tượng các công viên tạo ra trong lúc bà lão quàng khăn đang ngủ gà ngủ gật trên băng ghế mỏng, một tạo vật sống động và cũ xưa, chẳng tử tế cũng không tồi tệ, chỉ hoan hỉ trong sự tiếp nối, đan vào nhau thành một thế giới xanh của các trang trại và những đồng cỏ, của rừng và công viên. Virginia di chuyển trong công viên, nhưng không hẳn đang bước đi; bà bỗng bồng bềnh lướt qua nơi đó, giống như trong tâm tưởng, không có chút gì vật chất. Hiện ra trước mắt bà là những luống hoa ly và hoa mẫu đơn, lối đi rải sỏi được viền hai bên bằng rặng hoa hồng màu kem. Một pho tượng thiếu nữ bằng đá tư lự nhìn xuống mặt nước được thời gian mài nhẵn đứng bên rìa một bể nước trong veo. Virginia di chuyển qua công viên như

thể bị một tấm đệm không khí đẩy đi; bà bắt đầu hiểu rằng dưới công viên này ẩn chứa một công viên khác, công viên của thế giới bên kia, tuyệt vời hơn và cũng khủng khiếp hơn; chính là nguồn cội của những vạt cỏ và thân cây này. Đó là khái niệm đúng đắn về công viên, không có gì đơn giản mà đẹp tới vậy. Giờ bà có thể nhìn thấy một người đàn ông gốc Hoa cúi xuống nhặt thứ gì đó lên từ thảm cỏ, một cô bé con đang đứng đợi. Ở mé trên, giữa một vòng tròn mới được vạch ra trên mặt đất, một người phụ nữ đang đứng hát.

Virginia lại tỉnh giấc lần nữa. Bà đang ở trong phòng ngủ của mình tại Hogarth House. Cả căn phòng chìm trong thứ ánh sáng xám xịt, cảm lạnh và lạnh lẽo như ánh thép, phủ lên tấm thân trắng xám trên ga trải giường. Ánh sáng như dát bạc lên mấy bức tường màu lục. Bà đã mơ thấy một công viên, đã mơ thấy một ý tưởng cho cuốn sách mới của mình - nó là gì nhỉ? Những bông hoa, điều gì đó liên quan tới những bông hoa. Hay liên quan tới một công viên nhỉ? Có phải ai đó đang hát không? Không, ý tưởng đó đã biến mất và điều này cũng chẳng quan trọng, thực thế, vì bà vẫn cảm nhận được dư vị mà nó để lại. Bà biết mình có thể thức dậy và viết.

Bà rời khỏi giường đi vào nhà tắm. Leonard đã dậy, có lẽ ông đang làm việc. Vào phòng tắm, bà mở nước rửa mặt. Bà không nhìn thẳng vào tấm gương hình oval treo phía trên bồn rửa. Bà ý thức được mọi cử động của mình đang phản chiếu trong gương nhưng bà không cho phép mình nhìn chúng. Những tấm gương thật nguy hiểm; đôi lúc chúng cho bà thấy những bóng đen lơ lửng trong không khí giống hệt bà, nhại theo hình dáng của bà, nhưng lại đứng phía sau, quan sát bà với đôi mắt lợn cùng hơi thở lạnh lẽo ướt rượt. Bà rửa mặt mà không nhìn vào gương, chắc chắn sáng nay bà sẽ không nhìn, khi công việc đang chờ đợi bà, còn bà nóng lòng đến với nó như thể tới dự một bữa tiệc đã bắt đầu diễn ra ở ngay dưới nhà, một bữa tiệc đầy ắp trí tuệ và sắc đẹp, chắc chắn rồi, song còn đầy ắp cả một thứ còn tinh tế hơn cả trí tuệ lẫn sắc đẹp; một thứ gì đó bí ẩn và lộng lẫy; tia chớp của sự tán thưởng, của cuộc sống, giống như âm thanh mà những tấm lụa phát ra khi lướt qua trên sàn nhà bóng lộn, hay khi những điều bí mật được thì thầm

dưới tiếng nhạc đang vang lên. Bà có thể trở thành một cô thiếu nữ trong bộ váy mới, chuẩn bị xuống nhà tham dự một bữa tiệc, chuẩn bị xuất hiện trên cầu thang, tươi tắn và đầy ắp hy vọng. Không, bà sẽ không nhìn vào gương. Bà đã rửa mặt xong.

Sau khi hoàn tất vệ sinh cá nhân trong nhà tắm, bà bước xuống cầu thang, tới bầu không khí im lặng tối mờ của buổi sáng dưới tiền sảnh. Bà khoác lên người chiếc áo màu xanh nhạt dùng để mặc trong nhà. Bóng đêm vẫn còn ngự trị tại đây. Hogarth House lúc nào trông cũng có vẻ tăm tối, bất chấp đồng giấy tờ sách vở lộn xộn, bất chấp những chiếc đệm ngồi và thảm Ba Tư sáng màu. Bản thân ngôi nhà không hề tối tăm, nhưng dường như nó luôn được chiếu sáng để nổi lên giữa đêm tối, thậm chí ngay cả khi những tia nắng sớm chiếu qua khe hở giữa các tấm rèm che, chui vào những chiếc xe hơi, xe ngựa rầm rập lăn bánh trên đường Paradise.

Vào phòng ăn, Virginia rót cho mình một tách cà phê, rồi lặng lẽ bước xuống cầu thang, nhưng không tới chỗ Nelly ở trong bếp. Sáng nay, bà muốn bắt tay luôn vào công việc mà không phải đối diện với những lời kì kèo than vãn của Nelly. Hôm nay có thể là một ngày tốt lành, cần phải cẩn thận mới được. Bưng chiếc tách, bà xuống phòng in. Leonard đang ngồi tại bàn làm việc, chăm chú đọc bản in thử. Với Ralph hay Marjorie, lúc này vẫn còn quá sớm.

Leonard ngẩng lên nhìn bà; vào khoảnh khắc đó, khuôn mặt ông vẫn hiện rõ vẻ bức bối. Bà vừa tin tưởng vừa e sợ thái độ đó, đôi mắt đen không thể nhìn thấu lóe sáng dưới đôi lông mày nặng nề, hai khóe miệng xệ xuống đầy nghiêm khắc nhưng không hề có chút bức bối nóng nảy - đó giống như cái cau mày không hài lòng của một vị thần, người nhìn thấy tất cả nhưng mệt mỏi và không còn hứng thú. Đó là thái độ ông dành cho mọi tác phẩm được in ra giấy trắng mực đen, đặc biệt là các tác phẩm của bà. Tuy nhiên, khi nhìn bà, vẻ mặt đó tan biến đi gần như ngay lập tức, thay vào đó là một khuôn mặt dịu dàng của một người chồng từng giúp bà vượt qua giai đoạn tồi tệ nhất của đời mình, người không đòi hỏi những gì bà không thể đem

đến, người luôn ép bà phải uống một cốc sữa vào mỗi sáng lúc mười một giờ và thi thoảng cũng thành công.

“Chào anh”, bà nói.

“Chào em. Giấc ngủ của em thế nào?”

Giấc ngủ của bà thế nào, ông hỏi, như thế ngủ không phải là một hoạt động, mà là một sinh vật ngoan ngoãn để bảo hoặc ương ngạnh hung dữ. Virginia nói, “Không có gì đặc biệt. Mấy bản in thử này của Tom đúng không?”.

“Đúng vậy.”

“Chúng thế nào?”

Ông lại cau mày. “Anh đã tìm ra một lỗi, mà vẫn chưa đọc hết trang thứ hai.”

“Chỉ là một lỗi in ở phần đầu thôi mà. Anh không nghĩ vẫn còn quá sớm trong ngày để bực mình sao?”

“Em ăn sáng chưa?”, ông hỏi.

“Em ăn rồi.”

“Nói dối.”

“Em đã uống cà phê với kem cho bữa sáng. Thế là đủ.”

“Còn lâu mới là đủ. Anh sẽ bảo Nelly mang cho em bánh sữa và ít trái cây.”

“Nếu anh bảo Nelly tới quấy rầy em, em sẽ không chịu trách nhiệm về các hành động của mình đâu đấy.”

“Em cần phải ăn”, ông nói. “Cũng không nhiều nhận gì đâu.”

“Em sẽ ăn sau. Bây giờ em phải bắt tay vào làm việc đây.”

Ông do dự, rồi bất đắc dĩ gật đầu. Ông sẽ không can thiệp vào công việc của bà. Dầu vậy, việc Virginia từ chối ăn không phải là một dấu hiệu tốt.

“Em sẽ phải ăn trưa”, ông nói. “Một bữa trưa đúng nghĩa, bao gồm xúp, bánh pudding và tất cả các món khác. Và anh sẽ ép em phải ăn nếu cần thiết.”

“Em sẽ ăn trưa”, bà nói, với vẻ mặt kiên nhẫn nhưng không phải là bức bối. Bà đứng đó, dong dỏng và hốc hác, thật lạ thường trong chiếc áo khoác với tách cà phê còn bốc khói trên tay. Đôi lúc bà vẫn làm ông kinh ngạc. Bà có thể là người phụ nữ thông minh nhất nước Anh, ông nghĩ. Có thể người ta sẽ tìm đọc những cuốn sách của bà trong hàng thế kỷ nữa. Ông tin điều này một cách mãnh liệt hơn bất cứ ai khác. Và bà là vợ ông. Bà là Virginia Stephen, dong dỏng và nhợt nhạt, khiến người ta phải sửng sờ như đang đứng trước một bức tranh của Rembrandt[11] hay Velázquez[12], xuất hiện hai mươi năm trước trong căn phòng của anh trai bà tại Cambridge trong chiếc váy trắng tinh khôi và bà cũng là Virginia Woolf, đang đứng đối diện với ông lúc này. Bà đã già đi một cách ghê gớm chỉ trong năm nay, như thể có một lớp không khí đã rò rỉ ra dưới làn da bà. Bà trở nên hốc hác và kiệt quệ. Bà trông giống như bức tượng được tạc nên từ đá cẩm thạch trắng xám và rất xấu. Trông bà vẫn sang trọng, vẫn thanh tú, vẫn sở hữu ánh hào quang bàng bạc của một vàng trắng kiêu hãnh, nhưng không còn xinh đẹp nữa.

“Được thôi”, ông nói, “Anh sẽ kiên nhẫn ở lại đây”.

Bà rón rén quay lên cầu thang để không làm Nelly chú ý (tại sao bà luôn cảm thấy không tự nhiên khi có mặt những người làm trong nhà nhỉ?). Bà quay vào phòng làm việc của mình, lặng lẽ đóng cửa lại. Thế là thoát. Bà kéo rèm cửa ra. Bên ngoài, sau lần cửa kính, Richmond tiếp tục đắm mình trong giấc mộng tao nhã và yên bình của nó. Những luống hoa và bờ giậu được chăm sóc cẩn thận, cửa chớp được sơn mới trước khi chúng cần tới điều đó. Những người láng giềng mà bà không hề quen biết đang bận bịu

làm những việc dở dang sau các bức màn và cửa chớp của những ngôi biệt thự xây bằng gạch đỏ. Bà chỉ có thể nghĩ tới những căn phòng u ám và mùi đồ ăn nấu quá chín nhạt nhẽo. Bà quay người rời khỏi cửa sổ. Nếu bà có thể khỏe mạnh và minh mẫn, nếu bà có thể duy trì cân nặng của mình ít nhất ở mức chín stone rưỡi [13], bà sẽ có thể thuyết phục được Leonard quay trở lại London. Thời gian nghỉ ngơi trị liệu, tại ngôi biệt thự ngoại ô bằng gạch đỏ giữa các luống hoa phi yến, sẽ được coi là thành công và khi đó bà sẽ được kết luận là bình phục để quay lại thành phố. Bữa ăn trưa, phải rồi, bà sẽ ăn trưa. Đáng ra bà nên ăn cả bữa sáng, nhưng bà không thể chịu nổi sự gián đoạn mà nó gây ra, cũng như việc phải tiếp xúc với Nelly. Bà sẽ viết trong một giờ hoặc lâu hơn, sau đó ăn chút gì. Không ăn gì là một thói xấu khó bỏ, một loại ma túy - khi dạ dày rỗng không, bà cảm thấy nhanh nhẹn và minh mẫn hơn, sẵn sàng cho một cuộc tranh đấu. Bà nhấp một ngụm cà phê, đặt tách xuống, vươn thẳng hai cánh tay ra. Đây là một trong những trải nghiệm đặc biệt nhất, thức dậy vào thời điểm bà có linh cảm sẽ là một ngày tốt lành, chuẩn bị làm việc nhưng vẫn chưa thực sự bắt tay vào việc. Vào khoảnh khắc này, vẫn còn trước mắt vô vàn những khả năng khác nhau, những thời khắc dài trọn vẹn. Tâm hồn bà đang khe khẽ thì thầm. Sáng nay bà có thể sẽ đi xuyên qua được tấm màn đen dày đặc, khai thông những đường hầm bị tắc nghẽn để tìm thấy đồng vàng mười. Bà có thể cảm nhận thấy bên trong mình một bản thể thứ hai, với mọi đặc tính song không thể mô tả được, hay đúng hơn là một bản thể trong sạch hơn đang tồn tại song song. Nếu là người sùng đạo, hẳn bà sẽ gọi bản thể đó là linh hồn. Nó còn nhiều hơn tất cả trí tuệ và cảm xúc của bà cộng lại, hơn tất cả mọi trải nghiệm của bà, cho dù nó chạy len lỏi như mạch vàng qua cả ba thứ đó. Đây là một trực giác nội tại có khả năng nhận biết những bí ẩn sống động của thế giới vì nó được tạo thành từ một loại vật liệu. Nếu may mắn, bà có thể viết ra qua trực giác đó. Viết ở trạng thái này là sự thỏa mãn cao độ nhất mà bà từng biết, nhưng khả năng đó luôn thoáng đến thoáng đi không hề báo trước. Bà có thể cầm bút lên, lần theo nó khi nó lướt đi trên trang giấy; bà có thể cầm bút lên để rồi phát hiện ra mình chỉ đơn thuần là một phụ nữ đang choàng trên mình chiếc áo khoác mặc trong nhà và cầm trong tay một

cây bút, sợ hãi và bối rối, chỉ có một chút ít năng lực, nhưng không hề có ý tưởng nào về việc nên bắt đầu từ đâu hay viết về cái gì.

Bà cầm bút lên.

Bà Dalloway nói bà sẽ tự mình đi mua hoa.

Bà Brown

Bà Dalloway nói bà sẽ tự mình mua hoa.

Lucy đã có phần việc của mình. Những cánh cửa cần được tháo ra khỏi bản lề và người của Rumpelmayer sắp đến. Clarissa Dalloway thầm nghĩ, một buổi sáng mới tuyệt vời làm sao, tươi tắn làm sao, như thể được tạo ra để dành cho những đứa trẻ trên một bãi biển.

Los Angeles. Năm 1949.

Laura Brown đang cố gắng buông thả chính mình. Không, không hẳn là thế - cô đang cố giữ lấy mình bằng cách mở ra một lối vào thế giới khác đang tồn tại song song. Cô úp cuốn sách vào ngực mình. Vào lúc này, phòng ngủ của cô (không, phòng ngủ của *họ* mới phải) có vẻ đã trở nên thực và sống động hơn, vì Dalloway đang trên đường đi mua hoa. Laura đưa mắt nhìn cái đồng hồ đặt trên bàn. Đã quá bảy giờ từ lâu. Tại sao cô lại mua cái đồng hồ này nhỉ, món đồ gồm ghiếc với chiếc mặt vuông màu xanh lục đóng khung trong hình một cái quách chữ nhật bằng nhựa Bakelite đen kịt - làm thế nào cô lại nghĩ nó là một món đồ sành điệu cơ chứ? Đáng ra cô không được đọc sách, nhất là vào buổi sáng hôm nay trong tất cả các buổi sáng trên đời; đáng ra cô không được phép làm thế vào sinh nhật Dan. Đáng ra cô phải ra khỏi giường, tắm rửa, mặc quần áo, chuẩn bị bữa sáng cho Dan và Richie. Cô có thể nghe thấy tiếng hai người dưới nhà, chồng cô đang chuẩn bị bữa sáng, đồng thời chăm lo cho Richie. Đáng ra cô phải có mặt dưới đó, phải không nào? Đáng ra cô phải đứng trước bếp trong một chiếc váy mới, không ngớt nói những câu động viên đơn giản. Dầu vậy, khi cô mở mắt ra vài phút trước (cũng đã sau bảy giờ rồi!) - khi cô vẫn chìm trong mơ, một âm thanh giống như tiếng va đập của máy móc từ xa vọng lại, tiếng đập đều đặn như của một quả tim bằng cơ khí khổng lồ, mỗi lúc một sát lại gần hơn

- cô cảm thấy sự ẩm ướt nhớp nháp bao quanh mình, cảm giác của một người đang chơi với ở một nơi vô định và biết rằng ngày mới sẽ là một ngày khó khăn. Cô sẽ gặp rắc rối khi tin vào chính mình, trong những căn phòng của ngôi nhà cô đang sống và khi đưa mắt nhìn về phía cuốn sách mới trên bàn, nó nằm bên trên cuốn sách cô mới đọc xong tối hôm qua, cô tự động với lấy nó, như thể đọc là nhiệm vụ duy nhất và hiển nhiên nhất của ngày hôm nay, là cách thức duy nhất để trải qua thời gian chuyển tiếp từ giấc ngủ sang các bốn phận đời thường. Bởi cô đang mang thai, cô được quyền cho phép mình có những quãng chuyển tiếp như thế. Vào lúc này, cô cho phép mình nằm trên giường đọc sách, khóc toáng lên hay nổi cáu mà chẳng cần lý do gì.

Cô sẽ đền bù lại bữa sáng bằng cách nướng cho Dan một chiếc bánh sinh nhật hoàn hảo, bằng cách là quần áo thật phẳng phiu, bằng cách đặt một lọ hoa thật to (sẽ là những bông hồng chẳng?) lên chính giữa bàn và các món quà xung quanh nó. Như vậy là đủ để bù lại, đúng không nào?

Cô đọc thêm một trang nữa. Thêm một trang nữa để bình tâm lại, sau đó cô sẽ rời khỏi giường.

Khoan khoái làm sao! Ngây ngất làm sao! Với cô, dường như vẫn luôn như thế, khi cô đẩy tung hai cánh cửa sổ kiểu Pháp[14], cô có thể nghe thấy rõ những tiếng cọt két khe khẽ phát ra từ các bản lề và đắm mình vào bầu không khí thoáng đãng ở Bourton. Vào buổi sáng sớm, không khí ở đó thật tươi mới, bình yên, tất nhiên còn tĩnh lặng hơn cả lúc này; giống như cái vỗ nhẹ của một gợn sóng; cái hôn của một gợn sóng; lạnh lẽo, sắc buốt, nhưng (với một thiếu nữ mười tám tuổi như cô vào lúc đó) vẫn trang nghiêm, khi đứng trước khung cửa sổ mở rộng, rằng có điều gì đó đáng sợ sắp xảy ra; ngắm nhìn những bông hoa, thân cây với làn khói băng lảng và bầy quạ vụt bay lên rồi hạ xuống; cô cứ đứng đó nhìn trần trời cho tới khi Peter Walsh nói, “Mơ màng về các loại rau sao?”. - Có phải vậy không nhỉ? - “Em thích con người hơn là những bông cải.” - Phải thế không? Anh chắc chắn đã nói thế trong bữa sáng vào một ngày nọ, khi cô đã ra ngoài sân trước.

Peter Walsh. Có lẽ anh sẽ quay về từ Ấn Độ vào tháng Sáu hay tháng Bảy, cô đã quên mất là tháng nào, vì những lá thư của anh đều lủng củng đến mức kinh khủng; người ta nhớ về anh vì những điều anh đã nói, đôi mắt, con dao nhíp, nụ cười, tính cách cục cằn của anh và ngay cả khi triệu thứ khác đã hoàn toàn chìm ngấm vào quên lãng - thật lạ làm sao! - cô vẫn nhớ vài lời nói đại loại như thế về cái bấp.

Cô hít thật sâu. Đẹp quá, đẹp hơn rất nhiều so với... à, hơn bất cứ thứ gì khác, thật vậy. Trong một thế giới khác, có lẽ cô đã dành cả cuộc đời mình để đọc. Nhưng đây là thế giới mới, thế giới được cứu thoát[15] - nơi không có chỗ cho sự biếng nhác. Đã có quá nhiều thứ bị đe dọa và mất đi, quá nhiều người đã chết. Gần năm năm trước, chính Dan cũng được tin là đã chết ở Anzio[16] và hai ngày sau, rớt cuộc anh cũng được phát hiện ra là vẫn còn sống (anh và một người Arcadia[17] xấu số nào đó trùng tên nhau). Dường như anh đã được tái sinh, đã quay trở về, vẫn dịu dàng, vẫn mang trên mình mùi hương như trước, từ vương quốc của những người chết (những câu chuyện sau đó cô được nghe về Italia, về Okinawa và Saipan[18], về những bà mẹ Nhật Bản thà giết chết những đứa con của mình rồi tự sát chứ không chịu bị bắt làm tù binh) và khi quay trở về California, anh được đón chào còn hơn một anh hùng thông thường. Anh đã có thể (từ chính lời người mẹ đang hoảng hốt) có được bất cứ ai, bất kỳ cuộc đón rước huy hoàng nào, bất kỳ cô gái sôi nổi nào, thế nhưng dưới sự phù phép của một vị thần bí ẩn, đầy quyền năng và cũng tai ác một cách oái oăm, anh đã theo đuổi rồi cầu hôn chị gái cậu bạn thân nhất của mình, một nàng mọt sách, có vẻ mặt ngoại lai với đôi mắt sẫm màu năm sát nhau và chiếc mũi điều hâu kiểu Roma, một cô gái chưa từng được ai theo đuổi hay yêu mến; một cô gái luôn ở một mình với những cuốn sách. Cô gái có thể nói gì đây ngoài đồng ý? Làm sao cô gái có thể từ chối một chàng trai trẻ trung đẹp đẽ với một trái tim nhân hậu, một người gần như đã trở thành một thành viên của gia đình và mới trở về từ cõi chết?

Vậy là giờ đây cô gái ấy đã trở thành Laura Brown. Laura Zielski, cô gái cô

độc, con mọt sách không lúc nào ngừng đọc, đã biến mất và thay vào đó là bà Laura Brown.

Một trang, cô quyết định, chỉ một thôi. Cô vẫn chưa sẵn sàng, những việc phải làm đang đợi cô ở phía trước (mặc áo, chải lại mái tóc, đi xuống bếp) vẫn quá mong manh và khó nắm bắt. Cô sẽ cho phép mình nán thêm một phút nữa, trên chiếc giường này, trước khi bắt đầu ngày mới. Cô sẽ cho mình thêm chút thời gian nữa. Cô như bị cuốn theo một đợt sóng của cảm giác, một đợt thủy triều đang dâng lên trong lồng ngực, nâng cô nổi lên, giữ cho cô bồng bềnh, như thể cô là một sinh vật đang trôi dạt trên một bãi cát lại được trở lại mặt nước - như thể cô đã trở về từ một nơi có trọng lực quá nặng nề so với môi trường sống thực sự của cô, làn nước biển mặn và khối sáng chói lọi nhẹ bằng đang ôm ấp, mơn man cô.

Bà hơi cứng người lại bên lề đường, đợi chiếc xe tải nhỏ của hãng Durtnall lao qua. Scrope Purvis nghĩ bà là một phụ nữ duyên dáng (biết rõ bà như một người hàng xóm tại Westminster); ở bà có chút gì đó của loài giẻ cùi, với bộ lông sắc lam pha lục, nhẹ nhàng, đầy sức sống, cho dù bà đã ngoài năm mươi và trở nên nhợt nhạt kể từ khi mắc bệnh. Bà đứng đó, không thấy ông đâu cả, đợi để sang đường, lưng vươn thẳng.

Vì đã sống ở Westminster - Bao nhiêu năm rồi nhỉ? Hình như trên hai mươi - nên người ta luôn cảm thấy một điều gì đó, ngay cả khi đang đứng giữa dòng xe cộ hối hả hay lúc bình tĩnh giữa đêm khuya. Clarissa chắc chắn như vậy, đó là sự tĩnh lặng đặc biệt, hay trang nghiêm; một trạng thái ngưng đọng không thể mô tả thành lời; một khoảng ngừng (nhưng rất có thể đó là trái tim của bà đã bị ảnh hưởng bởi bệnh cúm, như người ta nói) trước khi Big Ben đổ chuông. Kia rồi! Tiếng chuông đã vang lên. Thoạt tiên là một âm báo, đầy âm sắc; sau đó là từng tiếng chuông báo giờ dứt khoát. Những vòng thời gian nặng nề hòa tan vào không trung. Chúng ta mới ngốc nghếch làm sao, bà nghĩ trong lúc băng qua phố Victoria. Vì chỉ có Chúa mới biết tại sao người ta lại yêu nó đến thế, bằng cách nào người ta nhìn ra nó như thế, tạo ra nó, xây lên nó, bắt thần đổ sập nó xuống, rồi dựng mới lại trong mỗi khoảnh khắc; nhưng thậm chí cả những kẻ ăn mặc lôi thôi

lẽch thếch nhất, những kẻ khốn cùng nhất, những kẻ đang đắm chìm trong nỗi thất vọng ngời trên các bậc thềm (nhắm nháp từng ngum suy sụp của chính họ) cũng làm điều tương tự; không thể giải quyết được bằng các đạo luật của Quốc hội, bà cảm thấy chắc chắn như thế, vì họ yêu cuộc sống này. Trong mắt mọi người, trong từng bước đi dằng dứng; trong những tiếng hò la, gào thét, những cỗ xe ngựa, xe hơi, xe buýt hai tầng, xe tải, người bán sandwich luồn lách chen nhau; những ban kèn đồng; những cây đàn organ có ống gió; trong những âm thanh hân hoan, những tiếng chuông rung và âm thanh giống như của một chiếc máy bay vừa lao vụt qua trên đầu chính là thứ bà yêu; đó là cuộc sống; đó là London; là khoảnh khắc tháng Sáu này.

Bằng cách nào, Laura tự hỏi, ai đó lại có thể viết ra một câu như thế - ai có thể cảm nhận mọi thứ chứa đựng được trong một câu văn như thế - lại tự kết liễu đời mình? Thế giới này có gì không ổn vậy? Cố vận hết ý chí, như thể chuẩn bị phải lao mình xuống làn nước lạnh cóng, Laura gập cuốn sách lại, để nó xuống mặt bàn. Cô không hề thấy khó chịu với con, với chồng mình. Cô sẽ dậy và tỏ ra vui vẻ.

Ít nhất, cô thầm nghĩ, cô sẽ không đọc các cuốn sách bí hiểm hay lãng mạn nữa. Ít nhất cô sẽ tiếp tục cải thiện tâm trí mình. Ngay lúc này đây, cô đang đọc tác phẩm của Virginia Woolf^[19], tất cả tác phẩm của bà ấy, lần lượt từng cuốn một - cô bị ngỡ ngàng trước ý nghĩ một người phụ nữ như thế, một người phụ nữ xuất chúng, khác lạ với nỗi buồn mê mẩn mang vô bờ bến đến thế; một phụ nữ đầy tài năng nhưng vẫn bỏ một tảng đá vào túi áo rồi trẫm mình xuống sông. Laura thích hình dung (đây là một trong những bí mật thầm kín nhất của cô) rằng bản thân cô cũng có chút gì đó xuất chúng, chỉ một chút thôi, cho dù cô biết phần lớn người đời đều mang theo mình những nghi vấn tương tự như thế, họ cuộn chặt nó lại trong nội tâm, không bao giờ bộc lộ ra ngoài. Cô băn khoăn tự hỏi, trong khi đẩy xe trong siêu thị hay lúc đi làm tóc, liệu tất cả những người phụ nữ còn lại đều ít nhiều có suy nghĩ đó: Đây là một trí tuệ xuất chúng, là người phụ nữ của muện phiền, của những niềm vui lớn lao, người đáng ra phải ở một nơi khác,

người đã chấp nhận thực hiện những công việc đơn giản (phần lớn là ngó ngẩn), chọn lựa cà chua, ngồi dưới chiếc máy sấy tóc, bởi vì đó là nghệ thuật và bốn phận của cô. Vì chiến tranh đã kết thúc, thế giới sống sót và chúng ta đang ở đây, tất cả chúng ta, tạo dựng những tổ ấm gia đình, có con và nuôi con, tạo ra không chỉ những cuốn sách hay bức tranh mà cả một thế giới - một thế giới trật tự, hài hòa, nơi những đứa trẻ được an toàn (dù không hạnh phúc), nơi những người đi trước từng phải chứng kiến vô số cảnh tượng kinh hoàng vượt quá sức tưởng tượng của con người, những người đã hành động can trường và chính trực, được quay về nhà bên khung cửa sổ sáng đèn, với hương thơm, với bàn ăn và khăn ăn đúng nghĩa.

Khoan khoái làm sao! Ngây ngất làm sao!

Laura rời khỏi giường. Một buổi sáng nóng nực và chói chang của tháng Sáu. Cô có thể nghe thấy tiếng chồng cô đi lại dưới nhà. Một chiếc vung bằng kim loại khẽ cọ lên rìa chiếc chảo. Cô cầm cái váy viền xanh nước biển từ chiếc ghế mới thay vỏ. Chiếc ghế thấp tròn, được viền bằng loại vải có những chấm hồng cam được giữ lại bằng dây buộc và những chiếc nút cùng màu được sắp xếp theo hình thoi. Trong cái nóng của buổi sáng tháng Sáu, khi chiếc váy vắt lên trên đã bị lấy đi, chiếc ghế trong bộ váy bọc mới tinh dường như có vẻ ngạc nhiên nhận ra mình là một cái ghế.

Cô đánh răng, chải lại mái tóc và rời bước xuống cầu thang. Cô dừng lại cách chân cầu thang mấy bậc, lắng nghe, chờ đợi; cô lại bị chiếm hữu (điều này hình như càng ngày càng tồi tệ hơn) bởi một cảm giác như đang mơ, như thể cô đang đứng bên cánh gà, chuẩn bị xuất hiện trên sân khấu và trình diễn trong một vở kịch trong khi vẫn chưa mặc trang phục phù hợp với nó và cô vẫn chưa được tập luyện đầy đủ vai phải diễn. Có chuyện gì không ổn nhỉ, cô tự hỏi. Chồng cô đang trong bếp, đây là đứa con trai bé nhỏ của cô. Tất cả những gì người đàn ông và cậu bé con cần ở cô là sự hiện diện và, tất nhiên rồi, tình yêu của cô. Cô cố vượt qua khao khát muốn lảng lạng trở lại trên gác, quay về với chiếc giường và cuốn sách của mình. Cố vượt qua tâm trạng bực dọc khi nghe thấy giọng nói của chồng, anh đang nói gì đó với Richie về những chiếc khăn ăn (tại sao thỉnh thoảng giọng nói của anh lại

khiến cô nhớ tới một củ khoai tây đang bị cạo vỏ). Cô bước xuống ba bậc cầu thang cuối cùng, đi qua phòng khách hẹp vào bếp.

Cô nghĩ tới chiếc bánh cô sẽ nướng, những bông hoa cô sẽ mua. Cô nghĩ tới lọ hoa hồng đặt giữa những món quà.

Chồng cô đã pha cà phê, lấy ngũ cốc cho anh và đưa con trai. Trên mặt bàn, một tá hồng trắng cắm trong lọ trưng ra một vẻ đẹp phức tạp. Qua thành thủy tinh trong suốt của chiếc lọ, Laura có thể nhìn thấy những bong bóng li ti như những hạt cát bám lấy các cuống hoa. Bên cạnh lọ hoa là hộp ngũ cốc và hộp giấy đựng sữa, với những dòng chữ và hình vẽ trên đó.

“Chào em”, chồng cô nói, hơi nhướn mày lên như thể anh ngạc nhiên nhưng cũng rất vui khi thấy cô.

“Chúc anh sinh nhật vui vẻ”, cô nói.

“Cảm ơn em.”

“Ôi, Dan. Những bông hồng này. Vào ngày sinh nhật. Quả thực anh hơi quá rồi đấy.”

Hình như anh cho rằng cô đang bực mình. Cô mỉm cười.

“Chúng cũng chẳng có ý nghĩa bao nhiêu nếu không có em, phải không nào?”, anh nói.

“Nhưng đáng ra anh phải đánh thức em dậy. Thật đấy.”

Anh đưa mắt nhìn Richie, đôi lông mày nhướn lên thêm chút nữa, khiến trán anh hiện ra các nếp nhăn, còn mái tóc đen óng mượt hơi co lại. “Anh cho rằng tốt hơn em nên ngủ thêm một chút, đúng không nào?”, anh nói.

Cậu bé Richie ba tuổi lên tiếng. “Đúng rồi.” Anh hăng hái gật đầu.

Anh mặc một bộ pyjama màu xanh. Anh cảm thấy rất hạnh phúc khi trông

thấy cô và còn hơn cả hạnh phúc, anh được cứu thoát, được tái sinh, được trải qua những xúc động mạnh mẽ bởi tình yêu. Laura đưa tay về phía túi chiếc váy đang mặc, định tìm một liều thuốc lá, nhưng rồi đổi ý đưa tay lên vuốt tóc. Quả là gần như hoàn hảo, gần như đầy đủ, khi được làm một bà mẹ trẻ trong căn bếp sơn vàng, đưa tay lên vuốt mái tóc dày sẫm màu của mình, trong lúc mang thai một đứa con nữa. Có những chiếc lá đổ bóng lên các tấm rèm; có cà phê mới pha đang sẵn sàng.

“Chào con, Bug”, cô nói với Richie.

“Con đang ăn ngũ cốc”, con trai cô đáp. Cậu bé cười toe toét. Hay đang liếc nhìn cô với vẻ tinh nghịch thích thú. Rõ ràng cậu bé rất yêu cô; cậu bé vừa buồn cười vừa đáng thương. Cậu con trai đôi lúc làm cô nghĩ tới một chú chuột mê mẩn hát những bản ballad về tình yêu dưới cửa sổ phòng một người đàn bà khổng lồ.

“Tốt”, cô trả lời. “Rất tốt.”

Cậu bé lại gật đầu, như thể họ cùng chia sẻ một bí mật.

“Nhưng một cách trung thực”, cô nói với chồng.

“Tại sao anh phải đánh thức em dậy?”, anh hỏi lại. “Sao em lại không ngủ thêm chút nữa?”

“Hôm này là *sinh nhật* anh.”

“Em cần nghỉ ngơi.”

Anh thận trọng khẽ vỗ lên bụng cô, như thể đó là vỏ của một quả trứng luộc chưa kĩ. Chưa thể nhìn thấy rõ; biểu hiện duy nhất của cô là hay buồn nôn nhưng rõ ràng có thứ gì đó cựa quậy trong bụng. Cô và chồng cùng con trai là những người đầu tiên sống trong ngôi nhà này. Bên ngoài nhà là một thế giới đầy ắp giá hàng, sóng phát thanh đầy ắp âm nhạc, từng người từng người rảo bước trên đường phố, những chàng trai từng trải qua mất mát

cùng nỗi sợ hãi còn kinh hoàng hơn cái chết, những người đã tình nguyện cống hiến tuổi hai mươi của mình và giờ đây, nghĩ tới năm họ bước sang tuổi ba mươi và xa hơn nữa, không còn chút thời gian rảnh rỗi nữa. Quãng thời gian rèn luyện trong chiến tranh đã giúp họ trở thành những con người có ích. Họ cứng cỏi và mạnh mẽ. Họ thức dậy lúc bình minh mà không một lời than phiền.

“Em thích chuẩn bị bữa sáng cho anh”, Laura nói. “Em thấy khỏe mà.”

“Anh có thể chuẩn bị bữa sáng. Không phải chỉ vì anh thức dậy từ lúc mờ sáng mà em cũng phải làm thế.”

“Em muốn thế.”

Chiếc tủ lạnh kêu rì rì. Một con ong bướng bỉnh đập mạnh liên hồi vào khung cửa sổ. Laura lấy gói Pall Malls[20] trong túi ra. Cô hơn anh ba tuổi (có điều gì đó tai tiếng một cách mơ hồ, điều gì đó khiến người ta bối rối); một người phụ nữ với đôi vai rộng, góc cạnh, tóc đen, khuôn mặt đượm vẻ ngoại lai, cho dù gia đình cô đã thất bại trong việc tìm thấy sự giàu có ở đất nước này từ hơn một trăm năm nay. Cô rút một điếu ra khỏi bao, rồi đối ý cho nó trở lại vào trong.

“Được rồi”, anh nói. “Nếu em thực sự muốn anh làm thế, sáng mai anh sẽ đánh thức em dậy lúc sáu giờ.”

“Vâng.”

Cô rót cho mình một tách cà phê mà anh đã chuẩn bị. Cô quay lại bên anh, trên tay cầm tách cà phê còn bốc hơi nghi ngút, rồi hôn lên má anh. Anh phát lên mừng cô, trìu mến và lơ đãng. Lúc này anh không còn nghĩ đến cô nữa. Anh đang nghĩ tới tương lai, tới việc lái xe vào trung tâm thành phố, tới ánh vàng son bình lặng của đại lộ Wilshire, nơi những cửa hàng vẫn đóng cửa và mới chỉ có những khuôn mặt vui vẻ hăng hái nhất của những chàng trai ưa dậy sớm giống như anh xuất hiện, họ đi lại dưới ánh mặt trời

vẫn còn chưa lẫn chút bụi nào của ban ngày. Văn phòng của anh hẳn sẽ hoàn toàn yên ắng, những chiếc máy chữ ở chỗ thư ký vẫn còn phủ khăn che và anh cũng như vài người cùng độ tuổi sẽ có hẳn một giờ đồng hồ hay nhiều hơn nữa để giải quyết các công việc giấy tờ trước khi các máy điện thoại bắt đầu đổ chuông. Có những lúc, thực tế dường như tuyệt vời đến mức không thể tin nổi, khi anh có trong tay một văn phòng và một ngôi nhà mới hai phòng ngủ, những trách nhiệm và quyết định, những bữa trưa hối hả kèm những câu đùa bỡn.

“Những bông hồng đẹp lắm”, Laura nói. “Làm thế nào anh có được chúng sớm vậy?”

“Bà Gar đã có mặt ở tiệm của bà ấy lúc sáu giờ. Anh chỉ việc gõ lên cửa kính cho tới khi bà ấy cho anh vào.” Anh nhìn đồng hồ, mặc dù biết rõ lúc này là mấy giờ. “Ồ, anh phải đi rồi.”

“Chúc anh một ngày tốt đẹp.”

“Em cũng thế.”

“Chúc sinh nhật vui vẻ.”

“Cảm ơn em.”

Anh đứng dậy. Trong một hồi lâu, cả hai người đắm chìm trong khoảnh khắc tiễn anh ra khỏi nhà: lấy áo khoác và cặp; những cái hôn tới tấp; những cái vẫy tay về phía anh của Laura và Richie trên khung cửa trong khi anh quay lưng bước qua bãi cỏ ra xe. Bãi cỏ của nhà họ được tưới nước chăm chỉ đến mức thái quá, ánh lên một màu xanh lấp lánh, gần như không vương bụi trần. Laura và Richie đứng như hai khán giả đang xem cuộc diễu binh trong lúc anh lái chiếc Chevrolet màu xanh theo đoạn đường ngắn dẫn ra phố. Anh thành thói vẫy tay chào thêm một lần nữa từ sau tay lái.

“Được rồi”, cô nói, sau khi chiếc xe đã đi khuất. Cậu bé ngấm cô đầy trùi mền, trông đợi. Cô là nguyên tố tạo ra sinh khí, là sự sống của ngôi nhà.

Những căn phòng nhiều khi quá rộng; đôi lúc, chúng dường như chứa đựng những thứ mà cậu bé chưa bao giờ thấy trước đó. Cậu nhìn cô và đợi.

“Được, đến lúc rồi”, cô nói.

Lúc này chính là khoảnh khắc giao thời của một ngày. Khi có sự hiện diện của chồng, cô thấy bồn chồn hơn nhưng cũng ít sợ hãi hơn. Cô biết cần hành động ra sao. Ở nhà một mình với Richie, đôi lúc cô cảm thấy không thể kiểm soát được. Cậu bé muốn những gì nó muốn một cách say mê cực độ. Nó khóc một cách khó hiểu, đưa ra những yêu cầu không tài nào giải mã được, lảng nhãng bám chặt lấy cô, năn nỉ nài xin cô, có lúc tảng lờ cô. Dường như con trai cô luôn trong trạng thái chờ đợi xem cô sẽ làm gì tiếp theo. Cô biết, hay ít nhất cũng nghi ngờ, rằng những bà mẹ khác nhất thiết phải duy trì một loạt các nguyên tắc để hướng dẫn chính mình trải qua một ngày sống bên cạnh một đứa trẻ. Khi chồng có nhà, cô có thể làm được điều đó. Cô có thể thấy anh đang dõi theo cô và cô biết cần làm thế nào để đối xử với con trai mình vừa cứng rắn vừa dịu dàng, với tình mẫu tử đầy trù mến một cách tự nhiên. Tuy vậy, khi chỉ còn lại một mình cùng đứa trẻ, cô trở nên mất phương hướng. Cô không nhớ được một bà mẹ thì nên hành xử như thế nào.

“Con cần ăn nốt cho xong bữa sáng của mình”, cô nói với con.

“Vâng”, cậu bé đáp.

Hai mẹ con quay vào trong bếp. Chồng cô đã rửa chiếc tách uống cà phê của anh, lau khô và cất nó đi. Cậu bé ngồi xuống, tiếp tục ăn một cách máy móc, xuất phát từ vâng lời nhiều hơn ngon miệng. Laura rót cho cô thêm một tách cà phê nữa, rồi ngồi xuống bên bàn. Cô châm một điếu thuốc lá.

... Những âm thanh hân hoan, những tiếng chuông rung và âm thanh giống như của một chiếc máy bay vừa lao vụt qua trên đầu chính là thứ bà yêu; đó là cuộc sống; đó là London; là khoảnh khắc tháng Sáu này.

Cô phả ra một đám khói xám đặc quánh. Và cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Cô

đã thức tới hơn hai giờ sáng để đọc sách. Cô áp tay lên bụng - liệu điều đó có hại cho đứa bé không, khi cô ngủ ít đến vậy? Cô vẫn chưa hỏi bác sĩ về chuyện đó; cô sợ anh sẽ yêu cầu cô chấm dứt hoàn toàn thói quen đọc sách. Cô tự hứa tối nay sẽ đọc ít hơn. Muộn lắm là đến nửa đêm cô sẽ đi ngủ.

Cô nói với Richie, “Con đoán xem chúng ta sẽ làm gì hôm nay nào? Chúng ta sẽ làm một cái bánh để mừng sinh nhật bố.Ồ, chúng ta sẽ có một việc rất lớn phải làm đấy.”

Cậu bé nghiêm chỉnh gật đầu với vẻ trầm ngâm. Dường như con trai cô chưa bị thuyết phục về điều đó.

Cô nói, “Chúng ta sẽ làm cho bố chiếc bánh tuyệt nhất. Chiếc bánh tuyệt nhất. Con có nghĩ đó là một ý nghĩ hay không?”.

Một lần nữa, Richie lại gật đầu. Cậu bé đợi để xem xem điều gì sẽ diễn ra sau đó. Laura quan sát con trai qua tấm màn mờ mờ của làn khói thuốc. Cô sẽ không lên gác và quay lại với cuốn sách của mình. Cô sẽ ở lại. Cô sẽ làm tất cả những gì cần làm và có thể còn hơn thế nữa.

Bà Dalloway

Clarissa ôm chỗ hoa vừa mua ở tiệm tới đường Spring. Bà hình dung ra Barbara vẫn đang đứng trong không gian tranh tối tranh sáng dịu mát phía bên kia cánh cửa, tiếp tục sống trong quá khứ, đó là điều Clarissa không thể thôi nghĩ tới (theo một cách nào đó, nó có liên quan tới nỗi phiền muộn của Barbara, cũng như những dải ruy băng treo tường trong tiệm) trong khi bản thân bà đang bước đi trong thực tại: có một cậu bé gốc Hoa nhấp nhồm đạp xe lao vụt qua bên cạnh; con số 281 mạ vàng trên tấm kính đen; những chú chim bồ câu rải rác đây đó với đôi chân có màu của những cục tẩy (một con chim đã bay vụt vào qua khung cửa sổ đang mở của phòng học một cách rất đáng sợ khi bà học lớp Bốn); đường Spring; và đây là bà, với một bó hoa to trong tay. Bà sẽ ghé qua căn hộ của Richard xem ông ra sao (gọi điện thoại chỉ vô ích vì ông không bao giờ trả lời), nhưng trước tiên bà bước tới và đứng lại, với một vẻ đầy trông đợi, không quá gần toa moóc nơi cái đầu nổi tiếng vừa ló ra lúc nãy. Một đám đông nho nhỏ đang xúm lại ở đó, phần lớn là khách du lịch và Clarissa đứng bên hai cô gái trẻ, một cô có mái tóc nhuộm màu hoàng yến, còn cô gái kia nhuộm tóc màu bạch kim. Clarissa tự hỏi liệu hai cô gái cố tình làm như thế có phải để gọi nhớ tới mặt trời và mặt trăng không nhỉ.

Mặt Trời nói với Mặt Trăng, “Đó là Meryl Streep, chắc chắn là Meryl Streep”.

Clarissa không khỏi thấy phấn khích. Bà đã đúng. Người ta luôn cảm thấy hài lòng khi biết ý kiến của mình được ai đó chia sẻ.

“Không thể nào”, Mặt Trăng nói. “Đó là Susan Sarandon.”

Không thể là Susan Sarandon, Clarissa nghĩ. Có thể là Vanessa Redgrave, nhưng chắc chắn không thể là Susan Sarandon.

“Không”, Mặt Trời nói, “đó là Streep. Tin tớ đi”.

“Không phải là Meryl Streep.”

“Phải. Chắc chắn phải.”

Clarissa đứng đó với cảm giác đầy tội lỗi, ôm lấy những bông hoa, hy vọng ngôi sao nọ sẽ lộ mặt ra lần nữa, đồng thời cũng bối rối trước sự quan tâm của chính mình. Bà không phải là người quá vồn vã thích sẵn đón những người nổi tiếng và phần lớn những người khác cũng vậy, nhưng không thể cưỡng lại sự thu hút về phía vầng hào quang của danh tiếng - và còn hơn cả danh tiếng, thực ra có thể gọi là sự bất tử - được tạo ra bởi sự hiện diện của một ngôi sao điện ảnh trên một toa xe moóc tại góc giao giữa đường MacDougal và đường Spring. Hai cô gái đứng bên Clarissa chắc mới hai mươi tuổi hoặc trẻ hơn, khỏe khoắn, so vai đứng chen nhau, tay xách nách mang linh kính những chiếc túi màu mè của các cửa hàng hạ giá; hai cô gái này rồi sẽ lớn lên, tới tuổi trung niên rồi về già, khô héo hay phát phì; những nghĩa trang nơi họ được chôn cất rồi sẽ chìm vào cảnh hoang tàn, cỏ dại mọc đầy, chó tìm đến gặm xương vào ban đêm; và khi tất cả những gì còn lại của hai cô gái là vài mảnh bạc trám răng bị vùi lấp dưới lòng đất thì người phụ nữ trong toa xe moóc, dù cô ta là Meryl Streep hay Vanessa Redgrave, thậm chí là Susan Sarandon đi nữa, vẫn sẽ được người đời biết đến. Cô ta sẽ tồn tại trong các kho lưu trữ, trong các cuốn sách; giọng nói của cô ta sẽ được lưu trữ cùng những hiện vật quý giá khác. Clarissa cho phép mình tiếp tục đứng đó, ngơ ngẩn như bất cứ người hâm mộ nào, khắp khởi hy vọng được thấy ngôi sao xuất hiện. Phải, chỉ vài phút nữa thôi, trước khi cảm giác mất mặt trở nên không thể chịu đựng được nữa. Bà nán lại trước toa moóc với bó hoa trên tay. Chăm chú quan sát cánh cửa. Vài phút đã trôi qua (thật ra là gần mười phút, dù bà ghét cay ghét đắng phải thừa nhận chuyện này), bà đột ngột bỏ đi một cách đầy phần nộ, như thể đã bị lừa dối và rảo bước qua mấy khối nhà theo hướng vào trung tâm thành phố để tới căn hộ của Richard.

Khu vực này một thời từng là trung tâm của một thứ gì đó mới mẻ và hoang dại; một thứ đầy tai tiếng; nơi tiếng đàn guitar vọng ra suốt đêm từ các quán bar và quán cà phê; nơi các cửa hàng sách và quần áo tỏa ra mùi mà bà hình dung sẽ bắt gặp trong các khu chợ Ả Rập: đó là mùi trầm hương sức nước, mùi gì đó khăn khăn, mùi của một loại gỗ thơm nào đó (bách hương hay long não?), thứ gì đó có mùi của quả ung; nếu chọn nhầm cánh cửa hay con hẻm để bước vào, có thể bạn sẽ phải đối diện với cuộc gặp gỡ định mệnh: không đơn giản là đe dọa trấn lột hay hành hung thông thường mà là một thứ tai ác và biến thái hơn, thường trực hơn. Tại đây, ở chính nơi này, tại chính góc đường này, bà đã đứng cùng Richard năm ông mười chín tuổi - khi Richard còn là một thanh niên tóc đen có khuôn mặt cương nghị, đôi mắt lạnh lùng, không hẳn đẹp trai, với cái cổ trắng dài nhưng duyên dáng đến mức không thể tin nổi - họ đã đứng đây và tranh luận... về cái gì nhỉ? Một nụ hôn chẳng? Có phải Richard đã hôn bà, hay chính bà, Clarissa tin rằng Richard sắp sửa hôn mình và tìm cách trốn tránh nó? Tại đây, nơi góc đường này (đối diện với chỗ trước đây từng là nơi bán ma túy, còn hiện giờ là cửa hàng bán đồ ăn sẵn) hai người từng hôn nhau, mà cũng có thể là không, nhưng chắc chắn họ đã tranh luận và ngay tại đây, hay ở chỗ nào khác không lâu sau đó, hai người đã chấm dứt cuộc thử nghiệm nho nhỏ của họ, vì Clarissa muốn có tự do và Richard muốn, phải rồi, quá nhiều, chẳng phải ông vẫn luôn như thế sao? Ông muốn quá nhiều. Bà từng nói với ông rằng những gì xảy ra trong mùa hè chính xác là như thế. Tại sao ông lại muốn bà, một cô gái hay nhăn nhó và dè dặt, chẳng có tí ngực nào (bằng cách nào ông lại có thể trông đợi bà tin vào đam mê của mình?), trong khi ông cũng biết rõ những khao khát sâu đậm nhất của mình nghiêng về đâu, trong khi ông đã có Louis, một Louis với đôi chân săn chắc và không hề ngu ngốc, một chàng trai mà Michelangelo [21] sẽ rất vui lòng được vẽ lại? Liệu đó có phải chỉ đơn thuần là một ý tưởng đầy thi vị nữa của Richard về bà? Hai người không gây ra một cuộc cãi cọ âm ỉ hay màn động chân động tay nào, chỉ đơn giản là một cuộc cãi nhau vặt vãnh ở góc đường - không chuyện gì có thể làm tổn hại tới tình bạn giữa hai người - dẫu vậy, khi hồi tưởng lại, bà cảm thấy chuyện đó dường như thật rõ ràng; dường

như đó chính là khoảnh khắc một khả năng chấm dứt và được thay thế bằng một khả năng khác. Ngày hôm đó, sau cuộc cãi vã (hay có thể là trước đó), Clarissa đã mua một gói trầm hương và một chiếc áo khoác cũ bằng lông lạc đà không bướu màu xám, với những chiếc cúc bằng xương hình hoa hồng. Richard rốt cuộc đã bỏ đi châu Âu cùng Louis. Lúc này Clarissa tự nhủ, chuyện gì đã xảy ra với chiếc áo khoác lông đó nhỉ? Đường như bà đã có nó trong nhiều năm nhưng rồi đột nhiên không thấy đâu nữa.

Bà rẽ xuống đường Bleeker, rồi đi ngược lên Thompson. Khu vực này ngày nay chỉ là sự bắt chước của chính nó trước kia, một ngày hội kém thú vị dành cho khách du lịch và Clarissa, ở tuổi năm mươi hai, biết rằng phía sau những cánh cửa và trong những con hẻm kia ẩn chứa những con người đang sống cuộc sống của họ, không hơn không kém. Thật lố bịch, một số quán bar và quán cà phê vẫn còn ở đây, lúc này đã được nhất loạt chỉnh sửa lại y như nhau theo đúng gu ưa thích của những người Đức và người Nhật. Tất cả các cửa hàng nói chung đều bán cùng một thứ: áo phong lưu niêm, đồ bạc và áo khoác da rẻ tiền.

Tới tòa nhà nơi Richard sống, bà bước qua cánh cửa dẫn vào tiền sảnh và nghĩ tới từ “bần thiêu”, như bà vẫn thường nghĩ. Lối vào tòa nhà minh họa hoàn hảo cho khái niệm bần thiêu. Nơi này bần đến mức khủng khiếp, đến mức vẫn khiến bà ít nhiều kinh ngạc, ngay cả sau từng ấy năm. Nó khiến bà ngạc nhiên giống như cách một món đồ quý hiếm hay một tác phẩm nghệ thuật vẫn tiếp tục làm người ta ngỡ ngàng; chỉ đơn thuần vì nó tồn tại qua thời gian một cách toàn vẹn. Thật ngạc nhiên làm sao, những bức tường màu be đã nhạt nhòa, ít nhiều giống như màu của một chiếc bánh bột dong; đèn huỳnh quang lắp trên trần đang tỏa ra những luồng sáng chập chờn lập lòe như sóng nước. Tệ hơn nữa - hơn rất nhiều - là gian tiền sảnh nhỏ xíu chật chội đã được cải tạo nửa vời một thập kỷ trước. Lúc này trông nó còn đáng ngán hơn nhiều, với tấm vải nhựa trải sàn in hình gạch men trắng lấm lấm và cây sanh giả, so với bộ dạng hư nát ban đầu. Chỉ có những miếng đá cẩm thạch ốp chân tường cũ - màu lông của ngựa giống palomino [22], có những vân xanh biển và xám, với những mảng nổi lên vàng sẫm như khói,

giống như một thứ pho mát mịn để lâu, giờ đây đang bị những bức tường vàng ệch nhại lại một cách thật gớm ghiếc - cho biết nơi đây đã từng có thời là một tòa nhà ít nhiều có đẳng cấp; rằng đã có lúc những niềm hy vọng được nuôi dưỡng tại đây, rằng khi bước vào tiền sảnh này, người ta đã trông đợi sẽ tìm thấy một nơi có phong cách, một nơi chứa đựng điều gì đó đáng để sở hữu.

Bà vào trong thang máy, đó là một gian buồng tí xiu được ốp những tấm kim loại giả vân gỗ và chói lóa đến mức gần như trắng bệch bởi một thứ ánh sáng cường độ cao; rồi bà bấm nút chọn lên tầng năm. Cửa thang máy cọt kẹt đóng lại. Không có gì xảy ra. Tất nhiên rồi. Thang máy ở đây chỉ thỉnh thoảng mới hoạt động; trên thực tế, chỉ khi cần thiết lắm, người ta mới từ bỏ nó để đi bằng cầu thang bộ. Clarissa bấm chiếc nút có chữ O màu trắng đã sứt mẻ và sau một hồi do dự, cánh cửa lại cọt kẹt mở ra. Bà luôn sợ bị kẹt lại giữa các tầng trong cái thang máy này - bà rất dễ dàng hình dung ra quãng thời gian chờ đợi dài đằng đặc; tiếng kêu gào gọi cứu giúp tới những người thuê nhà có thể nói được tiếng Anh hoặc không, họ có thể bận tâm mà cũng có thể lơ đi; nỗi sợ hãi khiến người ta chờ dãn và cứng lại như đã chết khi phải đứng một mình, trong một khoảng thời gian tương đối dài, trong khoảng không gian trống rỗng sáng lóa và ngột ngạt này, có thể nhìn hoặc không nhìn vào hình ảnh méo mó của chính mình trong chiếc gương tròn mờ đục treo trên góc cao bên phải. Quả thực sẽ tốt hơn nhiều khi phát hiện ra thang máy không hoạt động và đi bộ lên năm tầng gác. Được tự do vẫn tốt hơn nhiều.

Bà leo lên cầu thang, cảm thấy vừa mệt mỏi vừa háo hức, giống như một cô dâu - vẫn còn trong trắng - với bó hoa to trên tay. Những bậc cầu thang sứt mẻ, mòn vẹt ở khoảng giữa, được làm bằng một thứ vật liệu đặc biệt nào đó màu cà phê sữa, có vẻ giống như cao su. Tại mỗi chỗ trong bốn đầu cầu thang, một khung cửa sổ mở ra cho phép người ta có thể nhìn thấy những dây phơi đầy quần áo; trên đó là những tấm ga trải giường bằng vải hoa, đồ trẻ con, quần thể thao; mang trên mình vẻ mới tinh rẻ tiền; không phải là những món quần áo kiểu cũ - tất ngắn sẫm màu và những món đồ lót cầu kỳ

của phụ nữ, những bộ đồ mặc trong nhà đã bạc màu, những chiếc áo sơ mi trắng tinh đến lóa mắt - hẳn sẽ làm luồng không khí có vẻ gì đó bình thường nhưng thật kỳ diệu. Bần thiú, bà lại trầm nghĩ. Chỉ đơn giản là bần thiú.

Lối đi tới căn hộ của Richard, tường cũng được sơn màu bánh bột dong, vẫn còn lát gạch men (thật bí hiểm, những tấm vải trải sàn chỉ lên tới tầng hai); bên rìa lối đi có trang trí hoa văn hình những bông hoa màu vàng nhạt, có một đầu mẫu thuốc lá dính son môi. Clarissa gõ cửa căn hộ của Richard, ngừng lại, rồi lại gõ lần nữa.

“Ai đây?”

“Là em.”

“Ai?”

“Clarissa.”

“A, bà D. Ô, em vào đi.”

Bà trầm nghĩ, chẳng phải đã đến lúc đoạn tuyệt với những biệt danh cũ rồi sao? Nếu ông cảm thấy hôm nay đủ tốt lành, bà sẽ đưa chuyện này ra: Richard, anh không nghĩ là đã đến lúc gọi em là Clarissa rồi sao?

Bà mở cửa bằng chìa khóa của mình. Bà có thể nghe thấy Richard đang nói trong phòng với giọng khe khẽ, đầy thú vị, như thể ông đang tiết lộ ra những bí mật đầy tai tiếng. Bà không rõ ông đang nói gì - bà nghe được từ “phóng”, kéo theo đó là tiếng cười khùng khục trầm trầm của Richard, một âm thanh có phần đau đớn, như thể tiếng cười giống một vật gì đó sắc nhọn mắc kẹt lại trong họng ông.

Được rồi, Clarissa trầm nghĩ, hôm nay không phải là ngày thích hợp, tất nhiên rồi, để bàn tới những cái tên.

Bằng cách nào bà có thể bực bội với Evan và tất cả những người khác vì họ đã kịp thời có được các loại thuốc mới; tất cả những người đàn ông và đàn

bà may mắn (“may mắn” ở đây tất nhiên là một khái niệm tương đối) chưa bị virus gặm nhấm hết tinh thần. Bằng cách nào bà có thể cảm thấy phần nộ thay cho Richard, một người mà tinh thần dường như đã bị thương tổn quá mức để có thể phục hồi ngoài việc nghĩ tới những ngày tốt đẹp giữa những ngày tồi tệ.

Như mọi khi, căn hộ của ông vẫn tối tăm, kín mít, nóng nực, ngập mùi tinh dầu ngải đắng và bách xù mà Richard đã đốt để át đi mùi bệnh tật. Căn hộ lộn xộn tới mức không thể mô tả bằng lời, đôi chỗ được chiếu bởi những quầng sáng tròn vàng vọt tỏa ra từ những cây đèn chụp nâu, Richard sẽ không chấp nhận bất cứ bóng đèn nào công suất lớn hơn mười lăm watt. Căn hộ đem đến cho người ta cảm giác như đang ở dưới nước. Clarissa len lỏi bước đi như thể đang lặn mò trong khoang một con tàu đắm. Cũng không đáng ngạc nhiên nếu bà bắt gặp một đàn cá màu bạc lao vút qua, trong cảnh tranh tối tranh sáng này. Theo bất cứ cách nhìn nhận nghiêm túc nào, những căn phòng này dường như không phải là một phần của tòa nhà, khi bước vào và đóng cánh cửa trước với bốn ổ khóa luôn kêu cọt kẹt (trong đó hai chiếc đã hỏng), bà luôn có cảm giác như thể đang trải qua một thay đổi lớn về kích thước - giống như chui qua kính lúp, vậy đấy; như thể gian tiền sảnh, khu cầu thang và lối đi bên ngoài đều thuộc về một thế giới hoàn toàn khác, một thời gian hoàn toàn khác.

“Chúc anh một buổi sáng tốt lành”, bà lên tiếng.

“Vẫn còn là buổi sáng sao?”

“Phải. Vẫn còn.”

Richard ở trong căn phòng thứ hai. Căn hộ chỉ gồm hai phòng: phòng bếp (chính là phòng đầu tiên khi bước vào) và căn phòng lớn thứ hai, nơi cuộc sống của Richard (thật ra là những gì còn lại) diễn ra. Clarissa đi qua phòng bếp, có một cái bếp kiểu cổ và một bồn tắm lớn màu trắng (mờ mờ như cẩm thạch), mùi ga và dụng cụ nấu ăn thoang thoang, cùng đồng thùng các tông xếp chồng lên nhau đầy ắp... ai mà biết nổi là những thứ gì, tấm gương hình

oval khung mạ vàng phản chiếu lại khuôn mặt nhợt nhạt của bà (luôn khiến người ta hơi sốc, dù có chuẩn bị tinh thần đến đâu đi nữa). Theo năm tháng, bà đã quen với việc tâng lờ tấm gương đó.

Đây là chiếc máy pha cà phê Italia bà đã mua cho ông, làm bằng hợp kim chrom và thép màu xám, bị phủ bụi sau thời gian dài không được dùng đến. Còn đây là mấy cái chảo đồng bà mua dạo trước.

Trong căn phòng còn lại, Richard đang ngồi trên ghế. Rèm đều được kéo xuống và toàn bộ sáu hay bảy cây đèn đều bật sáng, cho dù khả năng phát sáng yếu ớt của chúng gộp lại gần như chỉ ngang với công suất chiếu sáng của một chiếc đèn bàn thông thường. Richard ngồi ở tận góc đằng xa trong bộ đồ mặc ở nhà lố bịch bằng vải flanen (một bộ đồ ngủ trẻ con trong phiên bản dành cho người lớn, màu xanh mực, bên trên in đầy tên lửa và các nhà du hành vũ trụ đội mũ bay chuyên dụng), trông vừa đáng kính trọng và vương giả, lại thật ngốc nghếch, giống như một ông hoàng bị chết ngạt trong khi vẫn ngồi trên ngai vàng.

Thôi không lăm bắm nữa, ông ngồi im, đầu hơi ngả ra sau, hai mắt nhắm lại như thể đang nghe nhạc.

“Chúc anh buổi sáng tốt lành, Richard yêu quý”, Clarissa lặp lại.

Ông mở mắt ra. “Hãy xem những bông hoa kia.”

“Chúng dành cho anh đấy.”

“Anh chết rồi ư?”

“Chúng là để cho bữa tiệc. Cơn đau đầu của anh sáng nay thế nào rồi?”

“Đỡ nhiều rồi. Cảm ơn em.”

“Anh ngủ được không?”

“Anh cũng không nhớ nữa. Có. Anh tin là mình có ngủ. Cảm ơn em.”

“Richard, hôm nay là một ngày mùa hè tuyệt đẹp. Anh thấy sao nếu em để chút ánh sáng lọt vào?”

“Nếu em thích.”

Bà đi tới bên khung cửa gần nhất trong số ba cửa sổ và sau một chút khó khăn, kéo tấm rèm lên. Ánh sáng nhẹ nhàng của ban ngày - những tia nắng chiếu vào giữa tòa nhà có căn hộ của Richard và tòa nhà xây bằng gạch màu chocolate nằm cách đó mười lăm foot [23] - lọt vào trong phòng. Đối diện với con hẻm chạy giữa hai tòa nhà là cửa sổ căn hộ của một bà góa già cúi kính với những bức tượng bằng thủy tinh và gốm đặt trên bậu cửa (một con lừa đang kéo xe, một chú hề, một con sóc đang nhe răng cười toe toét) và tấm màn chớp. Clarissa quay lại. Khuôn mặt hốc hác với những nếp nhăn hằn sâu vào da thịt, vầng trán cao bóng loáng và chiếc mũi giống như của một võ sĩ quyền anh vừa bị nện bầm dập, dường như tất cả đều vươn ra từ bóng tối như một bức tượng bị chìm trong lòng đất vừa được kéo lên bề mặt.

“Sáng khiếp lên được”, ông nói.

“Ánh sáng rất tốt cho anh.”

Bà đến bên ông, hôn lên vầng trán cong cong. Những lúc gần nhau như thế này, bà có thể ngửi thấy những mùi khác nhau của ông. Lỗ chân lông của ông không chỉ tiết ra thứ mồ hôi quen thuộc (mà bà luôn thấy chúng có mùi thật dễ chịu, dính như hồ, chua chua, mùi của rượu vang) mà còn cả mùi thuốc ông đang sử dụng, vị bột ngòn ngọt. Từ người ông cũng toát ra mùi vải flanen không mấy sạch sẽ (cho dù quần áo của ông được giặt mỗi tuần một lần, thậm chí còn thường xuyên hơn) và hơi thoang thoang (đó là thứ mùi khó ngửi duy nhất trên người ông), mùi của chiếc ghế nơi ông ngồi cả ngày.

Chiếc ghế của Richard là một vật thể đặc biệt, nó là chiếc ghế của một

người nếu không thực sự mất trí thì cũng đã để mọi việc trượt đi quá xa, từ bỏ triệt để mọi chăm sóc thông thường - vệ sinh cá nhân, ăn uống điều độ - tới mức thật khó lòng có thể phân định giữa mất trí và tuyệt vọng chính xác được nữa. Một chiếc ghế bành cũ kỹ vuông chẵn chẵn bị bọc quá dày đến nỗi phải loay hoay giữ thăng bằng cho mình trên những cái chân gỗ mỏng mảnh màu vàng hoe. Nó đã bị hỏng và hoàn toàn vô giá trị. Tấm vải bọc lấm chấm không ra màu sắc gì, mềm như len, được may bằng chỉ bạc (theo một cách nào đó, chi tiết này chính là phần làm cho người ta thấy ghê nhất). Hai tay vịn vuông góc và lưng tựa của chiếc ghế đã bị sờn đi, sẫm màu do sự chà xát và mồ hôi của người ngồi, trông như phần da mềm chưa thuộc của một con voi. Có thể nhìn rõ mồn một những chiếc lò xo - những hàng ngay ngắn của lò xo màu xám nhạt hoen gỉ - qua chiếc khăn tắm mỏng dính màu vàng mà Richard đã rải lên trên lớp đệm. Từ chiếc ghế bốc lên mùi hôi hám, ẩm ướt, bẩn thỉu; mùi của sự thối rữa vô phương cứu vãn. Nếu mang chiếc ghế này ném ra ngoài đường thì chắc cũng không ai muốn nhặt. Song Richard nhất định không muốn thay thế nó.

“Họ có tới đây hôm nay không?”, Clarissa hỏi.

“Không”, Richard đáp, với vẻ thành thật miễn cưỡng của một đứa trẻ. “Giờ thì bọn họ biến hết rồi. Bọn họ đẹp đẽ nhưng cũng khá kinh khủng.”

“Phải”, bà nói. “Em biết.”

“Anh nghĩ họ giống như khói và lửa, ý anh là họ vừa đen tối vừa rực sáng. Có một anh chàng trông hơi giống một con sứa phóng điện đen ngòm. Mới ngay vừa rồi thôi, họ hát bằng tiếng nước ngoài. Anh tin đó là tiếng Hy Lạp. Tiếng Hy Lạp cổ.”

“Anh có sợ họ không?”

“Không. À có, đôi khi.”

“Em nghĩ em sẽ trao đổi với Bing về việc tăng liều điều trị lên cho anh, như thế có được không?”

Ông thở dài mệt mỏi. “Đôi lúc anh không nghe thấy hay nhìn thấy bọn họ không có nghĩa họ đã bỏ đi”, ông nói.

“Nhưng nếu anh không nghe thấy hay nhìn thấy họ nữa”, Clarissa nói, “anh có thể nghỉ ngơi. Nói thật cho em, anh đã không ngủ được cả đêm hôm qua, đúng không?”.

“Ồ, một chút. Anh không lo lắng lắm về chuyện ngủ nghê. Anh thấy lo cho em nhiều hơn. Trông em gầy quá, em thấy trong người thế nào?”

“Em ổn cả. Em chỉ có thể nán lại một chút thôi. Em cần cắm chỗ hoa này trong nước.”

“Phải rồi, phải rồi. Những bông hoa, bữa tiệc. Ôi trời ơi.”

“Em trông thấy một ngôi sao điện ảnh trên đường đi đến đây”, Clarissa nói. “Em nghĩ rất có thể đó là một điềm may mắn, anh không thấy vậy sao?”

Richard mỉm cười buồn bã. “À, phải rồi, những điềm báo”, ông nói. “Em có tin vào chúng không? Em có cho rằng chúng ta bận tâm nhiều tới chúng không? Liệu em có nghĩ những chuyện như thế khiến chúng ta lo lắng không? Trời ạ, như vậy chẳng phải thật tuyệt sao? Thế thì, rất có thể là vậy đấy.”

Ông sẽ không hỏi tên ngôi sao điện ảnh, ông thực sự không bận tâm. Richard là người duy nhất trong số những người Clarissa quen biết không hề quan tâm tới những nhân vật nổi tiếng. Richard thực sự không thể nhận ra sự nổi bật kiểu như vậy. Clarissa thầm nghĩ, điều đó là sự kết hợp giữa cái tôi khổng lồ và hội chứng thiếu năng thiên tài[24]. Richard không thể hình dung ra một cuộc sống đáng quan tâm và giá trị hơn cuộc sống của những người ông quen và của chính ông; vì lý do đó nên người ta thường cảm thấy thật cao hứng, nở mày nở mặt khi ông có mặt. Ông không tự cao tự đại. Ông là một kẻ tự phụ theo hướng đối lập, bị thúc đẩy bởi những gì hùng vĩ lớn lao hơn là bởi sự tham lam, như thế ông luôn khẳng khẳng lựa

chọn một phiên bản vui vẻ hơn, lạ lùng hơn, lập dị hơn và sâu sắc hơn - có thể tốt đẹp hơn hoặc tai hại hơn - và bạn không thể không tin điều đó. Chỉ mình ông mới nhìn thấu được phần cốt lõi của bạn, đánh giá được các phẩm chất thực của bạn (không nhất thiết tất cả là tán tụng) và tán thưởng bạn hơn bất kỳ ai khác. Chỉ sau khi đã biết rõ ông một thời gian, bạn mới bắt đầu nhận ra rằng, với ông, cơ bản bạn chỉ là một nhân vật hư cấu, nhân vật ông đã sáng tạo ra với khả năng gần như vô tận, về cả bi kịch lẫn hài kịch, không phải vì đó là bản chất thực sự của bạn mà vì Richard cần sống trong một thế giới tràn ngập những nhân vật cực đoan và nổi bật. Một số người đã chấm dứt quan hệ với ông thay vì tiếp tục làm nhân vật trong những bài thơ tuyệt vời, những câu chuyện về cuộc đời và niềm đam mê của ông mà ông luôn bận bịu sáng tác trong đầu mình; song một số người khác (trong đó có Clarissa) lại thích thú với sắc thái mà ông mang tới cho cuộc sống của họ, thích thú tới mức trở nên lệ thuộc vào nó, giống như cách họ lệ thuộc vào cà phê để tỉnh táo mỗi buổi sáng, hay một hoặc hai ly rượu để giúp họ chìm vào giấc ngủ mỗi tối.

Clarissa nói, “Đôi khi mấy chuyện mê tín cũng làm người ta được an ủi, em không biết tại sao anh lại cương quyết từ chối mọi sự an ủi như thế”.

“Thật thế sao? Ồ, anh không hề có ý đó. Một vài thứ trong số chúng. Anh rất thích vài thứ trong số chúng.”

“Anh cảm thấy trong người thế nào?”

“Tốt. Rất tốt. Ít nhiều phù du. Anh vẫn luôn mơ mình đang ngồi trong một căn phòng.”

“Bữa tiệc bắt đầu lúc năm giờ, anh còn nhớ chứ? Bữa tiệc lúc năm giờ, sau đó là buổi lễ, lúc tám giờ, trong trung tâm thành phố. Anh nhớ tất cả rồi, đúng không?”

Ông nói, “Đúng”.

Rồi lại nói, “Không”.

“Thế là thế nào?”, bà hỏi.

“Anh xin lỗi. Dường như anh luôn nghĩ rằng những chuyện đó đã diễn ra rồi. Khi em hỏi anh có còn nhớ về bữa tiệc và buổi lễ không, anh lại nghĩ rằng em muốn hỏi anh có nhớ đã tới dự chúng chưa. Và anh có nhớ. Dường như anh đã tới đúng giờ.”

“Bữa tiệc và buổi lễ sẽ diễn ra tối nay. Trong tương lai ấy.”

“Anh hiểu. Theo cách nào đó, anh hiểu. Nhưng em thấy đấy, dường như anh cũng đã tới tương lai rồi. Anh có một hồi ức rất rõ rệt về bữa tiệc mặc dù vẫn chưa diễn ra. Anh có thể nhớ buổi lễ trao giải một cách hoàn hảo.”

“Sáng nay họ có mang bữa sáng tới cho anh không?”, bà hỏi.

“Hỏi gì lạ thế. Đương nhiên là có rồi.”

“Và anh đã ăn hết?”

“Anh nhớ là có ăn. Nhưng có thể đó chỉ là anh nghĩ như vậy. Có bữa sáng nào để đâu đó quanh đây không?”

“Theo những gì em thấy cho đến lúc này thì không.”

“Vậy có lẽ anh đã ăn hết được nó. Thức ăn cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều, đúng không nào?”

“Thức ăn có ý nghĩa rất lớn đấy, Richard.”

Ông nói, “Anh không biết có thể chịu đựng được điều đó đâu, Clarissa”.

“Chịu đựng điều gì?”

“Tỏ ra kiêu hãnh và can đảm trước mặt tất cả mọi người. Anh vẫn còn nhớ rất rõ ràng. Anh, một gã bệnh hoạn ốm yếu, điên rồ đưa hai bàn tay run lẩy bẩy ra nhận giải thưởng nhỏ xíu.”

“Anh thân mến, anh không cần phải kiêu hãnh. Anh không cần phải can đảm. Đó không phải là một cuộc chơi.”

“Tất nhiên rồi. Anh nhận được một phần thưởng cho diễn xuất của mình, em phải biết điều đó. Anh giành được một giải thưởng vì mắc bệnh AIDS, trở nên tàn tạ và can đảm chịu đựng nó, chuyện này chẳng liên quan quái gì tới tác phẩm của anh cả.”

“Thôi đi. Làm ơn đi anh. Nó có quan hệ rất nhiều tới tác phẩm của anh.”

Richard hít vào và thở ra một hơi mạnh mẽ. Clarissa nghĩ tới hai lá phổi của ông, giống hai chiếc gối đỡ chằng chịt các mạch máu. Chúng lại là một trong những cơ quan ít bị tổn thương nhất - vì những lý do không thể lý giải được, chúng gần như vẫn chưa bị virus xâm hại. Với nhịp thở sâu, đôi mắt ông dường như trở nên tập trung hơn, hai tròng mắt trở nên xanh hơn, sâu hơn.

“Em có nghĩ họ sẽ trao nó cho anh nếu anh khỏe mạnh không?”, ông nói.

“Sao cơ, có chứ, em thực sự tin là có.”

“Làm ơn đi mà.”

“Thôi được rồi, có lẽ anh nên từ chối giải thưởng này.”

“Điều tệ hại chính là thế đấy”, Richard nói. “Anh muốn có giải thưởng. Anh thực sự muốn. Sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu người ta quan tâm nhiều hơn hoặc ít hơn tới chuyện đoạt giải. Nó ở đâu đó quanh đây phải không?”

“Cái gì cơ?”

“Giải thưởng. Anh muốn nhìn thấy nó.”

“Anh vẫn chưa có được nó. Phải đợi đến tối nay.”

“Phải. Đúng rồi. Tối nay.”

“Richard yêu quý, nghe em này. Chuyện này rất đơn giản. Anh có thể có được một niềm vui đơn giản. Em sẽ ở đó cùng anh, từng giây từng phút.”

“Anh thích thế.”

“Đó là một bữa tiệc. Chỉ là một bữa tiệc. Sẽ toàn những người tôn trọng và ngưỡng mộ anh.”

“Thật ư? Những ai vậy?”

“Anh biết là những ai mà. Howard. Elisa. Martin Campo.”

“Martin Campo ư? Ôi, Chúa ơi.”

“Em nghĩ anh thích ông ta. Anh vẫn luôn nói thế mà.”

“À, phải, đúng rồi, vậy thì anh phải tin sư tử cũng ưa người trông coi sở thú chứ.”

“Martin Campo đã xuất bản những cuốn sách của anh hơn ba mươi năm qua.”

“Còn ai nữa sẽ đến?”

“Chúng ta đã nói đi nói lại mãi chuyện này rồi. Anh biết rõ những ai sẽ đến mà.”

“Em không thể cho anh biết thêm một cái tên nữa sao? Hãy cho anh biết tên ai đó quả cảm một chút.”

“Anh không nghĩ Martin Campo là một người quả cảm sao? Ông ấy đã dùng toàn bộ tài sản của gia đình để xuất bản những cuốn sách quan trọng nhưng khó đọc mà ông ấy biết sẽ không bán nổi.”

Richard nhắm mắt lại, tựa cái đầu hốc hác lên tấm bọc nhộp nháp của chiếc ghế. “Được, vậy thì cứ chấp nhận là thế đi”, ông nói.

“Anh không cần phải tỏ ra lôi cuốn hay thú vị. Anh không cần phải trình diễn gì hết. Những người này tin anh từ lâu, rất lâu rồi. Tất cả những gì anh phải làm là xuất hiện, ngồi trên ghế sofa, có thể cầm một ly đồ uống trên tay hoặc không, lắng nghe hoặc không, có thể mỉm cười hay không cũng được. Chỉ có vậy thôi. Em sẽ để ý giúp anh.”

Bà muốn ôm lấy đôi vai xương xẩu của ông và lắc thật mạnh. Richard có thể (mặc dù người ta luôn do dự) được ưu ái; vào những khoảnh khắc cuối cùng của sự nghiệp, có thể ông sẽ được thừa nhận. Một giải thưởng như giải ông sắp được trao tặng có ý nghĩa hơn nhiều so với sự chú ý của một đại hội các nhà thơ và học giả; nó có nghĩa là tự thân văn học (mà tương lai đang được định hình vào ngay lúc này) dường như cũng cảm thấy cần có sự cống hiến riêng biệt của Richard: những lời than khóc dài dòng đầy thách thức ông dành cho những thế giới đang lụi tàn hay đã hoàn toàn mất đi. Trong khi chưa có gì bảo đảm, dường như hoàn toàn có thể, mà thậm chí còn hơn cả có thể, rằng Clarissa cùng một nhóm nhỏ khác đã luôn đứng từ đầu. Richard nặng nề, sâu muộn, cẩn thận tỉ mỉ, Richard người luôn quan sát một cách chi li tường tận, người luôn cố gắng xẻ nhỏ cả nguyên tử bằng ngôn từ, sẽ tồn tại lâu hơn, kể cả sau khi những cái tên khác, hợp khẩu vị thời thượng hơn vào lúc này, đã chìm vào quên lãng.

Và Clarissa, người bạn lâu năm nhất của Richard, độc giả đầu tiên của ông - Clarissa, người đã nhìn thấy ông hằng ngày, khi mà thậm chí cả những người bạn mới quen gần đây hơn của ông đã hình dung ra ông đã chết - đang cố nhét ông vào một bữa tiệc. Clarissa đang trang hoàng nhà bà ngập trong hoa và nến. Vậy sao bà có thể không muốn ông tới chứ?

Richard nói, “Thực ra anh cũng không cần thiết ở đó, phải không nào? Bữa tiệc có thể diễn ra mà không cần có anh. Thực ra bữa tiệc đã bắt đầu rồi, cho dù có anh hay không”.

“Giờ anh đang trở nên không thể chấp nhận được đấy. Em sắp mất hết kiên nhẫn rồi.”

“Không, làm ơn, xin đừng bực mình. Ôi, bà D, sự thực là anh thấy rất bối rối khi phải xuất hiện trong bữa tiệc này. Anh đã suy sụp một cách khủng khiếp.”

“Đừng nói thế.”

“Không, không. Em tốt bụng, rất tốt bụng, nhưng anh e rằng anh sẽ làm hỏng tất cả, vậy đấy. Việc này chỉ đơn giản là quá sức với anh. Anh nghĩ mình đã trở thành một nhân vật lớn hơn so với chính con người anh. Anh có thể tiết lộ với em một bí mật luôn khiến anh lúng túng không? Một điều anh chưa từng nói cho ai biết?”

“Tất nhiên là có rồi.”

“Anh từng nghĩ mình là một thiên tài. Anh đã thực sự dùng từ đó, trong tâm tâm, cho chính mình.”

“À.”

“Ôi, niềm tự hào, niềm tự hào. Anh thật sai lầm. Nó đã đánh bại anh. Nó đã chứng minh được nó là một vật cản không thể vượt qua được. Điều đó là rất nhiều, ôi, quá nhiều với anh. Ý anh là, có cả thời tiết, cả thời tiết và đất đai, có những con vật, những tòa nhà, có quá khứ và tương lai, có không gian, lịch sử. Có cả sợi chỉ hay thứ gì đó mắc kẹt giữa hai chiếc răng của anh, có bà lão bên kia đường, em có thấy bà lão đã đổi vị trí của con lừa và con sóc trên bậu cửa sổ của mình không? Và tất nhiên, còn có cả thời gian nữa. Nơi chốn. Và cả em, D. Anh muốn nói câu chuyện là một phần của em. Ôi, anh ước gì đã làm được điều đó.”

“Richard. Anh đã viết cả một cuốn sách.”

“Nhưng mọi thứ đều bị bỏ lại bên ngoài nó, hầu như tất cả mọi thứ. Và sau đó chỉ đơn giản là anh mắc kẹt trong một hồi kết thật choáng váng. Ồ, vào

lúc này anh không tìm kiếm sự cảm thông, thực sự là thế. Chúng ta muốn quá nhiều, phải không nào?”

“Phải. Em cho là vậy.”

“Em đã hôn anh bên một cái ao.”

“Lâu lắm rồi.”

“Nó vẫn đang xảy ra.”

“Theo một nghĩa nào đó thì đúng là thế.”

“Trên thực tế. Nó xảy ra trong thực tại đó. Điều này xảy ra trong thực tại này.”

“Anh mệt rồi, Richard yêu quý. Anh phải nghỉ đi. Em sẽ gọi cho Bing về chuyện thuốc men của anh, được chứ?”

“Ồ, anh không thể, anh không thể nghỉ được. Lại đây, lại gần hơn nào, em làm ơn đi, được chứ?”

“Em ở ngay đây mà.”

“Gần hơn đi. Cầm lấy tay anh.”

Clarissa nắm lấy bàn tay Richard trong hai tay bà. Ngay cả lúc này, bà vẫn thấy ngạc nhiên vì nó yếu ớt đến thế - thật giống với một miếng thịt không xương.

Ông nói. “Vậy là chúng ta đang ở đây. Em nghĩ sao?”

“Em không hiểu?”

“Chúng ta đều đã bước vào tuổi trung niên và cũng là đôi tình nhân trẻ đứng kề vai bên một cái ao. Chúng ta là mọi thứ, là tất cả cùng một lúc. Chẳng phải thật ấn tượng sao?”

“Phải.”

“Quả thực anh không hề có bất cứ nỗi tiếc nào, ngoại trừ việc đó. Anh muốn viết về em, về chúng ta, thật đấy. Em có biết ý anh là gì không? Anh muốn viết về mọi thứ, về cuộc sống chúng ta đang có và cuộc sống đáng ra chúng ta đã có. Anh muốn viết về tất cả những cách chúng ta có thể chết đi.”

“Đừng nỗi tiếc điều gì hết, Richard”, Clarissa nói. “Không cần phải thế, anh đã làm quá nhiều.”

“Em thật tử tế khi nói vậy.”

“Điều anh cần lúc này là chớp mắt một lát.”

“Em nghĩ vậy sao?”

“Đúng thế.”

“Vậy thì được thôi.”

Bà nói, “Em sẽ tới giúp anh mặc đồ. Vào lúc ba rưỡi, được không?”.

“Được gặp em lúc nào cũng là điều tuyệt vời, Dalloway.”

“Bây giờ em phải về đã. Em cần phải cắm hoa.”

“Phải. Đúng thế.”

Bà đưa đầu ngón tay chạm lên bờ vai gầy guộc của ông. Có lẽ nào bà lại đang cảm thấy hối tiếc? Lẽ nào, thậm chí ngay cả đến lúc này, bà có thể hình dung họ đáng ra đã có một cuộc sống bên nhau? Đáng ra họ đã thành vợ thành chồng, thành hai tâm hồn tương đắc, bên cạnh việc là những người tình. Có nhiều cách để thu xếp.

Richard từng là một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ và hăng hái, sáng sủa

với nước da trắng như sữa. Đã có thời ông từng lang thang khắp New York trong chiếc áo quân đội cũ, nói chuyện một cách đầy phấn khích, với mái tóc rậm sẫm màu được buộc túm một cách cầu thả cho khỏi xòa xuống mặt bằng một dải ruy băng xanh ông tìm thấy đâu đó.

Clarissa nói, “Em đã chuẩn bị món cua. Không phải vì nó là một sự khích lệ nghiêm túc nào đó đâu nhé”.

“Ồ, em biết anh thích món cua đó đến thế nào mà. Nó thực sự tạo ra khác biệt đấy, tất nhiên là thế rồi. Clarissa?”

“Vâng?”

Ông ngẩng cái đầu đã bị hủy hoại nặng nề của mình lên. Clarissa nghiêng mặt, nhận cái hôn của Richard. Hôn môi ông không phải là một ý tưởng hay - chỉ một cơn cảm lạnh thường cũng có thể là tai họa đối với ông. Clarissa nhận nụ hôn, dùng đầu ngón tay bóp nhẹ bờ vai xương xẩu của Richard.

“Em sẽ tới gặp anh lúc ba rưỡi”, bà nói.

“Tuyệt vời”, Richard nói. “Tuyệt vời.”

Bà Woolf

Bà nhìn chiếc đồng hồ trên mặt bàn. Gần hai tiếng đồng hồ đã trôi qua. Bà vẫn cảm thấy tràn trề sinh lực, dù biết rõ rất có thể ngày mai bà sẽ nhìn lại những gì đã viết và nhận thấy chúng thật hơi hợt, sáo rỗng. Người ta luôn có trong đầu một cuốn sách hay hơn nhiều những gì họ cố gắng đưa ra mặt giấy. Bà uống một ngụm cà phê nguội lạnh và cho phép mình đọc lại những gì đã viết.

Có vẻ cũng khá hay, thậm chí có những đoạn còn rất hay là đằng khác. Bà có rất nhiều hy vọng, tất nhiên rồi - bà muốn đây sẽ là cuốn sách hay nhất của mình, tác phẩm sẽ tương xứng với kỳ vọng của bà. Nhưng liệu một ngày duy nhất trong cuộc đời của một phụ nữ bình thường có thể được chuyển tải đầy đủ thành một cuốn tiểu thuyết không? Virginia lấy ngón tay cái đập nhẹ vào môi. Clarissa Dalloway sẽ chết, bà cảm thấy chắc chắn về điều đó, cho dù không thể nói như thế nào hay chính xác tại sao. Bà ta sẽ tự kết liễu đời mình, Virginia tin là vậy. Phải, bà ta sẽ làm như thế.

Virginia đặt bút xuống. Bà muốn ngồi viết cả ngày, làm kín ba mươi trang giấy thay vì ba trang, nhưng sau những giờ đầu tiên, có thứ gì đó trong bà chững lại và bà lo lắng nếu cố gắng quá giới hạn, bà sẽ làm hỏng cả quá trình sáng tác. Bà sẽ khiến nó rơi vào một vực thẳm rời rạc, sẽ không bao giờ quay trở về được. Cùng lúc, bà căm ghét việc phải sử dụng mọi thời khắc tỉnh táo của mình vào bất cứ việc gì khác ngoài viết. Bà luôn làm việc trong nỗi sợ phát bệnh trở lại. Thoạt tiên những cơn nhức đầu xuất hiện, một cảm giác đau đớn lả lẫm cho dù nhìn nhận theo góc độ nào (“nhức đầu” dường như luôn là cách miêu tả chưa đầy đủ để dành cho chúng, nhưng gọi chúng theo bất cứ cách nào khác sẽ lại là quá cường điệu). Chúng thâm nhập vào bên trong bà. Chúng định cư bên trong con người bà đúng hơn là chỉ đơn thuần quấy rầy hành hạ bà, giống như cách những con virus sống

trong vật chủ của chúng. Những cơn đau báo hiệu sự xuất hiện của chúng, ném vào hai mắt bà những quầng sáng chói lóa một cách dai dẳng đến mức bà phải thầm nhắc mình rằng những người khác sẽ không thể thấy chúng. Sự đau đớn xâm thực bà, nhanh chóng thay thế Virginia, với những đường răng cưa lởm chởm sắc như dao, tất cả đều trở nên rõ rệt tới mức bà không khỏi hình dung về nó như một thực thể sống riêng biệt. Bà có thể nhìn thấy nó trong lúc đi cùng Leonard trên quảng trường, một đám màu trắng bạc lấp lánh bồng bềnh trôi nổi trên những viên đá lát đường, có hình dạng biến đổi ngẫu nhiên, dường như là chất lỏng nhưng lại gắn liền thành một khối, giống như một con sứa. “Gì vậy?”, Leonard hẳn sẽ hỏi. “Đó là cơn nhức đầu của em” và bà sẽ trả lời như thế. “Quên nó đi.”

Cơn nhức đầu luôn hiện hữu ở ngay kia, rình rập vào những thời khắc tự do của bà, dù kéo dài nhưng nó luôn có vẻ chỉ là tạm thời. Đôi lúc cơn nhức đầu chỉ chiếm cứ một phần con người bà trong một đêm hay một hoặc hai ngày, rồi rút lui. Đôi lúc nó lưu lại, trở nên dữ dội hơn cho tới khi chính bà suy sụp. Những lần như thế, cơn nhức đầu vươn ra khỏi đầu bà và thâm nhập vào thế giới xung quanh. Mọi thứ trở nên chói lóa. Mọi vật đều bị chìm trong một quầng sáng rực rỡ và bà khẩn thiết cầu nguyện xin có được bóng tối như thể một người lữ hành lạc đường trên sa mạc cầu mong chút nước. Thế giới không còn chút bóng tối như thể sa mạc không còn giọt nước nào cả. Không còn chút bóng tối nào trong căn phòng đã đóng hết cửa, không còn chút bóng tối nào sau hai mi mắt bà. Chỉ có ánh sáng lóa mắt mà thôi. Khi bà bước vào lãnh địa chói chang không ngừng nghỉ này, những giọng nói bắt đầu vang lên. Đôi lúc chúng chỉ là những tiếng lẩm bẩm khe khẽ quái gở như thể kết tụ lại từ không khí; đôi lúc chúng phát ra từ sau các món đồ gỗ hay vọng ra từ trong các bức tường. Chúng không rõ ràng nhưng đầy ắp ý nghĩa, không thể chối cãi, xưa cũ và thô tục. Chúng là sự giận dữ, là những lời buộc tội, là sự vỡ mộng. Thành thạo chúng thì thầm trao đổi với nhau, trích dẫn những đoạn sách. Có những lúc, chỉ thoáng qua thôi, bà có thể nhận ra một, hai từ. “Ném mạnh” một lần và “dưới” hai lần. Từng có một lần, không nghi ngờ gì nữa, một bầy chim sẽ hát bằng tiếng Hy Lạp. Tình trạng này khiến bà bị giày vò khổ sở; bà sẵn

sàng la hét với Leonard hay bất cứ ai khác lại gần (khắp người lóe ra ánh sáng chẳng khác gì những con quỳ); thế nhưng đôi lúc tình trạng này bọc kín lấy bà, hết giờ này qua giờ khác, như một cái kén. Cuối cùng, khi nó trôi qua, bà lại xuất hiện, kinh hoàng, run rẩy, nhưng đầy ý tưởng và sẵn sàng làm việc trở lại một khi đã được nghỉ ngơi đầy đủ. Bà ghê sợ quãng thời gian chìm đắm trong đau đớn và thứ ánh sáng điên rồ của mình, ngỡ rằng chúng thực sự cần thiết. Cho tới lúc này bà đã được tự do một khoảng thời gian khá lâu, đã vài năm. Bà biết cơn nhức đầu có thể quay trở lại bất thành hình như thế nào nhưng bà loại trừ điều đó trước khi có mặt Leonard, đôi lúc làm ra vẻ khỏe mạnh hơn. Bà sẽ quay về London. Thà chết vì điên ở London còn hơn tan thành hơi trong quên lãng ở Richmond.

Trong tâm trạng lo lắng, bà quyết định rằng mình đã kết thúc ngày hôm nay. Nhưng mỗi ngày vực luôn hiện hữu. Liệu bà có nên cố thêm một giờ nữa không? Liệu bà đang sáng suốt hay chỉ lười biếng? Sáng suốt, bà tự nhủ và tin là vậy. Bà đã viết được hai trăm năm mươi từ, khoảng chừng đó. Hãy coi thế là đủ. Hãy có niềm tin rằng bà sẽ lại ở đây, vẫn là chính mình một lần nữa vào ngày mai.

Bà cầm tách cà phê nguội ngắt lên, vẫn còn một ít trong đó, rồi đi ra khỏi phòng, xuống cầu thang tới phòng in, nơi Ralph đang đọc các trang in thử sau khi Leonard đã xong việc với chúng.

“Chào bà”, Ralph chào Virginia, vừa hồ hởi vừa bối rối. Khuôn mặt điển trai tròn trịa, diềm tĩnh của cậu ta đỏ ửng, vầng trán thì phừng phừng; bà có thể thấy ngay lập tức, sáng hôm nay không phải là một buổi sáng tốt lành gì với cậu ta. Leonard hẳn đã bực bội căn nhắc về một lỗi lầm nào đó có thể vừa xảy ra hoặc sót lại từ hôm qua và lúc này, Ralph đang ngồi đọc bản in thử và nói “Chào bà” với khuôn mặt đỏ bừng của một cậu bé vừa bị quát tháo mắng mỏ.

“Chào cậu”, bà đáp lại với giọng thận trọng, thân tình nhưng không thông cảm. Những người phụ việc trẻ tuổi này sẽ lần lượt đến rồi đi, Majorie đã được thuê (cô ta có giọng nói lè nhè khủng khiếp) để làm các công việc

Ralph coi là không xứng đáng để anh ta làm. Tất nhiên, rồi chẳng mấy chốc thì Ralph, sau đó là Majorie, sẽ ra đi. Để rồi Virginia lại tìm thấy ai đó mới toanh chào bà vào buổi sáng với khuôn mặt đỏ bừng. Bà biết Leonard có thể tỏ ra cộc cằn, cay nghiệt và luôn đòi hỏi cao quá mức. Bà biết những người trẻ tuổi này thường bị phê bình một cách không công bằng, nhưng bà sẽ không đứng về phía họ chống lại ông. Bà sẽ không đóng vai bà mẹ để can dự vào, cho dù họ có khẩn cầu bà làm thế với nụ cười tha thiết và đôi mắt đầy đau khổ. Nói cho cùng, Ralph thuộc về Lytton và Lytton luôn đón nhận cậu ta. Cậu thanh niên này cũng như những chàng trai cô gái trạc tuổi rồi sẽ tới đây, tiếp tục làm bất cứ công việc gì mà họ lựa chọn trong thế giới rộng lớn hơn - không ai trông đợi họ làm việc cả đời là chân phụ việc tại xưởng in. Leonard có thể chuyên quyền, ông có thể không công bằng, nhưng ông là người bạn đồng hành của bà, người chăm sóc cho bà và bà sẽ không phản bội ông, chắc chắn là thế, chỉ vì một anh chàng Ralph điển trai non nớt hay vì Majorie, với giọng nói chẳng khác gì con vẹt đuôi dài của cô ta.

“Có mùi lỗi trong tám trang”, Leonard nói. Những nếp nhăn quanh miệng ông sâu đến mức có thể nhét cả đồng một penny vào trong đó.

“Thật may là anh đã tìm ra chúng”, Virginia nói.

“Dường như mấy lỗi sai tập trung vào đoạn giữa. Em có nghĩ rằng chất lượng văn viết tôi thực sự gây ra nhiều lỗi hơn không?”

“Em thích được sống trong một thế giới sự thật biết chừng nào. Em sẽ ra ngoài và đi dạo một vòng cho nhẹ đầu, sau đó em sẽ quay về và ăn uống thật nhiều.”

“Mọi chuyện đang tiến triển tốt”, Ralph nói. “Tới cuối ngày chắc ông cũng xong việc rồi.”

“Rất may mắn”, Leonard nói, “nếu xong được vào giờ này tuần tới.”

Mặt Ralph chuyển sang màu đỏ rõ ràng hơn. Tất nhiên rồi, bà nghĩ. Ralph

sắp bản in và làm việc đó một cách cầu thả. Bà nghĩ, sự thật đang bình thản ngồi thu lu giữa hai người đàn ông đang ăn vận toàn màu xám một cách đạo mạo kia. Nó không ở phía Ralph, anh chàng lính bộ binh trẻ trung yêu thích văn chương cùng những ly brandy và những chiếc bánh quy đang chờ đợi khi công việc trong ngày hoàn tất, với sự nồng nhiệt tương đương hay thậm chí còn mãnh liệt hơn; một chàng trai tốt tính, không có gì nổi bật và khó lòng có thể trông cậy cậu ta làm công việc bình thường của thế giới bình thường trong khoảng thời gian được phân cho mình. Cũng như thế, sự thực (than ôi) cũng không nằm về phía Leonard, Leonard xuất chúng và không biết mệt mỏi, người từ chối phân biệt chậm trễ và thảm họa; người tôn thờ việc hoàn thành công việc trên mọi thứ khác và làm cho mình trở nên không thể chịu đựng nổi với những người khác vì ông thực sự tin mình có thể tìm ra tận gốc rễ và sửa chữa lại mọi biểu hiện không hiệu quả và tầm thường của con người.

“Em tin chắc”, bà nói, “nếu làm cùng nhau, chúng ta có thể kịp lễ Giáng sinh”.

Ralph nhìn bà cười với vẻ nhẹ nhõm hiện rõ mồn một, tới mức bà chỉ muốn tát cho cậu ta một cái. Anh chàng đã phóng đại quá mức độ thông cảm của bà - bà không ngả về phía cậu ta mà về phía Leonard, theo gần đúng như cách mẹ bà rất có thể đã làm để giảm nhẹ đi lỗi lầm của một người hầu trong bữa tối, bằng cách tuyên bố là cái liền bị đánh vỡ không báo trước điềm gì; rằng vòng tròn khép kín của tình yêu và sự kiên nhẫn không thể bị phá vỡ; rằng tất cả vẫn an toàn.

Bà Brown

Cuộc sống, London, khoảnh khắc này của tháng Sáu.

Cô bắt đầu cho bột mì vào một chiếc bát màu xanh. Bên ngoài cửa sổ là vạt cỏ ngắn tách ngôi nhà ra khỏi nhà của những người hàng xóm, cái bóng của một con chim lao vụt qua bức tường trát vữa trắng của ga ra nhà bên. Trong chốc lát, Laura cảm thấy rất thích cái bóng của con chim, với những dải trắng lóa và xanh lục. Chiếc bát đặt trên bàn bếp trước mặt cô có màu trắng, hơi ngả xanh nhạt, với một dãy những chiếc lá màu trắng chạy quanh rìa. Những chiếc lá đều giống nhau, được cách điệu theo kiểu hoạt hình, vẽ theo góc nghiêng và dường như thật hoàn hảo nếu không có một chiếc lá bị lỗi ở bên rìa. Một trận mưa bột trắng mịn rơi vào trong bát.

“Chúng ta bắt đầu thôi”, cô nói với Richie. “Con muốn xem không?”

“Có ạ”, cậu bé đáp.

Cô quỳ xuống chỉ cho con trai chỗ bột mì vừa đổ vào bát. “Bây giờ. Chúng ta sẽ đong ra bốn cốc. Ồ, con trai. Con có biết bốn là bao nhiêu không?”

Cậu bé giơ bốn ngón tay lên.”Tốt”, cô nói. “Rất tốt.”

Lúc này, cô nhìn cậu bé một cách vô cùng trù mến, đúng như cách cô từng nhận bánh Thánh trước khi thành hôn và cải đạo (mẹ cô sẽ không bao giờ tha thứ cho cô, không bao giờ). Trong cô tràn ngập tình yêu mạnh mẽ, không chút mơ hồ.

“Con đúng là một cậu bé ngoan và thông minh nữa”, cô nói.

Richie cười toe toét, cậu bé ngấm mẹ một cách say sưa. Cô nhìn lại đứa con trai. Hai mẹ con cùng ngừng lại, nhìn nhau và trong một khoảnh khắc cô

chính xác là một phụ nữ đang mang thai quỳ gối xuống sàn bếp với cậu con trai ba tuổi của mình, một cậu bé đã biết số bốn là bao nhiêu. Cô là bức chân dung hoàn hảo của chính mình, không có khác biệt nào hết. Cô sắp làm một cái bánh sinh nhật - chỉ là một cái bánh - nhưng trong tâm trí cô lúc này, nó cũng hào nhoáng và lộng lẫy như những chiếc bánh trong mấy tờ tạp chí; thậm chí còn tuyệt hơn nữa kia. Từ những nguyên liệu đơn giản nhất, cô hình dung chính mình làm ra một cái bánh với tất cả sự khéo léo, giống như làm ra một chiếc bình gốm hay một ngôi nhà. Cái bánh sẽ toát ra sự rộng rãi và niềm hứng khởi đúng như cách một ngôi nhà tốt đem đến cảm giác về sự tiện nghi và an toàn. Cô thầm nghĩ, hẳn đó là những gì các nghệ sĩ hay kiến trúc sư cảm thấy (đó là một sự so sánh rất lớn, cô biết, thậm chí còn hơi ngốc nghếch nữa, nhưng dầu sao vẫn là so sánh) khi đứng đối diện trước giá vẽ, đá, dầu hay xi măng ướt. Chẳng phải một cuốn sách như *Bà Dalloway* cũng từng có lúc chỉ đơn thuần là trang giấy trắng cùng một lọ mực sao? Đó chỉ là một cái bánh thôi mà, cô tự nhủ. Nhưng dầu sao vẫn phải làm. Có những chiếc bánh, sau đó lại là những chiếc bánh. Lúc này, cầm trên tay một chiếc bát đầy bột mì trong một ngôi nhà ngăn nắp dưới bầu trời California, cô hy vọng sẽ cảm thấy hài lòng và tràn đầy cảm hứng như một nhà văn khi đặt bút viết câu đầu tiên, hay một kiến trúc sư bắt đầu phác thảo kế hoạch.

“Được rồi”, cô nói với Richie. “Con sẽ làm đầu tiên.”

Cô đưa cho con trai cái cốc đong bột bằng nhôm sáng bóng. Đây là lần đầu cậu bé được tin tưởng giao cho một công việc như thế này. Laura để xuống sàn cái bát thứ hai, không đựng gì, cho con trai. Cậu bé giữ lấy chiếc cốc đong bằng cả hai tay.

“Bắt đầu thôi”, cô nói.

Giữ lấy hai tay Richie để hướng dẫn cho con trai, cô giúp cậu bé vục cốc đong vào trong bột. Chiếc cốc vục vào một cách dễ dàng và qua thành cốc mỏng, cậu có thể thấy cảm giác mịn màng như lụa và hơi rịn rít khi tiếp xúc với bột mì. Một đám bột nhỏ bay lên theo chiếc cốc. Hai mẹ con lại bưng

chiếc cốc lên, lần này đầy bột. Bột mì rơi xuống thành dòng theo thành cốc một màu trắng bạc. Laura bảo con trai cầm chiếc cốc thật cẩn thận và cậu bé cố gắng làm theo một cách đầy lo lắng, rồi bằng một động tác thật nhanh nhẹn, cô gạt đi phần bột nhô lên trên miệng cốc và tạo ra một bề mặt trắng tinh không chút tỳ vết, bằng chần chặn với miệng cốc. Cậu bé tiếp tục giữ chiếc cốc bằng cả hai bàn tay.

“Tốt lắm”, cô nói. “Giờ chúng ta có thể cho nó vào cái bát còn lại. Con có tự làm được việc này không?”

“Có ạ”, cậu bé nói, mặc dù không hoàn toàn chắc chắn. Cậu bé tin rằng cốc bột này là có một không hai và không thể thay thế được. Mang một cây cải bắp qua đường là một chuyện, mang đầu bức tượng Apollo của Rilke mới được khai quật lại là chuyện khác.

“Vậy chúng ta bắt đầu nào”, cô nói.

Cậu bé cẩn thận đưa chiếc cốc qua cái bát thứ hai rồi giữ nó ở đó, chờ người ra, ngay trên lòng bát trắng lóa (đây là chiếc bát cỡ nhỏ hơn gần nhất trong một bộ bát xếp lồng vào nhau có màu xanh nhạt với dải lá màu trắng viền quanh miệng). Cậu bé hiểu mình phải đổ bột mì vào trong bát nhưng cậu có thể hiểu nhầm những lời chỉ dẫn và sẽ làm hỏng tất cả; nếu làm đổ bột ra ngoài thì cậu sẽ gây ra một thảm họa nào đó lớn hơn, làm đảo lộn một cân bằng chông chênh nào đó. Cậu bé muốn ngược mắt nhìn lên mẹ, nhưng lại không thể rời mắt khỏi chiếc cốc.

“Đốc ngược nó lên”, cô nói.

Đứa bé đốc ngược cốc lên với một cử chỉ vội vã, hoảng hốt. Khối bột do dự trong một phần nhỏ giây, rồi cũng rơi xuống. Bột rơi xuống nặng nề, thành một đám ít nhiều giống với hình dạng chiếc cốc. Một đám bụi lớn hơn bốc lên, gần như chạm tới tận mặt cậu bé, rồi biến mất. Cậu bé nhìn chăm chăm xuống thứ cậu vừa tạo ra: một quả đồi màu trắng, hơi vón hạt, lốm đốm

những mảng bóng sẫm màu, vươn lên giữa lòng bát màu trắng kem sáng bóng.

“Tiếc quá”, mẹ cậu nói.

Cậu bé nhìn mẹ kinh hoàng. Đôi mắt cậu ướt nhòe.

Laura thở dài. Tại sao con trai cô lại yếu đuối và hay hối hận vô cớ thế nhỉ? Tại sao cô lại phải cẩn thận đến thế với nó? Trong một khoảnh khắc - chỉ một khoảnh khắc - hình dạng của Richie bỗng thay đổi một cách khó tả. Con trai cô trở nên to lớn hơn, rạng rỡ hơn. Đầu cậu bé to ra. Một quầng sáng trắng bao quanh cậu. Trong chốc lát, cô chỉ muốn bỏ đi - không phải để làm hại con trai cô, cô sẽ không bao giờ làm thế - nhưng để được tự do và không bị trách cứ.

“Không, không”, Laura nói. “Con làm tốt lắm. Rất tốt. Đúng như cần phải làm.”

Cậu bé mỉm cười trong nước mắt, bất chợt thấy thật tự hào về bản thân, gần như nhẹ nhõm đến phát cuống lên. Vậy là ổn cả rồi, không cần gì ngoài vài lời âu yếm, một chút trấn an. Cô thở dài. Rồi dịu dàng xoa đầu con trai.

“Vậy bây giờ”, cô nói. “Con đã sẵn sàng xúc một lần nữa chưa?”

Cậu bé gật đầu một cách ngây thơ, không chút dè chừng, tới mức cổ họng cô nghẹn lại vì tình yêu đang dâng trào. Đột nhiên cô cảm thấy, dường như để nướng một chiếc bánh hay để nuôi dạy một đứa trẻ đều thật dễ dàng làm sao. Cô yêu con bằng một tình yêu thuần khiết, như những bà mẹ vẫn làm - cô không còn thấy bức bối với con, không ước mong được bỏ đi nữa. Cô yêu chồng và vui mừng khi có một gia đình. Dường như có thể (không có vẻ gì là không thể) cô đã vượt qua lẫn ranh vô hình, lẫn ranh luôn chia cách cô khỏi những gì cô muốn cảm thấy, khỏi con người cô muốn trở thành. Dường như cô vừa trải qua một biến đổi âm thầm nhưng sâu sắc, ngay tại đây, trong căn bếp này vào chính khoảnh khắc đời thường nhất này: Cô đã bắt kịp chính mình. Cô đã nỗ lực rất lâu, rất miệt mài, một cách chân thành

và giờ đây cô đã nắm được bí quyết để sống một cách hạnh phúc, là chính mình, cũng như cách một đứa trẻ học được vào một thời khắc cụ thể cách giữ thăng bằng trên một chiếc xe đạp hai bánh. Dường như mọi thứ rồi sẽ tốt đẹp với cô. Cô sẽ không để mất hy vọng. Cô sẽ không than vãn về những năng lực đã đánh mất, những tài năng chưa được khám phá (sẽ thế nào nếu rốt cuộc cô chẳng hề có chút tài năng nào?). Cô sẽ tiếp tục dành hết cho con, cho chồng, ngôi nhà và những bốn phận của cô, mọi điều tốt đẹp nhất cô có. Cô muốn có đứa con thứ hai này.

Bà Woolf

Bà rảo bước đi ngược lên đầu phố Núi Ararat, vừa đi vừa lên kịch bản cho cuộc tự sát của Clarissa Dalloway. Clarissa khi đó đã có một mối tình: với một phụ nữ. Hay đúng hơn là một cô gái; phải, một cô gái bà ta đã quen hồi còn con gái; một trong những đam mê chợt bùng lên khi người ta trẻ - khi tình yêu và các ý tưởng dường như là phát kiến cá nhân của ta, chưa từng xuất hiện trước đây theo cùng một cách; trong thời trẻ trung ngắn ngủi đó, khi người ta cảm thấy tự do làm hay nói bất cứ điều gì; thời kỳ để sốc, để suy nghĩ; để từ chối tương lai được dành sẵn cho mình và yêu cầu một tương lai khác, rộng lớn và mới lạ hơn nhiều, do chính ta tạo dựng và sở hữu hoàn toàn, không phải nợ nần gì bà cô già Helena, người luôn ngồi trên chiếc ghế quen thuộc vào mỗi tối và bản khoản liệu Plato và Morris có phải là những tác giả thích hợp dành cho các phụ nữ trẻ hay không. Trong những năm tuổi trẻ đầu tiên, Clarissa Dalloway sẽ yêu một cô gái khác, Virginia nghĩ; Clarissa sẽ tin rằng một tương lai sáng lạn và nổi loạn đang mở ra trước mặt bà, nhưng cuối cùng (chính xác bằng cách nào sự thay đổi diễn ra nhỉ?) bà sẽ tỉnh ngộ, như các cô gái trẻ luôn vậy và cưới một người đàn ông thích hợp.

Phải, bà ta sẽ tỉnh ngộ và lấy chồng.

Bà ta sẽ chết ở tuổi trung niên. Bà ta sẽ tự kết liễu đời mình, chắc là vậy, vì một chuyện vặt vãnh nào đó (bằng cách nào có thể làm cho việc này trở nên thuyết phục và bi kịch thay vì buồn cười?)

Tất nhiên, chuyện này sẽ diễn ra muộn hơn và khi Virginia viết tới chỗ này, bà hy vọng bản chất chính xác của sự việc sẽ tự nó hé lộ. Còn vào lúc này, trong khi rảo bước qua Richmond, bà tập trung suy nghĩ vào việc giải quyết câu hỏi về tình yêu đầu tiên của Clarissa. Một cô gái. Bà nghĩ rằng một cô

gái sẽ dễ tổn thương và cuốn hút hơn. Cô ta sẽ làm các bà cô chướng tai gai mắt vì đã cắt cụt những bông hoa thược dược và thục quỳ, rồi thả chúng nổi bồng bênh trong những bát nước to, giống như Vanessa, em gái Virginia vẫn làm.

Trên phố Núi Ararat, Virginia đi ngang qua một người phụ nữ mập mạp, một khuôn mặt quen thuộc trong các cửa hàng, một bà vợ già khỏe mạnh luôn luôn ngờ vực dắt theo hai con chó pug bằng những sợi dây màu rượu brandy, tay kia cầm một chiếc túi xách có thêu hình trang trí to tướng. Bà ta tặng lời Virginia, một lần nữa điều này thể hiện rõ ràng rằng Virginia lại đang nói lên thành tiếng mà không nhận ra điều đó. Phải, bà có thể nghe thấy những lời lẩm bẩm của mình, *làm các bà cô chướng tai gai mắt*, vẫn còn lơ lửng như một chiếc khăn quàng sau lưng. Được thôi, thế thì sao? Một cách đầy thách thức, sau khi người phụ nữ đã đi qua, Virginia quay lại, chuẩn bị sẵn sàng để nhìn chăm chăm vào cái nhìn lén lút khi ngoái đầu lại của người phụ nữ kia. Đôi mắt Virginia bắt gặp đôi mắt của một trong hai con chó pug đang ngoái đầu lại trên bờ vai màu vàng nâu, nó nhìn về phía bà bằng ánh mắt ấm ướt cùng những nhịp thở khụt khịt.

Bà tới đường Queen và quay trở về nhà, vừa đi vừa nghĩ về Vanessa, về những bông hoa bị cắt cụt nổi bồng bênh trong bát nước.

Mặc dù nơi này thuộc vào hạng tốt nhất, nhưng Richmond nói cho cùng cũng chỉ đơn thuần là một khu ngoại ô, từ các khung cửa sổ và bờ giậu; tới các bà vợ dắt chó pug đi dạo; tới những chiếc đồng hồ đồ chuông báo giờ trong các căn phòng trống vắng. Virginia nghĩ về tình yêu của một cô gái trẻ. Bà căm ghét Richmond. Bà khao khát được thấy lại London; đôi lúc bà mơ về các thành phố. Đây là nơi bà đã bị đưa tới để sống trong suốt tám năm vừa qua vì nó chẳng hề lạ lẫm hay kỳ diệu, bà hầu như được giải thoát hoàn toàn khỏi những cơn nhức đầu và các giọng nói, những cơn cáu giận. Tại đây, tất cả những gì bà ao ước là được quay trở về với những mối nguy hiểm của cuộc sống tại một thành phố lớn.

Trên bậc thềm của Hogarth House, bà dừng bước để nhớ về chính mình.

Theo năm tháng, bà đã học được rằng sự tỉnh táo bao hàm cả một mức độ nhất định, không chỉ đơn thuần vì chồng bà và những người hầu mà còn, đầu tiên và trên hết, vì chính bản thân bà. Bà là tác giả; Leonard, Nelly, Ralph và những người khác là độc giả. Cuốn tiểu thuyết cụ thể này liên quan tới một phụ nữ thông minh, trầm lặng với tâm hồn nhạy cảm tới đau đớn, từng có thời ốm bệnh nhưng giờ đã bình phục; người đang chuẩn bị cho một mùa tiệc tùng ở London, tại đó bà sẽ tổ chức và tham dự các bữa tiệc, viết vào các buổi sáng và đọc vào các buổi chiều, ăn trưa cùng bạn bè, trong những bộ trang phục hoàn hảo. Đó là nghệ thuật thực thụ, việc ngự trị tại các bàn trà và bàn ăn tối; đó là một phong cách đứng đắn và hoạt bát. Người ta có thể tự chúc mừng bản thân vì đã viết về những biến chuyển của các quốc gia một cách trung thực và đầy đam mê; người ta có thể coi chiến tranh và quá trình tìm hiểu về Chúa như là những chủ đề lớn và duy nhất của văn học; nhưng nếu chỗ đứng của con người trên thế giới có thể bị sụp đổ vì một sai lầm trong việc lựa chọn một cái mũ, hẳn văn học Anh sẽ thay đổi hết sức đột ngột.

Bà nghĩ Clarissa Dalloway sẽ tự sát vì một điều gì đó nhìn bề ngoài dường như rất nhỏ bé. Bữa tiệc bà ta tổ chức sẽ thất bại, hay chồng bà ta sẽ lại một lần nữa từ chối thừa nhận một cố gắng nào đó mà bà đã làm cho chính mình hay ngôi nhà của họ. Mấu chốt ở đây là phải chuyển tải nguyên vẹn tầm quan trọng của nỗi tuyệt vọng, dù rất nhỏ những cũng rất thực của Clarissa; để hoàn toàn thuyết phục được người đọc rằng với bà ta, những thất bại trong cuộc sống gia đình cũng có sức hủy hoại khủng khiếp như những thất bại trên chiến trường của một viên tướng.

Virginia bước qua cửa. Bà cảm thấy mình đang nắm toàn quyền kiểm soát nhân vật và đúng như nhân vật đó, bà cởi áo khoác, treo nó lên, rồi xuống cầu thang đi vào bếp nói chuyện với Nelly về bữa trưa.

Trong bếp, Nelly đang cán bột. Nelly vẫn thế, to bè, đồ ửng, đầy bất bình, như thể cô ta đã trải qua cuộc đời trong vinh quang, mãi mãi, chừng mười phút trước khi bạn bước vào phòng. Virginia kinh ngạc nhìn cô ta. Làm thế

nào cô ta có thể nhớ, làm thế nào cô ta có thể luôn chính xác như vậy, mỗi ngày, mỗi giờ?

“Xin chào, Nelly”, Virginia nói.

“Xin chào bà.” Nelly tập trung cán bột, như thế cây lăn bột của cô ta đang hé lộ ra những nét chữ mờ mờ nhưng có thể đọc được.

“Đó là một chiếc bánh cho bữa trưa phải không?”

“Vâng, thưa bà. Tôi nghĩ tới một chiếc bánh nhân thịt cừu, vẫn còn thịt cừu trong nhà, còn sáng nay bà bận làm việc quá nên chúng ta không thể nói chuyện với nhau được.”

“Một chiếc bánh nhân thịt cừu, có vẻ ngon đấy”, Virginia nói, dù bà phải cố diễn xuất để nhập đúng vai. Bà thầm nhắc mình: thức ăn không đáng sợ. Đừng nghĩ tới sự thối rữa, đừng nghĩ tới khuôn mặt trong tấm gương.

“Tôi đã nấu món xúp cải xoong”, Nelly nói. “Và món bánh. Rồi tôi chợt nghĩ tới vài quả lê vàng cho món bánh pudding, trừ khi bà thích thứ gì đó khác.”

Lời thách thức đã được đưa ra. *Trừ khi bà thích thứ gì khác.* Giống như một nữ chiến binh Amazon đứng bên bờ sông, khoác trên mình bộ lông của những con vật cô ta đã giết và lột da; vậy là cô ta ném một quả lê xuống trước đôi hài vàng của nữ hoàng và nói, “Đây là thứ tôi đã mang tới. Trừ khi bà thích thứ gì đó khác.”

“Lê sẽ rất tuyệt”, Virginia nói, tất nhiên thầm nghĩ những quả lê chẳng có gì tuyệt hết; không phải lúc này. Nếu Virginia đã diễn đúng cách và xuất hiện trong bếp vào sáng hôm đó để yêu cầu bữa trưa, bánh pudding hay là bất cứ thứ gì. Nó có thể là bánh flan hay món trứng rán phòng; hay có thể là những quả lê. Virginia có thể dễ dàng bước vào bếp lúc tám giờ sáng và nói, “Đừng bận tâm gì về món pudding cho hôm nay, lê sẽ hợp với chúng ta hơn”. Nhưng thay vì thế bà trốn về phòng làm việc của mình, sợ rằng mạch

viết của bà trong ngày hôm đó (một cảm hứng mong manh, như quả trứng để đứng trên một cái thìa) rất có thể sẽ tan biến trước một trong những cơn trái tính trái nết của Nelly. Nelly biết điều này, tất nhiên cô ta biết và khi đưa những quả lê ra cô ta nhắc Virginia nhớ rằng cô ta là kẻ mạnh; rằng cô ta biết các bí mật; rằng các nữ hoàng bận tâm tới việc ngồi giải câu đố trong phòng ngủ của họ hơn tới hạnh phúc của dân chúng, những kẻ nên chấp nhận đón lấy bất kỳ thứ gì họ kiếm được.

Virginia véo lấy một miếng bột nhào trên bàn, mân mê trong các ngón tay. Bà nói, “Cô có nhớ Vanessa và bọn trẻ sẽ tới lúc bốn giờ không?”.

“Có, thưa bà. Tôi nhớ.” Nelly nhắc miếng bột nhào lên rất thành thạo, rồi cho nó vào khuôn nướng. Những động tác nhẹ nhàng, thuần thục nhắc Virginia nhớ tới việc quán tã cho một đứa trẻ và trong thoáng chốc bà cảm thấy mình giống như một cô gái đang chứng kiến, trong tâm trạng sợ hãi và bực bội, những kỹ năng thành thạo của một bà mẹ.

Bà nói, “Tôi nghĩ trong nhà hẳn vẫn còn trà Trung Hoa. Và gừng tấm đường nữa”.

“Trà Trung Hoa ư, thưa bà? Và gừng nữa ư?”

“Đã hơn nửa tháng rồi chúng ta mới có dịp đón Vanessa tới chơi. Tôi muốn dành cho bà ấy thứ gì đó khá hơn thứ trà khủng khiếp của ngày hôm qua.”

“Trà Trung Hoa và gừng tấm đường cũng có nghĩa là London, ở đây người ta không bán chúng.”

“Nửa giờ thì có một chuyến tàu chạy, xe buýt thì một tiếng. Còn thứ gì chúng ta cần ở London không?”

“Ồ, lúc nào chẳng có. Chỉ có điều, bây giờ đã quá mười một rưỡi rồi và bữa trưa thì vẫn chưa chuẩn bị xong. Bà Bell sẽ tới lúc bốn giờ. Bà nói là bốn giờ, phải không ạ?”

“Phải, ý tôi muốn nhắc tới thời điểm bốn giờ sẽ tới sau gần năm tiếng đồng hồ nữa kể từ lúc này, lúc này chính xác là mười một giờ tám phút. Chuyến tàu lúc mười hai rưỡi sẽ đưa cô tới London sau một giờ. Chuyến tàu lúc hai giờ rưỡi sẽ đưa cô trở về đây ngay sau ba giờ, rất đúng giờ và an toàn, với trà và gừng trên tay. Tôi có tính nhầm không nhỉ?”

“Không”, Nelly nói. Cô ta lấy một cây củ cải từ trong bát ra, cắt cuống và đầu bằng những nhát dao thành thạo. Vậy là, Virginia nghĩ, cô ta muốn cắt cổ mình; cũng như thế, với một cú vung dao bất thành linh, như thế giết mình chỉ là một công việc bếp núc. Đó là cách Nelly sẽ ra tay giết người, thành thạo và chính xác, đúng như cách cô ta nấu ăn, làm theo những công thức đã được học từ rất lâu rồi, đến nỗi cô ta không còn coi chúng là kiến thức nữa. Lúc này, hẳn cô ta sẽ rất vui sướng cắt cổ Virginia như cắt một củ cải vì Virginia sao nhãng bốn phận của mình và giờ đây cô ta, Nelly Boxall, một phụ nữ trưởng thành, đang bị trừng phạt vì đã phục vụ bữa trưa với những quả lê. Tại sao đối xử với người làm lại luôn khó khăn đến thế? Mẹ Virginia đã thực hiện việc đó một cách êm đẹp. Vanessa cũng thế. Vậy tại sao để tỏ ra tử tế với Nelly, để có được sự tôn trọng và tình yêu của cô ta lại khó đến thế? Virginia biết bà nên bước vào bếp như thế nào, đôi vai bà nên được giữ ở tư thế nào, giọng nói của bà nên có âm hưởng của một người mẹ nhưng không quá thân mật ra sao, giống như giọng của một bảo mẫu nói với một đứa trẻ đáng yêu. *Ồ, hãy cho chúng tôi thứ gì đó thay vì những quả lê, Nelly, tâm trạng ông Woolf hôm nay không được tốt và tôi e rằng những quả lê khó lòng làm ông ấy trở nên ngọt ngào hơn được.* Đáng ra chỉ đơn giản như thế.

Bà sẽ giành cho Clarissa Dalloway kỹ năng cư xử tuyệt vời với những người làm, một thái độ phức tạp, vừa tử tế vừa đầy đòi hỏi. Những người làm sẽ yêu bà ta. Họ sẽ làm nhiều hơn những gì bà ta yêu cầu.

Bà Dalloway

Bước vào phòng ngoài mang theo những bông hoa, Clarissa gặp Sally đang trên đường đi ra ngoài. Trong một khắc - thậm chí còn ít hơn cả một khắc - bà nhìn Sally như thể hai người hoàn toàn xa lạ. Sally là một phụ nữ trắng trẻo, tóc muối tiêu và có khuôn mặt nặng nề, thiếu kiên nhẫn, nhẹ hơn mười cân Anh so với thể trọng đáng ra phải có. Trong khoảnh khắc nhìn thấy con người xa lạ này trên lối đi, Clarissa cảm thấy trù mến nhưng thái độ lại không tán thành. Clarissa thầm nghĩ, bà ấy trông đáng yêu quá. Clarissa nghĩ, bà ấy không nên mặc màu vàng, kể cả tông màu mù tạt đậm này cũng không.

“Chào chị”, Sally nói. “Hoa đẹp quá.”

Hai người hôn nhau thật nhanh lên môi. Họ luôn rộng rãi về những cái hôn.

“Em đi đâu vậy?” Clarissa hỏi.

“Vào thành phố. Ăn trưa với Oliver St. Ives. Em đã nói với chị chưa? Em không nhớ đã nói với chị hay chưa nữa.”

“Chưa hề.”

“Em xin lỗi. Chị không thấy phiền chứ?”

“Không sao. Thật hay khi được ăn trưa với một ngôi sao điện ảnh.”

“Em đã lau dọn như điên ở trong kia.”

“Giấy vệ sinh thì sao?”

“Còn nhiều lắm. Em sẽ quay về sau hai giờ nữa.”

“Tạm biệt.”

“Những bông hoa rất tuyệt”, Sally nói. “Sao em lại bồn chồn thế nhỉ?”

“Được ăn trưa với một ngôi sao điện ảnh, chị đoán là thế.”

“Chỉ là Oliver thôi mà. Em cảm thấy cứ như đang bỏ rơi chị vậy.”

“Không đâu. Mọi thứ rất tốt.”

“Chị chắc chứ?”

“Đi đi. Hãy tận hưởng một quãng thời gian vui vẻ.”

“Tạm biệt.”

Hai người lại hôn nhau lần nữa. Clarissa sẽ nói chuyện với Sally, khi thích hợp, về việc bỏ chiếc áo khoác màu mù tạt đi.

Trong lúc bà tiếp tục bước xuống cuối lối đi, bà tự hỏi về khoái cảm mà mình từng cảm thấy - nó là gì nhỉ? - chỉ mới hơn một giờ đồng hồ trước. Vào lúc mười một giờ ba mươi phút của ngày tháng Sáu ẩm áp, lối đi trong ngôi nhà trở nên giống như lối vào vương quốc của những người đã chết. Chiếc bình đựng tro đứng thẳng trong ô của nó, còn sàn nhà màu nâu bóng loáng lạng lẽ phản chiếu lại thứ ánh sáng màu vàng nâu cũ kỹ của các ngọn đèn gắn trên tường. Không, chính xác thì không phải là vương quốc của những người đã chết; còn có một thứ tệ hại hơn cả cái chết, với lời hứa về giải thoát và giấc ngủ của nó. Có bụi đang bay lên, những ngày dài vô tận và một lối đi cứ ở nguyên đó, luôn đầy ắp thứ ánh sáng màu nâu cùng mùi ẩm mốc, hơi có mùi của hóa chất, cho tới khi điều gì đó chính xác hơn xuất hiện, mùi hương thực sự của tuổi tác và mất mát, đoạn kết của hy vọng. Richard, người bạn đáng tin cậy nhất của bà, đang biến mất trong bệnh tật và sự điên rồ của chính ông. Richard sẽ không đi cùng bà, như dự kiến, tới tuổi già.

Clarissa vào trong căn hộ và ngay lập tức, một cách thật kỳ lạ, cảm thấy dễ chịu hơn. Dễ chịu hơn chút ít. Vẫn còn bữa tiệc. Chí ít là còn có việc đó. Đây là nhà của bà và của Sally; cho dù họ đã sống cùng nhau gần mười lăm năm, bà vẫn thấy ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của nó cũng như vận may không tin nổi của họ. Hai tầng lầu và một khu vườn ở giữa West Village! Họ giàu, tất nhiên rồi; giàu có một cách điên cuồng theo tiêu chuẩn của thế giới; nhưng không phải giàu với người giàu, không phải giàu với tiêu chuẩn của thành phố New York. Hai người có một khoản tiền nhất định để tiêu và họ chuyển vận may thành sàn nhà lát ván gỗ thông, thành dãy cửa sổ hai cánh mở xuống khoảng sân lát gạch nơi những đám rêu màu ngọc lục bảo mọc trên những tảng đá lồi nông và một đài phun nước nhỏ hình tròn, một bể nước trong vắt nơi các bong bóng sủi lên khi một chiếc khóa vòi được vặn. Clarissa mang chỗ hoa vào bếp, nơi Sally đã để lại một lời nhắn (“Ăn trưa với Oliver - em có quên báo với chị không nhỉ? - Về muộn nhất lúc ba giờ, XXXXX”). Đột nhiên, Clarissa chìm trong cảm giác mất phương hướng. Đây không phải là căn bếp của bà. Đây là bếp của một người quen, khá đẹp đấy, nhưng không hợp với bà, tràn ngập những mùi ngoại lai. Bà sống ở nơi khác kia. Bà sống trong một căn phòng, nơi có một cành cây khế đập lên cửa kính khi ai đó đặt kim của máy quay đĩa lên mặt một chiếc đĩa hát. Ở đây, trong căn bếp này, những chiếc đĩa sạch bong được sắp xếp ngăn nắp, giống như những món đồ thánh vậy, sau những cánh cửa kính của tủ bát đĩa. Một dãy bình gốm cũ phô ra những sắc thái khác nhau của lớp men rạn màu vàng, đứng cạnh nhau trên mặt bàn bếp bằng đá hoa cương. Clarissa nhận ra những đồ vật này nhưng vẫn đứng xa chúng. Bà cảm thấy bóng ma của chính mình đang hiện diện; phần của con người bà vừa giàu sức sống nhất, tới mức không thể hủy diệt nổi, vừa ít rõ ràng nhất; phần không sở hữu thứ gì; phần đang quan sát một cách bần khoản và tách biệt như thể một du khách trong bảo tàng, một dãy bình gốm màu vàng và mặt bàn bếp với một giọt nước duy nhất đang lấp ló run rẩy từ vòi nước, nặng dần, rồi rơi xuống. Bà và Sally đã mua tất cả những thứ này, bà có thể nhớ rõ từng lần mua, nhưng lúc này bà cảm thấy chúng đều lạ lẫm, vòi nước, mặt bàn bếp, những chiếc bình và cả những chiếc đĩa trắng. Chúng là những lựa

chọn duy nhất, thứ này rồi đến thứ khác, có hoặc không và bà nhận ra mình có thể thoát ra khỏi cuộc sống này mới dễ dàng làm sao - những thứ tiện nghi trống rỗng và lạ lẫm này. Bà có thể rời khỏi nó và quay trở về ngôi nhà kia của bà, nơi cả Sally và Richard đều không hiện diện; nơi chỉ còn lại con người của Clarissa, một cô gái đã trưởng thành thành một người phụ nữ, vẫn tràn đầy hy vọng, vẫn có thể làm bất cứ điều gì nếu muốn. Nó cho bà thấy tất cả nỗi phiền muộn và cô đơn của bà, toàn bộ cái khung xập xệ của nó, chỉ đơn thuần nảy sinh từ việc sống trong căn hộ này, giữa những món đồ này, cùng Sally hiền dịu, e dè và nếu bỏ đi bà sẽ hạnh phúc, thậm chí còn tốt hơn hạnh phúc. Bà sẽ là chính mình. Trong một khắc ngắn ngủi, bà cảm thấy cách đó thật tuyệt vời, mọi thứ đang đợi chờ phía trước.

Thế rồi dòng cảm xúc tiếp tục trôi đi. Nó không sụp xuống; cũng không tan biến đi. Chỉ đơn giản là trôi đi, giống như một đoàn tàu dừng bánh ở một ga xếp tĩnh lặng, đỗ lại một lúc và sau đó tiếp tục lăn bánh biến mất khỏi tầm nhìn. Clarissa lấy những bông hoa ra khỏi giấy gói, cho chúng vào chậu rửa. Bà thấy thất vọng và cũng thấy nhẹ nhõm không ít. Trên thực tế, đây là căn hộ của bà, bộ sưu tập bình gốm của bà, với người bạn đời và cuộc sống của bà. Bà không muốn thứ gì khác. Có được cảm giác bình thường, không quá hưng phấn hay phiền muộn, chỉ đơn thuần là Clarissa Vaughan, một phụ nữ tốt số, được vị nể trong sự nghiệp, đang chuẩn bị tổ chức tiệc cho một nghệ sĩ nổi tiếng và đang bệnh nặng, bà quay trở lại phòng khách để kiểm tra các tin nhắn trong hộp thư thoại. Bữa tiệc sẽ diễn ra thành công hay có lẽ là thất bại thảm hại. Dù thế nào đi nữa, bà và Sally cũng sẽ ăn tối cùng nhau. Và rồi họ sẽ lên giường đi ngủ.

Trong hộp thư thoại là giọng người cung cấp thực phẩm mới (giọng ông ta khiến bà không thể luận ra được nguồn gốc; sẽ thế nào nếu ông ta là một kẻ kém cỏi nhỉ?) xác nhận sẽ mang đồ ăn tới lúc ba giờ. Có một người khách đề nghị được dẫn theo bạn bà ta và một người khác thông báo ông ta phải rời thành phố sáng hôm đó để đi thăm một người bạn thời niên thiếu mà căn bệnh AIDS đã tiến triển một cách bất ngờ.

Máy báo đã hết tin nhắn. Clarissa bấm vào nút tua lại. Nếu Sally đã quên

báo với bà về bữa trưa với Oliver St. Ives, chắc là vì ông ta chỉ mời riêng Sally. Oliver St. Ives, hiện thân của tai tiếng, cũng là một người hùng, đã không mời Clarissa ăn trưa. Oliver St. Ives đã thành công ngoạn mục trong *Vanity Fair* và sau đó bị mất vai chính trong một bộ phim kinh dị lớn, đã giành được nhiều tiếng tăm với tư cách một nhà hoạt động đồng tính luyến ái hơn so với những gì ông ta có thể hy vọng nếu tiếp tục đóng vai một người có khuynh hướng giới tính bình thường và cho ra lò liên tục những bộ phim hạng B đắt tiền. Sally gặp Oliver St. Ives khi ông ta xuất hiện trong chương trình phỏng vấn trên truyền hình với một phong cách rất nghiêm túc, rất trí thức mà bà tham gia sản xuất (tất nhiên chương trình này sẽ chẳng đời nào bận tâm đến ông ta khi ông ta chỉ đơn thuần là một người hùng trong phim hành động, mà cũng không thuộc hàng đầu bảng). Sally đã được ông ta mời đi ăn trưa, cho dù ông ta và Clarissa đã gặp nhau vài lần và theo như Clarissa nhớ lại, hai người từng có một cuộc trò chuyện dài và thân mật tại một buổi gầy quý. Chẳng lẽ việc bà chính là người phụ nữ trong cuốn sách không có chút ý nghĩa nào? (Cho dù cuốn sách, tất nhiên rồi, đã thất bại và Oliver, tất nhiên rồi, hẳn rất ít đọc sách.) Oliver đã không nói với Sally, “Đừng quên đưa cả người phụ nữ rất thú vị đang sống với cô đến cùng nhé”. Chắc hẳn ông ta cho rằng Clarissa là một người vợ; chỉ đơn thuần là một người vợ. Clarissa quay lại bếp. Bà không thấy ghen tị với Sally, chuyện này không phải như thế, nhưng bà không khỏi cảm thấy, với việc bị Oliver St. Ives bỏ qua, sự quan tâm người đời dành cho bà đã phai nhạt và còn mạnh hơn thế là sự thật khiến bà thực sự bối rối, điều đó vẫn rất có ý nghĩa với bà thậm chí cả vào lúc này, khi bà đang chuẩn bị bữa tiệc cho một người rất có thể là nghệ sĩ lớn và nhiều khả năng khó lòng sống qua được năm nay. Mi thật tầm thường, tầm thường vô cùng, bà thầm nghĩ. Nhưng vậy đấy, việc không được mời ít nhiều cũng giống như thế giới vẫn tiếp tục quay mà không có bà. Việc bị Oliver St. Ives bỏ qua (chắc ông ta không cố ý loại bà ra mà chỉ đơn giản là không hề nghĩ tới bà) giống như một bức sa bàn thu nhỏ dành cho trẻ con. Đó là một thứ nhỏ xíu, đầy màu sắc rực rỡ, đã tàn tạ, tất cả chỉ gồm ni và keo dán. Nhưng vẫn tồn tại. Đó không phải là thất bại, bà tự nhủ. Không thể là thất bại khi được ở trong những căn phòng này, trong hình hài này, và cắt các cuống hoa. Không phải

là thất bại, nhưng nó đòi hỏi mi nhiều hơn, tất cả những nỗ lực này; chỉ đơn thuần là có mặt và tỏ ra dễ chịu; tỏ ra hạnh phúc (một từ thật khủng khiếp). Người ta không còn nhìn vào mi trên đường phố nữa, hoặc nếu có, họ cũng không quan tâm về mặt giới tính. Mi không được mời tới dự bữa trưa cùng Oliver St. Ives. Bên ngoài khung cửa sổ hẹp của căn bếp, thành phố vẫn đang chuyển động. Những cặp tình nhân đang tranh cãi; tiếng chuông vang lên tại các máy tính tiền; những chàng trai, cô gái trẻ tìm tới cửa hiệu mua quần áo mới trong khi người phụ nữ đứng dưới cổng vòm tại quảng trường Washington hát *iiii* và mi cắt bớt một cuống hồng bằng kéo rồi cắm nó vào chiếc bình đầy nước nóng. Mi cố giữ lấy khoảnh khắc này, ở nơi này, trong căn bếp với những bông hoa. Mi cố sống trong nó, yêu nó, vì nó là của mi và vì những gì đang đợi ngay phía ngoài những căn phòng này là lối đi, với những viên gạch lát màu nâu và những ngọn đèn mờ mờ luôn bật sáng. Bởi vì cho dù nếu cánh cửa của toa moóc có mở ra, người phụ nữ ở bên trong, cho dù bà ta là Meryl Streep hay Vanessa Redgrave, thậm chí là Susan Sarandon đi chăng nữa, cũng sẽ chỉ đơn giản là một phụ nữ trong toa moóc và mi không thể làm được điều mi muốn làm. Mi không thể chào đón bà ta ở đó, ngay giữa đường; ôm bà ta trong vòng tay; và cùng òa lên khóc với bà ta. Sẽ thật tuyệt vời nếu được khóc như thế, trong vòng tay của một người phụ nữ vừa bất tử vừa là một con người mệt mỏi, hốt hoảng vừa ló ra từ một toa moóc. Hơn bất cứ điều gì khác, mi đang sống, ở ngay đây, trong căn bếp của mình, cũng giống như Meryl Streep và Vanessa Redgrave đang sống ở nơi nào đó, trong lúc dòng xe cộ tuôn ra từ đại lộ số Sáu và đôi lưỡi màu trắng bạc của chiếc kéo cắt thật ngọt qua một cuống hoa màu lục sẫm.

Mùa hè năm đó bà mới mười tám tuổi và dường như mọi điều đều có thể xảy ra, bất cứ điều gì. Dường như bà có thể hôn người bạn luôn nghiêm trang và thân thiết nhất của mình, kéo anh nằm xuống bên cái ao, dường như họ có thể ngủ với nhau trong sự kết hợp lạ lùng của ham muốn và ngây thơ, không hề lo nghĩ về ý nghĩa của nó, nếu thực sự điều đó có ý nghĩa nào đó. Đó là ngôi nhà, thật vậy, bà thầm nghĩ. Không có ngôi nhà, họ đơn giản vẫn là ba sinh viên chưa tốt nghiệp hút thuốc cùng nhau và tranh cãi trong ký túc xá tại Columbia. Đó là ngôi nhà, là chuỗi sự kiện khởi đầu bằng tai

nạn với chiếc xe tải ở ngoại ô Plymouth đã cướp đi tính mạng của vợ chồng người bác già, bố mẹ Louis cho phép cậu ta và bạn bè sử dụng ngôi nhà trống trải trong suốt mùa hè. Tại đó rau diếp vẫn còn tươi trong tủ lạnh và một con mèo hoang không ngừng tìm kiếm chỗ đồ ăn thừa bên ngoài cửa nhà bếp với thái độ ngày càng sốt sắng. Ngôi nhà và thời tiết - cùng vẻ mê ly như thế không có thực của tất cả những điều đó - đã biến tình bạn của Richard thành thứ tình yêu cuồng nhiệt hơn và cũng chính những điều đó, quả vậy, đã đưa Clarissa tới đây, tới căn bếp này giữa thành phố New York, nơi bà đang đứng trên phiến đá đen (một nhâm lẫn, nó lạnh ngắt và biến màu vì bẩn), cắt cuống hoa, cố vật lộn và chỉ thu được thành công tương đối, thôi không bận tâm tới Oliver St. Ives, nhà hoạt động gây quỹ và ngôi sao điện ảnh đã phá sản, người đã không mời bà ăn trưa nữa.

Đó không phải là sự phản bội, bà cố nhấn mạnh; đó chỉ đơn thuần là sự mở rộng của điều có thể. Bà không đòi hỏi sự trung thành của Richard - xin Chúa tha tội! - và bà cũng không hề cướp đoạt tài sản thuộc về Louis, dù theo bất cứ cách nào. Louis cũng không nghĩ vậy (hay ít nhất không thừa nhận có nghĩ thế, nhưng quả thực vì tình cờ mà cậu ta cắt phải tay nhiều lần đến thế vào hè năm ấy, với nhiều dụng cụ khác nhau và những con dao trong nhà bếp đến nỗi cậu ta đã phải tìm đến ông bác sĩ gần đó hai lần để khâu vết thương?). Đó là năm 1965; tình yêu đã lụi tàn chỉ đơn thuần tạo ra những thứ tương tự. Ít nhất là có thể. Tại sao không thử làm tình với tất cả mọi người, chừng nào bạn muốn họ và họ muốn bạn? Vậy là Richard tiếp tục với Louis, đồng thời cũng bắt đầu với cả bà và có vẻ mọi thứ đều ổn; chỉ đơn giản là ổn. Không có nghĩa tình dục và tình yêu không trở nên phức tạp. Chẳng hạn, những nỗ lực của Clarissa với Louis đã thất bại hoàn toàn. Cậu ta không thích các cô gái và bà cũng chẳng thích cậu ta, bất chấp vẻ đẹp trứ danh của chàng trai. Cả hai người đều yêu Richard, đều muốn Richard và điều đó có thể tạo thành mối liên hệ gắn kết họ lại. Không phải tất cả mọi người đều được tạo ra để trở thành người tình của nhau và họ không gây thương tổn tới mức thử thúc ép nó vượt quá một lần thất bại trên chiếc giường mà Louis chỉ chia sẻ, trong suốt phần còn lại của mùa hè, với Richard vào những đêm Richard không ngủ cùng Clarissa.

Kể từ thời gian đó, đã bao lần bà tự hỏi chuyện gì có thể xảy ra nếu bà cố ở lại với ông; nếu bà đáp lại cái hôn của Richard trên góc đường Bleecker và MacDougal, chấp nhận cùng đi đâu đó (đâu mới được chứ?) cùng ông, không bao giờ mua hương hay chiếc áo khoác lông lạc đà không bấu với những chiếc khuy hình hoa hồng. Liệu họ có thể khám phá ra điều gì đó... lớn hơn, kỳ lạ hơn những gì họ đã có hay không? Khó có thể không hình dung được tương lai khác đó, tương lai đã bị chối bỏ, như thế sẽ diễn ra tại Italia hay Pháp, trong những căn phòng và khu vườn rộng lớn tràn ngập ánh mặt trời; đầy ắp dối lừa và những trận cãi vã nảy lửa; giống như một câu chuyện lãng mạn phóng khoáng và kéo dài dựa trên tình bạn son sắt đến mức sẽ đồng hành cùng họ tới lúc xuống mồ, thậm chí còn xa hơn nữa. Bà thầm nghĩ, mình đã có thể đặt chân vào thế giới bên kia. Bà có thể có một cuộc đời mạnh mẽ như trong những tác phẩm văn học.

Một lần nữa có thể là không, Clarissa tự nhủ. Đó chính là con người tôi. Chính là tôi - một phụ nữ đứng đắn trong một căn hộ đẹp, với một cuộc hôn nhân bền vững đầy tình cảm, chuẩn bị tổ chức một bữa tiệc. Mạo hiểm đi quá xa vì tình yêu, bà tự nói với chính mình và mi sẽ chối bỏ quyền công dân của mình trong vương quốc mà mi đã tạo dựng cho riêng mình. Mi sẽ kết thúc với việc lang bạt từ bờ bến này tới bờ bến khác.

Dẫu thế, vẫn còn đó dư âm của một cơ hội bị bỏ lỡ. Có thể chẳng hề có gì hoặc chưa từng có gì sánh bằng hồi ức của việc cùng nhau trải qua tuổi trẻ, có khi chỉ đơn giản là vậy. Richard là người Clarissa yêu vào khoảnh khắc lạc quan nhất của bà. Richard đã đứng cạnh bà bên bờ ao vào lúc hoàng hôn, mặc chiếc quần jeans sờn rách và đôi xăng đan cao su. Miệng ông hé mở áp lên miệng bà; lưỡi ông (đầy phấn khích và vô cùng quen thuộc, bà không bao giờ quên được nó) bẽn lẽn tìm vào bên trong cho tới khi bà đưa lưỡi mình ra gặp gỡ nó. Hai người đã hôn nhau và cùng nhau tản bộ vòng quanh ao. Sau một giờ đồng hồ, họ đã ăn tối xong, cùng với một lượng rượu vang đáng kể. Cuốn *The Golden Notebook* của Clarissa nằm trên mặt bàn sứt sọ của căn phòng ngủ áp mái nơi bà vẫn ngủ một mình.

Dường như nó giống với khởi đầu của hạnh phúc và hơn ba mươi năm sau, Clarissa đôi lúc vẫn thấy sốc khi nhận ra đó *chính* là hạnh phúc; rằng toàn bộ trải nghiệm nằm trọn trong một cái hôn và một cuộc tán bộ, trong dự kiến ăn tối và một cuốn sách. Đến lúc này bữa tối đã bị lãng quên; Lessing đã từ lâu bị che khuất bởi các tác giả khác; và thậm chí cả tình dục, đã có lúc bà và Richard đạt tới điểm đó, cũng mãnh liệt nhưng vụng về, không thỏa mãn, nhiều chân thành hơn đam mê. Điều vẫn lưu lại không phai mờ trong tâm trí Clarissa hơn ba thập kỷ sau đó là một cái hôn lúc hoàng hôn trên một vạt cỏ đã chết khô và cuộc tán bộ quanh một cái ao trong lúc có vô vàn muối đang vo ve trong bóng tối sập xuống. Vẫn còn đó sự hoàn hảo đơn côi. Giờ thì bà biết rõ: Chính thời khắc đó. Không còn thời điểm nào khác như thế nữa.

Bà Brown

Chiếc bánh kém xa những gì cô hy vọng. Cô cố gắng không bận tâm tới chuyện này. Cũng chỉ là một chiếc bánh thôi mà, cô tự nhủ. Chỉ là một chiếc bánh. Hai mẹ con rắc đường lên mặt bánh và cô đã nghĩ ra một việc khác, một cách thật tội lỗi, để bắt con trai mình làm trong lúc cô tạo hình những bông hồng vàng lên rìa bánh nhờ một tuýp kem và viết dòng chữ “Chúc Mừng Sinh Nhật Dan” màu trắng như tuyết. Cô không muốn phải chịu mớ lộn xộn mà đứa con sẽ tạo ra với những thứ này. Dầu vậy, kết quả vẫn không theo đúng những gì cô hình dung; không, không hề giống. Cũng chẳng có gì không ổn với chiếc bánh, nhưng cô đã hình dung ra chiếc bánh tuyệt hơn thế nhiều. Cô đã hình dung ra nó to hơn, ấn tượng hơn. Cô từng hy vọng (thừa nhận với chính mình) chiếc bánh trông sẽ hấp dẫn hơn, đẹp hơn và tuyệt vời hơn. Chiếc bánh cô vừa làm ra trông có vẻ hơi nhỏ, không chỉ đơn thuần về mặt kích thước. Trông nó thật xấu xí, thật quê kệch. Cô tự nhủ với chính mình, nó vẫn ổn cả. Đó là một chiếc bánh đẹp, mọi người đều sẽ thích nó. Những sai sót của nó (những vụn bánh dính trên mặt chữ, vết méo trên chữ “n” của từ “Dan”, nắm quá gần một bông hồng) là một phần tạo nên sức hấp dẫn của nó. Cô rửa chỗ đĩa bẩn. Cô suy nghĩ về phần còn lại của ngày hôm nay.

Cô sẽ dọn giường, hút bụi các tấm thảm. Cô sẽ gói các món quà đã mua cho chồng: chiếc cà vạt và một chiếc áo sơ mi mới, cả hai đều đắt tiền và lịch sự hơn những món đồ anh vẫn tự mua cho mình; một chiếc chổi cạo râu bằng lông lợn lòi; một chiếc hộp bằng da nhỏ để đựng đồ bấm móng tay, giữa móng tay và nhíp để anh mang theo mỗi khi đi công tác xa. Anh sẽ thấy hạnh phúc với tất cả những món quà này, hoặc tỏ ra hạnh phúc; anh sẽ huýt sáo và nói “Thử mặc mấy thứ này xem nào” khi trông thấy chiếc áo sơ mi đắt tiền và chiếc cà vạt. Anh sẽ hôn cô thật nồng nàn với mỗi món quà và nói rằng cô đã làm quá nhiều, rằng cô không cần phải làm thế, rằng anh

không xứng được nhận những món quà tuyệt vời đến thế. Cô thầm hỏi tại sao cô có thể dành cho anh mọi thứ, bất cứ thứ gì và luôn nhận được gần như cùng một câu trả lời. Tại sao anh không ước muốn bất cứ điều gì, thực vậy, xa hơn những gì anh đã có? Cô không thể thấu hiểu được những tham vọng và sự thỏa mãn của anh, trong tình yêu anh dành cho công việc và gia đình. Điều đó, cô nhắc lại với chính mình, là một phẩm chất. Là một phần tạo nên sự đáng yêu của anh (cô chắc sẽ không bao giờ dùng cách diễn đạt này trước mặt anh, nhưng với riêng mình, cô nghĩ về anh như một người đáng yêu, một người đàn ông đáng yêu, vì cô đã thấy những giây phút riêng tư nhất của anh, khi anh khóc thút thít trong một giấc mơ, khi anh ngồi trong bồn tắm, trông ngây thơ đến nhói tim). Điều đó thật tốt, cô nhắc lại với chính mình - thật đáng yêu - khi chồng cô không thể bị tác động bởi những thứ phù du; khi hạnh phúc của anh chỉ phụ thuộc vào cô, ở ngay đây, trong căn nhà này, sống cuộc sống của cô, nghĩ tới anh.

Chiếc bánh của cô là một thất bại, nhưng dầu vậy cô vẫn được yêu. Cô thầm nghĩ mình được yêu ít nhiều theo cách các món quà sẽ được chào đón; bởi vì chúng được tặng với dụng ý tốt, vì chúng tồn tại, vì chúng là một phần của thế giới mà trong đó người ta muốn những gì người ta nhận được.

Vậy cô còn muốn gì khác đây? Chẳng lẽ cô lại muốn những món quà của mình bị dè bieu, chiếc bánh cô làm bị chế nhạo? Tất nhiên là không rồi. Cô muốn được yêu. Cô muốn làm một người mẹ giỏi giảng bình thân đọc sách cho con nghe; cô muốn là một người vợ có thể dọn ra một bàn ăn hoàn hảo. Cô không muốn, không hề muốn, là người phụ nữ xa lạ, một tạo vật thảm hại, đầy những thói xấu và hay cáu giận, cô độc, ủ dột, không được yêu.

Virginia Woolf đã bỏ một hòn đá vào túi áo khoác của bà, bước xuống một dòng sông và chết đuối.

Laura sẽ không để mình đi tới chỗ chán sống như thế. Cô sẽ dọn giường, hút bụi, nấu bữa tối. Cô sẽ không bận tâm về bất cứ điều gì.

Ai đó đang gõ cửa. Laura, trong lúc rửa nốt những chiếc đĩa cuối cùng, có

thể nhận ra bóng dáng lơ mờ của Kitty qua tấm rèm trắng đục. Đây rồi, vàng sáng mơ hồ của mái tóc màu vàng nâu của Kitty, sắc hồng sạch sẽ trên khuôn mặt của cô. Laura nuốt vào cảm giác day dứt của sự kích động và điều gì đó còn mạnh hơn cả kích động, điều gì đó giống với sự hoảng hốt. Sắp có một cuộc tới thăm của Kitty. Tóc cô vẫn chưa chải; cô vẫn còn mặc váy ngủ trên người. Trông cô quá giống với một phụ nữ đắm chìm trong phiền muộn. Cô vừa muốn lao thẳng tới bên cửa vừa muốn đứng lại đây, bất động, bên chậu rửa, cho tới khi Kitty bỏ cuộc và ra về. Rất có thể cô từng làm vậy, đứng im không nhúc nhích, nín thở (liệu Kitty có thể nhìn vào trong, liệu cô ấy có thể biết không?), nhưng vẫn còn rắc rối với Richie, cậu bé luôn chứng kiến mọi việc, lúc này đang chạy vào trong bếp, cầm trong tay một chiếc xe tải bằng nhựa màu đỏ, lớn tiếng vừa hào hứng vừa hoảng hốt rằng có ai đó đang ở ngoài cửa.

Laura lau khô tay bằng chiếc khăn lau bát đĩa có in hình những con gà trống màu đỏ, rồi ra mở cửa. Chỉ là Kitty thôi mà, cô tự nhủ. Chỉ là người bạn của cô sống cách hai nhà về phía cuối đường và đây, tất nhiên rồi, là việc người ta vẫn làm. Họ ghé vào và được tiếp đón; mái tóc và chiếc váy của cô chẳng có gì quan trọng ở đây cả. Chiếc bánh cũng không có gì quan trọng hết.

“Xin chào, Kitty”, cô nói.

“Em có làm gián đoạn việc gì không vậy?” Kitty hỏi.

“Tất nhiên là không rồi. Vào nhà đi.”

Kitty bước vào và mang theo một vầng hào quang của sự sạch sẽ và triết lý về nội trợ; hào hứng, nóng nảy. Vị khách là một phụ nữ hấp dẫn, khỏe mạnh, đầy đặn, trẻ hơn Laura vài tuổi (dường như tất cả mọi người đột nhiên đều trẻ hơn cô). Nét mặt của Kitty, đôi mắt nhỏ và chiếc mũi tinh tế, được tập trung cả vào giữa khuôn mặt tròn. Ở trường, cô là một trong số vài cô gái quyết đoán, tích cực và không thực sự xinh đẹp, giàu có nhưng tự tin tới mức chỉ đơn giản đứng nguyên ở chỗ của mình và khăng khăng đòi hỏi địa phương những việc cần được điều chỉnh lại. Kitty cùng các bạn cô -

kiên quyết, mạnh mẽ, với khuôn mặt vững vàng, tâm hồn rộng rãi, có thể trung thành đến tận cùng và tàn nhẫn đến khủng khiếp - là các bà hoàng của nhiều festival, đội trưởng các đội cổ vũ, ngôi sao trong các vở kịch.

“Em muốn nhờ chị một việc”, Kitty nói.

“Được thôi”, Laura nói. “Em có thể ngồi đợi một phút không?”

“Vâng.” Kitty ngồi xuống bên bàn bếp. Cô dành một lời chào thân thiện với cậu bé trong khi cậu quan sát một cách ngờ vực, thậm chí giận dữ (cô ta đến làm gì chứ?) từ một vị trí tương đối an toàn gần bếp. Kitty, vẫn chưa có con (dân tình đang bắt đầu băn khoăn về chuyện này), không hề cố gây cảm tình với con của những người khác. Lũ trẻ có thể tới bên cô, nếu chúng thích; cô sẽ không tìm tới bên chúng.

“Chị có sẵn cà phê rồi”, Laura nói. “Em uống một tách nhé?”

“Vâng ạ.”

Cô rót một tách cà phê cho Kitty và một tách cho chính mình. Cô bồn chồn liếc mắt về phía chiếc bánh, ước gì có thể giấu được nó đi. Có những vụn bánh dính trên lớp kem. Chữ “n” của từ “Dan” bị chạm vào một bông hồng.

Nhìn theo đôi mắt Laura, Kitty thốt lên, “Ồ, xem kìa, chị làm một chiếc bánh”.

“Dành cho sinh nhật Dan đấy.”

Kitty đứng dậy, tới đứng bên Laura. Kitty mặc một chiếc áo ngắn tay màu trắng, quần soóc màu lục trơn và đi đôi xăng đan bằng rơm luôn phát ra những âm thanh sột soạt khe khẽ khi bước đi.

“Ái chà, để em xem nào”, cô nói.

“Đây là lần đầu tiên chị làm”, Laura nói. “Khó hơn em có thể nghĩ đấy, việc viết chữ bằng kem.”

Cô hy vọng mình có vẻ bất cần, vui vẻ, vô tư một cách hấp dẫn. Tại sao cô lại tạo hình các bông hồng trước, trong khi bất cứ kẻ ngốc nghếch nào cũng sẽ biết bắt đầu với thông điệp chúc mừng? Cô tìm thấy một điều thuốc lá. Cô là một phụ nữ hút thuốc và uống cà phê vào buổi sáng, một phụ nữ đang chăm lo cho một gia đình, có Kitty làm bạn, một người sẽ không bận tâm nếu chiếc bánh của cô còn lâu mới hoàn hảo. Cô châm điếu thuốc.

“Dễ thương quá”, Kitty nói và khiến cho con người ngang ngạnh phì phèo thuốc lá Laura vừa mới bắt đầu chùng ra lập tức xì hơi. Chiếc bánh thật dễ thương, Kitty nói với cô như thế, dễ thương giống như bức vẽ của một đứa trẻ. Lời nhận xét thật ngọt ngào, cảm động, sự chân thành đến nhói lòng vạch ra sự tương phản giữa tham vọng và khả năng thực tế. Laura hiểu: Chỉ có hai lựa chọn. Bạn có năng lực hoặc vô tâm. Bạn có thể tạo ra một chiếc bánh tuyệt tác bằng chính hai bàn tay mình, hoặc, đẹp nó sang bên, châm một điếu thuốc lá, tuyên bố bạn là kẻ không có khả năng thực hiện một dự định như thế, rót cho mình thêm một tách cà phê nữa rồi đặt một chiếc bánh ngoài hàng. Laura là một người đã thử vào vai thợ làm bánh và thất bại một cách thảm hại. Cô đã tạo ra thứ gì đó thật dễ thương, trong khi cô vốn hy vọng (thật đáng phiến muộn, nhưng đúng thế) tạo ra thứ gì đó tuyệt đẹp.

“Khi nào tới sinh nhật Ray vậy”, cô hỏi, vì cô cần nói gì đó.

“Tháng Chín”, Kitty trả lời. Cô gái quay lại bên bàn bếp. Còn có thể nói gì thêm về chiếc bánh nhỉ?

Laura theo sau, cầm hai tách cà phê trên tay. Kitty cần những người bạn (sức hấp dẫn đứng đắn của chính chồng cô không được duy trì tốt cho lắm trong thế giới bên ngoài và còn cả chuyện hai người vẫn chưa có con nữa), vì thế Laura là người cô tìm tới thăm, là người cô tìm đến nhờ cậy. Trong một cuộc đời khác, cũng không khác cuộc đời này là mấy, rất có thể họ đã là kẻ thù, song ở cuộc đời này, với những an bài về thời gian đầy ngạc nhiên và vô lý của nó, Laura thành hôn với một chàng trai nổi tiếng, một anh hùng trong chiến tranh, người từng học cùng lớp cuối trung học với Kitty và nhờ

thế gia nhập giới thượng lưu gần như theo đúng cách một công chúa người Đức xấu xí không còn trẻ trung nữa bỗng chốc ngồi trên ngai vàng bên cạnh một vị vua Anh.

Điều khiến cô ngạc nhiên - cũng là điều đôi lúc khiến cô ghê sợ - là chuyện cô thích thú với tình bạn của Kitty tới mức nào. Kitty thật quý báu, cũng giống như chồng Laura thật đáng yêu. Sự quý báu của Kitty, vầng hào quang im lặng của cô gái, cảm giác về những khoảnh khắc lớn lao cô mang tới cho một căn phòng, tất cả đều giống như cảm giác một ngôi sao điện ảnh đem đến. Cô gái sở hữu sự độc nhất vô nhị của một ngôi sao điện ảnh, những khiếm khuyết cũng như vẻ đẹp mang phong cách riêng; giống như một ngôi sao điện ảnh, cô gái dường như vừa gần gũi vừa cao sang, với cùng phong thái của Olivia de Havilland hay Barbara Stanwyck. Cô rất được ngưỡng mộ.

“Ray dạo này thế nào?” Laura hỏi trong lúc đặt một tách cà phê xuống trước mặt Kitty. “Lâu rồi chị cũng không gặp chồng em.”

Chồng Kitty chính là cơ hội để Laura lập lại thế cân bằng giữa hai người; để dành cho Kitty sự cảm thông của cô. Chính xác mà nói, Ray không phải là người chồng khiến người ta phải ngưỡng ngật - không phải là một thất bại hoàn toàn - song anh ta ít nhiều có thể coi như phiên bản chiếc bánh của Laura mà Kitty sở hữu, rõ ràng là thế. Anh ta là bạn trai của Kitty ở trường trung học. Anh ta chơi trung phong trong đội bóng rổ và học hành tạm được song không có gì nổi bật tại Đại học Nam Carolina. Anh ta từng trải qua bảy tháng bị bắt làm tù binh tại Philippines. Hiện giờ, anh ta là một công chức tại Bộ Tài nguyên Nước và Năng lượng và ở tuổi ba mươi, bắt đầu cho thấy bằng cách nào các chàng trai can trường có thể, theo từng nấc vi phân vô cùng nhỏ và chẳng vì bất cứ lý do rõ rệt nào, biến thành những gã trung niên thảm hại. Ray cắt tóc ngắn, cận thị. Anh ta ra mồ hôi đầm đìa. Những bong bóng nước bọt nhỏ tụ lại ở hai bên khóe miệng bất cứ khi nào anh ta nói một lúc lâu. Laura hình dung (không thể nào lại không như vậy) khi vợ chồng họ làm tình, anh ta hẳn phải tuôn ra cả những dòng sông, trái ngược

hắn với những giọt khiêm tốn của chồng cô. Vậy thì tại sao vẫn chưa có đứa trẻ nào?

“Anh ấy vẫn khỏe”, Kitty nói. “Anh ấy là Ray mà. Anh ấy vẫn thế.”

“Dan cũng thế”, Laura nói một cách cả quyết. “Những anh chàng này thật lạ, phải không nào?”

Cô nghĩ tới những món quà đã mua cho chồng; những món quà mà anh sẽ đánh giá cao, thậm chí là trân trọng, nhưng lại không hề muốn có. Tại sao cô lại cưới anh? Cô cưới anh vì tình yêu. Cô cưới anh vì tội lỗi; vì nỗi sợ hãi cô đơn; vì tinh thần ái quốc. Chỉ đơn giản là anh quá tốt, quá nhân hậu, quá nhiệt tình, quá ngọt ngào để không thể không kết hôn. Anh đã phải chịu đựng quá nhiều. Anh muốn cô.

Cô áp tay lên bụng.

Kitty nói, “Em hoàn toàn đồng ý với chị”.

“Không lẽ em chưa bao giờ băn khoăn tự hỏi cái gì khiến họ gần gũi với nhau vậy sao? Ý chị là Dan giống như một chiếc xe ủi vậy. Dường như chẳng có gì khiến anh ấy bận tâm.”

Kitty nhún vai, đảo mắt tránh đi hướng khác. Vào lúc này, cô và Laura có thể là hai cô nữ sinh trung học, hai người bạn chí thân, đang phàn nàn về các cậu con trai chẳng bao lâu nữa sẽ bị thay thế bởi các chàng trai khác. Laura muốn hỏi Kitty một câu hỏi, một câu cô khó lòng nói ra được thành lời. Câu hỏi can hệ tới sự lẩn tránh và mơ hồ hơn, tới sự sáng chói. Cô muốn biết liệu Kitty có phải là một phụ nữ kỳ lạ, mạnh mẽ và không cân bằng, như người ta vẫn hay nói về các nghệ sĩ, đầy ắp các ý tưởng, tràn ngập sự phấn nộ, dồn cả tâm sức vào để sáng tạo nên... cái gì nhỉ? Điều này. Căn bếp này, chiếc bánh sinh nhật này, cuộc trò chuyện này. Điều làm thế giới hồi sinh.

Laura nói, “Tất cả chúng ta nên sớm gặp nhau, thật đấy. Đã lâu lắm rồi”.

“Cà phê này ngon quá”, Kitty nói, rồi nhấp một ngụm. “Chị dùng loại nào vậy?”

“Chị cũng không biết nữa. Không, tất nhiên là chị biết chứ. Folgers. Em hay dùng loại nào?”

“Maxwell House. Loại này cũng ngon lắm.”

“Ừm”.

“Dẫu vậy, em đang nghĩ tới việc đổi loại. Em cũng không biết tại sao nữa, thật đấy.”

“Được rồi. Loại này là Folgers.”

“Đúng thế. Rất ngon.”

Kitty nhìn tách cà phê của cô với vẻ chăm chú giả tạo thật ngớ ngẩn. Trong thoáng chốc, dường như cô chỉ là một phụ nữ đơn giản, bình thường đang ngồi bên bàn bếp. Mọi ma thuật của cô bay biến hết; hoàn toàn có thể mừng tượng ra trông cô sẽ thế nào vào tuổi năm mươi - cô sẽ trở nên béo núc, cộc cằn, luôn nhăn nhó mĩa mai về cuộc hôn nhân của mình, một trong những người phụ nữ được người ta dành cho câu nói, *“Mọi người biết không, bà ấy từng có thời cũng khá xinh đấy”*. Thế giới, một cách tinh vi, đã bắt đầu bỏ rơi cô lại phía sau. Laura bỏ điếu thuốc đi, nghĩ tới việc châm một điếu thuốc khác, rồi lại quyết định thôi. Cô pha được bình cà phê ngon một cách bất cần; cô chăm sóc chu đáo cho chồng và con trai mình; cô sống trong ngôi nhà này, không ai nợ nần, không ai đau khổ. Cô mang thai một đứa con nữa. Có sao đâu nếu cô không hấp dẫn cũng chẳng phải là một bà nội trợ hoàn hảo?

“Có chuyện gì vậy”, cô nói với Kitty. Cô cảm thấy ngạc nhiên trước sức mạnh trong giọng nói của chính mình; về âm hưởng có thép trong đó.

“À chẳng là”, Kitty nói.

“Chuyện gì thế? Mọi việc vẫn ổn cả chứ?”

Kitty ngồi bất động một lúc, không nhìn Laura cũng không đưa mắt tránh khỏi cô. Cô gái đang thu mình lại. Cô ngồi giống như thể đang ngồi giữa đám người lạ trên một chuyến tàu.

Cô nói, “Em sẽ phải tới bệnh viện vài ngày”.

“Có chuyện gì thế?”

“Họ cũng không biết chính xác. Em bị một chứng tăng sinh nào đó.”

“Chúa ơi.”

“Nó ở bên trong, chị biết đấy. Ở bên trong em.”

“Em nói gì cơ?”

“Tử cung của em. Họ sẽ phải kiểm tra bên trong xem sao.”

“Khi nào?”

“Chiều nay. Bác sĩ Rich nói càng sớm càng tốt. Em cần chị giúp cho chó nhà em ăn.”

“Tất nhiên rồi. Chính xác thì bác sĩ đã nói gì?”

“Chỉ là có chuyện gì đó ở đây và họ cần tìm ra là gì. Rất có thể - đó là nguyên nhân gây ra rắc rối. Trong việc có con.”

“Tốt thôi”, Laura nói. “Thế nghĩa là họ có thể loại bỏ nó đi.”

“Ông ấy nói họ cần kiểm tra xem thế nào. Ông ấy nói không có gì phải lo lắng cả, không gì hết, nhưng họ cần kiểm tra.”

Laura nhìn Kitty, cô gái không động đậy hay nói thêm gì, cũng không khóc.

“Sẽ ổn cả thôi”, Laura nói.

“Vâng. Chắc là thế. Em cũng không lo lắng. Có lý do nào để lo lắng đâu cơ chứ?”

Laura cảm thấy sự thương cảm và trù mến dâng lên trong cô. Đây là Kitty mạnh mẽ, Kitty Nữ Hoàng của cuộc diễu hành trong ngày hội mùa xuân, đang ốm đau và hoảng sợ. Đây là chiếc đồng hồ đeo tay mạ vàng của Kitty; đây là lời thổ lộ chóng vánh về cuộc đời cô. Giống như phần lớn những người khác, Laura luôn hình dung rắc rối nằm ở Ray - với công việc âm thầm của anh ta ở một cơ quan chính quyền; với những bong bóng nước bọt luôn sùi ra; với những chiếc nơ bướm và rượu whisky ngô. Kitty, cho tới tận giây phút này, dường như luôn là một hình tượng chói sáng và bi kịch của phẩm giá - một phụ nữ luôn sát cánh bên người đàn ông của mình. Rất nhiều trong số những người đàn ông này không còn như trước kia (không ai thích nói tới chủ đề này); vì thế rất nhiều phụ nữ phải sống không than phiền với những lời giễu cợt và sự im lặng, đối diện với những cơn tuyệt vọng, những trận say. Nói một cách đơn giản, Kitty dường như rất anh hùng.

Tuy nhiên, rốt cuộc rắc rối lại nằm ở Kitty. Laura biết, hay tin là cô biết, rằng trên thực tế có điều gì đó đáng để lo lắng. Cô nhận thấy Kitty và Ray, cũng như ngôi nhà nhỏ ngăn nắp của họ, đang bị bất hạnh xâm chiếm; họ gần như đã bị nó ngẫu nhiên nuốt chửng mất một nửa. Nói cho cùng, rất có thể Kitty sẽ không trở thành người phụ nữ năm mươi tuổi khỏe mạnh, cộc cằn kia.

“Lại đây nào”, Laura nói, như cô vẫn nói với con trai và như thế Kitty là con của Laura, cô không đợi Kitty làm theo lời mình mà tới bên cô gái. Cô đặt hai bàn tay mình lên đôi vai Kitty và sau một lúc lúng túng, cúi người xuống cho tới khi cô thực sự quỳ trên hai đầu gối. Cô ý thức được mình to lớn đến thế nào, cao đến thế nào, ở bên cạnh Kitty. Cô ôm lấy cô gái.

Kitty do dự, sau đó chấp nhận để mình được Laura ôm lấy. Cô chấp nhận đầu hàng. Cô không hề khóc. Laura có thể cảm nhận được sự buông xuôi; cô có thể cảm thấy Kitty đang phó mặc bản thân. Cô thầm nghĩ, đây chính là những gì một người đàn ông cảm thấy khi giữ trong vòng tay mình một người phụ nữ.

Kitty đưa hai cánh tay ôm chặt lấy eo Laura. Laura chột ngật chìm trong cảm xúc. Ở đây, ngay trong vòng tay cô, là nỗi sợ hãi và lòng can đảm của Kitty, là căn bệnh của Kitty. Đây là khuôn ngực của cô gái. Đây là trái tim cứng cõi đang đập bên trong nó; đây là những mảng sáng nhấp nháy của con người cô - những mảng sáng màu hồng sẫm, màu đỏ vàng, lấp lánh, bất định; những mảng sáng hợp lại rồi tan ra; đây là đáy sâu con người Kitty, là trái tim bên trong trái tim, là cốt lõi không thể chạm tới được mà một người đàn ông (Ray, chứ không phải ai khác!) mơ về, ao ước vươn tới, tìm kiếm đến tuyệt vọng hằng đêm. Chúng ở cả đây, giữa ban ngày, trong vòng tay Laura. Gần như không có ý làm vậy, không hề quyết định làm vậy, cô hôn lên trán Kitty, thật lâu. Cô ngập trong mùi nước hoa của Kitty và thứ mùi tinh dầu sáng khoái, sạch sẽ tỏa ra từ mái tóc nâu vàng của cô gái.

“Em ổn cả thôi”, Kitty thì thầm. “Thật đấy.”

“Chị biết là thế”, Laura trả lời.

“Nếu có điều gì, thì đó là em lo lắng về Ray. Anh ấy thực sự không vững vàng đến thế đâu, với những việc như thế này thì không.”

“Hãy tạm quên Ray đi trong một phút”, Laura nói. “Hãy tạm quên cậu ấy đi.”

Kitty tựa đầu lên ngực Laura. Dường như câu hỏi đã được thầm lặng đặt ra và câu trả lời cũng thầm lặng như thế. Cả hai người phụ nữ đều đau khổ và hạnh phúc, đây ắp những bí mật cùng chia sẻ, cùng chống đỡ qua từng khoảnh khắc. Mỗi người đều là hiện thân của một ai đó. Họ mệt mỏi và bị vây hãm; họ đã mang trên mình một gánh nặng khổng lồ.

Kitty ngược mặt lên và môi họ gặp nhau. Cả hai đều biết họ đang làm gì. Họ áp miệng kề nhau. Môi họ chạm nhau, nhưng không hẳn là một cái hôn.

Kitty là người tách ra.

“Chị tốt quá”, cô gái nói.

Laura buông Kitty ra. Cô lùi lại. Cô đã đi quá xa, cả hai người họ đã đi quá xa, nhưng Kitty là người tách ra trước. Chính vẻ hoảng hốt của Kitty trong khoảnh khắc đã thúc đẩy cô, khiến cô hành động lạ lùng, tuyệt vọng như vậy. Laura là kẻ săn mồi với đôi mắt đen. Laura là kẻ lạ lùng, ngoại lai, một người không thể tin cậy. Laura và Kitty cùng đồng ý trong im lặng rằng đúng là như thế.

Laura đưa mắt nhìn Richie. Cậu bé vẫn cầm chiếc xe tải màu đỏ trong tay. Vẫn tiếp tục quan sát.

“Đừng lo lắng đấy nhé”, Laura nói với Kitty. “Em sẽ ổn thôi.”

Kitty đứng dậy một cách duyên dáng, không chút vội vã. “Chị biết khẩu phần hằng ngày của nó rồi, đúng không? Chỉ cần cho nó ăn vào buổi tối và thỉnh thoảng kiểm tra nước uống của nó. Ray có thể cho nó ăn vào buổi sáng.”

“Ray sẽ lái xe đưa em vào viện chứ?”

“Vâng.”

“Đừng lo. Chị sẽ để mắt tới mọi thứ ở đây.”

“Cảm ơn chị.”

Kitty thoáng đưa mắt nhìn quanh căn phòng với vẻ tán thưởng uể oải, như thể rốt cuộc cô đã quyết định mua ngôi nhà này, bất chấp những mách bảo

khôn ngoan hơn của lý trí và quan sát xem cô có thể làm gì để sửa sang lại nó.

“Tạm biệt”, cô nói.

“Mai chị sẽ gọi điện tới bệnh viện cho em.”

“Vâng.”

Với một nụ cười miễn cưỡng, đôi môi hơi mím lại, Kitty quay người ra về.

Laura đối diện với cậu con trai bé bỏng, cậu bé đang nhìn cô hồi hộp, ngờ vực, trù mến. Hơn tất cả, cô đang rất mệt mỏi; hơn bất cứ điều gì khác, cô muốn quay trở lại với chiếc giường và cuốn sách của mình. Thế giới này có vẻ như đột nhiên chững lại rồi co rút, tách xa khỏi mọi thứ. Cái nóng đang đều đều phủ xuống các con phố và ngôi nhà; lên dãy cửa hàng duy nhất mà cư dân trong vùng vẫn gọi là khu trung tâm. Có siêu thị, hiệu thuốc và hiệu giặt khô; có thẩm mỹ viện, cửa hàng văn phòng phẩm và hiệu tạp hóa; có thư viện một tầng trát vữa với những tờ báo trên cọc gỗ và những chiếc giá xếp đầy sách đã lâu chẳng ai động đến.

... Cuộc sống, London, khoảnh khắc này của tháng Sáu.

Laura dẫn con trai cô quay ra phòng khách, hướng cậu bé quay lại với tòa tháp được xếp từ các khối gỗ nhiều màu. Sau khi cậu bé đã bận bịu với trò chơi, cô quay vào bếp và không chút do dự bưng chiếc bánh lên, trút nó từ trên chiếc khay thủy tinh vào thùng rác. Chiếc bánh rơi xuống với một âm thanh nặng nề đáng ngạc nhiên; một bông hồng vàng dínhбет lên dọc thành thùng rác. Lập tức cô cảm thấy thật nhẹ nhõm, như thể những sợi cáp thép vừa được tháo ra khỏi người. Bây giờ cô có thể bắt đầu lại. Theo chiếc đồng hồ treo trên tường, lúc này mới chỉ mười rưỡi. Cô còn thoải mái thời gian để làm một chiếc bánh khác. Lần này, cô sẽ không để vụn rơi lên lớp kem nữa. Lần này, cô sẽ vạch dấu các chữ bằng tăm, như vậy dòng chữ sẽ được căn vào chính giữa và cô sẽ để những bông hồng lại sau cùng.

Bà Dalloway

Clarissa cắm tá hồng vàng vào một chiếc lọ rồi mang nó vào phòng khách, đặt lên bàn cà phê, lúi lại ngắm nghía, sau đó thử dịch chiếc lọ sang trái vài phân. Bà sẽ dành cho Richard bữa tiệc tuyệt nhất. Bà sẽ cố tạo nên thứ gì đó trần tục, thậm chí vật vãnh, nhưng hoàn hảo theo cách riêng của nó. Bà sẽ chú ý để xung quanh ông là những người thực sự tôn trọng và ngưỡng mộ ông (tại sao bà lại mời Walter Hardy, sao bà lại có thể yếu đuối đến thế?); bà sẽ đảm bảo ông không bị quá mệt. Đây là phần đóng góp của bà, món quà của bà. Bà có thể dành cho ông điều gì nữa?

Đang trên đường quay vào bếp thì hệ thống liên lạc nội bộ đổ chuông. Có thể là ai nhỉ? Nhiều khả năng là một người giao hàng bà đã quên mất, hay người cung cấp thực phẩm. Bà bấm nút đàm thoại.

“Ai đấy?” Bà hỏi.

“Louis. Louis đây.”

“Louis? Thật sao?”

Clarissa bấm nút mở cửa cho ông vào. Tất nhiên là Louis rồi. Không ai khác, một người New York chính cống lại càng không, chỉ đơn giản bấm chuông cửa mà không gọi điện trước. Chẳng ai làm thế cả. Bà mở cửa, bước ra ngoài lối đi với cảm giác chờ đợi dâng trào tới mức gần như khiến bà quay cuồng, một cảm giác thật mãnh liệt và khác thường, khó lòng biết được trong bất kỳ bối cảnh nào khác, đến mức trước đây ít lâu bà đã đi tới quyết định chỉ đơn giản gọi tên Louis. Chính cảm giác này và những dư âm của hiến dâng và tội lỗi, của sự hấp dẫn, một yếu tố nổi bật của nỗi sợ phải hiện diện trước mặt người khác và một hy vọng tinh khiết không phai mờ,

như thế mỗi lần Louis xuất hiện là lần cuối cùng ông cũng mang tới một tin tốt đến mức không thể mừng tượng ra.

Thế rồi, một lúc sau, vòng qua chỗ ngoặt của lối đi, chính là Louis. Tới nay đã, bao lâu nhỉ, hơn năm năm rồi, nhưng ông vẫn y nguyên như trước. Vẫn mái tóc bạc trắng dựng đứng lên như bị nhiễm điện, vẫn dáng đi háo hức và kiểu cách, vẫn cách ăn mặc cầu thả nhưng trông lại rất ổn. Vẻ đẹp từng trái của một con sư tử đã biến mất một cách đột ngột đến ngạc nhiên gần hai thập kỷ trước và Louis này - tóc bạc, gân guốc, đầy những cảm xúc bị kiềm chế - xuất hiện giống với cách một người đàn ông nhỏ thó, chẳng gây được chút ấn tượng nào có thể sẽ nhảy xuống từ tháp pháo một chiếc xe tăng để tuyên bố rằng chính ông ta, chứ không phải chiếc xe, đã san phẳng ngôi làng của bạn. Louis, nổi khao khát xa xưa, hóa ra vẫn luôn là thế này: một thầy giáo khéo đóng kịch, một người vô hại.

“Thế đấy, anh đây”, ông nói.

Ông và Clarissa ôm hôn nhau. Khi Clarissa buông ông ra, bà thấy đôi mắt xám cận thị của Louis đang ướt. Ông vẫn luôn mau nước mắt. Clarissa, người đa cảm hơn, đầy phần nộ hơn, dường như chẳng bao giờ khóc, dù bà vẫn muốn khóc.

“Anh về thành phố khi nào vậy?” Bà hỏi.

“Hôm kia. Anh ra ngoài đi dạo và nhận ra mình đang đi trên con đường nơi em sống”.

“Em rất vui được gặp anh.”

“Anh cũng rất vui được gặp em”, Louis nói và đôi mắt ông lại ướt nhòa.

“Anh lựa chọn thời điểm đúng lúc đến mức không thể tin được. Bọn em sẽ tổ chức bữa tiệc cho Richard vào tối nay.”

“Thật sao? Nhân dịp gì vậy?”

“Anh ấy giành được giải Carrouthers. Anh không nghe nói gì sao?”

“Giải gì cơ?”

“Một giải thưởng dành cho các nhà thơ. Một sự kiện rất quan trọng. Em rất ngạc nhiên là anh không biết gì về nó.”

“VẬY ĐẤY. Xin chúc mừng Richard.”

“Em hy vọng anh sẽ tới. Anh ấy sẽ rất vui nếu thấy anh.”

“Có thật vậy không?”

“Thật chứ. Tất nhiên rồi. Tại sao chúng ta lại đứng giữa lối đi thế này nhỉ? Anh vào đi.”

Trông cô ấy già hơn, Louis thầm nghĩ trong lúc ông đi theo Clarissa vào trong căn hộ (tám bước, rẽ, rồi thêm ba bước nữa). Trông cô ấy già hơn, Louis kinh ngạc nghĩ thầm. Cuối cùng chuyện đó cũng xảy ra. Những quá trình biến chuyển về di truyền này thật đáng chú ý, cái cách mà một cơ thể có thể tồn tại qua quãng thời gian dài hầu như không chút thay đổi, từ thập kỷ này qua thập kỷ khác, rồi chỉ sau vài năm đầu hàng tuổi tác. Louis ngạc nhiên nhận ra ông cảm thấy phiền muộn đến thế, ít thỏa mãn đến thế, trước sự ra đi đột ngột của tuổi thanh xuân kéo dài tới mức không tự nhiên mà Clarissa từng sở hữu. Đã bao lâu ông mơ mộng viễn vông về nó rồi nhỉ? Đó là sự báo thù của ông, là cách tính sổ duy nhất có thể. Trong suốt từng ấy năm cùng Richard, với tất cả từng ấy tình yêu và nỗ lực, Richard dành những năm cuối cùng của cuộc đời mình viết về một người phụ nữ có một căn nhà trong thành phố ở đường West Tenth. Richard sáng tác ra một cuốn tiểu thuyết tập trung khai thác triệt để vào một người phụ nữ (cả một chương dài hơn năm mươi trang nói về chuyện mua đồ sơn móng tay, mà cuối cùng cô ta quyết định không thực hiện nữa!) còn anh chàng Louis W. già nua bị đẩy xuống hàng nhân vật phụ. Louis W. được dành cho một cảnh, tương đối ngắn, trong đó anh ta than vãn về sự thiếu thốn tình yêu trên thế

giới. Đó là tất cả; đó chính là phần thưởng, sau hơn mười hai năm; sau khi sống cùng Richard trong sáu căn hộ khác nhau, ôm lấy anh ta, làm tình cùng anh ta đến kiệt sức; sau hàng nghìn bữa ăn cùng nhau; sau chuyến đi tới Italia cùng một giờ trải qua dưới bóng cây đó. Sau tất cả những chuyện đó, Louis xuất hiện và sẽ được nhớ tới, như một gã đàn ông phiền muộn hay than vãn về tình yêu.

“Anh đang ở đâu?” Clarissa hỏi.

“Cùng James, trong một nhà trọ rẻ tiền.”

“Anh ấy vẫn ở đó sao?”

“Vài món đồ của cậu ta vẫn còn ở đó. Anh đã thấy một hộp mì nui hình nơ bướm mà anh còn nhớ đã mua cho cậu ta ngoài cửa hàng chừng năm năm trước. Cậu ta cố chối rằng không phải là cái hộp ấy, nhưng nó có một vết lõm ở góc mà anh nhớ rất rõ.”

Louis đưa một đầu ngón tay ấn lên mũi (bên trái, bên phải). Clarissa quay lại đối diện với ông. “Nhìn anh xem”, Clarissa nói và họ lại ôm hôn nhau lần nữa. Hai người ôm chặt lấy nhau gần như trọn một phút (đôi môi ông áp lên vai trái bà và ông quay sang áp môi lên cả vai phải của bà nữa). Clarissa là người buông ra trước.

“Anh muốn uống chút gì không?” Bà hỏi.

“Không. À mà có. Một cốc nước nhé?”

Clarissa đi vào bếp. Bà ấy vẫn không thể thấu hiểu được, vẫn cứ xử ôn tồn đến mức làm ông phát bực lên được. Clarissa ở ngay chỗ này, Louis nghĩ, trong suốt quãng thời gian đã qua. Bà đã trải qua một ngày, rồi một ngày nữa, đi xem kịch, đi dự tiệc.

Quả thực, ông thầm nghĩ, có quá ít tình yêu trên thế giới.

Louis bước bốn bước để đi vào phòng khách. Ông lại ở đây, trong căn

phòng lớn mát mẻ nhìn xuống vườn, với chiếc trường kỷ êm ái và những tấm thảm hảo hạng. Ông trách Sally về căn hộ. Đây là ảnh hưởng của Sally, sở thích của Sally. Sally và Clarissa sống trong một bản sao hoàn hảo của một căn hộ thượng lưu tại West Village; bạn có thể hình dung ra ngay tay trợ lý của ai đó rảo bước qua với một cặp tài liệu: ghế bành bọc da kiểu Pháp, đã kiểm tra; bàn hiệu Stickley [25], đã kiểm tra; giấy dán tường màu vải lanh có in hoa văn cây cỏ, đã kiểm tra; giá sách được trang trí bằng các món đồ nhỏ quý giá mua từ nước ngoài, đã kiểm tra. Thậm chí cả những thứ lập dị - chiếc khung gương trang trí bằng vỏ sò mua ngoài chợ trời, chiếc rương Nam Mỹ cũ kỹ cáu bẩn có vẽ hình các nàng tiên cá tinh ranh - cũng có vẻ được tính toán kỹ, như thể vị giám đốc nghệ thuật đã nhìn qua tất cả và nói, “Vẫn chưa đủ thuyết phục, chúng ta cần thêm những thứ khác để chúng ta biết những con người này thực sự là ai”.

Clarissa quay lại với hai cốc nước (soda, đá và chanh) và vừa trông thấy bà, Louis chợt nghĩ thấy mùi không khí - mùi của thông và cỏ, vị hơi mẩn mẫn của nước - tại Wellfleet hơn ba mươi năm về trước. Tim ông đập nhanh hơn. Bà đã già đi nhưng - không thể bác bỏ điều này - vẫn có vẻ cuốn hút; vẫn còn vẻ khêu gợi, mạnh mẽ, quý phái. Bà trông vẫn mảnh mai. Bằng cách nào đó, ở bà vẫn tỏa ra một hơi hướng lãng mạn nhưng đầy trắc trở và khi ngắm nhìn bà lúc này, ở ngoài năm mươi tuổi, trong căn phòng sang trọng tranh tối tranh sáng này, Louis nghĩ tới các bức ảnh chụp những người lính trẻ, những cậu nhóc với khuôn mặt cương nghị nghiêm trang trong bộ quân phục; những cậu bé chết trước tuổi hai mươi và tiếp tục sống như hiện thân của sự hứa hẹn bị bỏ phí, trong những cuốn album ảnh hay trên những chiếc bàn, đẹp đẽ và tự tin, không hề bối rối trước số phận bạc bẽo của mình, với những công việc chỉ đủ sống qua ngày và những kỳ nghỉ vật vờ đầy thất vọng. Lúc này, Clarissa làm Louis liên tưởng tới một người lính. Dường như bà đang nhìn ra thế giới già cỗi từ một cõi xưa trong quá khứ; bà dường như cũng buồn bã, ngây thơ và bất khả chiến bại như những kẻ đã chết trong các bức ảnh.

Bà đưa cho Louis một cốc nước. “Trông anh khá đấy”, bà nói. Khuôn mặt

vào tuổi trung niên của Louis vẫn phảng phất khuôn mặt thời trẻ: cái mũi khoằm và đôi mắt nhạt màu luôn có vẻ ngạc nhiên; đôi lông mày mảnh; cái cổ hần lên những mạch máu mạnh mẽ dưới một cái cằm rộng, xương xẩu. Ông vốn được sinh ra để trở thành một nông dân, khỏe mạnh như cỏ dại, để dãi dầu sương gió và thời gian sau năm mươi năm đã làm được những gì mà cây bừa gặt hái hẳn sẽ làm được chỉ trong nửa thời gian đó.

“Cảm ơn em”, Louis nói.

“Em có cảm giác như thể anh đã ở rất xa.”

“Đúng là đã như thế. Thật tốt khi được quay trở lại.”

“Năm năm”, Clarissa nói. “Em không thể tin là anh thậm chí không ghé thăm New York lấy một lần.”

Louis uống liền ba ngụm nước. Ông đã quay lại New York vài lần trong năm năm vừa qua, nhưng không gọi cho bà. Dù chưa bao giờ quyết tâm không gặp lại Clarissa hay Richard, song đúng là trên thực tế ông không hề gọi điện cho hai người. Có vẻ như thế đơn giản hơn.

“Anh quay về để ở lại”, Louis nói. “Anh đã phát chán với những trò dạy dỗ này rồi, anh đã quá già và quá kém cỏi. Anh quá nghèo. Anh đang nghĩ tới việc tìm một công việc lương thiện nào đó.”

“Thật chứ?”

“Ồ, anh không biết. Đừng lo, anh sẽ không quay lại trường để lấy bằng MBA hay làm điều gì đại loại đâu.”

“Em nghĩ anh đã phải lòng San Francisco rồi cơ đấy. Em từng nghĩ bọn em sẽ không bao giờ được trông thấy anh nữa.”

“Mọi người đều trông đợi ta phải lòng San Francisco. Thật là ngán ngẫm.”

“Louis, Richard bây giờ rất khác so với trước đây.”

“Kinh khủng lắm phải không?”

“Em chỉ muốn anh chuẩn bị tinh thần.”

“Em đã gần gũi với anh ấy, trong suốt những năm vừa qua”, Louis nói.

“Vâng. Đúng thế.”

Bà ấy là một phụ nữ đẹp, Louis thầm đi đến quyết định. Clarissa chính xác là thế, không hơn không kém. Clarissa ngồi xuống trường kỷ và sau một khoảnh khắc do dự, Louis bước tới năm bước và ngồi xuống bên bà.

“Tất nhiên anh đã đọc qua cuốn sách”, ông nói.

“Anh đọc rồi ư? Tốt quá.”

“Chẳng phải nó hơi kỳ quặc sao?”

“Vâng. Đúng thế.”

“Thậm chí anh ấy còn chẳng bận tâm đổi tên em đi.”

“Đó không phải là em”, bà nói. “Đó là mơ mộng của Richard về một người phụ nữ nào đó thoáng có nét giống em.”

“Đó là một cuốn sách kỳ cục và quái đản.”

“Dường như có nhiều người nghĩ như thế.”

“Cảm tưởng như nó phải dài đến mười nghìn trang. Chẳng có gì xảy ra cả. Thế rồi, *bam*. Cô ta tự sát.”

“Mẹ cô ấy.”

“Anh biết. Nhưng dấu sao. Hoàn toàn bất ngờ.”

“Anh nhất trí với hầu hết mọi lời phê bình. Họ đã đợi suốt từng ấy thời gian

và để đón nhận cái gì nhỉ? Hơn chín trăm trang toàn chuyện yêu đương lãng nhãng, đúng thế, với một cái chết đột ngột ở đoạn kết. Người ta nói nó được viết ra một cách đẹp đẽ.”

Louis rời mắt khỏi bà. “Những bông hồng này đẹp quá”, ông nói.

Clarissa cúi người về phía trước, hơi dịch bình hoa về bên trái. Chúa ơi, Louis thầm nghĩ, bà ấy đã đi quá vị thế của một người vợ rồi. Bà ấy đã trở thành mẹ của chính mình.

Clarissa bật cười. “Nhìn em đi nào”, bà nói. “Một bà già loay hoay với những bông hồng.”

Bà ấy luôn làm ta ngạc nhiên bằng cách biết nhiều hơn những gì ta nghĩ bà ấy biết. Louis tự hỏi có phải những biểu hiện khéo léo, ra dáng bà chủ của Clarissa đều được tính toán trước. Dường như có những lúc bà ấy đã đọc được suy nghĩ của ta. Bà ấy tước vũ khí của ta bằng cách nói rằng nhìn chung tôi biết những gì anh đang nghĩ và tôi đồng ý, tôi thật lỗ bịch, tôi kém xa những gì đáng ra tôi phải là và tôi cũng muốn mọi thứ khác đi, song dường như tôi không thể giúp được chính mình. Ta sẽ nhận ra ta đang dịch chuyển, gần như trái lại ý muốn của chính mình, từ chỗ khó chịu với bà ấy sang an ủi bà ấy, giúp bà ấy quay trở lại với màn trình diễn của mình, để lại có thể thoải mái và ta có thể bắt đầu cảm thấy khó chịu.

“Vậ là”, Louis nói. “Richard đang ốm nặng.”

“Vâng. Cơ thể anh ấy không còn ở trạng thái khủng khiếp như trước nữa, nhưng tâm trí anh ấy dường như hơi bất ổn. Em sợ rằng bệnh của anh ấy đã tiến triển tới mức phải dùng những loại thuốc kiểu như thuốc kháng protease.”

“Hắn phải khủng khiếp lắm.”

“Anh ấy vẫn là chính mình. Ý em là, vẫn còn tồn tại một sự ổn định, một phong thái Richard, điều này thì chẳng có chút thay đổi nào.”

“Thế thì tốt. Ít nhất cũng còn điều gì đó.”

“Anh còn nhớ đụn cát lớn ở Wellfleet không?” Bà hỏi.

“Tất nhiên rồi.”

“Hôm trước em từng nghĩ khi chết chắc em sẽ muốn tro của mình được rải ở đó.”

“Thật bệnh hoạn”, Louis nói.

“Nhưng anh cứ nghĩ về những chuyện này đi. Làm sao có thể không nghĩ ngợi chứ?”

Khi đó Clarissa từng tin và ngày hôm nay bà vẫn tin đụn cát ở Wellfleet, theo một nghĩa nào đó, đồng hành cùng bà mãi mãi. Cho dù chuyện gì xảy ra đi nữa, bà vẫn sẽ luôn có nó. Bà sẽ luôn đứng trên một đụn cát cao vào mùa hè. Bà sẽ luôn trẻ trung, khỏe mạnh tới mức không thể bị hủy diệt, hơi choáng váng, mặc trên người chiếc áo vải bông của Richard trong khi anh thân mật quàng một tay quanh cổ bà và Louis đứng hơi tách ra bên cạnh, ngắm nhìn những con sóng.

“Khi đó anh đã rất giận em”, Louis nói. “Đôi lúc anh không muốn nhìn mặt em nữa.”

“Em đã cố gắng tỏ ra tử tế. Em đã cố cởi mở.”

Louis nói, “Có một lần anh đã lái xe tới đó. Tới ngôi nhà. Anh không nghĩ từng kể chuyện này với em”.

“Không. Anh chưa kể.”

“Lúc đó là ngay trước khi anh chuyển tới California. Anh đang dự một cuộc hội thảo ở Boston, một thứ kinh khủng gì đó về sân khấu, chỉ đơn thuần là một đám khủng long già to mồm rộng tuếch họ gom lại để đám sinh viên

vừa tốt nghiệp có thứ gì đó để cười nhạo và sau đó anh thấy ngán ngẩm đến nỗi đã thuê một chiếc xe và lái tới Wellfleet. Anh hầu như chẳng gặp khó khăn nào để tìm ra nó.”

“Có lẽ em sẽ không muốn biết đâu.”

“Không, nó còn ở đó và trông vẫn y như cũ. Nó đã được làm mới lại chút ít. Lớp sơn mới, em biết đấy và ai đó đã thêm vào một khoảng sân cỏ, trông thật kỳ dị giữa khu rừng, giống như một tấm thảm trải sàn khổ lớn vậy. Nhưng ngôi nhà vẫn đứng đó.”

“Là những gì anh biết”, Clarissa nói.

Hai người ngồi im lặng trong tích tắc. Có vẻ còn tồi tệ hơn khi ngôi nhà vẫn còn đứng vững. Còn tồi tệ hơn khi ánh sáng và sau đó là bóng tối, rồi lại đến ánh sáng đã đi vào và rời khỏi những căn phòng đó mỗi ngày, khi mưa tiếp tục rơi xuống chiếc mái đó, khi vẫn còn có thể thăm lại tất cả nơi ấy.

Clarissa nói, “Đến lúc nào đó em cũng nên trở lại nơi ấy. Em rất thích lại được đứng trên những đụn cát”.

“Nếu đó là nơi em nghĩ em muốn tro của mình được rắc xuống, thì đúng đấy, em nên quay lại.”

“Không, anh nói đúng, em nghĩ u ám quá. Mùa hè làm em bị nó ám ảnh. Em cũng không biết em muốn rải tro của mình ở đâu nữa.”

Đột nhiên, Clarissa muốn kể lại toàn bộ cuộc đời bà với Louis. Bà muốn trải nó xuống sàn nhà dưới chân Louis, tất cả những khoảnh khắc sống động, vô nghĩa không thể được gọi là những câu chuyện. Bà muốn ngồi cùng Louis và lướt qua chúng.

“Vậy đấy”, bà nói. “Kể cho em nghe thêm chút nữa về San Francisco đi nào.”

“Đó là một thành phố nhỏ xinh đẹp với những nhà hàng lớn và chẳng có gì

diễn ra cả. Phần lớn sinh viên của anh là những gã ngốc. Thực sự là anh sẽ quay về New York sớm nhất có thể.”

“Tốt. Thật tốt khi lại có anh ở đây.”

Clarissa đặt tay lên vai Louis và dường như họ sẽ cùng đứng dậy, không nói gì, lên trên lầu vào phòng ngủ và cùng nhau cởi quần áo ra. Dường như họ sẽ vào phòng ngủ và cởi quần áo ra, không phải như những người tình, mà như những võ sĩ giác đấu đã sống sót rời khỏi đấu trường, nhận ra bản thân họ nhuộm đầy máu, tả tơi xơ xác, nhưng đầy sức sống một cách thần kỳ trong khi tất cả những người khác đã chết. Họ sẽ nhìn mặt trong lúc cởi tấm giáp che ngực và ống chân ra. Họ sẽ nhìn nhau một cách triu mến và kính nể, họ sẽ nhẹ nhàng ôm hôn nhau trong lúc New York ồn ã trôi qua dưới khung cửa sổ, trong khi Richard ngồi trong chiếc ghế của ông lắng nghe những giọng nói và Sally dùng bữa trưa trong trung tâm thành phố với Oliver St. Ives.

Louis đặt chiếc ly của ông xuống, cầm nó lên, rồi lại đặt xuống. Ông gõ bàn chân xuống tấm thảm, ba lần.

“Tuy vậy chuyện này cũng hơi rắc rối một chút”, ông nói. “Em biết đấy, anh đã yêu.”

“Thật sao?”

“Tên cậu ấy là Hunter. Hunter Craydon.”

“Hunter Craydon. Tốt thôi.”

“Năm ngoái cậu ấy là sinh viên của anh”, Louis nói.

Clarissa ngả người ra sau, thở dài sốt ruột. Đây chắc là anh chàng thứ tư, ít nhất nếu tính theo những người bà biết. Bà muốn chụp lấy Louis và nói, “Anh cần phải biết cách già đi khác hơn thế này. Em không thể chịu được

phải thấy anh nghĩ về mình nhiều đến thế, rồi lại trao tất cả cho một cậu con trai nào đó chỉ vì tình cờ cậu ta đẹp trai và trẻ trung”.

“Có lẽ cậu ấy là sinh viên có năng khiếu nhất anh từng dạy”, Louis nói. “Cậu ấy đã thực hiện những tác phẩm trình diễn về sự trưởng thành khi bạn là một người da trắng đồng tính ở Nam Phi. Mạnh mẽ đến mức không thể tin được.”

“Được rồi”, Clarissa nói. Bà không thể nghĩ ra được gì khác để nói. Bà thấy ái ngại cho Louis, thấy vô cùng sốt ruột và dẫu vậy, bà nghĩ, Louis đang yêu. Ông đang yêu một chàng trai trẻ. Ông năm mươi ba tuổi và vẫn còn tất cả cuộc đời phía trước, tình dục và những cuộc tranh luận ngớ ngẩn, đó là một nỗi thống khổ.

“Cậu ấy thật đáng kinh ngạc”, Louis nói. Và trước sự ngạc nhiên hoàn toàn của chính mình, ông bắt đầu khóc. Chỉ đơn giản là nước mắt bắt đầu trào ra đủ nhiều, nóng hổi trên đôi mắt ông. Những cơn xúc động bùng nổ như thế này vẫn liên tục xâm chiếm lấy ông. Một bài hát có thể làm được điều đó, thậm chí cả bộ dạng của một con chó già. Chúng rồi cũng qua. Chúng thường trôi qua. Tuy nhiên, lần này nước mắt bắt đầu rơi xuống gần như trước khi ông biết nó sẽ xảy ra và trong khoảnh khắc, một phần con người ông (cũng chính là phần cơ thể vẫn đếm các bước đi, cái vỗ tay) tự nói với chính nó, “Ông ấy đang khóc, thật lạ làm sao”. Louis cúi người về phía trước, gục mặt vào hai bàn tay. Ông nức nở.

Sự thật là ông không yêu Hunter và Hunter cũng không yêu ông. Họ đang có một mối quan hệ, chỉ là một mối quan hệ mà thôi. Ông không thể nghĩ về cậu ta trong hàng giờ liền. Hunter có những bạn trai khác, cả một tương lai đã được lên kế hoạch và khi cậu ta một mình bước tiếp con đường đời, Louis buộc phải thừa nhận, một cách riêng tư, rằng ông sẽ chẳng mấy nhớ nhung tiếng cười rít lên nhức óc của Hunter, những chiếc răng cửa sứt mẻ và những quăng lạng tinh hồn dỗi của cậu ta.

Có quá ít tình yêu trên thế giới.

Clarissa áp lòng bàn tay xoa lên lưng Louis. Sally đã nói gì nhỉ? Chúng ta chẳng bao giờ tranh đấu. Trong một bữa ăn tối ở đâu đó, khoảng một năm trước hay lâu hơn. Bữa ăn có một loại cá gì đó, như những chiếc mề đay dày cộp giữa một vũng nước sốt màu vàng (dường như lúc đó mọi món đều nằm giữa một vũng nước sốt màu vàng). Chúng ta chẳng bao giờ tranh đấu. Đúng thế. Họ cãi cọ vật vãnh, họ hờn dỗi, nhưng họ không bao giờ gào thét lớn tiếng hay khóc lóc, chưa bao giờ đập vỡ lấy một cái đĩa. Dường như họ vẫn chưa tranh cãi, rằng họ vẫn còn quá mới cho một cuộc chiến tranh toàn diện, rằng vẫn còn những lục địa chưa được khai phá nằm phía trước một khi họ đã vượt qua được các cuộc thương lượng ban đầu và cảm thấy đủ chắc chắn về sự gán bó của người kia để có thể thoải mái bùng nổ. Bà có thể đang nghĩ gì lúc đó nhỉ? Bà và Sally sắp kỷ niệm mười tám năm sống bên nhau. Họ là một đôi chưa bao giờ tranh cãi.

Trong lúc xoa lưng Louis, Clarissa trầm nghĩ, “Hãy mang em đi cùng anh. Em muốn một mối tình có kết cục bi đát. Em muốn những đường phố về đêm, gió và mưa, không ai bận tâm em đang ở đâu”.

“Anh xin lỗi”, Louis nói.

“Không sao đâu. Vì Chúa, hãy nhìn tất cả những gì đã xảy ra.”

“Anh thấy mình đúng là một tên khốn.” Ông đứng dậy, bước tới khung cửa ra vào kiểu Pháp (bảy bước). Qua làn nước mắt, ông có thể thấy râu bám trên những máng xối thấp bằng đá, chiếc chậu đồng thau đựng nước sạch, trên đó có một chiếc lông màu trắng duy nhất đang nổi bồng bênh. Ông không thể nói được tại sao mình lại khóc. Ông đã trở lại New York. Dường như ông đang khóc vì khu vườn kỳ lạ này, vì bệnh tật của Richard (tại sao Louis lại được trừ ra?), vì căn phòng này có Clarissa, vì mọi thứ. Dường như ông đang khóc vì một Hunter chỉ đơn thuần có vẻ bề ngoài giống với con người thực. Anh chàng Hunter khác này có một vẻ lớn lao dữ dội và bi kịch, trí thông minh thực sự, cách nhìn nhận khiêm tốn. Louis khóc vì chàng trai ấy.

Clarissa đi theo. “Không sao đâu”, bà lặp lại.

“Ngu ngốc”, Louis lẩm bẩm. “Ngu ngốc.”

Tiếng chìa khóa xoay trong ổ vang lên ngoài cửa trước. “Julia đấy”, Clarissa nói.

“Khỉ thật.”

“Đừng lo. Nó từng thấy đàn ông khóc rồi.”

Đó là cô con gái trời đánh của bà ấy. Louis vươn thẳng hai vai lên, bước sang bên tránh khỏi cánh tay Clarissa. Ông tiếp tục nhìn xuống vườn, cố gắng đưa khuôn mặt mình vào vòng kiểm soát. Ông nghĩ về những đám rêu. Ông nghĩ về những đài phun nước. Đột nhiên ông thấy thực sự quan tâm tới rêu và đài phun nước.

Thật lạ làm sao, giọng nói thì thầm. Tại sao ông lại nghĩ về những thứ như thế?

“Xin chào”, Julia lên tiếng sau lưng ông. Không phải là “chào”. Cô bé vẫn luôn là một cô gái nhỏ nghiêm nghị, thông minh nhưng khác thường, quá khổ, đầy giễu cợt châm chọc.

“Chào, con yêu”, Clarissa nói. “Con còn nhớ bác Louis chứ?”

Louis quay lại đối mặt với cô gái. Được thôi, cứ để cô nàng thấy ông vừa khóc. Mẹ kiếp.

“Tất nhiên là con nhớ”, Julia nói. Cô bước về phía ông, chìa bàn tay ra.

Cô bé bây giờ chắc đã mười tám tuổi, mà cũng có thể mười chín. Cô gái ưa nhìn, lanh lợi đến không ngờ, khiến Louis thầm lo những giọt nước mắt sẽ lại tuôn ra. Lần cuối cùng ông gặp cô bé là khi cô chừng mười ba tuổi, với đôi vai thông thượt, bối rối vì chính mình. Giờ đây cô bé vẫn không xinh

đẹp, sẽ chẳng bao giờ xinh đẹp, nhưng đã có được một chút bóng dáng của người mẹ, chút phong thái chắc chắn quý giá. Cô gái ưa nhìn, tự tin theo phong cách của một vận động viên trẻ, đầu cắt ngắn tới gần như cạo trọc, nước da hồng hào.

“Julia”, ông nói. “Thật vui được gặp cháu.”

Cô gái nắm chặt lấy bàn tay ông. Cô đeo một chiếc khuyên bạc mảnh mai trên mũi. Cô tràn đầy nhựa sống và mạnh mẽ, dư thừa sức khỏe, giống như một nông dân Ireland được lý tưởng hóa vừa từ ngoài cánh đồng quay về. Cô gái chắc phải thừa hưởng tất cả từ ông bố (Louis từng mơ màng viễn vông về người đàn ông này, hình dung ra anh ta như một chàng trai trẻ tóc vàng vạm vỡ, răn rỏi, có lẽ là một diễn viên hay họa sĩ, một người tình, một kẻ tội phạm, một anh chàng tuyệt vọng, tới mức phải đi bán dịch thể của chính mình, máu cho ngân hàng máu và tinh trùng cho ngân hàng tinh trùng). Anh ta hẳn phải cao lớn, Louis thầm nghĩ, vạm vỡ, giống như một nhân vật trong thần thoại của người Celt, vì ở đây, lúc này là Julia, cho dù trong chiếc áo ba lỗ, quần soóc và đôi ủng kiểu quân đội màu đen, vẫn trông có vẻ như cô đang ôm một bó lúa mạch dưới một cánh tay và một chú cừu mới sinh dưới cánh tay bên kia.

“Xin chào, Louis”, cô nói. Cô nắm lấy tay ông nhưng không lắc. Tất nhiên rồi, cô biết ông vừa khóc. Dường như cô không mấy ngạc nhiên. Vậy cô đã được nghe nói gì về ông rồi?

“Anh phải đi đây”, ông nói.

Bà gật đầu. “Anh sẽ ở lại đây bao lâu?” Bà hỏi.

“Chỉ vài ngày thôi. Nhưng anh sẽ quay lại. Rất vui được gặp em. Tạm biệt, Clarissa.”

“Năm giờ”, Clarissa nói.

“Gì cơ?”

“Bữa tiệc. Nó bắt đầu lúc năm giờ. Anh làm ơn đến nhé.”

“Tất nhiên anh sẽ đến.”

Julia lên tiếng, “Tạm biệt, Louis”.

Cô là một cô bé dễ mến mười chín tuổi nói xin chào và tạm biệt, chứ không phải “chào” và “biệt”. Cô có hai hàm răng nhỏ hiếm có và rất trắng.

“Tạm biệt.”

“Anh sẽ tới, đúng không nào?” Clarissa nói. “Hứa với em là anh sẽ tới.”

“Anh hứa. Tạm biệt.” Ông rời khỏi căn hộ, vẫn còn thoáng rưng rưng, bực bội với Clarissa, phải lòng Julia một cách mơ hồ, lố bịch (ông, một người chưa bao giờ bị phụ nữ thu hút, chưa bao giờ - ông vẫn còn rùng mình, sau bấy nhiêu năm, mỗi khi nhớ lại lần cố gắng tệ hại, vô vọng ông từng thử với Clarissa, chỉ đơn giản để níu giữ một chỗ bên Richard). Ông hình dung ra cảnh mình bỏ chạy, cùng Julia, khỏi căn hộ ghê sợ, trang nhã đó; đưa chính ông và cô gái rời xa khỏi những bức tường màu vải lanh với những hoa văn cây cỏ, khỏi Clarissa và những ly nước soda có bỏ vài lát chanh của bà. Ông bước theo lối đi sáng mờ mờ (hai mươi ba bước), qua cánh cửa dẫn tới tiền sảnh, rồi qua cánh cửa ngoài, ra đường West Tenth. Mặt trời hiện ra chói chang như một ngọn đèn chĩa thẳng vào mặt ông. Ông nhẹ nhõm hòa mình vào những con người của thế giới: một người đàn ông có bộ dạng như một con chồn sương đang dắt hai con chó đi dạo, một ông béo mờ hôi nhể nhại mặc bộ đồ màu xanh sẫm, một phụ nữ đầu trọc lốc (một thời trang hay hóa trị liệu?) đang tựa người vào tòa nhà nơi Clarissa sống, nhai đầu một miếng thuốc lá, khuôn mặt có một vết bầm tím mới tinh. Louis sẽ quay lại đây, quay lại thành phố này; ông sẽ sống trong một căn hộ ở West Village, ngồi tại Dante với một tách espresso và một miếng thuốc lá vào các buổi chiều. Ông không già, vẫn chưa già. Tối hôm kia, ông đã dừng xe giữa sa mạc Arizona và đứng dưới các vì sao cho tới khi có thể cảm nhận thấy sự hiện diện của chính tâm hồn mình, hay bạn có thể gọi nó bằng bất cứ cái tên nào

khác, cái phần vốn từng là một đứa trẻ và sau đó đã đứng - dường như chỉ một khoảnh khắc sau - giữa không gian im lìm của sa mạc dưới các chòm sao. Ông suy nghĩ về chính mình với sự trù mẫn lơ đãng, về chàng trai trẻ Louis Waters, người đã trải qua thời tuổi trẻ cố gắng được sống cùng Richard, người từng có lúc tự mãn, có lúc phần nộ trước sự tôn thờ không biết mệt mỏi Richard dành cho đôi tay và cái đó của cậu ta và cũng là người cuối cùng đã rời khỏi Richard, mãi mãi, sau một cuộc cãi cọ tại nhà ga xe lửa ở Rome (có phải nguyên do cụ thể là lá thư Richard nhận được từ Clarissa, hay vì cảm giác hết hứng thú của Louis khi là thành viên được cưng chiều và cũng kém chói sáng nhất?). Anh chàng Louis đó, mới chỉ hai mươi tám tuổi nhưng hoàn toàn tin chắc vào độ tuổi đã quá già nua của mình cũng như những cơ hội đã bỏ lỡ, bèn quyết định rời bỏ Richard, nhảy lên một chuyến tàu tới Madrid. Dường như vào lúc đó, khi đoàn tàu chuyển bánh (người bán vé đã cho ông biết, đây phần nộ, nơi ông đang đi tới) ông đã cảm thấy hài lòng một cách kỳ lạ. Ông đã được tự do. Giờ đây ông chẳng còn nhớ gì về những ngày lang thang không mục đích ở Madrid, ông thậm chí còn chẳng nhớ rõ về anh chàng người Italia (có thực tên anh ta là Franco không nhỉ?), người cuối cùng đã thuyết phục ông từ bỏ dự định yêu Richard đã ngã sang những mối đam mê đơn giản hơn. Điều ông còn nhớ chính xác là ông ngồi trên một đoàn tàu hướng tới Madrid, cảm nhận thứ hạnh phúc mà ông hình dung tâm hồn có thể cảm nhận, hoàn toàn tự do tách khỏi thể xác trần tục, nhưng vẫn sở hữu những tính chất cốt lõi của bản thể. Ông bước đi theo hướng đông về phía trường đại học (bảy mươi bảy bước cho tới góc đường). Ông đứng đợi để qua đường.

Bà Brown

Trong lúc lái chiếc Chevrolet dọc theo Pasadena Freeway, giữa những quả đồi đồi chỗ vẫn còn trơ trụi sau trận cháy năm trước, cô cảm thấy như mình đang mơ, hay chính xác hơn, như thể cô đang nhớ đến một giấc mơ diễn ra cách đây đã khá lâu. Mọi thứ cô thấy đều có vẻ như được găm vào ngày hôm nay giống như những con bướm khô bị găm lên một tấm bảng. Giữa những sườn đồi màu đen lác đác vài ngôi nhà trát vữa, như được vẽ bằng phấn màu. Bầu trời mờ sương xanh trắng. Laura lái xe rất thành thạo, không quá chậm hay quá nhanh, đều đặn quan sát gương chiếu hậu. Ngồi trong một chiếc xe hơi mà cô lại mơ mình đang ngồi trong một chiếc xe hơi.

Cô gửi con trai ở nhà bà Latch cuối phố. Chuyển ra khỏi nhà lang thang được quyết định vào phút chót này có liên quan tới sinh nhật chồng cô.

Cô hoảng hốt - cô cho rằng “hoảng hốt” là từ thích hợp để mô tả tâm trạng đó. Cô cố gắng nằm xuống ngả lưng vài phút trong lúc con trai đang ngủ trưa, cô cố thử đọc một chút, nhưng không thể tập trung được. Cô nằm trên giường, hai bàn tay cầm cuốn sách, cảm thấy trống rỗng, kiệt sức vì đứa trẻ, chiếc bánh và nụ hôn. Theo cách nào đó, tất cả quy về ba yếu tố đó và trong khi nằm trên chiếc giường đôi, các mảnh cửa đã được kéo lại, đèn đầu giường bật sáng, cố đọc sách, cô thầm tự hỏi, liệu bị điên có phải là thế này không? Cô chưa bao giờ hình dung ra nó giống thế này - khi cô nghĩ tới một người (một phụ nữ giống như cô) bị mất trí, cô đã hình dung ra những tiếng la hét đình tai, những tiếng khóc than, những ảo giác; nhưng vào khoảnh khắc đó, dường như rõ ràng có một cách khác, lặng lẽ hơn nhiều; một cách làm người ta chết lặng, vô vọng, nhạt nhẽo, nhiều đến mức một cảm xúc mạnh mẽ như nỗi buồn cũng là một sự nhẹ nhõm.

Vậy là cô ra khỏi nhà trong vài giờ. Cô đã không hành động một cách vô

trách nhiệm. Cô đảm bảo chắc chắn rằng đứa trẻ có người để mắt đến. Cô đã nướng một chiếc bánh, bỏ các tảng thịt bò dùng để nướng ra cho rã đông, nhật đậu. Sau khi đã làm xong tất cả những việc đó, cô cho phép mình ra ngoài. Cô sẽ có mặt ở nhà đúng giờ để nấu bữa tối và cho con chó của Kitty ăn. Nhưng lúc này, ngay lúc này, cô đang đi tới một nơi (nơi nào?) để được ở một mình, được giải thoát khỏi đứa con, khỏi ngôi nhà, khỏi bữa tiệc nhỏ cô sẽ tổ chức tối nay. Cô đã mang theo cuốn sổ tay của mình, cùng với cuốn *Bà Dalloway*. Cô đi tất dài, mặc một chiếc áo sơ mi và váy, đeo đôi hoa tai ưa thích của mình. Cô thoáng cảm thấy hài lòng một cách ngớ ngẩn trước ngoại hình của mình và sự sạch sẽ của chiếc xe. Một chiếc sọt rác nhỏ màu xanh sẫm, không có chút rác rưởi nào, ôm lấy trục xe đúng như một chiếc yên ôm khít lấy một con ngựa. Thật lố bịch, cô biết, nhưng dẫu vậy cô vẫn thấy được an ủi trong sự ngăn nắp không chê vào đâu được này. Cô sạch sẽ và ăn mặc đẹp, rồi lái xe đi.

Ở nhà, chiếc bánh sinh nhật mới chờ đợi dưới một chiếc hộp đựng bánh bằng nhôm có núm cầm bằng gỗ có hình như một quả sồi. Đó là một bước tiến bộ so với chiếc bánh đầu tiên. Chiếc bánh này đã được phủ kem hai lần, không có vụn nào dính trên kem (cô đã tham khảo một cuốn sách dạy nấu ăn thứ hai và được biết những người thợ làm bánh nói tới lớp kem thứ nhất như là “lớp vụn” và một chiếc bánh nên được phủ kem lần thứ hai). Trên chiếc bánh này có dòng chữ “Chúc mừng sinh nhật Dan” bằng những chữ cái màu trắng duyên dáng, không bị những cụm hoa hồng màu vàng đè lên. Đó là một chiếc bánh đẹp, hoàn hảo theo cách riêng của nó, thế nhưng nó vẫn làm Laura thất vọng. Trông nó vẫn có vẻ nghiệp dư, nó vẫn có gì đó không ổn. Chữ “h” trong “Chúc” vẫn chưa đúng như cô hy vọng và hai trong số các bông hồng bị lệch.

Cô đưa tay lên chạm vào đôi môi, nơi cái hôn của Kitty từng lưu lại trong chốc lát. Cô không mấy bận tâm về cái hôn, về việc nó có và không có hàm ý gì, ngoại trừ việc nó động viên được Kitty ít nhiều. Tình yêu luôn sâu sắc - có ai muốn hiểu mọi khía cạnh cụ thể của nó? Laura khao khát Kitty. Cô khao khát sức mạnh, tâm trạng thất vọng bùng nổ và vui vẻ của cô gái, thứ

ánh sáng hồng, vàng không ngừng thay đổi sắc thái tỏa ra từ cái tôi bí mật của cô và mùi hương sinh động, đượm mùi dầu gội đầu của mái tóc cô gái. Laura cũng khao khát Dan, theo một cách đen tối và ít tế nhị hơn, một cách ít nhiều bị ám ảnh bởi sự tàn nhẫn và nổi hổ thẹn. Nhưng dù gì đó vẫn là khao khát, sắc nhọn như một mẫu xương. Cô có thể hôn Kitty trong bếp và vẫn yêu chồng cô. Cô có thể mơ tưởng ra khoái cảm say mê từ đôi môi và những ngón tay của chồng mình (liệu có phải cô khao khát sự ham muốn của anh?) và vẫn mơ được hôn Kitty lần nữa vào một ngày nào đó, trong một căn bếp hay trên bãi biển trong lúc lữ trẻ hò hét lướt sóng, trên một lối đi trong lúc họ ôm trên tay những chồng khăn tắm được gấp lại, khẽ bật cười, khơi gợi, vô vọng, phải lòng chính sự khinh suất của bản thân nếu không phải lòng nhau, khẽ nói *suyt*, tách rời khỏi nhau thật nhanh, tiếp tục bước đi.

Điều Laura hối tiếc, điều gần như cô không thể chịu đựng được, là chiếc bánh. Nó làm cô bối rối, nhưng cô lại không thể chối bỏ nó. Nó chỉ đơn giản là đường, bột và trứng - một phần hấp dẫn của chiếc bánh nằm ở sự không hoàn hảo không thể tránh khỏi của nó. Cô biết thế, tất nhiên cô biết. Dầu vậy cô đã hy vọng tạo ra thứ gì đó tinh tế hơn, đáng chú ý hơn, so với kết quả đã tạo ra, bất chấp bề mặt nhẵn mịn và lời chúc được đặt chính xác vào giữa của nó. Cô muốn (cô thú nhận với chính mình) một chiếc bánh như trong mơ được thể hiện ra dưới hình hài một chiếc bánh thực sự; một chiếc bánh hàm chứa cảm nhận không thể chối bỏ được và sâu sắc về sự thoải mái, sự hào phóng. Cô muốn nướng được một chiếc bánh cho phép xua tan phiền muộn, dù chỉ trong thoáng chốc. Cô muốn tạo ra thứ gì đó thực sự tuyệt vời, ngay cả với những người không yêu quý cô.

Cô đã thất bại. Cô ước gì mình không bận tâm về chuyện ấy. Có điều gì đó, cô thầm nghĩ, không ổn với cô.

Cô chuyển sang làn đường bên trái, nhấn chân ga. Vào lúc này, ngay lúc này, cô có thể là bất cứ ai, đi bất cứ đâu. Cô có một bình xăng đầy, tiền trong ví. Trong một hay hai giờ đồng hồ, cô có thể đi bất cứ đâu cô muốn. Sau đó, tiếng chuông báo động sẽ vang lên. Tới chừng năm giờ, bà Latch sẽ

bắt đầu lo lắng và muộn nhất đến sáu giờ bà sẽ bắt đầu gọi điện thoại. Nếu về muộn đến thế, Laura sẽ phải có những lời giải thích, nhưng ngay lúc này và ít nhất trong hai giờ đồng hồ nữa, cô thực sự được tự do. Cô là một phụ nữ ngồi trên một chiếc xe, chỉ vậy thôi.

Khi lên tới đỉnh dốc ở Chavez Ravine và khu trung tâm thành phố ngoằn ngoèo lờ mờ hiện ra, cô phải đưa ra một lựa chọn. Trong nửa giờ vừa qua, chỉ cần hướng tới trung tâm Los Angeles một cách mơ hồ là đủ, nhưng giờ đây nó đã hiện ra - những tòa nhà cũ hơn với vóc dáng thấp bè vững chắc, bộ khung của những tòa nhà mới hơn, cao hơn đang vươn lên - tất cả ngập trong ánh nắng đều đặn trắng lóa ban ngày, dường như không phải tỏa ra từ trên trời xuống đất mà từ chính bầu không khí, như thể những phần tử vô hình trong không gian đang phát ra một thứ lân quang ổn định, hơi mờ như sương. Đây là thành phố và Laura phải đi vào nó, theo làn đường bên trái, hoặc chuyển qua làn bên phải và bỏ qua nó hoàn toàn. Nếu làm vậy, nếu cô chỉ đơn giản tiếp tục lái xe đi, cô sẽ tới khu vực rộng lớn, bằng phẳng trải dài những nhà máy và những khu chung cư thấp tầng bao quanh Los Angeles trong bán kính hàng trăm dặm theo mọi hướng. Sẽ không thể rẽ sang phải và cuối cùng tìm đường tới Beverly Hills hay tới bãi biển tại Santa Monica, nhưng cô không muốn mua sắm và cũng chẳng mang gì theo cho bãi biển. Có ít nơi để rẽ vào tới mức đáng ngạc nhiên trong khung cảnh bao la mù sương này và thứ cô cần - một nơi nào đó riêng tư, yên ả, nơi cô có thể đọc, có thể nghĩ - lại không hề sẵn có. Nếu cô tới một cửa hiệu hay nhà hàng, cô sẽ phải làm bộ - cô sẽ phải vờ cần hay muốn thứ gì đó mà cô chẳng hề quan tâm đến. Cô sẽ phải đi đứng theo đúng phép lịch sự, sẽ phải xem các món hàng, từ chối những lời đề nghị giúp đỡ, hoặc cô sẽ phải ngồi xuống một cái bàn, gọi thứ gì đó, thưởng thức nó, rồi đi. Nếu cô chỉ đơn thuần đỗ xe lại đâu đó rồi ngồi ở đó, một phụ nữ đơn độc, cô sẽ trở thành đích ngắm cho những tên tội phạm và những người sẽ tìm cách bảo vệ cô chống lại chúng. Cô sẽ bị phơi bày quá nhiều, trông cô sẽ quá lộ dị.

Thậm chí một thư viện cũng là nơi quá đông người và công viên cũng thế.

Cô lái xe sang làn đường bên trái và lái vào thành phố. Dường như cô đã đi

tới quyết định một cách rất tự nhiên, như thể cách này cũng rõ rệt như phố Figueroa, với những khung kính cửa hiệu và vỉa hè râm mát của nó. Cô sẽ thuê phòng trong một khách sạn. Cô sẽ nói (tất nhiên) rằng cô ở lại đó một đêm, rằng chồng cô sẽ sớm tới cùng cô. Chừng nào cô thanh toán tiền phòng, có gì sai nếu chỉ sử dụng nó trong hai giờ?

Dường như đó là một hành động hoang phí, bất cần tới mức làm cô choáng váng và hồi hộp như một cô bé con. Phải, sẽ thật lãng phí - một phòng khách sạn cho cả một đêm, trong khi tất cả những gì cô muốn là ngồi ở đó trong chừng hai giờ đồng hồ - nhưng lúc này tiền bạc cũng không đến nỗi ngặt nghèo và cô luôn chi tiêu cho gia đình tương đối tiết kiệm. Thực ra thì một phòng khách sạn có thể tốn bao nhiêu tiền nhỉ? Không nhiều đến mức ấy.

Mặc dù nên tới một chỗ rẻ tiền - một nhà nghỉ, ở đâu đó ngoài ngoại ô - nhưng cô không thể ép mình làm vậy. Như thế sẽ có vẻ quá lén lút, quá bẩn thỉu. Nhân viên tiếp tân thậm chí có thể coi cô là một ả gái điếm chuyên nghiệp, anh ta có thể đưa ra các câu hỏi. Những nhà nghỉ loại đó nằm ngoài vốn sống của cô, nhiều khả năng chúng có những luật ứng xử hoàn toàn xa lạ với cô, vậy là cô lái xe tới Normandy, một tòa nhà lớn màu trắng nằm cách đó vài khối nhà. Normandy là một tòa nhà đồ sộ, sạch sẽ, ấn tượng. Nó có hình chữ V - hai khối nhà mười tầng màu trắng thành đôi cánh bao lấy một khu vườn có đài phun nước. Nó có dáng vẻ sạch sẽ đáng tôn trọng, nó nhằm tới khách du lịch và thương gia, những người mà sự hiện diện tại đó thậm chí không tạo nên một chút bí hiểm dù thoáng qua nào. Laura dừng xe lại dưới một mái che mạ vàng trên đó có gắn tên khách sạn bằng những chữ cái cao, mảnh mai mạ vàng. Mặc dù đang giữa ban ngày, không gian phía dưới mái che có chút gì đó của ánh trăng ban đêm, một thứ ánh sáng trắng rõ ràng. Những cây lô hội trồng trong chậu ở hai bên cánh cửa kính đen dường như đang ngạc nhiên vì sự hiện diện của chúng ở đó.

Laura để chiếc xe lại cho người phục vụ, nhận vé xe, rồi bước qua những cánh cửa kính nặng nề. Gian tiền sảnh im lìm, lạnh lẽo. Một chiếc chuông ở ngoài xa rung lên, rõ ràng và chừng mực. Laura đồng thời cảm thấy vừa dễ

chịu vừa mất bình tĩnh. Cô bước qua tấm thảm dày màu xanh tới quầy tiếp tân. Khách sạn này, gian tiền sảnh này, chính là thứ cô muốn - sự mát mẻ, sự vắng bóng mọi thứ mùi một cách hoàn toàn, những người khấn trương đến và đi một cách vô cảm. Ngay lập tức, cô cảm thấy như mình là một con người của nơi này. Nơi này thật thoải mái, thật vô lo. Dầu vậy, cùng lúc, cô ở đây trong những hoàn cảnh giả tạo, hay thậm chí còn tệ hơn, không thể giải thích được - cô tới đây, một cách lén lút, để chạy thoát khỏi một chiếc bánh. Cô định nói với nhân viên tiếp tân rằng chồng cô đã bị muộn vì lý do bất khả kháng và sẽ tới cùng hành lý của họ sau khoảng một giờ nữa. Cô chưa bao giờ nói dối như thế trước đây, chưa từng với một người cô không quen biết hay yêu thương.

Việc làm thủ tục tại quầy tiếp tân hóa ra lại dễ dàng một cách đáng ngạc nhiên. Nhân viên tiếp tân, một người đàn ông trạc tuổi cô, với giọng nói ngọt ngào và nước da cháy nắng, rõ ràng không ngờ vực gì mà thậm chí còn không buồn tính tới khả năng ngờ vực. Khi Laura hỏi, “Ông có phòng trống không?”. Anh ta chỉ đơn giản trả lời không chút do dự, “Vâng, chúng tôi có. Bà cần một phòng đơn hay phòng đôi?”.

“Một phòng đôi”, cô nói. “Cho chồng tôi và tôi. Anh ấy sắp đến, cùng với hành lý của chúng tôi.”

Người tiếp tân đưa mắt nhìn ra phía sau cô, tìm kiếm một người đàn ông đang vật lộn với những chiếc va li. Mặt Laura nóng bừng, nhưng cô không dao động.

“Thực ra, chồng tôi sẽ tới sau một hay hai giờ nữa. Anh ấy có việc phải làm, vậy nên chồng tôi bảo tôi tới đây trước. Để xem có phòng trống không.”

Cô áp tay xuống mặt quầy bằng đá hoa cương đen để trấn tĩnh lại. Dường như câu chuyện của cô hoàn toàn không hợp lý. Nếu cô và chồng cô đang đi du lịch, tại sao họ lại có hai chiếc xe? Tại sao họ không gọi điện tới trước?

Tuy vậy, người tiếp tân chẳng biểu hiện chút do dự nào. “Tôi e là tôi chỉ còn phòng dưới các tầng thấp. Có được không ạ?”

“Vâng, tốt thôi. Chỉ một tối thôi mà.”

“Vậy là được. Để tôi xem nào. Phòng 19.”

Laura ký vào bản đăng ký bằng tên thật (một cái tên giả nghe có vẻ quá lạ lẫm, ám muội), trả tiền trước (“Có thể chúng tôi sẽ đi rất sớm vào buổi sáng, chúng tôi chắc sẽ rất vội, tốt hơn tôi nên giải quyết chuyện đó luôn”). Cô nhận chìa khóa.

Rời quầy tiếp tân, cô hầu như không thể tin mình đã làm được việc đó. Cô đã có chìa khóa, đi qua cửa vào. Các cánh cửa dẫn tới thang máy, ở phía cuối tiền sảnh, có những quả đấm bằng đồng, phía trên mỗi quả đấm là một hàng chữ số màu đỏ lấp lánh chạy ngang và để tới chỗ chúng, cô đi qua một loạt trường kỷ và ghế tựa trống không; những cây cọ tí hon trồng trong chậu chìm trong giấc ngủ mát mẻ; và phía sau lớp kính, hiệu thuốc và quán cà phê, nơi vài người ngồi đọc báo ở quầy, nơi một phụ nữ lớn tuổi mặc đồng phục màu hồng nhạt của nhân viên phục vụ và đội một bộ tóc giả màu đỏ dường như đang nói gì đó hài hước và một chiếc bánh trứng đường hương chanh to với dáng vẻ gần như châm biếm, bị khuyết đi hai lát, đang nằm trên một chiếc bệ dưới một nắp đậy bằng nhựa trong suốt hình vòm.

Laura bấm nút thang máy, rồi bấm nút chọn tầng của mình. Dưới một tấm gương gắn trên tường thang máy là bức ảnh món trứng Benedict [26] mà người ta có thể yêu cầu tại khách sạn cho tới hai giờ chiều. Cô nhìn vào bức ảnh, nghĩ đến việc vừa quá muộn một chút để gọi món trứng Benedict. Cô đã bồn chồn trong một quãng thời gian quá dài và cho dù tâm trạng đó không tan biến đi song dường như bản chất của nó đã đột ngột thay đổi. Tâm trạng bồn chồn, cùng với cơn bực bội và cảm giác thất vọng về bản thân, cô đều nhận ra một cách rõ ràng, nhưng lúc này chúng đang ở một nơi khác. Quyết định vào thuê phòng trong khách sạn này, đi lên tầng trong

chiếc thang máy này, dường như đã cứu thoát cô theo cách morphine cứu giúp một bệnh nhân ung thư, không phải bằng cách xóa bỏ căn nguyên của sự đau đớn mà chỉ đơn thuần làm cho cảm giác đau không còn hành hạ nữa. Gần như thể cô đã được một người chị em vô hình thắp từng, một người phụ nữ trái tính trái nết đầy giận dữ và hay buộc tội, một người phụ nữ bị chính mình làm bẽ mặt và chính người phụ nữ này, người chị em không may mắn này, chứ không phải Laura, cần đến sự an ủi và tĩnh lặng. Laura có thể là một y tá, chăm sóc để làm dịu đi nỗi đau của một người khác.

Cô bước ra khỏi thang máy, bình thản bước theo lối đi, tra chìa khóa vào ổ khóa phòng 19.

Vậy ra đây là căn phòng của cô: một căn phòng màu ngọc lam, không đáng ngạc nhiên hay bất thường theo bất cứ cách nhìn nhận nào, với tấm ga trải màu lam trên chiếc giường đôi và một bức tranh (Paris, mùa xuân) trong một khung gỗ màu vàng. Căn phòng toát lên một thứ mùi, cồn và gỗ thông mềm, chất tẩy trắng, xà phòng thơm, tất cả lơ lửng một cách nặng nề trên một thứ mùi gì đó không phải là mùi ôi, cũng không phải là mùi thiu, nhưng là một thứ mùi không tươi mới. Đó là, cô thầm nghĩ, mùi của sự mệt mỏi. Đó là mùi của một nơi đã được dùng đi dùng lại nhiều lần.

Cô tới bên cửa sổ, gạt tấm rèm trắng mỏng ra, kéo cửa màn lên. Đằng kia, phía dưới, là khoảng sân hình chữ V, với đài phun nước, những bụi hồng đang nhú lên và những băng ghế đá trống trơn. Một lần nữa, Laura cảm thấy như thể cô đang bước vào một giấc mơ - khi đó cô nhìn xuống chính khu vườn này vào lúc quá hai giờ chiều một chút, vắng tanh không một bóng người. Cô rời khỏi cửa sổ, tháo giày ra, rồi cầm lấy cuốn *Bà Dalloway* từ trên chiếc bàn mặt kính và nằm xuống giường. Im lặng bao trùm khắp nơi, một thứ im lặng có chủ ý, hoàn toàn không tự nhiên, trùm lên trên những tiếng cọt két, tiếng nước chảy òng ọc, tiếng bánh xe lăn trên mặt thảm.

Cô đang ở cách quá xa cuộc đời mình. Thật dễ dàng.

Dường như, bằng cách nào đó, cô đã rời khỏi thế giới của chính mình và bước vào thế giới trong sách. Tất nhiên, không thứ gì có thể xa London của bà Dalloway hơn căn phòng khách sạn màu lam này, dầu vậy cô vẫn hình dung ra chính Virginia Woolf, người phụ nữ đã trầm mình xuống sông, người phụ nữ thiên tài, có thể khi chết đi sẽ cư ngụ tại một nơi không khác mấy so với nơi này. Cô lặng lẽ bật cười một mình. Lạy Chúa, xin Người, cô thầm nói, hãy để thiên đường là thứ gì đó tốt hơn một căn phòng ở khách sạn Normandy. Thiên đường hẳn sẽ được bài trí đẹp hơn, sáng sủa và rộng rãi hơn, nhưng trên thực tế nơi này cũng chứa đựng ít nhiều sự khác biệt, sự vắng vẻ hoàn toàn trong lòng thế giới đang cuộn chảy này. Có cả căn phòng này cho chính mình dường như với cô vừa có vẻ đứng đắn lại vừa phóng đãng. Ở đây cô được an toàn. Cô có thể làm bất cứ việc gì cô muốn, tất cả. Theo cách nào đó, cô giống như một cô dâu trong ngày cưới, nằm trong phòng ngủ của mình, chờ đợi... không phải chồng cô, hay bất kỳ người đàn ông nào khác. Chờ ai đó. Chờ một điều gì đó.

Cô với lấy cuốn sách. Cô đánh dấu chỗ đang đọc với một cái bookmark bằng bạc (“Tặng Một Sách, với tất cả tình yêu của anh dành cho em”) chồng cô tặng vào dịp sinh nhật mấy năm trước.

Với một cảm giác thư thái thật sâu và nhẹ nhàng, cô bắt đầu đọc.

Bà nhớ lại từng có lần ném một đồng sáu pence xuống hồ Serpentine [27]. Nhưng tất cả mọi người đều nhớ; điều bà thích là đây, ở ngay đây, lúc này, trước mặt bà. Bà tự hỏi mình, liệu đi bộ tới phố Bond có đáng để bận tâm không; liệu việc bà dứt khoát phải dừng lại có quan trọng hay không; tất cả chắc chắn sẽ tiếp tục mà không có bà; có thực bà bực bội vì điều đó; hay chẳng phải niềm tin rằng cái chết kết thúc hoàn toàn mọi thứ? Nhưng bằng cách nào đó trên đường phố London, trên dòng đời cuộn chảy, này, bà đã sống sót, Peter đã sống sót, bà là một phần của những cái cây ở nhà, bà chắc chắn là thế; của những ngôi nhà ở đằng kia, xấu xí, nhấp nhô lộn xộn; một phần của những con người bà chưa bao giờ gặp; được trải ra như một

màn sương mù giữa những người bà biết rõ nhất, những người nâng bà lên trên như bà từng thấy những cái cây nâng màn sương mù lên, nhưng nó cứ trải ra xa mãi, cuộc đời bà, chính bản thân bà. Nhưng bà đang mơ về điều gì khi nhìn vào cửa sổ cửa hàng Hatchard? Bà đang cố hồi phục điều gì? Hình ảnh nào của bình minh trên đồng quê, trong lúc bà đọc cuốn sách:

Đừng sợ hơi nóng của mặt trời,

Hay những cơn gió đông gào rít.

Có thể chết đi được lắm. Laura đột nhiên nghĩ về việc bằng cách nào cô - hay bất cứ ai - có thể lựa chọn như thế. Đây là một ý nghĩ bất cần, quay cuồng đến chóng mặt, có phần quái gở - nó tự mình lên tiếng trong đầu cô, thoáng qua thôi nhưng rất rõ ràng, giống như âm thanh phát ra từ một trạm phát thanh ở cách xa. Cô có thể chọn cái chết. Đó là một khái niệm trừu tượng, mờ ảo, không thực sự bi quan. Những căn phòng khách sạn là nơi người ta vẫn nảy ra những ý nghĩ như thế, phải không nào? Rất có thể - thậm chí nhiều khả năng - là ai đó đã kết thúc cuộc đời mình ở đây, trong căn phòng này, trên chiếc giường này. Ai đó đã nói, “Đủ rồi, không nghĩ thêm nữa”; ai đó đã nhìn lần cuối cùng lên những bức tường trắng, lên trần nhà trắng muốt nhẵn nhụi này. Bằng cách đi tới một khách sạn, cô nhận ra, người ta bỏ lại những điều cụ thể trong cuộc đời của chính mình và bước vào một vùng trung lập, một căn phòng trắng tinh sạch sẽ, nơi chết đi không có vẻ gì quá lạ lùng.

Điều đó, cô nghĩ, có thể rất dễ chịu; có thể làm người ta cảm thấy thật tự do: chỉ đơn giản là ra đi. Để nói với tất cả mọi người, tôi không thể làm được, mọi người không thể hiểu được đâu; tôi không muốn cố thử thêm nữa. Có thể, cô nghĩ, trong đó ẩn chứa một vẻ đẹp khủng khiếp, giống như một cánh đồng băng hay một sa mạc vào buổi sáng. Cô có thể ra đi như thế vào một khung cảnh mới, có thể để lại phía sau tất cả - con trai, chồng và Kitty, bố mẹ, tất cả mọi người - trong thế giới tan nát này (nó sẽ không bao giờ toàn vẹn lại được nữa, sẽ không bao giờ trở nên sạch sẽ), nói chuyện với nhau và

với bất cứ ai hỏi, “Chúng tôi nghĩ cô ấy ổn cả, chúng tôi nghĩ những buồn phiền của cô ấy cũng chỉ là chuyện bình thường. Chúng tôi không hề biết”.

Cô xoa lên bụng mình. Tôi sẽ không bao giờ. Cô nói to thành tiếng những từ đó trong căn phòng sạch sẽ, vắng lặng: “Tôi sẽ không bao giờ”. Cô yêu cuộc sống, yêu đến vô vọng, ít nhất trong một vài khoảnh khắc và cô sẽ giết cả con trai mình nữa. Cô sẽ giết chết cả con trai cô, chồng cô và đứa con thứ hai, vẫn còn đang hình thành trong bụng. Làm sao bất kỳ ai trong họ có thể hồi phục được sau một việc như thế? Không gì cô có thể làm với tư cách một người vợ và người mẹ khi còn sống, không sai sót, không cơn giận dữ hay trầm uất nào có thể so sánh với nó. Điều đó, một cách đơn giản, thật tàn ác. Nó sẽ khoan thủng một lỗ trong khí quyển, mọi thứ cô đã gây dựng nên - những ngày gọn gàng, những khung cửa sổ sáng ánh đèn, bàn ăn được bày sẵn sàng cho bữa tối - sẽ bị cuốn đi.

Dẫu vậy, cô vẫn thấy mừng (vì không rõ bằng cách nào, đột nhiên cô biết) rằng có thể chấm dứt cuộc sống. Cô có cảm giác nhẹ nhõm được đứng trước toàn bộ các khả năng; trong việc cân nhắc tất cả những lựa chọn của mình, một cách không sợ hãi và không lừa gạt. Cô hình dung ra Virginia Woolf, trong trắng, mất cân bằng, bị đánh gục trước những đòi hỏi quá sức của cuộc sống và nghệ thuật; cô hình dung ra bà bước xuống một dòng sông với một tảng đá trong túi áo. Laura tiếp tục xoa bụng. Điều đó có thể chỉ đơn giản, cô thầm nghĩ, như vào thuê phòng trong một khách sạn. Có thể chỉ đơn giản như thế.

Bà Woolf

Bà ngồi trong bếp uống trà cùng Vanessa.

“Có một cái áo khoác rất đáng yêu cho Angelica ở Harrods[28]”, Vanessa nói. “Nhưng sẽ chẳng có gì cho mấy đứa con trai và điều đó dường như không công bằng. Chị nghĩ sẽ tặng cho con bé chiếc áo khoác vào dịp sinh nhật, nhưng nếu thế tất nhiên nó sẽ giận vì con bé tin rằng những chiếc áo khoác chắc chắn phải tới với nó, như chuyện tất nhiên và không thể được đem tặng như những món quà.”

Virginia gật đầu. Vào lúc này, dường như bà không thể nói. Có quá nhiều thứ trên thế giới. Có những chiếc áo khoác tại Harrods, có những đứa trẻ sẽ giận dữ và thất vọng cho dù người khác có làm gì đi nữa. Có bàn tay đầy đặn của Vanessa đang cầm lấy tách trà và một con chim hoét ở ngoài kia, thật đẹp đẽ trên giường tang lễ của nó, trông thật giống một món đồ trang sức.

Có cả thời khắc này, lúc này, trong nhà bếp.

Clarissa sẽ không chết, bởi tự tử. Làm sao bà ta có thể chịu đựng nỗi việc phải từ bỏ tất cả những thứ này?

Virginia chuẩn bị đưa ra vài lời triết lý thông thái về những đứa trẻ. Bà chẳng có mấy ý tưởng về những gì sẽ nói, nhưng bà sẽ nói điều gì đó.

Bà muốn nói, thế là đủ rồi. Những tách trà và con chim hoét ngoài kia, câu hỏi về những chiếc áo khoác cho bọn trẻ. Thế là đủ rồi.

Ai đó khác sẽ chết. Đó nên là một trí tuệ rộng lớn hơn, nên là ai đó phiền

muộn và đủ tài năng để quay lưng lại với sự quyến rũ của thế giới, với những tách trà và chiếc áo khoác của nó.

“Có lẽ Angelica...” Virginia nói.

Nhưng đây rồi, Nelly đã xuất hiện để giải cứu cho bà; tức tối, đắc thắng, quay về từ London với một gói trà Trung Quốc và gừng tẩm đường. Cô ta giơ chiếc gói lên cao, như thể muốn ném nó đi.

“Chúc bà buổi chiều tốt lành, bà Bell”, cô ta nói với vẻ bình thản được cân nhắc kỹ lưỡng của một tay đao phủ.

Đây là Nelly với trà và gừng và đây, mãi mãi, là Virginia, hạnh phúc vô bờ và còn tốt hơn cả hạnh phúc, đang sống, đang ngồi cùng Vanessa trong căn bếp vào một ngày bình thường của mùa xuân trong lúc Nelly, vị nữ hoàng Amazon bị nô dịch, Nelly luôn phần nộ, giơ ra những gì cô ta đã bị ép buộc phải mang về.

Nelly quay đi và cho dù đây không phải là thói quen của hai chị em, Virginia cúi người ra trước và hôn lên miệng Vanessa. Đó là một nụ hôn trong sáng, đủ trong sáng đấy, nhưng ngay lúc này, trong căn bếp này, sau lưng Nelly, nó có vẻ giống như khoái lạc ngọt ngào và bị cấm đoán nhất trên đời. Vanessa đáp lại nụ hôn.

Bà Dalloway

“Louis tội nghiệp.”

Julia thở dài với sự hối tiếc đáng ngạc nhiên cùng sự kiên nhẫn đã cạn kiệt và dường như, trong chốc lát, cô giống như một hình mẫu cổ xưa về sự trách móc của người mẹ, một phần của một dòng dài qua hàng thế kỷ những người phụ nữ từng thở dài nuối tiếc vì cạn kiệt lòng kiên nhẫn trước những đam mê kỳ lạ của đàn ông. Trong chốc lát, Clarissa có thể hình dung ra con gái bà vào tuổi năm mươi: cô gái sẽ là một người mà người đời hay gọi là một phụ nữ đầy đặn, với cơ thể khỏe mạnh và tinh thần phóng khoáng, với năng lực khó lòng nhìn thấu hết, kiên quyết, không điệu bộ màu mè. Vào khoảnh khắc đó, Clarissa muốn được là Louis; không phải *cùng* ông (điều đó có thể quá gai góc, quá khó khăn), nhưng *là* ông, một con người bất hạnh, một con người lạ lùng, không có niềm tin, không có nguyên tắc, buông thả trên các đường phố.

“Phải”, bà nói. “Louis tội nghiệp.”

Liệu Louis có làm hỏng bữa tiệc dành cho Richard không? Tại sao bà lại mời Walter Hardy cơ chứ?

“Quả là một con người kỳ lạ”, Julia nói.

“Con có thể chịu đựng được nếu mẹ ôm con một cái không?”

Julia bật cười và lại trở về mười chín tuổi. Cô gái xinh tới mức không thể tin được. Cô đi xem những bộ phim Clarissa chưa bao giờ nghe nói đến, chịu đựng những cơn buồn rầu ủ rũ và hân hoan tội độ. Cô đeo sáu chiếc nhẫn trên bàn tay trái, nhưng trong đó không hề có chiếc nhẫn Clarissa đã

tặng cho cô vào ngày sinh nhật thứ mười tám. Cô đeo một chiếc khuyên bạc trên mũi.

“Tất nhiên rồi”, cô nói.

Clarissa ôm lấy Julia, rồi nhanh chóng buông con gái ra. “Con thế nào?” Bà lại hỏi, rồi lập tức hối tiếc vì đã hỏi. Bà lo rằng đó là một trong những tật không bỏ được của bà, một trong những thói quen nhỏ vô hại có thể gợi lên những ý nghĩ về giết người ở một đứa trẻ. Chính mẹ cô đã vội vã hăng giọng. Bà luôn phản đối bằng cách nói, “Mẹ không muốn làm ai cụt hứng, nhưng...”. Những điều đó vẫn sống trong ký ức Clarissa, vẫn có thể thổi bùng lên những cơn bực bội, sau khi sự tốt bụng và khiêm tốn của mẹ bà cũng như lòng trắc ẩn của người mẹ đó đã phai nhạt đi. Clarissa hỏi Julia quá thường xuyên, “Con thế nào?”. Bà làm thế một phần vì bối rối (làm sao bà có thể không tỏ ra hình thức với Julia, không cảm thấy ít nhiều lo lắng, sau tất cả những gì đã xảy ra?) và làm thế cũng một phần chỉ đơn giản vì bà muốn biết.

Bữa tiệc của bà, bà thầm nghĩ, sẽ thất bại. Richard sẽ thấy chán nản và bị xúc phạm. Bà thật nông cạn, sao bà lại bận tâm quá nhiều tới những điều như thế. Con gái bà sẽ mang chúng ra làm trò đùa với bạn của nó.

Nhưng, có những người bạn như Mary Krull!

“Con ổn cả”, Julia nói.

“Trông con tuyệt lắm”, Clarissa nói trong tâm trạng tuyệt vọng hồ hởi. Ít nhất bà cũng đã rộng rãi. Bà đã là một người mẹ luôn khen ngợi con gái mình, đem đến cho cô sự tự tin, không khiến cô phải bận tâm vì những nỗi lo lắng của riêng bà.

“Cảm ơn mẹ”, Julia nói. “Hôm qua con có để ba lô của con ở lại đây không nhỉ?”

“Có đấy. Nó ở ngay kia kìa, trên cái mắc cạnh cửa ấy.”

“Tốt rồi. Mary và con chuẩn bị đi mua sắm.”

“Con sẽ gặp cô ấy ở đâu?”

“Thực ra thì cô ấy đang ở đây. Cô ấy ở bên ngoài.”

“Ồ.”

“Cô ấy đang hút thuốc lá.”

“Được thôi, có thể khi đã hút xong, cô ấy sẽ muốn vào nhà chơi chẳng.”

Khuôn mặt Julia tối sầm lại vì hối hận và còn vì một điều khác nữa - liệu có phải cơn phẫn nộ trước đây của cô gái đang trở lại không? Hay đó chỉ là tội lỗi thông thường? Một thoáng im lặng trôi qua. Dường như một sức mạnh nào đó của quy ước đang hiện hữu, cũng đầy uy lực như sức hút của trọng lực. Ngay cả nếu bạn đã là một kẻ luôn thách thức trong suốt cuộc đời mình, nếu bạn đã nuôi dạy một cô con gái theo đúng cách thức đáng kính trọng mà bạn biết, trong một ngôi nhà của những người phụ nữ (người bố chỉ là một cái lọ có đánh số, không hơn, xin lỗi, Julia, không thể nào tìm ra ông ấy) - ngay cả với những điều đó, dường như đến một ngày kia bạn thấy mình đứng trên một tấm thảm Ba Tư, đầy tâm trạng không tán đồng và chua chát của một bà mẹ, đầy những cảm xúc bị tổn thương, đối diện với một cô gái căm ghét bạn (hẳn cô bé vẫn thế, đúng vậy không?) vì đã không cho nó một người bố. *Có thể khi cô ấy đã hút xong, cô ấy sẽ muốn vào nhà chơi.*

Nhưng tại sao Mary không thể tôn trọng vài nguyên tắc lịch sự cơ bản của con người? Người ta không đợi bên ngoài căn hộ của một người khác, cho dù bản thân có xuất chúng và bực bội tới mức nào. Bạn sẽ bước vào và chào hỏi xã giao. Vậy là xong thủ tục.

“Con sẽ bảo cô ấy vào”, Julia nói.

“Không sao đâu.”

“Không, thật đấy. Cô ấy chỉ đứng ngoài kia hút thuốc thôi. Mẹ biết cô ấy thế nào rồi đấy. Một bên là thuốc lá, bên kia là những thứ khác.”

“Đừng ép cô ấy phải vào. Thật đấy. Đi đi, mẹ cho phép con được tự do.”

“Không. Con muốn hai người biết về nhau rõ hơn.”

“Mẹ và cô ấy biết nhau rất rõ.”

“Đừng sợ, mẹ. Mary là một cô gái dịu dàng. Mary hoàn toàn, hoàn toàn vô hại.”

“Mẹ không sợ cô ấy. Lạy Chúa.”

Julia trưng ra một nụ cười ra vẻ hiểu hết tất cả khiến bà phát bực, lắc đầu, rồi đi ra. Clarissa cúi người xuống bàn cà phê, dịch chiếc lọ hoa sang trái một inch [29]. Bà chợt cảm thấy muốn giấu những bông hồng đi. Giá như đó là một người nào khác chứ không phải là Mary Krull. Giá như là một người nào khác.

Julia quay lại, Mary theo sau. Vậy là đây rồi, thêm một lần nữa, lại là Mary - Mary cứng rắn và mạnh mẽ, Mary đầy chính nghĩa, trên mái đầu cạo trọc tóc đã bắt đầu nhú lên sẫm màu, mặc quần thụng màu lông chuột, bộ ngực đong đưa (cô ta hẳn đã phải hơn bốn mươi) dưới chiếc áo ba lỗ màu trắng tàn tạ. Đây là dáng đi nặng nề của cô ta, đây là đôi mắt hiểu biết đầy ngờ vực của cô ta. Nhìn thấy Julia và Mary bên nhau, Clarissa nghĩ tới một cô gái nhỏ dắt về nhà một con chó hoang, gầy trơ xương sườn với hàm răng trắng nhợt, một tạo vật bệnh hoạn và nguy hiểm đến tột cùng, bề ngoài có vẻ cần một ngôi nhà tốt nhưng trên thực tế khao khát của nó ẩn sâu tới mức không biểu hiện nào của tình yêu hay lòng trắc ẩn có thể chạm tới. Con chó chỉ đơn giản ăn và ăn. Nó sẽ không bao giờ thấy thỏa mãn, nó sẽ không bao giờ bị thuần phục.

“Xin chào, Mary”, Clarissa nói.

“Chào, Clarissa.” Cô ta bước qua căn phòng và nắm lấy bàn tay Clarissa lắc lên lắc xuống. Bàn tay Mary nhỏ nhắn, mạnh mẽ và mềm mại một cách đáng ngạc nhiên.

“Bà khỏe chứ?” Mary hỏi.

“Khỏe, cảm ơn cô. Còn cô?”

Cô ta nhún vai. Làm sao tôi có thể, làm sao bất cứ ai có thể khỏe mạnh được, trong một thế giới như thế này? Clarissa dễ dàng mắc vào câu hỏi gài bẫy. Bà nghĩ tới những bông hồng của mình. Liệu lũ trẻ có cắt chúng không? Liệu có phải các gia đình tìm tới những cánh đồng trước lúc rạng đông và dành cả ngày của họ cúi xuống các bụi hoa, lưng đau nhức, các ngón tay rớm máu vì gai cào không?

“Đi mua sắm phải không?” Bà hỏi và không giấu vẻ coi thường trong giọng nói của mình.

Julia nói, “Ừng mới. Đôi ủng của Mary sắp rời ra khỏi chân cô ấy rồi”.

“Tôi ghét phải mua sắm”, Mary nói. Cô nở một nụ cười xin lỗi thoáng qua. “Thật là tốn thời gian vô ích.”

“Chúng con sẽ đi mua ủng hôm nay”, Julia nói. “Chu kỳ”.

Cô con gái Clarissa, cô gái tuyệt diệu, thông minh này, có thể trở thành một người vợ vui vẻ, chăm sóc chồng sau một ngày vất vả ngược xuôi. Cô gái có thể là một hình bóng từ những năm năm mươi, nếu bạn thực hiện thêm một vài thay đổi tương đối nhỏ.

Mary nói với Clarissa, “Tôi không thể làm được việc đó nếu không có ai giúp đỡ. Tôi có thể đối diện với một tay cốm mang hơi cay, nhưng đừng lại gần tôi nếu bà là nhân viên bán hàng”.

Clarissa nhận ra, với cảm giác sốc thực sự, rằng Mary đang cố gắng. Cô ta

đang cố gắng, theo cách của mình, để gây thiện cảm.

“Ồ, họ cũng không kinh khủng đến thế đâu”, bà nói.

“Nó tích trữ, nó chính là tất cả, toàn bộ những thứ *thối tha* ở khắp nơi, tôi xin lỗi, trò *mua bán* đó, tất cả những thứ *hàng hóa* đó, rồi các quảng cáo gào lên với bà từ khắp nơi, *mua mua mua mua mua* và khi ai đó tới bên tôi với mái tóc cầu kỳ cùng đủ thứ trang điểm ghê người và nói, “Tôi có thể giúp chị được không”, thì tất cả những gì tôi có thể làm là cố kìm không gào lên “Đồ điểm *thối tha*, cô thậm chí còn chẳng giúp được *chính mình*”.

“Ừm”, Clarissa nói. “Nghe có vẻ nghiêm trọng thật đấy.”

Julia nói, “Mary, mình đi thôi”.

Clarissa nói với Julia, “Hãy chăm sóc cô ấy cẩn thận”.

Đồ ngốc, Mary Krull nghĩ. *Đồ phù thủy thiên cặn, tự mãn*.

Cô chỉnh lại bản thân. Clarissa Vaughan không phải là kẻ thù. Clarissa Vaughan chỉ là một người bị lừa dối, không hơn không kém. Bà ta tin rằng bằng cách tuân thủ các nguyên tắc, bà ta có thể có đàn ông. Bà ta đã mua vé. Đó không phải lỗi của bà ta. Dẫu vậy, Mary vẫn muốn chộp lấy ngực áo sơ mi của Clarissa và hét lên, *bà thực sự tin rằng nếu những gã đó đi tới, chúng sẽ không bao giờ dừng lại trước cửa nhà bà, phải không nào? Bà thực sự ngốc nghếch tới mức đó sao*.

“Tạm biệt mẹ”, Julia chào.

“Đừng quên ba lô đấy”, Clarissa nói.

“Ồ, vâng”, Julia bật cười, cầm lấy ba lô từ trên mắc. Chiếc ba lô may bằng vải bạt màu cam sáng, không phải là thứ bà trông đợi con gái mình sở hữu.

Chính xác ra có cái gì không ổn với chiếc nhẫn nhỉ?

Trong chốc lát, trong khi Julia quay lưng lại, Clarissa và Mary đối diện nhau. *Đồ ngốc*, Mary thầm nghĩ, cho dù cô có cố gắng tỏ ra nhân từ, hay chí ít là bình thản. Không, mặc xác lòng nhân từ. Bất cứ điều gì cũng tốt hơn những kẻ quái dị của trường phái cũ, ăn mặc chần chu, trường giả tới tận xương, sống như thể chồng và vợ. Sẽ tốt hơn nhiều khi làm một kẻ khốn kiếp thẳng thắn và công khai, tốt hơn nhiều khi là anh chàng John công khai ăn nằm với anh chàng Wayne so với là một ả đồng tính nữ ăn mặc bảnh chọe sở hữu một công việc đáng tôn trọng.

Giả dối, Clarissa nghĩ. Cô lừa dối con gái tôi, nhưng cô không lừa được tôi đâu. Tôi nhận ra ngay một kẻ chinh phục khi tôi nhìn thấy hắn. Tôi biết tất cả những trò ve vãn nhằm gây ra sự chú ý. Cũng chẳng mấy khó khăn. Nếu cô gào lên đủ to, trong thời gian đủ lâu, một đám đông sẽ quây lại để xem tất cả những tiếng la hét inh ỏi này là vì việc gì. Họ sẽ chẳng nán lại lâu, trừ khi cô đưa ra được lý do. Cô cũng chỉ tồi như những kẻ khác, cũng chỉ tỏ ra hung hăng, cũng chỉ cố tự thổi phồng mình lên và thời khắc của cô sẽ tới rồi đi.

“Được rồi”, Julia nói. “Đi thôi.”

Clarissa nói, “Nhớ bữa tiệc nhé. Lúc năm giờ”.

“Tất nhiên rồi”, Julia trả lời. Cô quàng chiếc ba lô màu cam sáng lên vai, buộc Clarissa và Mary phải chịu đựng qua một khoảnh khắc với cảm xúc tương tự nhau. Mỗi người đều tôn thờ vẻ nhanh nhẹn và tự tin dễ chịu của Julia bằng sự mãnh liệt riêng của mình, những ngày không giới hạn còn nằm phía trước.

“Hẹn gặp lại con”, Clarissa nói.

Bà thật tầm thường. Là một người nghĩ quá nhiều tới những bữa tiệc. Giá như một ngày nào đó Julia có thể tha thứ cho bà...

“Tạm biệt”, Mary nói và cô ta bước theo sau Julia ra khỏi cửa.

Nhưng tại sao lại là Mary Krull, trong bao nhiêu người? Tại sao một cô gái thẳng thắn như Julia lại biến mình thành một quân hầu? Liệu có phải cô bé vẫn khao khát muốn có một người bố đến thế?

Mary dừng lại sau Julia trong khoảnh khắc, tự cho phép mình ngắm nhìn tấm lưng rộng, duyên dáng của Julia, cặp lông mày tròn trịa như hai mặt trăng sinh đôi của cô gái. Mary gần như bị khuất phục bởi ham muốn và một thứ khác nữa, một cảm xúc tinh tế hơn, đau đớn hơn nhiều len lỏi qua ham muốn của cô. Julia thối bùng lên trong cô một thứ lòng ái quốc gợi tình, như thể Julia là đất nước xa xôi nơi Mary chào đời, nơi cô đã bị trục xuất khỏi.

“Đi thôi nào”, Julia vui vẻ gọi với ra sau lưng, qua phía trên sắc màu cam tổng hợp sáng chói của chiếc ba lô cô đang đeo.

Mary đứng lại trong khoảnh khắc và quan sát. Cô tin rằng mình chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì đẹp đến thế. *Nếu em có thể yêu tôi, cô thầm nghĩ, tôi sẽ làm bất cứ điều gì. Em có hiểu không? Bất cứ điều gì.*

“Đi thôi nào”, Julia lại giục và Mary vội bước theo sau cô gái, vô vọng, trong dẫn vật (Julia không yêu cô, không yêu như thế và sẽ không bao giờ), lên đường đi mua đôi ủng mới.

Bà Woolf

Vanessa và lũ trẻ đã đi khỏi, quay trở về Charleston. Nelly ở dưới nhà chuẩn bị bữa tối, vui vẻ một cách bí hiểm, hồ hởi hơn nhiều so với thái độ của cô ta từ nhiều ngày qua - có thể cô ta đánh giá cao việc bị sai đi thực hiện một cuộc mua sắm ngớ ngẩn, có thể cô ta khoan khoái với sự bất công đó tới mức có cảm hứng hát lên trong bếp? Leonard đang trong phòng làm việc và con chim hoét nằm trên chiếc giường kết bằng cỏ và những bông hồng của nó ở ngoài vườn. Virginia đứng trước một cửa sổ phòng khách, ngắm nhìn màn đêm buông xuống Richmond.

Đây là thời điểm kết thúc của một ngày bình thường. Trên bàn viết của bà trong căn phòng chưa được thắp sáng là những trang bản thảo của một cuốn tiểu thuyết mới, bà đang ôm ấp những hy vọng quá lớn lao và vào khoảnh khắc này, bà đang sợ (bà tin rằng mình *biết*) nó cuối cùng sẽ vô vị và yếu ớt, thiếu hẳn cảm xúc thực sự, một ngô cụt. Mới chỉ vài giờ đồng hồ trôi qua, thế nhưng những gì bà cảm thấy khi ở trong bếp cùng Vanessa - cảm giác hài lòng mạnh mẽ, sự sung sướng đó - đã biến mất hoàn toàn tới mức rất có thể chúng chưa từng diễn ra. Chỉ còn có thể này: mùi món thịt bò hầm của Nelly đang sôi (thật kinh khủng và Leonard sẽ quan sát trong khi bà vật lộn để cố ăn nó), tất cả đồng hồ trong nhà đang chuẩn bị điểm chuông, khuôn mặt của chính bà được phản chiếu ngày càng rõ hơn trên tấm kính cửa sổ khi những ngọn đèn đường - những quầng sáng màu vàng chanh nhạt nổi lên nền trời màu xanh mực - bật sáng trên khắp Richmond. Thế là đủ, bà tự nhủ. Và cố gắng tin là thế. Được ở trong ngôi nhà này, được giải thoát khỏi chiến tranh, với một đêm đọc sách chờ đợi phía trước và sau đó là giấc ngủ, rồi lại làm việc vào buổi sáng, như thế là đủ. Chỉ cần những ngọn đèn đường hắt những chiếc bóng vàng vào các tán cây, thế là đủ.

Bà có thể cảm thấy cơn đau đầu đang dâng lên phía sau cổ. Bà cứng người

lại. Không, đó là ký ức về một cơn đau đầu, là nỗi sợ hãi một cơn đau đầu đang ám ảnh bà, cả hai đều sống động tới mức ít nhất trong một thoáng chốc không tài nào phân biệt được. Bà đứng thẳng người, chờ đợi. Ổn cả thôi. Ổn cả thôi. Những bức tường của căn phòng không chao đảo, không có tiếng thì thầm nào vọng ra từ bên trong lớp vữa thạch cao. Bà là chính mình, tại đây, với một người chồng có mặt ở nhà, với những người phục vụ, những tấm thảm trải sàn, gối và đèn bàn. Bà đang là chính mình.

Bà biết mình sẽ rời khỏi đây gần như trước khi quyết định làm thế. Đi dạo, chỉ đơn giản bà sẽ đi dạo một lát. Bà sẽ quay lại sau nửa giờ nữa, hoặc ít hơn. Bà hối hả mặc áo khoác, đội mũ, quàng khăn. Bà lặng lẽ đi ra cửa sau, bước ra ngoài, cẩn thận đóng cửa lại. Bà không muốn bị ai hỏi bà sẽ đi đâu, hoặc khi nào sẽ quay về.

Bên ngoài, trong khu vườn, là con chim hoét sẫm màu nằm trên giường tang lễ của nó, được những bờ giậu che chở. Một cơn gió mạnh đang thổi tới từ phía đông và Virginia rùng mình. Dường như bà đã rời khỏi ngôi nhà (nơi món thịt bò hầm đang sôi, nơi những ngọn đèn đang tỏa sáng) và đi vào lãnh địa của con chim chết. Bà nghĩ tới việc những người mới được an táng nằm cả đêm dưới huyệt mộ của họ, sau khi những người đưa tang đã cầu nguyện xong, đặt vòng hoa và quay trở về làng. Sau khi những chiếc bánh xe đã lăn đi trên lớp bùn khô của con đường, sau khi những bữa tối đã hoàn thành và những tấm ga trải giường được phủ xuống; sau khi tất cả những việc đó đã xảy ra, ngôi mộ vẫn còn lại, những bông hoa bên trên nó khẽ lay động theo làn gió. Cảm giác đang ở giữa nghĩa trang này thật ghê sợ, nhưng không hoàn toàn khó chịu. Nó rất thật, cực kỳ thật. Theo cách của nó, cảm giác này còn dễ chịu hơn, cao cả hơn vào lúc này so với thịt bò và những cây đèn. Bà bước xuống cầu thang, bước ra ngoài thăm cỏ.

Xác con chim hoét vẫn còn ở đó (thật lạ là lũ mèo và chó ở các nhà hàng xóm lại không quan tâm đến), nhỏ xíu, thậm chí cả với một con chim, hoàn toàn không còn chút sự sống, nằm đây trong bóng tối, giống như một chiếc găng tay bị đánh rơi, một thân hình nhỏ nhắn trống rỗng của cái chết. Virginia đứng bên nó. Lúc này trông nó thật vô giá trị, nó đã để mất đi vẻ

đẹp lúc chiều cũng như Virginia đã để mất đi kỳ quan trên bàn trà của bà vào những cái tách và áo khoác; cũng giống như ngày hôm đó đã để mất đi hơi ấm của nó. Vào buổi sáng, Leonard sẽ xúc cả con chim, cỏ và những bông hồng bằng một cái xẻng và vứt tất cả đi. Bà nghĩ đến việc một sinh vật chiếm nhiều không gian hơn đến mức nào khi còn sống so với khi đã chết, đến việc có bao nhiêu ảo giác về kích thước chứa đựng trong các cử chỉ và chuyển động, trong những hơi thở. Chết, chúng ta sẽ lộ ra kích thước thật của mình và chúng khiêm tốn một cách đáng ngạc nhiên. Chẳng phải chính mẹ bà đã bị lén lút chuyển đi và thay thế bằng một phiên bản nhỏ hơn làm bằng sắt nhạt màu đó sao? Chẳng phải bà, Virginia, cũng cảm nhận trong bản thân mình một không gian trống rỗng, nhỏ đến kinh ngạc, nơi dường như đáng ra phải có cảm xúc mạnh mẽ cư ngụ đó sao?

Vậy thì nơi đây chính là thế giới (ngôi nhà, bầu trời và một ngôi sao đầu tiên đang lấp ló) và đây là sự đối lập của nó, hình dáng nhỏ tối đen này giữa một vòng hoa hồng. Đó là cận bã, tất cả chỉ là vậy. Vẻ đẹp và phẩm giá chỉ là những ảo giác được nuôi dưỡng khi có mặt lũ trẻ, được duy trì vì lũ trẻ.

Bà quay người bước đi. Vào lúc này, dường như hoàn toàn có thể có một nơi khác - một nơi không dính dáng gì tới thịt bò hầm đang sôi hay một vòng hoa hồng. Bà đi qua cổng vườn, bước vào lối đi, hướng vào thành phố.

Trong lúc sang đường trên phố Princes và đi xuống quảng trường Waterloo (để hướng tới cái gì đây?) bà đi ngang qua những người khác: một người đàn ông béo tốt, bệ vệ đeo túi trên vai, hai người phụ nữ quay về sau khi ra ngoài vào buổi chiều, vừa đi vừa tán chuyện, những đôi chân trắng trẻo thoáng hiện dưới áo khoác mỏng, tia sáng phản chiếu lóe lên trên chiếc vòng tay rẻ tiền. Virginia kéo cổ áo khoác lên sát mình, cho dù trời không lạnh. Trời chỉ đang tối dần đi và có gió. Bà tin rằng mình sẽ đi bộ vào thành phố, phải, nhưng rồi bà sẽ làm gì ở đó? Các cửa hiệu, thậm chí là vào lúc này, đang được dọn dẹp để sẵn sàng đóng cửa. Bà đi ngang qua một đôi nam nữ, một người đàn ông và một phụ nữ trẻ hơn bà, đang bước đi cùng nhau một cách thong thả, ngả người tựa vào nhau dưới ánh sáng màu vàng

chanh dừ dừ của đèn đường, vừa đi vừa nói chuyện (bà nghe thấy người đàn ông nói, “hãy kể cho anh nghe *điều gì đó điều gì đó điều gì đó* về công ty này, *điều gì đó điều gì đó*, e hèm, đúng thế”); cả người đàn ông và phụ nữ đều đội những chiếc mũ kiểu cách, đầu có tua của một chiếc khăn quàng màu mù tạt (của ai nhỉ?) phấp phới phía sau như một lá cờ; cả hai người đều hơi cúi người về phía trước, ngả người tựa vào nhau, leo lên đồi, đưa tay lên giữ mũ chống lại cơn gió, hăng hái song không vội vã, trở về nhà (rất nhiều khả năng là thế) sau một ngày trải qua ở London, người đàn ông lúc này nói, “Và vì thế anh cần hỏi em”, sau đó anh ta hạ giọng xuống - Virginia không thể nghe rõ những từ anh ta nói - và người phụ nữ khẽ kêu lên thích thú, trưng ra trong chốc lát những chiếc răng trắng bóng, còn người đàn ông phá lên cười, sải bước về phía trước, đặt xuống đầy tự tin một mũi giày rồi tới chiếc giày bên kia của một đôi giày nâu được đánh xi hoàn hảo.

Tôi chỉ có một mình, Virginia thầm nghĩ, trong lúc hai người kia vẫn tiếp tục đi lên đồi còn bà tiếp tục đi xuống. Tất nhiên, bà không chỉ có một mình, không phải vậy theo cách mà bất cứ ai khác cũng sẽ nhìn nhận, dẫu vậy vào lúc này đây, trong lúc rảo bước trong cơn gió về phía ánh sáng của Quadrant, bà có thể cảm thấy sự gần gũi của con quỷ (còn biết gọi nó là gì khác nữa?) và bà biết mình sẽ hoàn toàn đơn độc nếu con quỷ lựa chọn xuất hiện trở lại. Con quỷ là cơn đau đầu, con quỷ là một giọng nói vọng ra từ trong tường, con quỷ là một nứt vỡ nho nhỏ qua những con sóng đen tối. Con quỷ chính là một thứ trống rỗng vô nghĩa hót líu lo trong chốc lát như cuộc đời một con chim hoét. Con quỷ hút hết vẻ đẹp khỏi thế giới, tất cả hy vọng và những gì còn lại khi đã xong việc của nó là một vương quốc của những sinh vật chết đang sống - không có niềm vui, ngọt ngào. Ngay trong lúc này, Virginia cảm thấy một vẻ hùng vĩ bi kịch, vì con quỷ có thể là rất nhiều điều, nhưng nó không nhỏ mọn, không ủy mị; nó sôi sục với một sự thật chết chóc, không sao chịu đựng nổi. Ngay lúc này đây, trong lúc đang bước đi, hoàn toàn thoát khỏi cơn đau đầu, khỏi những giọng nói, bà có thể đối diện với con quỷ, nhưng bà cần tiếp tục bước đi, không được phép quay lại.

Khi bà tới Quadrant (người bán thịt và bán rau quả đã cuốn mái hiên quây hàng của họ lại) bà rẽ sang nhà ga xe lửa. Bà nghĩ mình sẽ đi London, chỉ đơn giản là bà sẽ tới London, giống như Nelly trong chuyến đi mua hàng, mặc dù mục đích chuyến đi của Virginia sẽ chỉ là chuyển đi, là nửa giờ trên tàu, là việc xuống tàu ở Paddington, đi bộ xuống một con phố tới một con phố khác, rồi sau đó là một con phố nữa. Khoan khoan làm sao! Ngây ngất làm sao! Đường như bà có thể sống sót, có thể thành công, nếu bà có London ở quanh mình, nếu bà biến mất một lúc trong sự tàn nhẫn của nó, thật trơ tráo xác xược vào lúc này dưới một bầu trời vắng bóng mọi đe dọa, với tất cả những khung cửa sổ không kéo rèm (đây là khuôn mặt nhìn nghiêm nghiêm nghị của một phụ nữ, kia là hình vương miện trên một chiếc ghế chạm trổ), dòng xe cộ đi lại, những người đàn ông và phụ nữ nhẹ nhàng đi qua trong những bộ quần áo mặc về đêm; mùi của sáp và xăng, của nước hoa, trong lúc ai đó, ở một nơi nào đó (trên một trong những đại lộ rộng lớn này, trong một trong những ngôi nhà màu trắng có mái cổng) đang chơi đàn piano; trong khi những tiếng còi và tiếng chó sủa vang lên, trong lúc cả đám hội carnival ồn ã này quay cuồng, lấp lánh, lung linh; trong lúc Big Ben đổ chuông báo giờ, những tiếng chuông vọng xuống thành từng vòng nặng nề trên những người đi dự tiệc và những chiếc xe buýt hai tầng, trên bức tượng đá Nữ hoàng Victoria ngồi trước cung điện, trên những giá cây phong lữ, trên những công viên nằm thu mình êm đềm trong bóng tối sau những hàng rào sắt màu đen.

Virginia đi xuống cầu thang tới nhà ga. Ga Richmond vừa là cửa ngõ vừa là điểm đến. Nó có các hàng cột chống, mái che, tràn ngập mùi cháy khét thoang thoang và hơi có vẻ hoang vắng kể cả lúc đông người (như lúc này chẳng hạn), với những băng ghế gỗ màu vàng kê thành hàng không mấy thuyết phục người ta nấn ná lại. Bà xem đồng hồ, biết được một chuyến tàu vừa mới khởi hành và chuyến tiếp theo sẽ chỉ chuyển bánh sau gần hai mươi lăm phút nữa. Bà cứng người lại. Bà đã hình dung (thật ngốc nghếch!) được bước thẳng lên một đoàn tàu, hay cùng lắm chỉ phải đợi năm hay mười phút. Bà đứng bần chồn trước đồng hồ, sau đó chậm chạp đi vài bước

đọc đường ke. Nếu bà làm việc này, nếu bước lên chuyến tàu, tính từ lúc này, sau hai mươi ba phút nữa và đi tới London, sau đó đi dạo ở London và bắt chuyến tàu cuối cùng trở lại đây (chuyến tàu đó sẽ về tới Richmond lúc mười một giờ mười phút), Leonard sẽ hóa điên vì lo lắng. Nếu bà gọi điện cho ông (có một buồng điện thoại công cộng mới được lắp đặt ở đây, tại ga), ông sẽ rất bức bối, sẽ yêu cầu bà quay về ngay lập tức; ông sẽ đề nghị (ông không bao giờ nói thẳng nó ra) rằng nếu bà trở nên kiệt sức và suy sụp, nếu bà bị bệnh trở lại, bà sẽ phải tự trách mình. Và đây, tất nhiên, là tình thế tiến thoái lưỡng nan: ông hoàn toàn đúng và đồng thời cũng sai lầm khủng khiếp. Bà sẽ tốt hơn, an toàn hơn, nếu ở lại Richmond; nếu bà không nói quá nhiều, viết quá nhiều, cảm nhận quá nhiều; nếu không bốc đồng đi tới London và lang thang trên đường phố của thành phố này; thế nhưng cuộc sống như vậy lại đang làm bà chết dần chết mòn, bà đang nhẹ nhàng lịm dần đi trên một chiếc giường kết hoa hồng. Sẽ tốt hơn, thực thế, khi đối diện với kết cục trong nước so với sống trong trốn tránh, như thể chiến tranh vẫn đang diễn ra (thật lạ, khi mà ký ức đầu tiên hiện ra trong tâm trí, sau tất cả những gì đã xảy ra, lại là quãng thời gian chờ đợi dài vô tận trong hầm, cả nhà chen chúc cạnh nhau và phải trò chuyện hàng giờ liền với Nelly và Lottie). Cuộc sống của bà (đã quá bốn mươi!) đang cạn dần đi, từng cốc một và toa tàu đầy màu sắc chở Vanessa - cả bầu đoàn lòn lẹt của bà ấy, với cuộc sống rộng lớn, những đứa con, những bức tranh và những người tình, ngôi nhà huyền ảo lộng lẫy - đã đi vào màn đêm, để lại những dư âm rộn rã của nó đằng sau, những âm thanh của đàn accordion, trong khi những bánh xe lăn đều đều trên đường. Không, bà sẽ không gọi điện về từ nhà ga, bà sẽ làm việc đó khi đã tới London, khi việc đã rồi. Bà sẽ chấp nhận hình phạt.

Bà mua một vé từ người đàn ông mặt đỏ đằng sau chấn song. Bà đi ra ngoài, ngồi xuống, thẳng lưng, trên một băng ghế gỗ. Vẫn còn mười tám phút nữa. Bà ngồi trên băng ghế, nhìn chăm chăm về phía trước (giả như có gì đó để đọc) cho tới khi không thể chịu đựng thêm được nữa (vẫn còn mười lăm phút nữa). Bà đứng dậy đi bộ trở lại, ra khỏi nhà ga. Nếu bà đi

qua một khối nhà dọc theo đường Kew, rồi quay trở lại, bà sẽ vừa kịp giờ lên tàu.

Bà đi ngang qua những mảnh hình ảnh của chính mình được phản chiếu trên biển tên mạ vàng của cửa hàng thịt, dừng lại bên khung cửa kính trên xác một con cừu (một túm lông nhạt màu vẫn còn dính vào xương ống chân của nó), khi nhìn thấy Leonard đang bước tới phía mình. Trong một khoảnh khắc, bà nghĩ rằng mình sẽ quay lại chạy trở về nhà ga; bà nghĩ mình sẽ chạy thoát khỏi một thứ tai họa nào đó. Song bà không làm điều gì như thế. Bà tiếp tục bước về phía trước, về phía Leonard, người rõ ràng đã ra ngoài một cách vội vã, vẫn còn đi đôi dép da và trông rất gầy gò, hốc hác - trong bộ vest và chiếc áo khoác nhung kẻ, cổ áo để mở. Mặc dù ông đã theo sau bà như một cảnh sát hay giám thị, với bộ dạng đầy quở trách, bà vẫn bị ấn tượng trước dáng vẻ dường như rất bé nhỏ của ông, đi đôi dép lê trên đường Kew, mang vẻ bình thường của một người đàn ông trung tuổi. Trong chốc lát, bà nhìn ông như một người xa lạ nhìn ông: chỉ đơn giản là một người nữa trong số bao nhiêu người bước đi trên phố. Bà thấy buồn cho ông và cảm thấy xúc động lạ lùng. Bà cố nở một nụ cười giấu cợt.

“Ông Woolf”, bà nói. “Quả là một niềm vui ngoài mong đợi.”

Ông nói, “Em có thể vui lòng nói cho anh biết em đang làm gì không?”.

“Em đi dạo một chút. Chẳng lẽ điều đó có vẻ bí hiểm lắm sao?”

“Chỉ như thế khi em biến mất khỏi nhà ngay trước giờ ăn tối, không nói với ai một lời.”

“Em không muốn quấy rầy anh. Em biết anh đang làm việc.”

“Đúng thế.”

“À, vậy đấy.”

“Em không được biến mất như thế. Anh không thích điều đó.”

“Leonard, anh đang xử sự rất kỳ cục đấy.”

Ông quắc mắt. “Thật thế sao? Anh không biết có chuyện gì, thật đấy. Anh đi tìm em và em không còn ở đó. Anh nghĩ, có chuyện gì đấy đã xảy ra. Anh không rõ tại sao.”

Bà hình dung ra cảnh ông tìm bà khắp nhà, rồi kiểm tra ngoài vườn. Bà nghĩ tới ông vội vã lao ra ngoài, chạy qua trước xác con chim hoét, băng qua cổng, chạy xuống đồi. Đột nhiên, bà thấy thương ông vô cùng. Bà biết, bà nên nói với ông rằng linh cảm của ông không hoàn toàn sai; rằng quả thực bà đã định thực hiện một cuộc đào thoát và đúng là bà muốn biến mất, dù chỉ trong vài giờ.

“Không có gì xảy ra cả”, bà nói. “Em chỉ lang thang qua các con phố thôi. Trong một buổi tối như thế này.”

“Anh đã rất lo lắng”, ông nói. “Anh không biết tại sao.”

Họ đứng bên nhau trong khoảnh khắc im lặng ngẩn ngui, xa lạ. Họ nhìn vào khung cửa kính của cửa hàng thịt, nơi hình bóng của họ được phản chiếu lại, thành từng mảnh vỡ vụn, trên dòng chữ mạ vàng.

Leonard nói, “Chúng ta cần quay về để kiểm soát Nelly. Chúng ta còn chừng mười lăm phút nữa trước khi cô ta lên cơn tam bành và đốt trụ ngôi nhà”.

Virginia do dự. Nhưng còn London! Bà vẫn muốn, đến cùng cực, được lên tàu.

“Chắc anh đói lắm rồi”, bà nói.

“Đúng là hơi đói một chút. Chắc em cũng thế.”

Đột nhiên bà nghĩ những người đàn ông mới thật mong manh làm sao, đầy vẻ hoảng hốt. Bà nghĩ tới Quentin, lao vào nhà để rửa sạch cái chết của con

chim hoét khỏi tay cậu bé. Dường như vào khoảnh khắc đó, bà đang chấp chới trên một lằn ranh vô hình, một chân ở phía bên này, chân còn lại ở phía bên kia. Phía bên này là Leonard, cứng rắn, đầy lo lắng, dây cửa hàng đã đóng cửa, lối đi tối tăm dẫn về Hogarth House, nơi Nelly đang bồn chồn chờ đợi, gần như phẫn khích. Phía bên kia là đoàn tàu. Phía bên kia là London và tất cả những gì London gợi lên về tự do, về những cái hôn, về những khả năng của nghệ thuật và sự lộng lẫy tối tăm ma mãnh của điên rồ. Bà Dalloway, bà thầm nghĩ, và một ngôi nhà nằm trên ngọn đồi nơi một bữa tiệc sắp bắt đầu; cái chết là thành phố bên dưới, với tình yêu và nỗi sợ hãi của bà Dalloway và là nơi bà ta muốn, theo một cách nào đó, bước vào nó thật sâu, tới mức không bao giờ tìm được lối ra nữa.

Virginia nói, “Đã đến lúc chúng ta cần chuyển lại về London rồi. Anh không nghĩ vậy sao?”.

“Anh không chắc”, ông trả lời.

“Em đã khá hơn rồi. Chúng ta không thể cứ lẩn khuất ở ngoại ô mãi, phải không nào?”

“Chúng ta sẽ cùng bàn về việc này trong bữa tối nhé, được không?”

“Em nhất trí.”

“Em muốn sống ở London lắm phải không?” Ông hỏi.

“Đúng thế”, bà nói. “Em ước gì mình muốn khác đi. Em ước gì có thể hạnh phúc với một cuộc sống yên ả.”

“Anh cũng thế.”

“Về thôi anh”, bà nói.

Bà giữ chiếc vé trong túi xách. Bà không bao giờ đã động với Leonard mình từng lên kế hoạch bỏ trốn, cho dù chỉ trong vài giờ. Như thế ông mới là người cần chăm sóc và an ủi - như thế ông là người đang gặp nguy hiểm -

Virginia luồn tay vào cánh tay ông và trùi mền khế bóp lên khuỷu tay ông. Họ bắt đầu đi lên đồi trở về Hogarth House, tay trong tay, như bất cứ cặp vợ chồng trung niên nào trên đường quay về nhà.

Bà Dalloway

“Thêm cà phê nữa nhé?” Oliver nói với Sally.

“Cảm ơn.” Sally đưa tách cà phê của mình cho trợ lý của Oliver, một chàng trai giản dị đến mức đáng ngạc nhiên, với mái tóc bạch kim, hai gò má hồng, mặc dù được giới thiệu là trợ lý, nhưng dường như anh ta chỉ làm nhiệm vụ rót cà phê. Sally đã trông đợi một anh chàng trẻ trung vạm vỡ, với quai hàm bạnh và những múi cơ căng phồng. Cậu thanh niên còm nhom, hăng hái này trông có vẻ hợp hơn nếu đứng sau quầy bán nước hoa tại trung tâm thương mại.

“VẬY CÔ NGHĨ SAO?” Oliver nói.

Sally chăm chú nhìn cà phê được rót cho bà, để tránh phải nhìn thẳng vào Oliver. Khi chiếc tách đã được đặt xuống trước mặt, bà liếc mắt nhìn sang Walter Hardy, người không để lộ bất cứ điều gì. Walter có một tài năng, khá ấn tượng trong việc tạo ra cái nhìn rất chăm chú và hoàn toàn trống rỗng, giống như một con thằn lằn leo lên trên một tảng đá ngập trong ánh nắng.

“Rất thú vị”, Sally nói.

“Phải”, Oliver đáp.

Sally gật đầu một cách thận trọng, nhấp một ngụm cà phê. “Tôi không rõ”, bà nói, “liệu nó có thực sự được sản xuất hay không”.

“Tôi nghĩ đã tới lúc rồi”, Oliver trả lời. “Tôi nghĩ mọi người đã sẵn sàng.”

“Anh nghĩ vậy thật sao?”

Sally thầm cầu cứu Walter. *Nói gì đi chứ, đồ đần.* Walter chỉ gật đầu, chớp

mắt, ngồi đó thư giãn, tỉnh táo trước khả năng có nguy hiểm và cùng lúc, gần như bị thôi miên bởi sức nóng tỏa ra từ Oliver St. Ives, người có mái tóc cắt ngắn rối bù, chừng bốn mươi lăm tuổi, sở hữu một cái nhìn sắc sảo từ sau đôi kính mát gọng vàng khiêm tốn; hình ảnh của ông ta trên những cuộn phim tráng celluloid đã sống sót qua không biết bao nhiêu âm mưu nhằm sát hại, lừa đảo, bôi nhọ ông ta, hủy hoại gia đình; người từng ân ái với các nữ thần, luôn với vẻ nòng nài đầy bối rối, như thể không tin nổi vào vận may của mình.

“Đúng thế”, Oliver nói, với vẻ nóng lòng hiện rõ trong giọng nói.

“Nghe có vẻ thực sự, à, rất thú vị”, Sally nói và không khỏi bật cười.

“Walter có thể làm được điều đó”, Oliver nói. “Walter có thể thực hiện được nó. Chắc chắn.”

Nghe nhắc tới tên mình, Walter ngồi thẳng dậy, chớp mắt nhanh hơn, nhồm người ra trước trên ghế, gần như đỏ bừng mặt. “Tôi rất vui nếu được thử sức”, ông ta nói.

Oliver lại nở nụ cười nổi tiếng của mình. Đôi lúc, Sally vẫn thấy ngạc nhiên trước mức độ Oliver giống với chính ông ta. Chẳng phải các ngôi sao điện ảnh vẫn thường được cho là thiếu cận, tầm thường và có tính khí khó chịu sao? Không phải bọn họ nợ chúng ta điều đó sao? Oliver St. Ives có thể dễ dàng được nhận ra là một ngôi sao điện ảnh từ khi còn nhỏ xíu. Ông thật sáng chói, ông có âm hưởng của Bunyan[30]. Ông cao gần một mét chín mươi và hai bàn tay cân đối hoàn hảo phủ lớp lông màu vàng có thể dễ dàng ôm trọn đầu của hầu hết những người khác trong lòng. Ông có khuôn mặt phẳng, với các đường nét to thô và nếu ngoài đời, trông ông không đẹp trai như trên màn bạc, ông vẫn giữ lại được toàn bộ vẻ độc nhất vô nhị đầy bí ẩn và không thể chối bỏ được đó, một vẻ độc đáo không chỉ về tinh thần mà cả về thể xác, như thể tất cả những người đàn ông Mỹ khỏe mạnh, cởi mở, kiên cường đều ít nhiều là bản sao của ông, cho dù được sao chép một cách cẩn thận hay cầu thả.

“Được”, Oliver nói với Walter. “Tôi rất tin vào năng lực của anh. Mà này, anh đã làm hỏng sự nghiệp của tôi với một câu chuyện nhỏ nhoi đấy thôi.”

Walter cố nở một nụ cười của kẻ đã biết hết, nhưng nó lại hiện ra xấu xa một cách gớm ghiếc, đầy hận thù. Một cách đột ngột và hoàn toàn rõ ràng, Sally hình dung ra người đàn ông này ở tuổi lên mười. Hẳn ông ta lúc đó là một cậu nhóc quá cân, thân thiện tới mức liều lĩnh, có thể đánh giá địa vị xã hội của những đứa trẻ lên mười khác chính xác tới millimet. Ông ta hẳn có thể sẵn sàng lừa lọc dối trá dưới bất kỳ hình thức nào.

“Đừng trao nó cho tôi”, Walter nói, cười cợt. “Chẳng phải tôi đã cố nói để anh rõ về việc đó rồi sao? Tôi đã gọi điện bao nhiêu lần nhỉ?”

“Ồ, đừng lo lắng, anh bạn nhỏ thân mến, tôi đang đùa với anh thôi mà”, Oliver nói. “Tôi không hối tiếc gì hết, không gì cả. Anh nghĩ sao về kịch bản?”

“Trước đây tôi chưa bao giờ thử một bộ phim kinh dị”, Walter nói.

“Dễ thôi mà. Đó là thứ dễ nhất trên đời. Thuê lấy sáu cuốn phim từng làm ra tiền về mà xem, anh sẽ biết tất cả những gì cần phải biết.”

“Dẫu vậy, bộ phim này sẽ khác hơn ít nhiều”, Sally nói.

“Không”, Oliver trả lời với vẻ kiên nhẫn cười cợt pha lẫn bức dọc. “Không có gì khác biệt cả. Bộ phim này sẽ có nhân vật chính là một anh chàng đồng tính. Đó là chi tiết duy nhất và cũng chẳng phải là gì ghê gớm. Anh ta sẽ không bị hành hạ vì xu hướng tình dục của mình. Anh ta sẽ không dính HIV. Anh ta chỉ đơn giản là một anh chàng đồng tính thực hiện công việc của mình. Là người cứu thế giới, theo cách này hay cách khác.”

“Ừm”, Walter hăm hừ. “Tôi nghĩ tôi có thể làm được việc đó. Tôi rất muốn thử.”

“Tốt lắm. Tuyệt vời.”

Sally uống cà phê, vừa muốn bỏ đi vừa muốn ở lại; không muốn bản thân mình được Oliver St. Ives ngưỡng mộ. Trên thế gian này, bà thầm nghĩ, không có thứ gì mạnh hơn sự nổi tiếng. Để giúp bản thân lấy lại thăng bằng, bà nhìn quanh căn hộ, từng xuất hiện trên trang bìa của *Architectural Digest*^[31] một năm trước khi Oliver tự mình tiết lộ và nhiều khả năng sẽ không bao giờ xuất hiện trên tạp chí nữa, nếu tính đến việc những gì Oliver đã tuyên bố về bản chất tình dục của ông ta, giờ đây còn bao hàm cả sở thích nữa. Điều mỉa mai, Sally nghĩ, là căn hộ này khiến bà liên tưởng tới vẻ lòe loẹt nam tính một cách huênh hoang, với chiếc bàn cà phê Lucite^[32] và những bức tường nâu, trong hốc tường là những món đồ có nguồn gốc từ châu Á và châu Phi được chiếu sáng (Oliver chắc chắn nghĩ về chúng như là “được chiếu sáng một cách đột ngột”) gọi cho người ta nghĩ, bất chấp việc chúng được trưng bày một cách chĩn chu và trang trọng, tới sự cướp bóc nhiều hơn sự sành sỏi. Đây là lần thứ ba Sally có mặt ở nơi này và mỗi lần như thế bà đều cảm thấy thôi thúc muốn tịch thu tất cả những hiện vật quý giá đó và trả chúng lại cho những người chủ sở hữu chính đáng. Bà vờ chú ý tới Oliver trong khi hình dung ra chính mình khi bước vào một ngôi làng miền núi heo hút giữa những tiếng reo hò và tiếng hú, mang theo chiếc mặt nạ linh dương đã sẫm đen lại vì thời gian hay chiếc bát sứ màu lục nhạt có lân tinh, hai con cá chép được vẽ trên đó đã bơi lội qua mười thế kỷ.

“Cô không thấy thế sao, Sal?” Oliver nói.

“Gì cơ?”

“Cô chưa bị thuyết phục.”

“Ồ, vậy đấy, thuyết phục hay không thuyết phục, lúc này tôi đang ở quá xa chuyên môn của mình. Tôi biết gì về Hollywood cơ chứ?”

“Cô xuất sắc hơn nhiều so với phần lớn các nhân vật ở đó. Cô là một trong số ít người liên quan tới ngành kinh doanh mà tôi tôn trọng.”

“Tôi không hề ‘liên quan tới ngành kinh doanh’, không hề, anh biết việc tôi làm...”

“Cô chưa cảm thấy bị thuyết phục.”

“Được rồi, không, tôi không thấy bị thuyết phục”, bà nói. “Nhưng thực sự thì ai quan tâm chứ?”

Oliver thở dài, nâng chiếc ly của ông ta cao quá mũi, một cử chỉ Sally dám chắc bà còn nhớ từ một bộ phim, một bộ phim nào đó liên quan tới một nhân vật có tính khí nhẹ nhàng (Kế toán? Luật sư? Hay có thể nào là một nhà sản xuất truyền hình?) cuối cùng đã bị đẩy tới chỗ phải tiêu diệt một cách tàn nhẫn cả một đạo quân nhỏ những kẻ buôn lậu ma túy để cứu cô con gái vị thành niên của mình.

“Tôi thừa nhận chúng tôi cần phải làm cho thuyết phục”, Oliver chậm rãi nói. “Tôi không hề ảo tưởng rằng bộ phim đó là điều gì chắc chắn.”

“Anh ta sẽ có một người tình chứ?”

“Một người đồng hành. Một phụ tá. Kiểu như Batman và Robin.”

“Họ có làm tình với nhau không?”

“Không ai làm tình trong một bộ phim kinh dị. Nó làm hành động chậm xuống quá nhiều. Cô sẽ đánh mất đám khán giả trẻ. Nhiều nhất, sẽ chỉ có một nụ hôn vào đoạn kết.”

“Vậy là có thể họ sẽ hôn nhau vào cuối phim?”

“Đó là phần của Walter.”

“Walter?”

Walter chớp mắt, quay trở lại hành động. “Này”, ông nói, “tôi mới chỉ nói

cách đây ba phút là tôi có thể làm được. Đừng trông mong quá nhiều ở tôi như thế chứ?”.

Oliver nói, “Chúng ta không thể dẫn đo tính toán về chuyện này được. Tôi đã chứng kiến quá nhiều người ngồi xuống viết một kịch bản chắc chắn sẽ thành công rực rỡ và họ luôn thất bại thảm hại. Có một kiểu vận đen nào đó”.

“Anh nghĩ người ta sẽ quan tâm sao?” Sally nói. “Ý tôi là có đủ người quan tâm?”

Oliver lại thở dài và lần thở dài này có âm điệu khác hẳn lần trước. Đây là một tiếng thở dài cam chịu và tối hậu, chạy thẳng ra lỗ mũi, đầy ý nghĩa trong sự thiếu vắng điệu bộ của nó. Nó cũng giống như tiếng thở dài vô tư đầu tiên của một người đang yêu gửi qua đường dây điện thoại, tiếng thở dài đồng thời cũng là tín hiệu sớm nhất cho sự khởi đầu của hồi kết. Có phải Oliver từng sử dụng nó trong một bộ phim không nhỉ? Hay là một người khác, một người có thật, từng thở dài như thế bên tai Sally cách đây đã lâu?

“Được rồi”, Oliver nói. Ông ta đặt úp hai bàn tay xuống tấm khăn trải bàn. “Walter, tại sao anh và tôi lại không thể nói tiếp về chủ đề này sau vài ngày nữa, sau khi anh đã có đủ thời gian để suy nghĩ chín chắn tất cả.”

“Tất nhiên rồi”, Walter nói. “Nghe có vẻ được đấy.”

Sally uống nốt hớp cà phê cuối cùng. Tất nhiên, đây là một trò chơi của đàn ông, một trò lừa gạt của đàn ông. Bọn họ ngay từ đầu đã chẳng bao giờ cần đến bà, thực sự không. Sau khi ông ta xuất hiện trên chương trình của bà, Oliver đã nảy ra ý tưởng (và hãy đối mặt với nó, ông ta không phải là Einstein) rằng Sally là nàng thơ và nhà bảo trợ của ông ta, một Sappho [33] đang nói ra những lời khôn ngoan phiến muộn từ hòn đảo của mình. Tốt hơn nên đặt dấu chấm hết cho tất cả ngay lúc này.

Dẫu vậy, vẫn còn đó khao khát khủng khiếp được Oliver St. Ives yêu. Và cả nỗi kinh hoàng bị bỏ lại sau.

“Cảm ơn cô vì đã tới”, Oliver nói và Sally cố gắng khuất phục sự thôi thúc muốn rút lui - để cúi người qua chiếc bàn về phía Oliver, qua phía trên những tàn tích còn lại của một bữa ăn trưa và nói, *Tôi đã nghĩ qua tất cả và tôi cho rằng một bộ phim kinh dị với nhân vật nam chính là người đồng tính thực sự có thể thành công.*

Vậy thôi, tạm biệt. Đã tới lúc quay lại với những con phố.

Sally đứng bên Walter ở góc giao giữa đường Madison và đường Bảy mươi. Hai người không nói về Oliver St. Ives. Họ hiểu, theo những cách khác nhau, rằng Walter thành công và Sally đã thất bại. Họ tìm được những chủ đề khác để trao đổi.

“Tôi đoán tôi sẽ gặp lại cô tối nay”, Walter nói.

“Ừm”, Sally đáp. Ai đã mời Walter nhỉ?

“Richard thế nào rồi”, Walter hỏi. Ông cúi đầu xuống một cách lúng túng, cung kính, cúi chiếc mũ lưỡi trai xuống phía những đầu mẩu thuốc lá và những bãi bã kẹo cao su hình tròn màu xám, mảnh giấy gói của một chiếc bánh Quarter Pounder [34]. Bà chưa bao giờ ăn một chiếc Quarter Pounder.

Đèn chuyển màu. Họ băng qua đường.

“Vẫn thế”, Sally nói. “Nghĩa là rất yếu.”

“Thời buổi này mới kinh khủng làm sao”, Walter nói. “Chúa ơi, thời buổi này mới kinh khủng làm sao.”

Một lần nữa, Sally lại có cảm giác phần nộ cuộn lên từ dưới bụng, làm tâm nhìn của bà nhòa đi trong cơn nóng đầu. Tính khí phù phiếm của Walter

thật không thể chịu nổi. Ai cũng biết khi ông ta nói ra những điều đúng đắn và đáng tôn trọng - thậm chí ngay cả khi nhiều khả năng ông ta đang *cảm thấy* những điều đúng đắn và đáng tôn trọng - ông ta cũng đồng thời nghĩ thật tuyệt làm sao khi được là tiểu thuyết gia Walter Hardy ít nhiều nổi tiếng, bạn của những ngôi sao điện ảnh và các thi sĩ, vẫn còn khỏe mạnh, vạm vỡ khi vượt qua tuổi bốn mươi. Ông ta hẳn sẽ hài hước hơn nhiều nếu có ít ảnh hưởng hơn trên thế giới này.

“Thế đấy”, Sally nói khi họ tới góc phố bên kia, nhưng trước khi bà kịp chào tạm biệt, Walter sai bước tới bên một cửa hàng và đứng đó với khuôn mặt chỉ cách mặt kính vài centimet.

“Hãy nhìn những thứ này xem”, ông nói. “Đẹp làm sao.”

Trong khung cửa là ba chiếc sơ mi lụa, mỗi chiếc được mặc lên một bản sao bằng thạch cao của một bức tượng cổ Hy Lạp. Một chiếc áo có màu vàng mơ nhạt, một chiếc màu ngọc lục bảo và chiếc thứ ba có màu xanh hoàng gia sẫm. Mỗi chiếc áo đều được thêu theo một phong cách khác nhau trên cổ và dọc xuống vạt trước bằng những sợi chỉ bạc mảnh như tơ nhện. Cả ba cùng rủ xuống mềm mại, lóng lánh trên phần thân săn chắc của các bức tượng và từ mỗi cổ áo đều nhô lên một cái đầu màu trắng trầm lặng với đôi môi đầy đặn, mũi thẳng và đôi mắt trắng vô cảm.

“À”, Sally nói. “Phải. Rất đẹp.”

“Có khi tôi sẽ mua một cái cho Evan. Hôm nay cậu ấy sẽ có một món quà. Chúng ta vào xem nào.”

Sally ngần ngừ, rồi đi theo Walter vào trong cửa hàng, bị kéo đi một cách miễn cưỡng, bất lực bởi cảm giác ân hận vừa trỗi dậy. Phải, Walter thật lỗ bịch, nhưng cùng với sự khinh thường của mình, dường như Sally còn có một cảm xúc trù mến, thật kinh khủng và không sao tránh nổi, với anh chàng khốn kiếp tội nghiệp, người đã trải qua cả mấy năm vừa rồi trông đợi chàng người tình đẹp mã không óc của anh ta, chuẩn bị chết và bây giờ bắt

thình lình phải đối diện với triển vọng (liệu ông ta có những tình cảm lẫn lộn khác nhau không nhỉ?) bạn trai mình sẽ sống sót. Cái chết và sự tái sinh luôn thật quyến rũ, Sally nghĩ và dường như chuyện nó liên quan tới người hùng, kẻ xấu hay tay hề có vẻ không mấy quan trọng.

Cửa hàng này được trang hoàng toàn bằng gỗ thích được đánh véc ni và đá hoa cương đen. Bằng cách nào đó, người ta đã làm cho cả cửa hàng thoáng thoảng mùi khuynh diệp. Mấy chiếc áo sơ mi được bày trên những chiếc bệ đen bóng loáng.

“Tôi nghĩ tới cái áo màu xanh”, Walter nói khi họ bước vào. “Màu xanh hợp với Evan.”

Sally để mặc Walter nói chuyện với anh chàng bán hàng trẻ đẹp trai với mái tóc chải ngược ra sau. Bà trầm ngâm thơ thẩn đi giữa những chiếc áo sơ mi, nhìn lên tờ ghi giá của một chiếc sơ mi màu kem có khuy xà cừ. Chiếc áo có giá bốn trăm đô la. Sẽ là bệnh hoạn, bà thầm tự hỏi, hay anh hùng khi mua một chiếc áo sơ mi mới đắt đến mức quái gở cho anh chàng người tình đang ngập ngừng bình phục. Hay cả hai? Bản thân Sally chưa bao giờ có thói quen mua quà cho Clarissa. Thậm chí ngay cả sau từng ấy năm, bà vẫn chưa dám chắc Clarissa thích gì. Đã có những lần thành công - chiếc khăn quàng bằng vải cashmere màu chocolate vào Giáng sinh năm ngoái, chiếc hộp sơn mài cổ Clarissa dùng để cất giữ những lá thư của bà - nhưng số lần thất bại ít nhất cũng nhiều không kém. Có thể kể đến chiếc đồng hồ đeo tay xa xỉ mua ở Tiffany (quá hình thức, dường như là vậy), chiếc áo len màu vàng (là do màu hay cái cổ?), chiếc túi xách da màu đen (chỉ là không ổn, không thể nói tại sao). Clarissa từ chối thừa nhận điều đó khi không thích, bất chấp sự thúc giục của Sally. Mỗi món quà, theo Clarissa, đều hoàn hảo, chính xác như bà hy vọng và tất cả những gì người tặng quà không may mắn có thể làm là đợi và xem liệu chiếc đồng hồ có bị coi là “quá đẹp để đeo hằng ngày”, hay chiếc áo len chỉ được mặc một lần duy nhất, trong bữa tiệc vô danh nào đó, rồi chẳng bao giờ xuất hiện nữa. Sally bắt đầu thấy bực bội với Clarissa, Walter Hardy và Oliver St. Ives; với tất cả những sinh vật sống lạc quan, không chân thật; nhưng sau đó bà đưa mắt nhìn Walter đang

chuẩn bị mua cho anh chàng người tình chiếc sơ mi màu xanh rất chói và thay vào bức bội, bà cảm thấy nhớ. Clarissa chắc lúc này đang ở nhà.

Sally đột nhiên muốn về nhà một cách khẩn thiết. Bà nói với Walter, “Tôi phải đi thôi. Đã muộn hơn so với tôi nghĩ rồi”.

“Tôi sẽ nhanh thôi”, Walter nói.

“Tôi phải về. Hẹn gặp lại anh sau.”

“Cô thích chiếc sơ mi chứ?”

Sally đưa tay sờ lên chất vải, rất mềm mại, có những hạt sần rất mịn, làm cho người ta thoáng có cảm giác như đang sờ lên da thịt thật sự. “Tôi thích nó”, bà nói. “Một cái áo rất đẹp.”

Người bán hàng mỉm cười bẽn lễn đầy biết ơn, như thể bản thân anh ta phải chịu trách nhiệm về vẻ đẹp của chiếc áo sơ mi. Anh ta không có vẻ hờ hững hay hạ mình, như bạn có thể trông đợi từ một chàng thanh niên đẹp trai làm việc trong một cửa hàng như thế này. Họ từ đâu tới, những vẻ đẹp không chê vào đâu được đang đảm đương công việc bán hàng? Họ hy vọng vào cái gì?

“Phải”, Walter nói. “Một cái áo sơ mi thật tuyệt, phải không nào?”

“Tạm biệt.”

“Chào. Hẹn gặp lại cô sau.”

Sally rời khỏi cửa hàng nhanh nhất có thể, đi về phía bến tàu điện ngầm ở đường Sáu mươi tám. Bà muốn về nhà với một món quà cho Clarissa, nhưng không nghĩ ra được thứ gì. Bà muốn nói với Clarissa một chuyện, một chuyện quan trọng, nhưng không thể định hình nó thành ngôn ngữ được. “Em yêu chị” cũng khá dễ dàng. “Em yêu chị” đã trở thành gần như thông thường, không chỉ được nói ra vào những ngày kỷ niệm gặp gỡ và sinh nhật, mà xuất hiện một cách ngẫu hứng, trên giường hay bên chậu rửa

trong bếp, thậm trí cả trong xe taxi của các tài xế người nước ngoài, những người tin rằng phụ nữ nên đi sau chồng họ ba bước. Sally và Clarissa không keo kiệt trong việc thể hiện tình cảm họ dành cho nhau và điều đó tất nhiên là tốt, nhưng lúc này Sally nhận ra bà muốn quay về nhà và nói thêm một thứ khác, một điều không chỉ vượt quá sự ngọt ngào và an ủi, mà còn vượt quá cả sự đam mê. Điều bà muốn nói có liên quan tới tất cả những người đã chết, nó liên quan tới cảm xúc của riêng bà về vận may lớn lao và những mất mát khủng khiếp đang cận kề. Nếu có chuyện gì xảy đến với Clarissa, bà, Sally, sẽ tiếp tục sống, nhưng nói một cách chính xác, bà sẽ không thể vượt qua được chuyện đó. Bà sẽ không thể bình thường được nữa. Điều bà muốn nói không chỉ liên quan tới niềm vui mà cả nỗi sợ hãi thường trực luôn ám ảnh vốn là nửa đồng hành còn lại của niềm vui. Bà có thể chịu đựng được ý nghĩ về cái chết của chính mình nhưng không thể chịu đựng nỗi khi nghĩ tới cái chết của Clarissa. Tình yêu này của họ, với không khí gia đình khiến người ta yên lòng, vẻ trầm lặng dễ dàng, sự ổn định của nó đã trực tiếp kéo Sally tới guồng máy của chính cái chết. Giờ đây, có một mất mát vượt quá tưởng tượng. Giờ đây, có một sợi dây bà có thể lần theo từ khoảnh khắc này, trong lúc bước tới bến tàu điện ngầm ở Upper East Side, xuyên qua ngày mai, ngày kia và ngày hôm sau nữa, qua suốt chặng đường tới dấu chấm hết cuộc đời của bà và đoạn kết của Clarissa.

Bà đi tàu điện ngầm vào trung tâm thành phố, dừng lại trước giá bày hoa tại cửa hàng Triều Tiên chỗ góc phố. Vẫn là những loài hoa thông thường, cẩm chướng và cúc, một ít hoa lily căn cỗi, lan Nam Phi, những bông tulip trồng trong nhà kính màu trắng vàng và đỏ, các cánh hoa trở nên cứng như làm bằng da ở trên mép. Những bông hoa ma, bà thầm nghĩ, chỉ là những sản phẩm, bị ép buộc phải hiện hữu giống như những con gà chân chưa từng chạm đất kể từ khi nằm trong trứng cho tới lúc vào lò sát sinh. Sally đứng cau mày trước những bông hoa bày trên giá gỗ, nhìn thấy chính bà và chúng được phản chiếu lại trên những viên gạch lát ở phía sau phòng lạnh (kia là bà, mái tóc ngả xám, khuôn mặt góc cạnh, hốc hác - làm sao bà lại có thể trở nên già đến thế? Bà sẽ phải cần tới nhiều ánh nắng mặt trời hơn, thực thể) và nghĩ không có thứ gì trên thế giới này bà muốn cho chính mình hay

Clarissa, không phải là những chiếc áo sơ mi giá bốn trăm đô la, không phải là những bông hoa đáng thương hại này, không gì hết. Bà định tay không rời đi thì trông thấy một bó hồng vàng cắm trong một cái xô cao su màu nâu trong góc. Chúng mới bắt đầu hé nở. Những cánh hoa của chúng, ở dưới cùng, chuyển sang một sắc vàng đậm hơn, gần như ngả sang màu da cam, một thứ màu giống như của vỏ xoài lan lên trên, tỏa ra trong những đường gân nhỏ như sợi tóc. Trông chúng rất giống với những bông hoa thực sự, mọc lên từ mặt đất trong một khu vườn, tới mức dường như chúng đã bị đưa vào phòng lạnh do nhầm lẫn. Sally nhanh chóng mua bó hoa này, gần như lén lút, như thể bà sợ người phụ nữ Triều Tiên bán hoa sẽ nhận ra sự nhầm lẫn và nghiêm nghị trả lời bà rằng những bông hồng này không phải để bán. Bà đi dọc theo đường Mười với bó hồng trên tay, cảm thấy hân hoan và khi bước vào căn hộ, bà đã bắt đầu có chút khao khát. Đã bao lâu kể từ lần cuối họ làm tình rồi nhỉ?

“Chào”, bà gọi. “Chị có nhà đấy chứ?”

“Trong này”, Clarissa trả lời và Sally có thể nhận ra từ giọng nói của bà rằng có chuyện gì đó không ổn. Liệu có phải bà sắp bước vào một trong những cuộc phục kích nho nhỏ vốn đem tới gia vị cho cuộc sống chung của hai người? Liệu có phải bà, cùng với bó hoa và khao khát mới nhen nhóm của mình, đã bước vào một cảnh cãi vã gia đình, thế giới trở nên xám xịt và u ám vì một lần nữa bà đã để lộ ra sự ích kỷ của mình, bỏ lại việc gì đó chưa làm, quên lau dọn thứ gì đó, hay quên một cuộc gọi điện quan trọng chẳng? Niềm vui của bà lụi dần, khao khát chợt biến mất. Bà mang theo những bông hồng bước vào phòng khách.

“Có chuyện gì thế?” Bà hỏi Clarissa, lúc đó đang ngồi trên trường kỷ, chỉ đơn thuần là ngồi đó, như thể bà đang ở trong phòng chờ của một bác sĩ. Bà nhìn Sally với một vẻ mặt lạ lùng, mắt phương hướng nhiều hơn là bị tác động mạnh, như thể không dám chắc người mới bước vào là ai và trong khoảnh khắc Sally cảm nhận được điềm báo của sự suy sụp sắp tới. Nếu cả hai người họ đều sống đủ lâu, nếu họ ở lại cùng nhau (và làm thế nào, sau

tất cả những gì đã qua, họ có thể tách rời được?), họ sẽ chứng kiến nhau tàn tạ đi.

“Không gì cả”, Clarissa nói.

“Chị không sao chứ?”

“Hả? À phải. Chị không biết. Louis đang ở trong thành phố. Anh ấy đã trở lại.”

“Việc này cuối cùng thế nào rồi cũng đến.”

“Anh ấy ghé qua, chỉ bấm chuông thôi. Chị và anh ấy nói chuyện một lúc, sau đó anh ấy bắt đầu khóc.”

“Thật sao?”

“Phải. Không vì có gì cả, ít nhiều là vậy. Rồi Julia ghé qua và anh ấy bỏ đi.”

“Louis. Chị có biết gì thêm về anh ấy không?”

“Anh ấy đang hẹn hò với một chàng trai mới. Một sinh viên.”

“Phải. Tốt thôi.”

“Thế rồi Julia xuất hiện cùng với Mary...”

“Chúa ơi. Vậy là cả gánh xiếc cùng kéo tới đây.”

“Ồ, xem nào, Sally. Em mang hoa hồng về.”

“Cái gì cơ?Ồ, vâng. Phải rồi.”

Sally giơ những bông hồng lên khoe và đúng lúc ấy nhìn thấy bình hoa đầy ắp những bông hồng Clarissa đã đặt trên bàn. Cả hai bật cười.

“Chuyện này giống như kiểu một khoảnh khắc trong truyện của O. Henry,

phải không nào?” Sally nói.

“Em không thể có quá nhiều hoa hồng được”, Clarissa nói.

Sally đưa bó hoa hồng cho bà và trong một khoảnh khắc cả hai đều hạnh phúc. Họ đang hiện hữu, ngay lúc này đây và bằng cách nào đó, họ đã thu xếp được ổn thỏa trong suốt mười tám năm, để tiếp tục yêu nhau. Thế là đủ. Vào lúc này, thế là đủ.

Bà Brown

Cô về muộn hơn dự định, nhưng không đến mức nghiêm trọng, không tới mức phải cần một lời giải thích. Đã gần sáu giờ. Cô đã đọc hết nửa cuốn sách. Trong lúc lái xe tới nhà bà Latch, trong tâm trí cô đầy ắp những gì đã đọc: Clarissa và Septimus mất trí, những bông hoa, bữa tiệc. Những hình ảnh nối nhau trôi qua trong đầu cô: bóng người trong chiếc xe, chiếc máy bay với thông điệp của nó. Laura đang ở một vùng hỗn độn, một thế giới được hợp thành từ London của những năm hai mươi, của một căn phòng khách sạn màu lam và của chiếc xe này, đang chạy xuống con đường quen thuộc. Cô vừa là chính mình, vừa không phải chính mình. Cô là một phụ nữ ở London, một nhân vật thượng lưu, trắng trẻo và quyến rũ, hơi giả dối một chút; cô là Virginia Woolf; cô là một thực thể lộn xộn, hỗn độn được biết đến như là bản thân cô, một người mẹ, một phụ nữ đang lái xe, một vệt xoáy tròn ốc của sự sống tinh khiết giống như dải Ngân Hà, một người bạn của Kitty (người cô đã hôn, người có thể sắp chết), một đôi tay có móng sơn màu san hô (có một móng bị mẻ) và một chiếc nhẫn cưới gắn kim cương đang áp chặt lên vô lăng của một chiếc Chevrolet trong lúc một chiếc Plymouth màu xanh nhạt phía trước bật sáng đèn pha, trong lúc mặt trời buổi chiều muộn mùa hè ngả sang sắc vàng sẫm, trong lúc một con sóc lao vụt qua đường dây điện thoại, cái đuôi màu xám nhạt cong lên thành một dấu hỏi.

Cô dừng xe trước nhà bà Latch, nơi hai con sóc vẽ trên thạch cao được gắn vào đầu hồi phía trên ga ra. Cô ra khỏi xe, đứng một lát, nhìn lên những con sóc thạch cao, tay vẫn cầm chìa khóa xe. Bên cạnh cô, chiếc xe phát ra một âm thanh lách cách lạ lùng (nó đã bị như thế mấy ngày hôm nay và cô sẽ phải mang đến cho thợ sửa xe kiểm tra). Cô đắm chìm trong một cảm giác như thể mình đang không tồn tại. Không còn cách diễn tả nào khác cho nó. Đứng bên chiếc xe đang kêu lách cách, đối diện với ga ra của bà Latch

(mấy con sóc bằng thạch cao đổ xuống những chiếc bóng dài), cô chẳng là ai hết, cô không là gì cả. Dường như, trong chốc lát, bằng cách tới khách sạn cô đã thoát ra khỏi cuộc đời mình và con đường này, ga ra này hoàn toàn xa lạ với cô. Cô đã ra đi. Cô đã suy nghĩ thật nhẹ nhàng, thậm chí khao khát, về cái chết. Nó tới với cô tại đây, trước lối đi dẫn vào nhà bà Latch - cô đã suy nghĩ về cái chết đầy khát khao. Cô đã bí mật tìm tới một khách sạn, giống như thể tìm tới gặp một người tình. Cô đứng đây, cầm trong tay chìa khóa xe và chiếc ví, nhìn chăm chăm về phía ga ra của bà Latch. Cánh cửa sơn trắng có một khung cửa sổ nhỏ có lưới sập màu xanh lục trên đó, như thể ga ra là một ngôi nhà thu nhỏ gắn vào một ngôi nhà lớn hơn. Hơi thở của Laura đột nhiên trở nên khó khăn. Cô thấy hơi hoa mắt - dường như cô sắp lao đảo khuyu xuống lối đi lát bê tông phẳng phiu của bà Latch. Cô nghĩ tới việc trở vào trong xe và lái xe đi lần nữa. Cô buộc mình phải bước tới trước. Cô thầm nhắc nhở chính mình: cô cần đón cậu con trai, mang cậu bé về nhà và kết thúc việc chuẩn bị bữa tối mừng sinh nhật chồng cô. Cô cần phải làm những công việc thông thường đó.

Với chút nỗ lực, cô hít một hơi dài và bước theo lối đi tới khung cửa của nhà bà Latch. Đó là sự kín đáo, cô tự nhủ, đó là sự lạ lùng của những gì cô vừa mới làm, cho dù thực ra chúng cũng chẳng gây hại gì, đúng không? Cô *không* gặp gỡ một người tình, giống bà vợ nào đó trong một cuốn tiểu thuyết diễm tình rẻ tiền. Cô chỉ đơn giản là lánh đi trong vài giờ, đọc cuốn sách của cô và quay trở về. Đó là một bí mật chỉ vì cô không thể nghĩ ra nên giải thích như thế nào, vậy đấy - cái hôn, chiếc bánh, khoảnh khắc hoảng hốt khi chiếc xe của cô leo lên tới đỉnh Chavez Ravine. Tất nhiên cô không biết sẽ giải thích như thế nào về hai tiếng rười òng hồ đã trải qua để đọc sách trong một căn phòng thuê.

Cô hít một hơi nữa. Cô bấm chuông cửa hình chữ nhật sáng bóng của bà Latch, lúc này đang ánh lên những tia sáng màu cam trong ánh mặt trời buổi chiều muộn.

Bà Latch ra mở cửa gần như ngay lập tức, như thể bà đã đứng ngay ở đó, chờ đợi. Bà Latch là một phụ nữ hồng hào, phương phi trong chiếc quần

soóc kiểu Bermuda, niềm nở tới mức thái quá; nhà bà tỏa ra một thứ mùi đậm đà nồng nàn, giống như mùi thịt rán, khi bà ra mở cửa.

“À, chào cô”, bà nói.

“Chào”, Laura đáp. “Xin lỗi vì tôi đã muộn.”

“Không hề. Chúng tôi đã trải qua một thời gian rất tuyệt. Cô vào đi.”

Richie từ trong phòng khách lao ra. Mặt cậu bé đỏ ửng, cảnh giác, nhưng trên hết là tình yêu và vẻ nhẹ nhõm. Có cảm giác Laura quay về đúng lúc cậu và bà Latch đang mải mê với việc gì đó, có cảm giác cả hai đã dừng lại việc họ đang làm dở và vội vã cất giấu đi một bằng chứng nào đó. Không, hôm nay cô thật tội lỗi; chỉ đơn giản, cô thầm nghĩ, là con trai cô đang bối rối. Cậu bé đã trải qua mấy giờ vừa rồi trong một thế giới hoàn toàn khác. Ở lại trong nhà bà Latch, thậm chí dù chỉ trong vài giờ, cậu bé đã bắt đầu mất đi định hướng về cuộc sống của mình. Cậu bắt đầu tin và không hề thấy hạnh phúc, rằng cậu sống ở đây, có lẽ đã từng luôn sống ở đây, giữa những món đồ to lớn màu vàng, giữa những bức tường dán giấy màu cỏ.

Richie bật khóc và lao tới cô.

“Ồ, thôi nào con”, Laura nói và bế cậu bé lên. Cô hít hà con trai, một thứ mùi thật trong sạch, không thể định nghĩa được. Ôm lấy con trai, hít lấy thứ mùi ấy, cô cảm thấy dễ chịu hơn.

“Cậu bé rất vui khi thấy cô”, bà Latch nói với vẻ hồ hởi. Hay bà ta đã tưởng tượng rằng mình là một món quà tuyệt vời với cậu bé, một người được ưa thích, còn căn nhà của bà là một ngôi nhà kỳ diệu? Phải, có thể thế lắm. Chẳng lẽ bà chủ nhà đột nhiên thấy khó chịu với cậu bé vì nó gắn bó với mẹ nó ư? Có thể lắm.

“Nào, bé con”, Laura nói, ghé sát vào vành tai bé nhỏ hồng hồng của con trai. Cô tự hào về quyền làm mẹ của cậu bé. Cô thấy bối rối trước những

giọt nước mắt của cậu. Liệu những người khác có nghĩ cô bao bọc con quá đáng không nhỉ? Tại sao con trai cô lại hay khóc như vậy?

“Cô đã xong hết mọi việc chưa?” Bà Latch hỏi.

“Rồi. Ít nhiều là thế. Cảm ơn bà rất nhiều vì đã trông giúp cháu.”

“Ồ, chúng tôi đã có một quãng thời gian rất tuyệt bên nhau”, bà chủ nhà nói, chân thành. “Cô có thể đưa cháu tới lúc nào cũng được.”

“Con có vui không?” Laura hỏi.

“Có ạ”, Richie nói, dòng nước mắt đã dịu đi. Trên khuôn mặt cậu bé là một mơ hy vọng, phiền muộn và bối rối.

“Con có ngoan không?”

Cậu bé gật đầu.

“Con có nhớ mẹ không?”

“Có!” Cậu bé nói.

“Được rồi, mẹ có rất nhiều việc phải làm”, Laura nói. “Chúng ta cần tổ chức cho bố con một bữa tiệc sinh nhật thật nghiêm chỉnh vào tối nay, phải không nào?”

Cậu bé gật đầu. Cậu tiếp tục chăm chú nhìn mẹ với vẻ ngờ vực qua đôi mắt ướt rượt, như thể cô không phải là mẹ cậu.

Laura trả tiền cho bà Latch, nhận một bông hoa thiên điều lấy ngoài sân nhà bà. Bà Latch luôn tặng lại thứ gì đó - một bông hoa hay vài chiếc bánh - như thế đó là thứ được trả tiền, còn việc trông trẻ là miễn phí. Laura, một lần nữa xin lỗi bà về sự muộn màng, viện cớ chồng cô sắp trở về nhà để chấm dứt cuộc trò chuyện thông thường phải dài tới mười lăm phút, đưa

Richie lên xe và lái xe đi sau một cái vẫy tay cuối cùng có phần hơi cường điệu. Ba chiếc vòng tay bằng ngà của cô va vào nhau.

Sau khi hai mẹ con đã rời khỏi nhà bà Latch, Laura nói với Richie, “Con trai ơi, giờ chúng ta gặp rắc rối to rồi. Mẹ con mình cần phóng ngay về nhà và bắt tay vào chuẩn bị bữa tối. Đáng ra mẹ con mình đã phải về nhà từ một giờ trước rồi”.

Cậu bé nghiêm trang gật đầu. Sức nặng và âm hưởng của cuộc sống bắt đầu rập lại với nhau, cảm giác không ở đâu cả biến mất. Khoảnh khắc này, ngay lúc này, ở giữa đường, trong lúc chiếc xe tới gần đèn báo hiệu và dừng lại, thật tĩnh lặng và mênh mông tới không ngờ, thật bình yên - Laura bước vào khoảnh khắc này như thể cô bước vào nhà thờ từ một con phố ồn ã. Ở hai bên đường, vòi phun nước hắt những màn sương hình nón sáng lấp lánh trên các bãi cỏ. Mặt trời cuối ngày lóe sáng trên một nhà để xe lợp nhôm. Tất cả đều thật đến không thể tin nổi. Cô biết mình là một người vợ và người mẹ, đang mang thai lần nữa, đang lái xe về nhà, trong lúc những màn nước hắt lên không khí.

Richie không nói gì. Cậu bé ngăm nhìn mẹ. Laura phanh lại trước đèn tín hiệu. Cô nói, “Thật tốt là bố làm việc muộn đến thế. Mẹ con mình sẽ thu xếp kịp mọi thứ, con có nghĩ vậy không?”.

Cô đưa mắt nhìn con trai. Cái nhìn của cô bắt gặp đôi mắt cậu bé và cô nhìn thấy trong đó điều gì đó mà cô không hoàn toàn nhận ra được. Đôi mắt của con trai cô, cả khuôn mặt cậu bé, dường như đang sáng lên từ bên trong; dường như đây là lần đầu tiên cậu bé phải chịu đựng một cảm xúc mà cô không thể hiểu được.

“Con yêu”, cô hỏi, “có chuyện gì vậy con?”.

Cậu bé nói, to hơn cần thiết, “Mẹ ơi, con yêu mẹ.”

Có gì đó thật lạ trong giọng nói của con trai cô, điều gì đó khiến người ta ớn lạnh. Một giọng nói cô chưa bao giờ nghe thấy trước đó từ cậu bé. Con trai

cô có vẻ như thật xa lạ. Cậu bé hoàn toàn có thể là một người tị nạn, một người chỉ biết dăm ba từ tiếng Anh bập bõm, đang vật lộn cố hết sức bày tỏ một nhu cầu mà cậu không biết cách diễn đạt đúng.

“Mẹ cũng yêu con, con trai”, cô trả lời và mặc dù đã nói những từ này cả nghìn lần, cô vẫn nghe thấy âm hưởng bồn chồn trong cổ họng, cảm nhận thấy nỗ lực cô cần bỏ ra để giọng nói có thể tự nhiên. Cô tăng tốc qua giao lộ. Cô lái xe cẩn thận, với cả hai bàn tay đặt chính xác trên vô lăng.

Dường như cậu bé sẽ lại òa khóc, như cậu vẫn hay làm như thế, một cách không thể lý giải nổi, nhưng đôi mắt cậu bé vẫn trong sáng, khô ráo, không hề chớp.

“Có gì không ổn vậy con?” Cô hỏi.

Cậu bé tiếp tục nhìn cô chăm chú. Cậu không hề chớp mắt.

Con trai cô biết. Chắc chắn cậu bé biết. Cậu bé có thể đoán chắc cô đã tìm tới nơi nào đó không được phép, cậu bé biết chắc cô đang nói dối. Cậu bé liên tục nhìn cô, trải qua hầu như toàn bộ những giờ cậu không ngủ bên cạnh cô. Cậu đã trông thấy cô và Kitty. Cậu đã thấy cô làm chiếc bánh thứ hai và giấu chiếc thứ nhất dưới những thứ rác rưởi khác trong chiếc thùng rác. Cậu bé tập trung mọi chú ý vào quan sát và lý giải cô, bởi vì không có cô sẽ chẳng có thể giới nào hết.

Tất nhiên con trai cô phải biết khi cô nói dối.

Cô nói, “Đừng lo, con yêu. Tất cả đều ổn cả. Chúng ta sẽ tổ chức một bữa tiệc tuyệt vời mừng sinh nhật bố vào tối nay. Con có biết bố sẽ vui đến mức nào không? Mẹ con mình sẽ dành tất cả những món quà này cho bố. Mẹ và con đã làm cho bố một cái bánh thật đẹp”.

Richie gật đầu, không chớp mắt. Cậu nhẹ nhàng gật gù. Một cách lặng lẽ, dường như muốn được cảm nhận thấy hơn là nghe thấy, cậu bé nói, “Vâng,

hai mẹ con mình đã làm cho bố một cái bánh thật đẹp”. Giọng nói của cậu chứa đựng vẻ trống rỗng của người lớn tới mức đáng ngạc nhiên.

Con trai cô sẽ mãi mãi quan sát cô. Cậu bé sẽ luôn biết khi nào có chuyện gì không ổn. Con trai cô luôn biết chính xác khi nào cô thất bại và thất bại tới mức nào.

“Mẹ yêu con, con trai yêu quý”, cô nói. “Con là con trai của mẹ.” Trong khoảnh khắc, cậu bé thoáng thay đổi. Trong chốc lát cậu sáng bừng lên, trắng lóa. Laura vẫn không giận dữ. Cô vẫn mỉm cười. Cô giữ cả hai bàn tay trên vô lăng.

Bà Dalloway

Bà đã tới giúp Richard chuẩn bị sẵn sàng cho bữa tiệc, nhưng Richard không đáp lại tiếng bà gõ cửa. Bà gõ cửa lần nữa, mạnh hơn, rồi sau đó hồi hả, luống cuống mở khóa cửa.

Căn hộ tràn ngập ánh sáng. Clarissa gần như há hốc miệng kinh ngạc trên ngưỡng cửa. Tất cả các rèm màn đã được cuốn lên, các cửa sổ mở rộng. Mặc dù không gian cũng chỉ được chiếu bằng thứ ánh sáng thông thường len lỏi vào trong bất cứ căn hộ chung cư nào vào một buổi chiều nắng đẹp, trong căn phòng của Richard, dường như điều này đem lại một sự bùng nổ thâm lặng. Đây là những chiếc hộp các tông của ông, cái bồn tắm của ông (còn bẩn hơn bà từng nghĩ), tấm gương phủ đầy bụi và chiếc máy pha cà phê đắt tiền, tất cả đều hiện ra trong vẻ bi ai thực sự, trong vóc dáng nhỏ bé vốn có của chúng. Rất đơn giản, đây là căn hộ của một người loạn trí.

“Richard!” Clarissa gọi.

“Dalloway.Ồ, Dalloway, là em.”

Bà lao sang căn phòng bên kia và tìm thấy Richard vẫn mặc chiếc áo ngủ, ngồi vắt vẻo trên bậu cửa sổ đang mở, bỏ hai chân sang hai bên, một bên chân gầy tong teo vẫn ở trong căn hộ, chân bên kia, nằm ngoài tầm mắt của bà, lơ lửng trên năm tầng gác.

“Richard”, bà nghiêm giọng nói. “Xuống khỏi đó ngay đi.”

“Ngoài này thật đẹp quá”, ông nói. “Một ngày mới tuyệt làm sao.”

Trông ông thật điên khùng và phấn khích, vừa già nua vừa trẻ con, ngồi trên khung cửa sổ như một bù nhìn rơm cưỡi ngựa, một bức tượng bày ngoài

trời của Giacometti [35]. Tóc của ông dính bết lên da đầu, vài chỗ lại dựng đứng chĩa ra ngoài. Cái chân đang thả vào bên trong, để trần tới giữa bắp đùi, có màu trắng xanh, chỉ còn da bọc xương, song vẫn còn một bó cơ nhỏ săn chắc tới mức đáng ngạc nhiên bướng bỉnh bám lấy xương.

“Anh làm em sợ quá”, Clarissa nói. “Em muốn anh ngừng trò này lại và leo vào trong. Ngay bây giờ.”

Bà bước về phía ông và ông nhấc cái chân còn ở trong nhà đặt lên ngưỡng cửa. Chỉ còn gót của bàn chân đó, một bàn tay và một bên hông không còn thịt tiếp xúc với khung cửa gỗ đã tàn tạ. Trên chiếc áo ngủ, những quả tên lửa màu đỏ phun ra những quầng lửa hình nón màu cam hoàn hảo. Các nhà du hành vũ trụ đội mũ bay, tròn trịa và trắng, khuôn mặt khuất sau tấm kính sẫm màu của mũ bay, đang giơ bàn tay đeo găng trắng lên chào cứng đờ.

Richard nói, “Anh đã uống Xanax và Ritalin. Chúng hoạt động với nhau thật tuyệt vời. Anh cảm thấy rất thoải mái. Anh đã mở hết rèm ra, nhưng dẫu vậy, anh nhận ra mình cần thêm nhiều không khí và ánh sáng hơn. Em phải biết anh đã rất vất vả mới leo được lên đây đây”.

“Anh yêu, làm ơn đi nào, cho chân xuống sàn đi. Anh có thể làm thế vì em không?”

“Anh không nghĩ anh có thể chịu đựng được bữa tiệc”, ông nói. “Anh xin lỗi.”

“Anh không cần phải làm thế. Anh không cần phải làm bất cứ việc gì anh không muốn.”

“Một ngày mới tuyệt làm sao. Quả là một ngày đẹp, tuyệt đẹp.”

Clarissa hít một hơi, rồi một hơi nữa. Bà bình thản tới mức đáng ngạc nhiên - bà có thể cảm thấy mình xử sự hợp lý trong một tình huống khó khăn - nhưng cùng lúc, bị lôi đi khỏi bản thân bà, khỏi căn phòng, như thể bà đang chứng kiến điều gì đó đã từng xảy ra. Nó có vẻ giống như một hồi ức. Một

điều gì đó bên trong bà, thứ gì đó giống như một giọng nói song lại không phải là giọng nói, một hiểu biết nội tại hầu như không thể phân biệt được những nhịp đập của trái tim bà, đang nói, *Ta đã từng tìm thấy Richard ngồi trên mép cửa sổ cách mặt đất năm tầng nhà.*

Bà nói, “Hãy xuống khỏi đó đi. Em xin anh”.

Khuôn mặt Richard tối sầm và co rút lại, như thể Clarissa đã hỏi ông một câu hỏi khó trả lời. Cái ghế trống rỗng của ông, hiện lên rõ mồn một trong ánh sáng ban ngày - những túm bông thòi ra từ các đường may ghép, chiếc khăn tắm mỏng màu vàng trải trên đệm ngồi có những vòng tròn thêu nổi - có thể chính là sự ngu ngốc, là bản chất tồi tệ của căn bệnh chết người.

“Hãy xuống khỏi đó đi”, Clarissa nói. Bà nói to và chậm rãi, như thể với một người nước ngoài.

Richard gật đầu và không di chuyển. Cái đầu bị tàn phá của ông nổi bật giữa ánh sáng ban ngày như một mẫu vật địa chất. Da thịt ông trở nên nhăn nheo, đầy mụn, giống như bị xẻ rãnh, giống những tảng đá trên sa mạc.

Ông nói, “Anh không biết liệu mình có thể đối mặt với việc này được không. Em biết đấy. Bữa tiệc và lễ trao giải, rồi giờ sau đó và giờ tiếp theo nữa”.

“Anh không buộc phải tới bữa tiệc. Anh không buộc phải tới lễ trao giải. Anh không buộc phải làm gì hết.”

“Nhưng vẫn còn những giờ khắc đó, phải không nào? Một giờ, rồi sau đó lại một giờ nữa và em trải qua hết một giờ để rồi, lạy Chúa, lại có thêm một giờ nữa. Anh mệt quá rồi.”

“Anh vẫn còn những ngày tốt lành. Anh biết thế mà.”

“Không hẳn. Em thật tốt khi nói vậy, nhưng anh cảm thấy nó đã lâu rồi, áp sát xung quanh anh như những chiếc hàm của một bông hoa khổng lồ.

Chẳng phải là một sự tương đồng lạ lùng sao? Nhưng đúng là nó tạo ra cảm giác như thế. Nó có một khía cạnh thực vật không thể tránh khỏi. Hãy nghĩ tới cây bắt ruồi. Hãy nghĩ tới cây sắn dây bóp nghẹt cả một khu rừng. Đó là một quá trình âm ứ, xanh, phát triển mạnh mẽ. Hường tới, vậy đấy, em biết rồi. Sự im lặng xanh. Chẳng phải thật buồn cười sao, khi ngay cả vào lúc này, vẫn thật khó nói ra từ *chết*?”

“Chúng ở đây sao, Richard?”

“Ai?Ồ, những giọng nói à? Những giọng nói vẫn luôn ở đây.”

“Ý em là, anh có nghe thấy chúng rõ không?”

“Không. Anh đang nghe em. Luôn rất tuyệt vời khi được nghe em, D à. Em có bận tâm khi anh vẫn gọi em như thế không?”

“Không hề. Đi vào trong đi anh. Ngay bây giờ.”

“Còn nhớ cô ta không? Cái tôi kia của em ấy? Có chuyện gì xảy ra với cô ta rồi?”

“Cô ta đây. Em là cô ta. Em cần anh trở vào trong. Làm ơn đi, được không anh?”

“Ngoài này thật đáng yêu làm sao. Anh cảm thấy thật tự do. Em sẽ gọi cho mẹ anh chứ? Bà ấy hoàn toàn cô đơn, em biết đấy.”

“Richard...”

“Hãy kể cho anh một câu chuyện, được chứ?”

“Chuyện gì vậy?”

“Chuyện gì đó trong ngày của em. Từ ngày hôm nay. Có thể là chuyện bình thường nhất. Như thế sẽ tốt hơn, thật đấy. Việc bình thường nhất em có thể nghĩ tới.”

“Richard...”

“Bất cứ điều gì. Gì cũng được.”

“Được rồi, sáng nay, trước khi em tới đây, em đã đi mua hoa cho bữa tiệc.”

“Thật vậy sao?”

“Đúng thế. Quả là một buổi sáng rất đẹp.”

“Thật không?”

“Thật. Buổi sáng rất đẹp. Nó thật... tươi tắn. Em mua hoa, mang về nhà và cắm vào nước. Vậy đấy. Hết chuyện. Giờ anh trở vào trong đi.”

“Tươi tắn như thế dành cho những đứa trẻ trên một bãi biển”, Richard nói.

“Anh có thể nói vậy cũng được.”

“Giống như một buổi sáng khi chúng ta còn trẻ, ở bên nhau.”

“Vâng. Giống như thế.”

“Giống như buổi sáng em bước ra khỏi ngôi nhà cũ đó, khi em mười tám tuổi, còn anh, phải, anh mới qua tuổi mười chín, phải không nhỉ? Anh mười chín tuổi, anh yêu Louis và anh yêu em, anh nghĩ mình chưa từng bao giờ thấy thứ gì đẹp như khi em bước qua một cánh cửa kính vào buổi sáng sớm, vẫn còn buồn ngủ, trong bộ đồ lót. Chẳng phải thật lạ sao?”

“Phải”, Clarissa nói. “Phải. Đúng là thật lạ.”

“Anh đã thất bại.”

“Thôi nói như thế đi. Anh không thất bại.”

“Anh có thất bại. Anh không tìm kiếm sự thông cảm. Không thực sự. Anh

chỉ cảm thấy thật buồn. Thứ anh muốn làm dường như thật giản đơn. Anh muốn tạo ra thứ gì đó đủ sống động và gây sốc để nó có thể đứng bên một buổi sáng trong cuộc đời ai đó. Một buổi sáng bình thường nhất. Hình dung và cố gắng làm điều đó. Thật ngu ngốc.”

“Việc đó không hề ngu ngốc.”

“Anh sợ rằng mình không thể chịu đựng được bữa tiệc.”

“Em xin anh đấy, làm ơn đừng lo lắng về bữa tiệc nữa. Đừng nghĩ về bữa tiệc. Hãy đưa tay cho em.”

“Em đã thật tốt với anh, Dalloway.”

“Richard...”

“Anh yêu em. Nghe có nhàm quá không?”

“Không.”

Richard mỉm cười. Ông lắc đầu. Ông nói, “Anh không nghĩ có ai từng hạnh phúc hơn chúng ta.”

Ông cúi người về phía trước, nhẹ nhàng trượt khỏi khung cửa và rơi xuống.

Clarissa hét lên, “Không...”.

Ông ra đi thật bình thản, tới mức trong chốc lát bà hình dung như thể việc này không hề xảy ra. Bà tới bên cửa sổ kịp lúc để thấy Richard vẫn còn đang rơi, chiếc áo ngủ của ông căng phồng lên và dường như ngay cả lúc này nó vẫn chỉ giống một tai nạn nhỏ, một việc gì đó có thể vãn hồi được. Bà thấy ông chạm xuống đất phía dưới năm tầng nhà, thấy ông quỵ gối trên nền bê tông, thấy đầu ông đập xuống, nghe thấy tiếng kêu của ông và dấu vẩy bà vẫn tin, ít nhất trong một khoảnh khắc nữa, trong khi cúi người qua bậc cửa, rằng ông sẽ lại đứng dậy, có thể lão đảo, loạng choạng, nhưng vẫn là chính ông, vẫn nguyên vẹn, vẫn có thể nói năng được.

Bà gọi tên ông, một lần. Tiếng gọi vang lên như một câu hỏi, dịu dàng hơn nhiều so với chủ ý của bà. Ông nằm bất động ở nơi rơi xuống, mặt úp sấp, chiếc áo ngủ hất ngược trùm lên đầu ông, để hở đôi chân trần, trắng bệch trên nền bê tông sẫm màu.

Bà chạy ra khỏi phòng, lao qua cánh cửa vẫn để mở sau lưng mình. Bà chạy xuống cầu thang. Bà nghĩ tới việc gọi người cứu giúp, nhưng không làm. Bản thân bầu không khí dường như đã thay đổi, đã hơi tách ra; như thể không khí được làm từ một thứ có thể sờ mó được. Bà chạy xuống cầu thang và ý thức được (sau này bà sẽ phải xấu hổ về việc này) về bản thân mình như một phụ nữ chạy xuống một cầu thang, không bị thương tổn, vẫn còn sống.

Tới tiền sảnh, bà trải qua một khoảnh khắc bối rối suy nghĩ xem cần làm thế nào để tới chỗ giếng trời nơi Richard đang nằm và bà cảm thấy, trong thoáng chốc, như thể bà đã rơi xuống địa ngục. Địa ngục là một căn phòng hình hộp màu vàng nặng mùi, không có lối ra, được che bóng bởi một thân cây nhân tạo, với những cánh cửa đáng sợ bằng kim loại nằm thành dãy (một cánh cửa mang biểu tượng của Cái Chết Duyên Dáng, một hình xương sọ đội vương miện kết từ những bông hồng).

Một cánh cửa nằm dưới bóng cầu thang, hẹp hơn những cánh cửa khác, dẫn ra ngoài, xuống một dãy bậc thang lát xi măng sứt mẻ, dẫn tới nơi Richard rơi xuống. Bà biết, từ trước khi bước xuống những bậc thang cuối cùng, rằng ông đã chết. Đầu ông nằm lấp dưới những nếp áo ngủ, nhưng bà có thể thấy vũng máu, sẫm màu, gần như có màu đen, đã chảy ra từ đầu ông. Bà có thể thấy thân hình ông hoàn toàn bất động, một cánh tay duỗi dài theo một góc thật kỳ lạ, lòng bàn tay ngửa lên và cả hai chân trắng toát, trần trụi như chính cái chết. Ông vẫn còn đi đôi dép phốt màu xám mà bà đã mua cho ông.

Bà bước xuống những bậc thang cuối cùng và thấy Richard đang nằm giữa những mảnh thủy tinh vỡ và phải mất một khoảnh khắc để nhận ra đó chỉ là

mảnh của một chai bia vỡ đã nằm sẵn trên nền bê tông và không phải là một hệ quả từ cú rơi của Richard. Bà nghĩ mình cần nhắc ông dậy ngay lập tức, để kéo ông ra khỏi những mảnh thủy tinh.

Bà quỳ xuống bên cạnh ông, đặt một bàn tay lên bờ vai bất động của ông. Thật nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng, như thể sợ đánh thức ông dậy, bà kéo chiếc áo ngủ khỏi đầu ông. Tất cả những gì bà có thể nhận ra trong đám lấp lánh màu đỏ, tím và trắng là đôi môi hé hé và một con mắt còn đang mở của ông. Bà nhận ra mình vừa kêu lên, một âm thanh của ngạc nhiên và đau đớn. Bà lại dùng chiếc áo ngủ che đầu cho ông.

Bà vẫn quỳ bên cạnh ông, không chắc cần làm gì tiếp theo. Bà đưa bàn tay trở lại đặt lên vai ông. Bà không lay nó, bà chỉ đặt bàn tay lên đó. Bà tự nhủ mình nên đi gọi cảnh sát, nhưng lại không muốn để Richard một mình. Bà đợi ai đó gọi mình. Bà ngược mắt nhìn lên những dãy cửa sổ phía trên, những món quần áo đang treo, khoảng trời hình vuông hoàn hảo bị chia đôi bởi một dải mây mảnh mai màu xanh trắng và bắt đầu hiểu ra vẫn chưa có ai biết gì. Không ai khác nhìn thấy hay nghe thấy Richard rơi xuống.

Bà không di chuyển. Bà đưa mắt tìm khung cửa sổ của bà lão, với ba bức tượng nhỏ bằng sứ (không thể nhìn rõ từ dưới thấp thế này). Bà lão chắc đang ở nhà, hầu như không bao giờ bà ra ngoài. Clarissa chợt bị thôi thúc muốn gọi lên cho bà lão, như thể bà là một thành viên trong gia đình, như thể bà cần được báo tin. Clarissa hoãn lại, ít nhất thêm một hay hai phút nữa, hành động không thể tránh khỏi tiếp theo. Bà ở lại bên Richard, áp bàn tay lên vai ông. Bà cảm thấy (và thấy ngạc nhiên về chính mình) hơi bối rối trước những gì đã xảy ra. Bà tự hỏi tại sao mình không khóc. Bà ý thức được về tiếng thở của chính mình. Bà ý thức được về những chiếc dép bất động dưới chân Richard, về bầu trời phản chiếu trên vũng máu đang rộng dần ra.

Vậy là nó kết thúc ở đây, trên một nền bê tông, dưới những dây phơi quần áo, giữa những mảnh thủy tinh vỡ. Bà nhẹ nhàng lướt bàn tay từ vai ông xuống những đường cong gầy guộc trên lưng. Một cách đầy tội lỗi, như thể

bà đang làm điều gì cấm kỵ, bà cúi xuống, áp trán lên xương sống của ông trong khi, theo cách nào đó, nó vẫn còn là của ông; khi theo cách nào đó ông vẫn còn là Richard Worthington Brown. Bà có thể ngửi thấy mùi flanen cáu bẩn của chiếc áo ngủ, mùi chua gắt của da thịt không tắm rửa. Bà muốn nói với ông, nhưng không thể. Bà chỉ đơn thuần hơi tựa đầu lên lưng ông. Nếu bà có thể nói hẳn bà sẽ nói gì đó - mà bà cũng không biết chính xác là gì - về việc ông đã có can đảm để sáng tạo như thế nào và, có lẽ còn quan trọng hơn, đã có can đảm ra sao để yêu một cách độc nhất vô nhị, qua bấy nhiêu thập kỷ, bất chấp mọi lý do. Bà sẽ nói với ông rằng bà, Clarissa, đã yêu lại ông như thế nào, yêu ông rất nhiều, nhưng lại bỏ ông bên góc đường hơn ba mươi năm trước (và, quả thực, bà còn có thể làm gì khác được nữa?). Bà sẽ thú nhận khao khát của mình muốn có một cuộc sống bình thường (không hơn không kém những gì phần lớn mọi người ao ước) và bà muốn ông tới bữa tiệc biết chừng nào để thể hiện sự hết lòng của mình trước mặt những người khách của bà. Bà sẽ xin ông tha thứ vì đã xấu hổ né tránh vào đúng ngày hóa ra lại là ngày ông chết, không hôn lên môi ông vì đã tự nhủ với bản thân bà làm vậy chỉ vì sức khỏe của ông.

Bà Brown

Những cây nến được thắp sáng. Bài hát vang lên. Dan, trong lúc thối nển, đã làm bắn ít nước bọt lên mặt bánh kem trắng muốt. Laura vỗ tay và sau một lúc, Richie cũng vỗ tay.

“Chúc sinh nhật vui vẻ, anh yêu”, cô nói.

Một cơn tức giận bùng lên thật bất ngờ, mắc nghẹn lại trong cổ họng cô. Anh ta thật thô lỗ, quê mùa, ngốc nghếch; anh ta đã phun nước bọt lên chiếc bánh. Bản thân cô bị kẹt lại ở đây mãi mãi, trong vai một người vợ. Cô cần chịu đựng cho qua buổi tối hôm nay, rồi sáng ngày mai, rồi thêm một buổi tối nữa tại đây, trong những căn phòng này, không còn nơi nào khác để đi. Cô phải vui vẻ, cô phải tiếp tục.

Có thể nó sẽ giống như bước ra một cánh đồng phủ đầy tuyết trắng long lanh. Nó có thể thật khủng khiếp và thật tuyệt vời. *Chúng ta nghĩ những nỗi buồn của cô ấy là những nỗi buồn thông thường, chúng ta không hề biết.*

Cơn giận dữ trôi qua. Ổn cả rồi, cô tự nhủ. Ổn cả rồi. Hãy bình tâm lại, vì Chúa.

Dan đưa cánh tay quàng quanh eo cô. Laura cảm nhận thấy cơ thể vững vàng, thoang thoảng mùi thơm của anh. Cô thấy ân hận. Cô ý thức được hơn bao giờ hết sự tốt bụng của anh.

Anh nói, “Tuyệt quá. Thật hoàn hảo”.

Cô đưa tay lên xoa đầu anh. Mái tóc anh trơn mượt vì chải sáp, hơi ram ráp, giống như lông một con rái cá. Khuôn mặt anh, lúc này đã mọc râu tua tủa, sáng lên và đẫm mồ hôi, mái tóc được chăm sóc chu đáo của anh đã xõa ra

đủ nhiều để tạo thành một lọn tóc duy nhất phía trên trán bóng mượt, bằng cỡ chiều rộng một lá cỏ, buông xuống lơ lửng ngay trên hai hàng lông mày. Anh đã tháo cà vạt, cởi cúc áo sơ mi; từ người anh tỏa ra một thứ mùi phức tạp tạo thành từ mồ hôi, Old Spice [36], da đôi giày anh đang đi và thứ mùi cực kỳ quen thuộc không thể tả bằng lời của da thịt anh - một thứ mùi với một chút của sắt, một chút của chất tẩy trắng và một chút rất mơ hồ mùi nhà bếp, như thể sâu bên trong anh đang có thứ gì đó ấm và béo đang được rán lên.

Laura nói với Richie, “Con cũng ước một điều gì đó chứ?”.

Cậu bé gật đầu, mặc dù cậu chưa từng nghĩ tới việc này. Dường như cậu luôn thầm ước một điều ước vào mọi khoảnh khắc và những điều ước của cậu bé, cũng giống như của bố cậu, chủ yếu liên quan tới sự tiếp tục. Giống như bố mình, điều cậu bé khao khát mong muốn nhất là về những gì cậu vốn đã có (cho dù, tất nhiên, nếu được hỏi về những điều ước của mình, cậu sẽ lập tức kể ra một dãy dài những món đồ chơi, cả có thật lẫn tưởng tượng).

“Con có thích giúp bố cắt bánh không?” Bố cậu nói.

“Có ạ”, Richie nói.

Laura mang đĩa đựng bánh và nĩa từ bếp lên. Cô đang ở đây, trong căn phòng ăn khiêm tốn này, an toàn, cùng chồng và con trai cô, trong khi Kitty nằm trong một buồng bệnh viện chờ đợi được bác sĩ thông báo về những gì họ tìm thấy. Họ ở đây, gia đình này, tại nơi này. Khấp từ đầu tới cuối biết bao con phố, các khung cửa sổ sáng đèn. Biết bao bữa tối đang được dọn ra, những thành công và thất bại của biết bao ngày bình thường được kể lại.

Trong khi Laura bày đĩa và nĩa lên bàn - trong lúc chúng khẽ phát ra tiếng động khi được đặt lên mặt khăn trải bàn trắng muốt - đột nhiên cô đã thành công vào phút cuối cùng, giống như một họa sĩ điểm một mảng màu cuối cùng lên bức tranh và cứu thoát nó khỏi cảnh rời rạc, giống như một nhà

văn viết xuống dòng chữ làm nổi bật lên những phần bị chìm khuất và mang tới sự cân xứng cho tác phẩm. Bằng cách nào đó, việc này hẳn có liên quan tới việc bày đĩa và nĩa lên một tấm khăn trải bàn trắng. Nó rõ ràng tới mức không thể nhầm lẫn được, cũng như việc nó xảy ra hoàn toàn ngoài dự kiến.

Dan để Richie gỡ những cây nến đã cháy xuống trước khi hướng dẫn hai bàn tay cậu con trai anh vào việc cắt bánh. Laura quan sát. Phòng ăn, ngay vào lúc này, dường như trở nên hoàn hảo, với những bức tường màu xanh lục và chiếc tủ gỗ thích sẫm màu đựng những món đồ bạc dùng trong đám cưới. Căn phòng dường như đầy ắp tới mức không tưởng: đầy ắp cuộc sống của chồng và con trai cô, đầy ắp tương lai. Nó đầy ý nghĩa, nó tỏa sáng. Một phần lớn thế giới, rất nhiều quốc gia, đã bị hủy hoại, nhưng một sức mạnh đem tới cảm giác rất giống với cái thiện đã chiến thắng, thậm chí cả Kitty dường như cũng sẽ được khoa học chữa khỏi. Cô gái sẽ bình phục. Và nếu cô gái không thể bình phục, nếu cô đã vô phương cứu giúp, Dan và Laura cùng con trai họ, cũng như hứa hẹn về một đứa con thứ hai sẽ vẫn luôn ở đây, trong căn phòng này, nơi một cậu bé đang cau mày tập trung vào việc bỏ những cây nến xuống và cũng là nơi bố cậu cầm lấy một cây nến đưa lên miệng cậu, bảo cậu liếm chỗ kem dính vào.

Laura chăm chú ghi nhớ khoảnh khắc này trong lúc nó trôi qua. Nó đây rồi, cô nghĩ, nó đã trôi qua. Trang sách sắp được lật giờ.

Cô mỉm cười với con trai, thật bình yên, từ cách xa một quãng. Cậu bé mỉm cười lại. Cậu liếm đế cây nến đã cháy dở. Cậu ước một điều ước nữa.

Bà Woolf

Bà cố tập trung chú ý vào cuốn sách. Không lâu nữa bà và Leonard sẽ rời Hogarth House để chuyển tới London. Việc này đã được quyết định. Virginia đã thắng. Bà cố vật lộn để tập trung chú ý. Những miếng thịt bò còn lại đã được dọn đi, bàn được lau, bát đĩa được rửa.

Bà sẽ tới nhà hát và các phòng hòa nhạc. Bà sẽ tới dự những bữa tiệc. Bà sẽ lang thang trên đường phố, ngắm nhìn mọi thứ, làm mình ngập tràn với những câu chuyện.

.... *Cuộc sống, London...*

Bà sẽ viết và viết. Bà sẽ hoàn tất cuốn sách này, sau đó viết một cuốn khác. Bà sẽ giữ mình tỉnh táo và sẽ sống như mình muốn sống, hết mình và sâu sắc, giữa những người đồng loại, trong lúc hoàn toàn làm chủ và điều khiển được tài năng của mình.

Đột nhiên, bà nghĩ tới cái hôn của Vanessa.

Cái hôn hoàn toàn vô tư - đủ vô tư - nhưng cũng đầy ắp thứ gì đó không khác mấy điều Virginia muốn từ London, từ cuộc sống; nó đầy ắp một tình yêu phức tạp và đầy khao khát, cổ xưa, không thể này cũng chẳng thể kia. Nó biểu hiện trong buổi chiều hôm nay, của chính trung tâm bí ẩn, của quầng sáng chói lòa bùng lên từ bên rìa một vài giấc mơ; quầng sáng đã mờ đi trong tâm trí ngay khi chúng ta tỉnh giấc và cùng nó, chúng ta trở dậy với hy vọng tìm thấy, có thể vào ngày hôm nay, cái ngày mới nơi mọi thứ đều có thể xảy ra. Bà, Virginia, đã hôn chị gái mình, không phải hoàn toàn vô tư, phía sau tấm lưng to bè, ủ rũ của Nelly và giờ đây bà đang ở trong một căn phòng, với một cuốn sách. Bà sắp chuyển tới London.

Clarissa Dalloway từng yêu một phụ nữ, phải, một phụ nữ khác, khi bà ta còn trẻ. Bà ta và người phụ nữ từng có một cái hôn, giống như những nụ hôn thần kỳ độc nhất vô nhị trong các câu chuyện cổ tích và Clarissa sẽ mang theo ký ức của cái hôn đó, niềm hy vọng bay bổng của nó, trong suốt cuộc đời mình. Bà ta sẽ không bao giờ tìm thấy một tình yêu giống như mối tình mà nụ hôn duy nhất đó đã đem tới.

Virginia, phấn khích, đứng dậy khỏi ghế và đặt cuốn sách lên bàn. Leonard hỏi, “Em đi ngủ chứ?”.

“Không. Vẫn còn sớm mà, phải không?”

Ông cau có nhìn đồng hồ đeo tay của mình. “Gần mười rưỡi rồi”, ông nói.

“Em chỉ thấy bồn chồn. Em vẫn chưa thấy mệt.”

“Anh muốn em lên giường đi ngủ lúc mười một giờ”, ông nói.

Bà gật đầu. Bà sẽ duy trì cách cư xử đàng hoàng, giờ đây khi London đã là chuyện được quyết định. Bà rời khỏi phòng đọc, ngang qua tiền sảnh và bước vào căn phòng ăn chìm trong bóng tối. Những khoảng ánh trăng hình chữ nhật dài hòa lẫn với ánh đèn đường hắt qua cửa sổ chiếu lên mặt bàn, chốc chốc lại bị che lấp đi bởi những cành cây bị gió thổi làm cho lay động, rồi lại xuất hiện, rồi lại biến mất. Virginia đứng trên ngưỡng cửa, ngắm nhìn những hình bóng không ngừng thay đổi như thể bà đang quan sát những con sóng đang vỗ lên bờ biển. Phải, Clarissa từng yêu một phụ nữ. Clarissa từng hôn một phụ nữ, chỉ một lần duy nhất. Clarissa bị mất mát, sẽ cô đơn cùng cực, song bà ta sẽ không chết. Bà ta quá yêu mến cuộc sống và London. Virginia hình dung ra một người khác nữa, phải, một người với cơ thể mạnh mẽ nhưng tinh thần yếu ớt và mong manh; một người có chút chấm phá của thiên tài, của thi ca, bị hủy hoại bởi những vòng bánh xe của thế giới, bởi chiến tranh và chính quyền, bởi các bác sĩ; một người, nếu nói một cách kỹ thuật, là kẻ mất trí, vì người đó nhìn thấy ý nghĩa ở mọi nơi, biết rằng những cái cây là những sinh vật có tri giác và những con chim sẽ

hót bằng tiếng Hy Lạp. Phải, một người giống như thế. Clarissa, Clarissa tình táo - Clarissa hân hoan, bình thường - sẽ tiếp tục sống, tiếp tục yêu London, yêu cuộc đời với những thú vui thông thường của bà ta và một người khác, một thi sĩ mất trí, một người sống trong ảo mộng, sẽ là người phải chết.

Bà Brown

Cô đã đánh răng xong. Bát đĩa đã được rửa và cất đi, Richie đang trên giường ngủ, chồng cô đang chờ đợi. Cô rửa bàn chải dưới vòi nước, súc miệng, nhổ xuống chậu hứng. Chồng cô đang nằm trên giường, ngược mắt nhìn lên trần nhà với hai bàn tay lồng vào nhau đặt dưới đầu. Khi cô bước vào phòng, anh sẽ nhìn cô như thể anh ngạc nhiên và hạnh phúc khi thấy cô ở đây, vợ anh, chứ không phải ai khác, chuẩn bị cởi chiếc váy ra, vắt nó lên ghế và leo lên giường với anh. Đó là cách của anh - ngạc nhiên như một cậu bé con; một niềm hân hoan tinh tế, hơi lúng túng; một vẻ ngây thơ sâu sắc và lơ đãng với ham muốn dồn nén bên trong như một cái lò xo. Đôi lúc cô nghĩ, không thể đừng được ý nghĩ, về những hộp lạc được bán ở cửa hàng bán quà tặng, chiếc hộp có những con rắn bằng giấy ở bên trong, chờ sẵn để vọt ra khi nắp hộp được mở. Tối nay sẽ không có chuyện đọc sách nữa.

Cô cắm chiếc bàn chải vào khe cắm trên giá đỡ bằng sứ.

Khi cô nhìn lên tấm gương trên cánh cửa tủ thuốc, trong chốc lát cô tưởng tượng có ai đó đang đứng sau lưng mình. Chẳng có ai hết, tất nhiên rồi; chỉ là một trò đùa của ánh sáng. Trong chốc lát, không nhiều hơn thế, cô đã tưởng tượng ra bóng ma của chính mình, một phiên bản thứ hai đang đứng ngay đằng sau, quan sát. Nó chẳng là gì cả. Tại đây, trên những giá kính, có các loại dung dịch bôi và thuốc xịt, băng gạc và thuốc mỡ, các loại thuốc viên. Đây là chiếc lọ nhựa đựng thuốc kê đơn với những viên thuốc ngủ bên trong. Cái lọ này, mới được bổ sung gần đây nhất, gần như còn đầy - cô không thể sử dụng chúng, tất nhiên rồi, trong khi đang mang thai.

Cô lấy chiếc lọ ra khỏi giá, giơ nó lên ánh sáng. Ít nhất có ba mươi viên thuốc bên trong, có khi nhiều hơn. Cô để nó trở lại giá.

Tất cả chỉ đơn giản như việc đăng ký thuê phòng trong một khách sạn. Có

thể chỉ đơn giản như thế. Thử nghĩ xem sẽ tuyệt vời làm sao khi không còn gì quan trọng nữa. Thử nghĩ xem sẽ tuyệt vời làm sao khi không còn lo lắng, đấu tranh, hay thất bại.

Sẽ thế nào nếu khoảnh khắc trong bữa tối - sự cân bằng, sự hoàn hảo nhỏ nhỏ ấy - là đủ? Sẽ thế nào nếu ta quyết định không muốn gì thêm nữa?

Cô đóng cửa tủ thuốc lại, cánh cửa sập vào khung cửa với tiếng “click” chắc chắn của kim loại. Cô nghĩ tới mọi thứ bên trong tủ thuốc, nằm trên những cái giá, giờ đã chìm trong bóng tối. Cô đi vào phòng ngủ, nơi chồng cô đang chờ. Cô cởi váy ra.

“Chào”, anh lên tiếng thật tự tin, thật dịu dàng, từ phía bên giường của mình.

“Anh thích chứ?” Cô hỏi.

“Tuyệt vời.” Anh kéo chăn ra đẹp chỗ cho cô, nhưng cô do dự, đứng bên giường, mặc trên người chiếc váy ngủ mỏng màu xanh. Dường như cô không thể cảm nhận được cơ thể mình, mặc dù cô biết nó đang ở đó.

“Thế thì tốt”, cô nói. “Em rất vui vì anh đã có một ngày dễ chịu.”

“Em lên giường chứ?” Anh nói.

“Vâng”, cô trả lời nhưng vẫn không nhúc nhích. Vào lúc này, cô chẳng là gì ngoài một trí tuệ đang bông bênh, thậm chí còn không phải là một bộ não nằm trong hộp sọ, chỉ là sự hiện hữu được cảm nhận, giống như một bóng ma. Phải, cô nghĩ, có lẽ cảm giác khi là một bóng ma chắc hẳn là như thế. Nó ít nhiều giống như đọc vậy, phải không nào - cũng là cảm giác hiểu biết về con người, sự sắp đặt, tình huống, trong khi chẳng hề sắm một vai cụ thể nào ngoài vai một người quan sát tự nguyện.

“Nào”, Dan nói sau một hồi. “Em lên giường chứ?”

“Vâng”, cô nói.

Ở ngoài xa, cô có thể nghe thấy một con chó đang sủa.

Bà Dalloway

Clarissa đặt bàn tay lên vai bà lão, như thể chuẩn bị tinh thần cho bà cụ trước một cú sốc tiếp theo. Sally, người đang đi phía trước họ xuống dọc lối đi, mở cửa ra.

“Chúng ta tới rồi”, Clarissa nói.

“Phải”, Laura đáp.

Khi họ bước vào trong căn hộ, Clarissa nhẹ nhõm khi thấy Julia đã dọn đồ nguội khai vị đi. Những bông hoa, tất nhiên, vẫn còn đó - lộng lẫy và ngây thơ, bùng nở từ các bình cắm hoa trong sự dồi dào hoang phí, ngẫu nhiên, vì Clarissa không thích sự sắp xếp. Bà thích những bông hoa trông như chúng vừa tới, thành từng ôm, từ cánh đồng.

Bên một bình cắm đầy hoa hồng, Julia ngủ trên trường kỷ với một cuốn sách để mở trong lòng. Trong khi đang ngủ, cô gái ngồi với vẻ nghiêm trang tới mức đáng ngạc nhiên, thậm chí đây uy quyền, vững chắc, hai vai thả lỏng, cả hai bàn chân đặt dưới sàn, đầu hơi cúi về phía trước, như thể đang cầu nguyện.

Lúc này, cô gái hoàn toàn có thể là một nữ thần nhỏ bé tới để an ủi những người đang lo sợ trước cái chết, tới ngồi đây với vẻ chắc chắn nghiêm trang, trù mến và thì thầm, từ trạng thái nhập định của mình, với những ai bước vào, “Không sao đâu, đừng sợ hãi, tất cả những gì bạn phải làm là chết đi”.

“Chúng tôi về rồi”, Sally nói.

Julia bừng tỉnh, chớp mắt và đứng dậy. Phép màu đã bị phá vỡ, Julia lại trở về là một cô gái. Sally sai bước vào trong phòng, hất áo khoác ra khỏi vai

trong lúc bước đi và trong thoáng chốc người ta có cảm giác như thể Clarissa và bà lão đang đứng e dè trong một phòng thay đồ, nấn ná lại, cẩn thận tháo găng tay ra, mặc dù ở đây chẳng có phòng thay đồ nào và họ cũng không đi găng tay.

Clarissa nói, “Julia, đây là bà Laura Brown”.

Julia bước lên trước, dừng lại cách Laura và Clarissa một khoảng. Con bé học được dáng bộ đàng hoàng và vẻ mặt này ở đâu nhỉ, Clarissa thầm tự hỏi. Con gái bà vẫn còn là một cô bé con.

“Cháu rất tiếc”, Julia nói.

Laura đáp, “Cảm ơn cháu”, với một giọng rõ ràng, bình tĩnh hơn Clarissa chờ đợi ở bà.

Laura là một bà lão hơi cồng, đã tám mươi tuổi hoặc hơn. Mái tóc của bà có màu xám của thép, sáng óng ánh; làn da trong mờ, có màu ngả vàng của giấy cũ, đầy những vết tàn nhang bé bằng đầu ghim. Bà mặc một chiếc váy hoa sẫm màu và đi một đôi giày mềm, loại các bà lão hay đi.

Clarissa dẫn bà vào trong phòng. Một thoáng im lặng trôi qua. Trong sự im lặng toát lên cảm giác rằng Clarissa, Sally và cả Laura đã tới, bồn chồn và căng thẳng, không hề biết ai, ăn mặc quá xuềnh xoàng, để dự một bữa tiệc do Julia tổ chức.

“Cảm ơn cháu đã dọn dẹp giúp, Julia”, Sally nói.

“Con đã gọi được cho hầu hết mọi người trong danh sách”, Julia nói. “Vài người có tới đây. Louis Waters.”

“Ôi, Chúa ơi. Ông ấy đã không nhận được lời nhắn của mẹ.”

“Và có hai phụ nữ, con không nhớ tên của họ nữa. Và còn một người khác, một người da đen, tên là Gerry gì đó.”

“Gerry Jarman”, Clarissa nói. “Có kinh khủng lắm không?”

“Gerry Jarman ổn cả. Louis thì có vẻ, mẹ biết đấy, suy sụp. Ông ấy nán lại gần một giờ đồng hồ. Con đã trò chuyện hồi lâu với ông ấy. Ông ấy dường như khá hơn khi rời khỏi đây. Có vẻ khá hơn.”

“Mẹ xin lỗi, Julia. Mẹ xin lỗi vì con đã phải đảm đương tất cả những việc này.”

“Không sao đâu. Đừng lo lắng cho con.”

Clarissa gật đầu. Bà nói với Laura, “Bác chắc phải mệt lắm rồi”.

“Tôi không dám chắc mình cảm thấy ra sao nữa”, Laura nói.

“Bác ngồi xuống đi”, Clarissa nói. “Bác có muốn ăn gì đó không?”

“Ồ, tôi không tin là vậy đâu. Cảm ơn cô.”

Clarissa dẫn Laura tới trường kỷ. Laura ngồi xuống một cách duyên dáng nhưng thận trọng, như thể bà rất mệt song không chắc chiếc trường kỷ có vững hay không.

Julia tới, đứng trước mặt Laura, cúi xuống ghé sát vào tai bà lão.

“Cháu sẽ chuẩn bị cho bà một tách trà”, cô nói. “Hoặc cà phê. Hoặc một ly brandy.”

“Một tách trà là được rồi. Cảm ơn cháu.”

“Bà thực sự nên ăn chút gì đó”, Julia nói. “Cháu dám cược bà chưa ăn gì từ khi ra khỏi nhà, đúng không nào?”

“À...”

Julia nói, “Cháu chỉ cần lấy vài thứ ra khỏi bếp thôi mà”.

“Thế thì tốt quá, cô bé thân mến”, Laura nói.

Julia đưa mắt nhìn Clarissa. “Mẹ”, cô nói. “Mẹ ở đây với bà Brown. Sally và con sẽ đi xem chúng ta có gì.”

“Được thôi”, Clarissa nói. Bà ngồi xuống trường kỷ bên cạnh Laura. Bà chỉ đơn giản làm theo những gì con gái bảo và nhận ra trong đó một cảm giác nhẹ nhõm đáng ngạc nhiên. Có thể, bà nghĩ, người ta sẽ bắt đầu chết trong cảnh này đây: sự chăm lo của một cô con gái đã lớn, sự tiện nghi của một căn phòng. Vậy thì đây chính là tuổi già. Đây là những niềm an ủi nhỏ, cây đèn bàn và cuốn sách. Đây là thế giới, ngày càng được kiểm soát nhiều hơn bởi những người không phải là bạn; những người sẽ làm việc đó một cách xuất sắc hay tệ hại; những người không muốn nhìn vào bạn khi đi ngang qua bạn ngoài đường.

Sally nói với Clarissa, “Có vẻ không hay khi ăn đồ dành cho bữa tiệc? Chúng vẫn còn nguyên cả đây”.

“Chị không nghĩ thế”, Clarissa nói. “Chị nghĩ Richard sẽ tán thưởng việc đó.”

Bà lo lắng nhìn Laura. Laura mỉm cười, ghì chặt lấy hai khuỷu tay, dường như đang nhìn thứ gì đó trên mũi giày của mình.

“Phải”, Laura nói. “Tôi nghĩ chắc nó sẽ tán thưởng, đúng thế.”

“Vậy thì được rồi”, Sally nói. Bà và Julia đi vào bếp.

Theo đồng hồ, lúc này đã quá nửa đêm mười phút. Laura ngồi với vẻ nghiêm nghị, môi mím chặt, mắt nhắm hờ. Clarissa thầm nghĩ bà chỉ đang đợi cho giờ khắc này đi tới hồi kết. Bà đang đợi tới khi có thể được ở một mình trên giường.

Clarissa nói, “Bác có thể lên giường đi nghỉ luôn nếu bác muốn. Phòng dành cho khách ở ngay cuối lối đi”.

“Cảm ơn cô”, Laura nói. “Lát nữa tôi sẽ đi nghỉ.”

Họ lại ngồi im lặng lần nữa, một thứ im lặng không thân thiết, cũng chẳng hề đặc biệt khó chịu. Vậy là bà đang ở đây, Clarissa nghĩ; đây là người phụ nữ trong những bài thơ của Richard. Đây là người mẹ đã mất, kẻ tự sát bị phá ngang; đây là người phụ nữ đã bỏ đi. Quả thực vừa thật sốc vừa khiến người ta cảm thấy được an ủi khi một nhân vật như thế hóa ra là một bà già có dáng vẻ bình thường đang ngồi trên trường kỷ với hai bàn tay đặt trong lòng.

Clarissa nói, “Richard là một người đàn ông tuyệt vời”.

Bà lập tức thấy ân hận. Vậy là màn ngợi khen nho nhỏ đã bắt đầu, một người đã chết vừa được đánh giá lại như một công dân đáng kính, một con người từng có nhiều việc làm tốt, một người đàn ông tuyệt vời. Bà nói những chuyện đó ra làm gì? Để an ủi một bà lão và để làm cho mình trở nên đáng mến. Và, được rồi, bà nói thế để thể hiện lời xác nhận của mình với người đã khuất: *Tôi biết anh ấy rất rõ, tôi sẽ là người đầu tiên đánh giá đúng anh ấy.* Vào lúc này, bà muốn yêu cầu Laura Brown lên giường đi nghỉ, đóng cửa lại, rồi ở trong phòng mình tới sáng.

“Phải”, Laura nói. “Và nó cũng là một nhà văn tuyệt vời, phải không nào?”

“Bác đã đọc những bài thơ đó?”

“Tôi đã đọc. Và cả cuốn tiểu thuyết.”

Vậy là bà ấy biết. Bà ấy biết tất cả về Clarissa và cũng biết chính bản thân mình, Laura Brown, là bóng ma và vị nữ thần trong một mảnh thần thoại riêng tư nho nhỏ được đưa ra công chúng (nếu “công chúng” không phải là một khái niệm quá lớn dành cho một nhóm nhỏ cứng đầu những người đọc thơ còn sót lại). Bà biết bà đã được tôn thờ và ghét bỏ, bà biết bà đã ám ảnh một người đàn ông, người rất có thể, theo cách hoàn toàn hình dung được, đã chứng minh mình là một nghệ sĩ. Bà ngồi đây, khuôn mặt lấm chấm tàn

nhang, trong một chiếc váy hoa. Bà nói thật bình thản, về con trai mình, rằng ông là một nhà văn tuyệt vời.

“Phải”, Clarissa nói, không thể tự chủ được. “Anh ấy là một nhà văn tuyệt vời.” Bà còn biết nói gì khác nữa?

“Cô không phải là người biên tập cho nó, đúng không?”

“Không. Chúng cháu quá gần gũi. Làm thế có lẽ sẽ quá phức tạp.”

“Phải, tôi hiểu.”

“Các biên tập viên cần có mức độ khách quan nhất định.”

“Tất nhiên rồi.”

Clarissa có cảm giác như đang ngộp thở. Làm sao chuyện này lại khó khăn đến vậy? Tại sao lại không thể nói chuyện thẳng thắn với Laura Brown, không thể hỏi những câu hỏi quan trọng? Mà những câu hỏi quan trọng là gì đây?

Clarissa nói, “Cháu đã cố để ý tới anh ấy”.

Laura gật đầu. Bà nói, “Tôi ước gì mình đã có thể làm tốt hơn”.

“Cháu cũng ước thế.”

Laura đưa tay ra nắm lấy bàn tay Clarissa. Dưới da tay của Laura, phập phồng sống động, là các đoạn xương và khớp xương, những mạch máu.

Laura nói, “Chúng ta đã làm những gì tốt nhất có thể. Đó là tất cả, phải không?”.

“Vâng, đúng thế”, Clarissa nói.

Vậy là Laura Brown, người phụ nữ đã cố gắng tìm đến cái chết và không thành công, người phụ nữ từng trốn chạy khỏi gia đình, vẫn còn sống trong

khi tất cả những người khác, tất cả những người đã cố gắng để sống sót sau sự ra đi của bà, đều đã chết. Giờ đây bà vẫn còn sống, sau khi chồng cũ của bà đã bị bệnh ung thư gan mang đi, sau khi con gái bà đã bị một tài xế say rượu giết chết. Bà vẫn còn sống sau khi Richard đã nhảy từ một khung cửa sổ xuống một bãi thủy tinh vỡ.

Clarissa nắm lấy bàn tay bà lão. Bà còn biết làm gì đây?

Clarissa nói, “Cháu không biết Julia có nhớ pha trà cho chúng ta không nữa”.

“Tôi chắc là có.”

Clarissa đưa mắt qua khung cửa kính nhìn xuống khoảng vườn khiên tốn. Bà và Laura Brown đang phản chiếu, không được hoàn hảo lắm, trên mặt kính đen. Clarissa nghĩ tới Richard trên bậu cửa sổ; Richard buông người ra; không phải nhảy, mà là trượt đi như thể từ trên một tầng đá xuống nước. Nó giống thế nào nhỉ, khoảnh khắc ông ra khỏi căn hộ tối tăm của mình và được giải phóng? Nó giống thế nào khi nhìn xuống con hẻm phía dưới, với những thùng rác màu xanh và nâu, với những mảnh thủy tinh vỡ màu hổ phách? Liệu nó có thể là một thứ khoái cảm nào đó khi đập mạnh xuống nền bê tông và cảm thấy (liệu ông từng cảm thấy trong khoảnh khắc?) xương sọ vỡ toác ra, tất cả xung lực, tất cả những đốm sáng nho nhỏ của nó tràn ra ngoài? Có lẽ, Clarissa nghĩ, không đau đớn lắm. Có thể đã có ý nghĩ về sự đau đớn, cú sốc đầu tiên nó gây ra và sau đó - bất cứ điều gì tiếp theo.

“Cháu sẽ đi xem thế nào”, bà nói với Laura. “Cháu sẽ quay lại ngay.”

“Được rồi”, Laura nói.

Clarissa đứng dậy, hơi chệnh choáng một chút và đi vào bếp. Sally và Julia đã lấy đồ ăn từ trong tủ lạnh ra và bày lên mặt bàn. Có những miếng ức gà nướng xếp vòng xoắn ốc ngả màu vàng rộm, được cắm sẵn que xiên bằng gỗ, xếp quanh một bát lạc xốt. Có những chiếc bánh rắc hành nhỏ. Có tôm hấp và những miếng cá ngừ vuông vắn màu đỏ tươi phết wasabi. Có những

miếng cà nướng hình tam giác sẫm màu, những miếng sandwich tròn với bánh mì nâu và lá rau diếp xoắn ở cuối cuống có phết những chấm pho mát dê và quả óc chó được bổ sẵn. Có những chiếc bát nông lòng đựng đầy rau sống. Và trên chiếc đĩa đất nung là món cua Clarissa đã tự làm dành cho Richard, vì đây là món ông ưa thích.

“Chúa ơi”, Clarissa nói. “Hãy nhìn tất cả những thứ này xem.”

“Dự kiến có năm mươi người”, Sally nói.

Họ đứng đó trong khoảnh khắc, cả ba người, trước những chiếc đĩa đầy ắp đồ ăn. Những đồ ăn có vẻ thật tinh khiết, không thể đụng vào; chúng hoàn toàn có thể là một màn trưng bày hiện vật. Trong thoáng chốc, Clarissa cảm thấy dường như các món ăn - những thực thể chóng hỏng - sẽ vẫn lưu lại đây sau khi bà và những người khác đã biến mất; sau khi tất cả họ, kể cả Julia, đã chết. Clarissa hình dung ra những món đồ ăn vẫn sẽ ở đây, vẫn tươi mới theo một cách nào đó, không bị đụng đến, trong khi bà và những người khác rời khỏi những căn phòng này, từng người một, mãi mãi.

Sally dùng hai tay nâng đầu Clarissa. Bà hôn lên trán Clarissa thật kiên quyết và thành thạo, theo cách khiến Clarissa nghĩ tới việc dán tem lên một lá thư.

“Hãy lấy đồ ăn cho mọi người và đi ngủ”, bà nhẹ nhàng nói, sát vào tai Clarissa. “Đã đến lúc ngày hôm nay kết thúc rồi.”

Clarissa bóp vai Sally. Bà có thể nói, “Chị yêu em”, nhưng tất nhiên Sally biết. Sally đáp lại lên cánh tay Clarissa.

“Phải”, Clarissa nói. “Đã đến lúc rồi.”

Dường như vào khoảnh khắc đó, Richard bắt đầu thực sự rời bỏ thế giới. Với Clarissa, đây là một cảm giác gần như một cái đẩy thật nhẹ nhưng không thể đảo ngược được, giống như một ngọn cỏ bị nhổ lên khỏi mặt đất. Chỉ lát nữa thôi, Clarissa sẽ ngủ, không bao lâu nữa tất cả những người từng

biết ông sẽ ngủ và họ sẽ thức dậy sáng ngày mai để nhận ra ông đã gia nhập vào vương quốc của cái chết. Bà tự hỏi có phải liệu sáng mai sẽ đánh dấu không chỉ đoạn kết cuộc đời trần thế của Richard, mà cả điểm khởi đầu hồi kết cho thơ của ông nữa. Nói cho cùng, có quá nhiều những cuốn sách. Một số, rất ít, là những cuốn sách hay và trong số rất ít đó, chỉ vài cuốn trụ lại được. Rất có thể những cư dân của tương lai, những con người còn chưa ra đời, sẽ đọc những khúc bi thương của Richard, những lời than thở theo vần điệu thật đẹp của ông, sự dâng hiến tình yêu và thịnh nộ một cách nghiêm khắc không hề ủy mị, nhưng nhiều khả năng hơn thế là những cuốn sách của ông đã biến mất từ lâu cùng mọi thứ khác. Clarissa, nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết, sẽ biến mất, cũng như Laura Brown, người mẹ thất lạc, người đàn bà bị đọa đày và cũng là kẻ tàn ác.

Phải, Clarissa nghĩ, đã đến lúc ngày hôm nay chấm dứt. Chúng ta vứt bỏ những bữa tiệc của mình; chúng ta từ bỏ gia đình để tới sống một mình tại Canada; chúng ta vật lộn vất vả để viết ra những cuốn sách chẳng hề làm thay đổi thế giới, bất chấp tài năng và nỗ lực không ngừng nghỉ, những hy vọng nông công cuồng nhất của chúng ta. Chúng ta sống cuộc đời của mình, làm bất cứ việc gì chúng ta làm và rồi chúng ta ngủ - chỉ đơn giản và bình thường như thế. Một số nhảy qua cửa sổ, trầm mình hay uống thuốc ngủ; nhiều hơn thế là chết vì tai nạn; và phần lớn chúng ta, đang dần dà bị gặm nhấm bởi bệnh tật, hoặc nếu chúng ta cực kỳ may mắn, bị gặm nhấm bởi chính thời gian. Chỉ còn lại duy nhất điều an ủi này: vào lúc này hay lúc khác, khi cuộc đời của chúng ta dường như, bất chấp mọi trắc trở và kỳ vọng, mở toang ra và đem tới cho chúng ta mọi thứ ta từng tưởng tượng, mặc dù tất cả mọi người, trừ những đứa trẻ (và thậm chí cả chúng nữa) biết, sau những thời khắc như thế, tất yếu sẽ phải tới những thời khắc khác, tối tăm và khó khăn hơn nhiều. Dầu vậy, chúng ta vẫn yêu mến thành phố; chúng ta hy vọng, nhiều hơn bất cứ gì khác là có được nhiều hơn nữa.

Chỉ có thiên đường mới biết tại sao chúng ta yêu nó đến vậy.

Vậy thì đây là bữa tiệc, vẫn đang được bày ra; đây là những bông hoa, vẫn còn tươi mới; mọi thứ sẵn sàng chờ đợi những vị khách, mà hóa ra cuối

cùng chỉ có bốn người. Hãy tha thứ cho chúng tôi, Richard. Nói cho cùng, thực ra đây là một bữa tiệc. Bữa tiệc cho người-vẫn-chưa-chết; cho người vẫn còn chưa bị tổn thương; cho những người, vì những lý do bí ẩn, đã có may mắn còn được sống.

Quả thực, đó là một may mắn lớn.

Julia nói, “Theo mẹ con có nên chuẩn bị một đĩa cho mẹ Richard không?”.

“Không”, Clarissa nói. “Mẹ sẽ mời bà ấy vào.”

Bà quay ra phòng khách, tới bên Laura Brown. Laura uể oải mỉm cười nhìn Clarissa - liệu ai có thể biết bà đang nghĩ gì hay cảm thấy gì? Vậy là bà đang ở đây; người phụ nữ của phần uất và phiền muộn, của sự bi ai, của sự quyến rũ chói lóa; người phụ nữ phải lòng cái chết; nạn nhân và kẻ hành hạ đã ám ảnh những sáng tác của Richard. Ở đây, ngay đây trong căn phòng này, là người được yêu quý; kẻ phản bội. Đây là một bà lão, một thủ thư đã nghỉ hưu từ Toronto tới, đi một đôi giày dành cho các bà già.

Và còn đây là bà, chính bà, Clarissa, không còn là bà Dalloway nữa; giờ sẽ không còn ai gọi bà như thế. Đây chính là bà, với một giờ nữa đợi chờ phía trước.

“Mời bác vào, bác Brown”, bà nói. “Mọi thứ đã sẵn sàng.”

Lời cảm ơn

Tôi đã nhận được rất nhiều giúp đỡ trong việc biên tập lại cuốn sách này từ Jill Ciment, Judy Clain, Joel Conarroe, Stacey D'Erasmus, Bonnie Friedman, Marie Howe và Adam Moss. Nghiên cứu, lời khuyên về kỹ thuật, cùng nhiều hình thức trợ giúp khác đã được Dennis Dermody, Paul Elie, Carmen Gomezplata, Bill Hamilton, Ladd Spiegel, John Waters và Wendy Welker cung cấp một cách hào phóng. Người đại diện của tôi, Gail Hochman và phụ trách xuất bản, Jonathan Galassi, quả là những vị thánh thể tục. Tracy O'Dwyer và Patrick Giles đã tạo ra cảm hứng chung, thông qua việc đọc cuốn sách một cách sâu sắc và hăng hái. Bố mẹ và em gái tôi cũng là những độc giả tuyệt vời. Donna Lee và Cristina Thorson vẫn là những người không thể thiếu.

Three Lives & Company, một cửa hàng sách do Jill Dunbar và Jenny Feder sở hữu và quản lý, thực sự là một nơi thiêng liêng và với tôi, đó là trung tâm của vũ trụ văn minh. Đã từ lâu đây là nơi đáng tin cậy nhất.

Tôi đã nhận được tài trợ từ Engelhard Foundation và trợ cấp từ Mrs. Giles Whiting Foundation, cả hai đều rất có ý nghĩa.

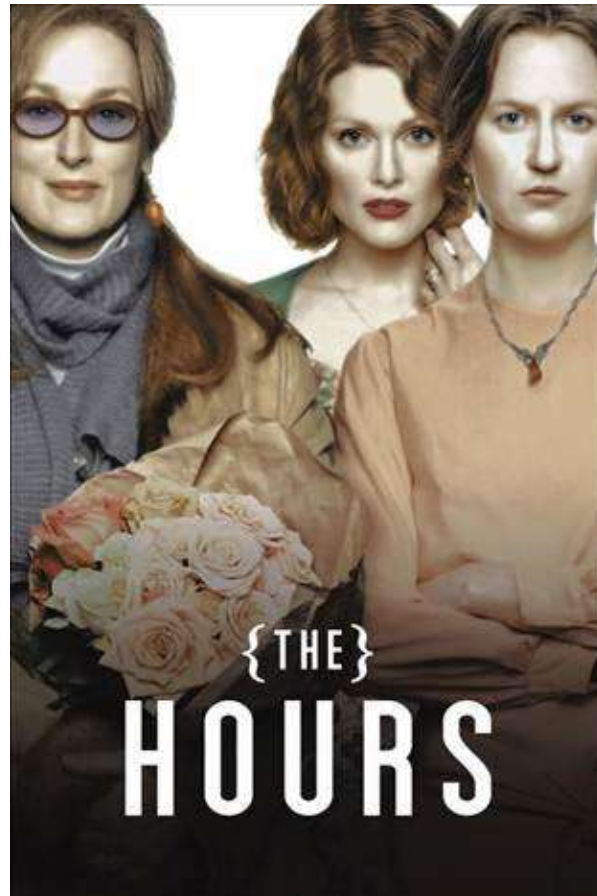
Tôi chân thành biết ơn tất cả.

Ghi chú về các nguồn tham khảo

Trong khi Virginia Woolf, Leonard Woolf, Vanessa Bell, Nelly Boxhall và những người khác có thực ngoài đời xuất hiện trong cuốn sách này trong vai trò các nhân vật hư cấu, tôi đã cố gắng tạo dựng lại chính xác nhất có thể các đặc tính trong cuộc sống của họ vào một ngày năm 1923. Tôi tìm kiếm thông tin dựa vào một số nguồn, nhiều nhất là từ hai cuốn tiểu sử: *Virginia Woolf: A Biography* của Quentin Bell và *Virginia Woolf* của Hermione Lee. Đóng vai trò vô cùng quan trọng là *Virginia Woolf: The Impact of Childhood Sexual Abuse on Her Life and Work* của Louise de Salvo, *Virginia Woolf* của James King, *Selected Letters of Vanessa Bell* do Regina Marler biên tập, *Woman of Letters: A Life of Virginia Woolf* của Phyllis Rose, *A Marriage of True Minds: An Intimate Portrait of Leonard and Virginia Woolf* của George Spater và Ian Parsons và *Beginning Again: An Autobiography of the Years 1911 to 1918* và *Downhill All the Way: An Autobiography of the Years 1919 to 1939* của Leonard Woolf. Một chương về *Mrs. Dalloway* trong cuốn sách của Joseph Boone *Libidinal Currents: Sexuality and the Shaping of Modernism* đã soi sáng cho tôi rất nhiều, cũng như một bài báo của Janet Malcolm, “A House of One's Own”, xuất hiện trên tờ *The New Yorker* năm 1995. Tôi cũng đã học được rất nhiều từ những lời giới thiệu trong nhiều bản in khác nhau của *Mrs. Dalloway*: Maureen Howard trong bản in của Harcourt Brace & Co., Elaine Showalter trong bản in của Penguin và Claire Tomalin trong bản in của Oxford. Tôi rất cảm ơn Anne Olivier Bell về việc sưu tập và biên tập lại nhật ký của Woolf, Andrew McNeillie vì đã hỗ trợ bà và Nigel Nicolson cũng như Joanne Trautman về việc sưu tập và biên tập thư tín của Woolf. Khi tôi tới thăm Monk's House tại Rodmell, Joan Jones đã rất lịch thiệp và cung cấp nhiều thông tin hữu ích.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

HẾT



tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

[1] Tế bào lympho T (tế bào trình diện kháng nguyên), có vai trò quan trọng trong hệ thống miễn dịch. Những trường hợp thiếu tế bào này (như hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS) sẽ gây ra các tình trạng bệnh lý trầm trọng.

[2] Người không chịu theo khuôn phép xã hội, tự do phóng túng.

[3] Washington Square Arch, một cổng vòm được xây dựng ở quảng trường Washington tại New York năm 1895.

[4] Bài hát của nhóm nhạc Rock The Byrd, được ra đĩa đơn lần đầu năm 1966.

[5] Một khu vực ở Manhattan, New York.

[6] Hay Greenwich Village, một khu vực ở New York, có trung tâm là quảng trường Washington.

[7] Phong cách đồ nội thất và trang trí phổ biến của tầng lớp trung lưu tại Đức vào thế kỷ XIX.

[8] Anna Magnani (1908 - 1973): nữ diễn viên người Italia, từng giành giải Oscar cho Nữ diễn viên xuất sắc nhất năm 1955.

[9] Nữ diễn viên người Mỹ, đoạt giải Oscar cho Nữ diễn viên chính xuất sắc năm 1982 và giải Oscar cho Nữ diễn viên phụ năm 1979.

[10] Nữ diễn viên kịch, điện ảnh người Anh, từng đoạt giải Oscar cho Nữ diễn viên phụ năm 1978.

[11] Rembrandt Harmenszoon van Rijn (1606 - 1669): danh họa người Hà Lan.

[12] Diego Rodríguez de Silva y Velázquez (1599 - 1660): danh họa người Tây Ban Nha.

[13] 1 stone = 6,342 kg.

[14] Loại cửa sổ bắt đầu từ sàn nhà cao tới sát trần, thường mở ra ban công.

[15] Âm chỉ đến Thế chiến thứ hai mới kết thúc năm 1945.

[16] Nơi diễn ra trận đánh ác liệt khi quân Đồng Minh đổ bộ lên Italia năm 1943.

[17] Một tỉnh của Hy Lạp.

[18] Hai hòn đảo trên Thái Bình Dương, nơi diễn ra những trận đánh đẫm máu giữa quân đội Mỹ và quân đội Nhật trong Thế chiến thứ hai.

[19] Virginia Woolf (25/1/1882 - 28/3/1941) là một tiểu thuyết gia và nhà văn tiểu luận người Anh, bà được coi là một trong những nhà văn lừng danh nhất thế kỉ XX.

[20] Một nhãn hiệu thuốc lá.

[21] Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (6/3/1475 - 18/2/1564), thường được gọi là Michelangelo, là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kỹ sư thời kỳ Phục hưng.

[22] Một giống ngựa lông vàng với lông bờm và đuôi sáng màu.

[23] 1 foot = 0,3 m.

[24] Savantism: một hội chứng mà người mắc phải có những khiếm khuyết nhất định về phát triển toàn diện nhưng lại có năng khiếu nổi trội bất thường về một lĩnh vực cụ thể như âm nhạc, toán học...

[25] L & J.G. Stickley: Một hãng đồ gỗ có trụ sở tại New York (Mỹ).

[26] Một món ăn gồm bánh nướng xốp trên có đặt thịt muối, trứng chần và xốt trắng.

[27] Hồ nước ở công viên Hyde, London.

[28] Một khu thương mại bán đồ cao cấp ở đường Brompton, London.

[29] 1 inch = 2,54 cm.

[30] Paul Bunyan, một nhân vật tiêu phu hư cấu nổi tiếng trong văn hóa dân gian Bắc Mỹ.

[31] Tạp chí phát hành hằng tháng tại Mỹ về trang trí nội thất, bắt đầu xuất bản từ năm 1920.

[32] Một thương hiệu chuyên sản xuất đồ bằng nhựa acrylic.

[33] Một nữ thi sĩ thời Hy Lạp cổ, sống vào khoảng cuối thế kỷ VII đầu thế kỷ VI trước công nguyên.

[34] Một loại hamburger bán tại các chuỗi nhà hàng McDonald.

[35] Alberto Giacometti (1901 - 1966): nhà điêu khắc, họa sĩ người Thụy Sĩ, nổi tiếng với những bức tượng người xương xẩu.

[36] Tên một sản phẩm khử mùi.

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>